



THERAVADA
PHẬT GIÁO NGUYÊN THỦY

THĂNG PHÁP TẬP YẾU LUẬN Hậu Sớ Giải

Tỳ khưu Khải Minh

PL. 2551 – DL. 2008

Lưu ý: Đọc với phông chữ [VU Times](#) (Viet-Pali Unicode)

Nhân dịp lễ quý kỵ của Ngài cố trưởng lão Bửu Hạnh, bậc có công gây dựng, phát triển Phật Giáo Nguyên Thủy lúc còn chưa được mọi người biết đến nói chung và với hàng Chư Tăng Phật Tử tại tịnh thất Mít Nài nói riêng, tôi xin dâng tặng đến quý vị dịch phẩm Thăng Pháp Tập Yếu Luận Hậu Sớ Giải của Ngài Giáo Thọ Sư Saddhamma Jotika.

Với phước báu phát sinh từ việc làm này, xin hồi hướng đến cố trưởng lão Bửu Hạnh cầu mong Ngài được thọ nhận để hằng được sự an vui, tấn hóa lâu dài.

Tỳ kkuu Khải Minh

Lời Tựa

Luân lưu trong khắp hệ sinh thái là vô vàng các pháp vận hành tự nhiên. Chúng không ngừng thay đổi chuyển biến liên tục tạo ra những khối hành sai biệt. Càng ngày chúng càng tinh tế rồi độc lập tự chỉnh sửa mình trở nên hoàn hảo theo tự tính. Để rồi ngày nay trên thế gian này hình thành một xã hội đa dạng. Tự thể bảo tồn tự thể. Chính vì thế mà mất đi cái nhìn thực tính. Xã hội còn lại là những con người thừa tự sự tích lũy của các sở hành sai biệt đó. Hạnh phúc và đau khổ cũng được phân biệt rõ ràng do thói thường luân tập.

Là những phần tử trong khối vận hành vô nghĩa này, chúng ta chấp nhận sự hạnh phúc và đau khổ như thế nào để tìm thấy được ý nghĩa của hạnh phúc mà chắc thật an lạc, khổ đau nhưng tự tại.

Quyển sách nhỏ này, được Ngài *Saddhamma Jotika* biên soạn bắt nguồn từ những trải trở, thương mình thương người dựa trên nền tảng lời dạy cách đây 2596 năm của đấng đại bi, khi Ngài đã liễu tri Tứ Diệu Đế dưới cội bồ đề.

NGÀI *Saddhamma Jotika* đã làm sáng tỏ con đường, vạch ra một lối sống lành mạnh mà không xa rời nguồn cội. Quyển sách này đây xin dâng tặng đến quý vị để nghiên cứu rồi tự chọn cho mình một phương pháp sống để tồn tại lành mạnh đứng nghĩa.

Với chủ tâm không làm lệch đi ý nghĩa bốn chánh biên soạn của ngài giáo thọ sư *Saddhamma Jotika* nên phần dịch thuật của tôi có phần cô đọng. Mong quý vị đọc giả cảm thông.

Do phước báu biên dịch này xin hồi hướng đến các bậc thầy tổ hữu ân đã quá vãng:

Thầy tế độ Nhiều Nhan (Phạm Kim *Brahamsuvanno*). Ngài cố trưởng lão Hộ Tông.

Ngài cố trưởng lão Tịnh Sự.

Ngài cố trưởng lão Giới Nghiêm.

Ngài cố trưởng lão Bửu Hạnh.

Ngài cố trưởng lão Giới Hương .

Ngài cố trưởng lão Pháp Minh...

Cùng thân bằng quyến thuộc trong các đời quá khứ cho đến đời nay. Nhất là cha là Huỳnh Văn Tư, mẹ là Nguyễn Kim Thị Huệ. Cầu xin cho tất cả đều được thọ lãnh quả phước để hàng được sự tấn hóa, an vui lâu dài.

Cũng với thiện sự nhỏ nhoi này xin cho tôi được viên mãn hạnh nguyện giải thoát trong ngày vị lai.

Tỳ kkuu Khải Minh

-ooOoo-

HẬU SỞ GIẢI THẮNG PHÁP TẬP YẾU LUẬN TÓM TẮT

PARAMATTHAJOTIKA MAHĀ ABHIDHAMMATTHASAṄGAHA ṬĪKĀ

CHƯƠNG 4 (quyển 2)

VITHĪMUTTASAṄGAHA

Namo tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa

Thắng Pháp Tập Yếu Luận Pāli và lời dịch

Kammacatukka (nhóm 4 nghiệp)

*

Trình bày 16 loại nghiệp phân thành 4 nhóm

1 - *Janakaṃ upathambhakaṃ upapīlakaṃ upaghātakañceti kiccavasena:*

Nghiệp nói theo phân sự có 4 loại:

- *Janakakamma* (sinh nghiệp): Nghiệp làm cho quả dị thực sanh lên.
- *Upatthambhakakamma* (trì nghiệp): Nghiệp trợ giúp ủng hộ cho các nghiệp khác
- *Upapīlakakamma* (chướng nghiệp): Nghiệp xen lẫn vào lấn áp các nghiệp khác.
- *Upaghātakakamma* (đoạn nghiệp): Nghiệp sanh vào cắt đứt các nghiệp khác hoặc cắt đứt quả của các nghiệp khác.

2 - *Garukaṃ āsannaṃ āciṇṇaṃ kaṭattākammañceti pākādānapariyāyena.*

Nghiệp cho quả theo tuần tự có 4 loại:

- *Garukakamma* (trọng nghiệp): Nghiệp nặng mà các nghiệp khác không thể ngăn cản được.
- *Āsannakamma* (cận tử nghiệp): Nghiệp diễn tiến xảy ra lúc gần chết.
- *Āciṇṇakamma* (thường nghiệp): Nghiệp quen làm thường xuyên.
- *Kaṭattākamma* (khinh tác nghiệp): Nghiệp không đủ sức mạnh bằng ba nghiệp trên hoặc nghiệp thường làm trong quá khứ.

3 - *Diṭṭhadhammavedanīyaṃ uppajjavedanīyaṃ aparāpariyavedanīyaṃ ahoṣikammañceti pākakālavasena cattāri kammāni nāma.*

Nghiệp cho quả theo thời gian có 4 loại:

- *Diṭṭhadhammavedanīyakamma* (hiện báo nghiệp): Nghiệp cho quả trong kiếp hiện tại.
- *Uppajjavedanīyakamma* (sinh báo nghiệp): Nghiệp cho quả trong kiếp thứ hai.
- *Aparāpariyavedanīyakamma* (hậu báo nghiệp): Nghiệp cho quả trong kiếp thứ ba... cho đến khi Níp Bàn.
- *Ahosikamma* (vô hiệu nghiệp): Nghiệp không cho quả.

4 - *Tathā akusalaṃ kāmāvacarakusalaṃ rūpavacarakusalaṃ arūpavacarakusalañceti pākaṭṭhānavasena.*

Nghiệp nói theo lãnh vực cho quả có 4 loại:

- *Akusalakamma* (Nghiệp bất thiện).
- *Kāmāvacarakusalakamma* (Nghiệp thiện dục giới).
- *Rūpavacarakusalakamma* (Nghiệp thiện sắc giới).
- *Arūpavacarakusalakamma* (Nghiệp thiện vô sắc giới).

Trình bày phân tích nghiệp bất thiện theo ba môn

5 - *Tattha akusalaṃ kāyakammaṃ vacīkammaṃ manokamañceti kammadvāravasena tividhaṃ hoti ...*

Trong cả 4 loại nghiệp nói theo lãnh vực cho quả sinh lên thì bất thiện nghiệp làm nhân cho thành tựu hành động có ba loại:

1. Thân nghiệp.
2. Ngữ nghiệp.
3. Ý nghiệp.

**** Thân Nghiệp Có 3***

6 - *Kathaṃ? pāṇātipāto adinnādānaṃ kāmesumicchācāro ceti kāyaviññattisaṅkhāte kāyadvāre bahullavuttito kāyakammaṃ nāma.*

Bất thiện nghiệp nói theo mãnh lực làm nhân cho thành tựu hành động có ba loại như thế nào?

- Sát sanh.
- Trộm cắp.
- Tà dâm.

Ba loại này gọi là thân nghiệp do sinh lên từ thân môn phần nhiều là *thân biểu tri* (*Kāyaviññatti*).

**** Khẩu Nghiệp Có 4***

7 - *Mūsāvādo piṣuṇavācā pharusavācā samphappalāpo ceti vacīviññattisaṅkhāte vacīdvāre bahullavuttito vacīkammaṃ nāma.*

- Nói dối.
- Nói đâm thọc.

- Nói thô tục.

- Nói lời vô ích.

Cả bốn loại này gọi là ngữ nghiệp do sanh lên từ ngữ môn phần nhiều là *ngữ biểu tri (Vacīviññatti)*.

* *Ý Nghiệp Có 3*

8 - *Abhijjhā byāpādo micchādīṭṭhi ceti aññatrāpi viññattiyā manasmī yeva bāhullavuttito manokammaṃ nāma.*

Sự ham muốn nhắm đến tài sản của người khác bằng cách phi pháp (tham ác).

Sự suy nghĩ hãm hại người khác (sân ác).

Sự hiểu sai (tà kiến ác).

Cả ba loại này gọi là ý nghiệp. Bởi vì ngoài thân nghiệp, ngữ nghiệp ra phần nhiều sanh lên từ ý môn.

*

Trình bày nhân sở sanh của thập bất thiện nghiệp đạo

9 - *Tesu pāṇātipāto pharusavācā byāpādo ca dosamūlena jāyanti.*

Trong thập bất thiện nghiệp đạo:

- Sát sanh.
- Nói thô tục.
- Sân ác.

Cả ba sanh lên do tâm sân.

10 - *Kāmesumicchācāro abhijjhā micchādīṭṭhi ca lobhamūlena.*

- Tà dâm.
- Tham ác.
- Tà kiến ác.

Cả ba sanh lên do tâm tham.

11 - *Sesāni cattāripi dvīhi mūlehi sambhavanti.*

Bốn bất thiện nghiệp đạo còn lại:

- Trộm cắp.
- Nói dối.
- Nói đâm thọc.
- Nói lời vô ích.

Sanh lên do tâm tham hoặc tâm sân.

12 - *Cittuppādasena panetaṃ akusalaṃ sabbathāpi dvādasavidhaṃ hoti.*

Bất thiện nghiệp này, nói theo mãnh lực tâm sanh lên cho dù theo cách thức nào đi nữa, cũng chỉ có 12 tâm.

*

Thiện nghiệp dục giới có ba loại

13 - *Kāmāvacarakusalampi kāyadvāre pavattaṃ kāyakammaṃ, vacīdvāre pavattaṃ vacīkammaṃ manodvāre pavattaṃ manokammañceti kammadvārasena tividhaṃ hoti.*

Thiện nghiệp dục giới nói theo nghiệp môn cũng có ba loại:

- Thân nghiệp sanh từ thân môn.
- Ngữ nghiệp sanh từ ngữ môn.
- Ý nghiệp sanh từ ý môn.

14 - *Tathā dānasīlabhāvanāvasena.*

Thiện nghiệp dục giới nói theo loại thì bố thí, trì giới, tu tiến, cũng có ba loại giống như vậy.

15 - *Cittuppādasena panetaṃ aṭṭhavidhaṃ hoti.*

Thiện nghiệp dục giới nói theo mãnh lực tâm sanh lên cũng chỉ có tám.

*

Thập phước nghiệp sự

16 - *Dāna sīla bhāvanā apacāyana veyyāvacca pattidāna pattānumodana dhammassavana dhammadesanā diṭṭhiyukammavasena dasavidhaṃ hoti.*

- *Dāna*: Bố thí.
- *Sīla*: Trì giới.
- *Bhāvanā*: Tu tiến Chi Tĩnh, Minh Sát.
- *Apacāyana*: Cung kính bằng thân hoặc bằng ngữ đối với bậc thượng đức và cao niên.
- *Veyyāvacca*: Phục vụ giúp đỡ công việc cho người hoặc nơi xứng đáng.
- *Pattidāna*: Hồi hướng phước.
- *Pattānumodana*: Tùy hỷ phước.
- *Dhammassavana*: Thính pháp.
- *Dhammadesanā*: Thuyết pháp.
- *Diṭṭhiyukamma*: Chính đốn sự hiểu biết cho được chính chắn.

17 - *Taṃ panetaṃ vīsatividhampi kāmāvacarakammamicceva saṅkhaṃ gacchati.*

Mười hai nghiệp bất thiện, tám nghiệp thiện, gom cả hai mươi nghiệp lại gọi là nghiệp dục giới.

*

Thiện nghiệp sắc giới có năm loại

18 - *Rūpavacarakuṣalaṃ pana manokammameva tañca bhāvanāmayam appanāpattam jhānaṅgabhedenā pañcavidhaṃ hoti.*

Còn thiện nghiệp sắc giới chỉ thuần nhất ý nghiệp. Ý nghiệp thường thành tựu do tu tiến để đạt đến kiên cố thiền. Nói theo chi thiền có năm chi.

*

Thiện nghiệp vô sắc giới có bốn loại

19 - *Tathā arūpāvacarakusalañca manokammaṃ tampi bhāvanāmayam appanāpattam ārammaṇabhedenā catubbidham hoti .*

Thiện nghiệp vô sắc giới chỉ thuần nhất ý nghiệp. Ý nghiệp này thường thành tựu do tu tiến đạt đến kiên cố thiền. Nói theo cảnh có bốn loại.

*

Phân tích 20 nghiệp dục giới cho quả sanh lên trong 11 cõi trong thời Tục sinh & thời bình nhật

20 - *Etthākusalamamuddhaccarahitam apāyabhūmiyam paṭisandhim janeti, pavattiyam pana sabbampi dvādasavidham sattākusalapākāni sabbatthāpi kāmaloke rūpaioke ca yathāraham vipaccati...*

Trong bốn loại nghiệp thì mười một bất thiện nghiệp (trừ bất thiện nghiệp câu hành phóng dật) cho quả tái tục và sắc nghiệp trong bốn cõi khổ. Nhưng thời bình nhật cả mười hai bất thiện nghiệp đó cho bảy quả bất thiện trong mười một cõi dục giới và mười lăm cõi sắc giới (trừ cõi Vô Tướng).

21- *Kāmāvacarakusalampi kāmasugatiyameva paṭisandhim janeti, tathā pavattiyañca mahāvīpākāni ahetukavīpākāni pana aṭṭhapi sabbatthāpi kāmaloke rūpaloke ca yathāraham vipaccati...*

Riêng tám thiện nghiệp dục giới cho quả tái tục và sắc nghiệp sanh lên trong bảy cõi vui dục giới. Trong thời bình nhật tám thiện nghiệp dục giới cho tám tâm đại quả sanh trong bảy cõi vui dục giới. Nhưng cho tám quả thiện vô nhân sanh trong mười một cõi dục giới và mười lăm cõi sắc giới (trừ cõi Vô Tướng).

*

Trình bày phân tích quả của đại thiện tam nhân bậc thượng... trong thời bình nhật & thời tái tục

22 - *Tatthāpi tihetukamukkaṭṭham kusalam tihetukam paṭisandhim datvā pavatte soḷasa vipākāni vipaccati...*

Trong tám nghiệp thiện dục giới, nghiệp thiện tam nhân bậc thượng cho quả tái tục tam nhân và cho mười sáu dị thực quả trong thời bình nhật.

23 - *Tihetukamomakam dvihetukamukkaṭṭhañca kusalam dvihetukam paṭisandhim datvā pavatte tihetukarahitāni dvādasa vipākāni vipaccati...*

Thiện nghiệp tam nhân bậc hạ và nhị nhân bậc thượng cho quả tái tục nhị nhân và mười hai tâm dị thực quả (trừ bốn tâm đại quả tương ưng trí sanh lên trong thời bình nhật).

24 - *Dvihetukamomakam pana kusalam ahetukameva paṭisandhim deti pavatte ca ahetukavīpākāneva vipaccati...*

Còn thiện nghiệp nhị nhân bậc hạ cho quả tái tục loại quả thiện vô nhân và cho 8 tâm dị thực quả thiện vô nhân sanh lên trong thời bình nhật mà thôi.

*

Kệ ngôn tóm lược trình bày ý kiến của một nhóm vị A xà lê (trưởng lão mahādatta ngụ trong trú xứ moravāpī)

25 - *Asaṅkhāram sasāṅkhāra Vipākāni na paccati*

Sasāṅkhāramasaṅkhāra Vipākānīti kecana

Trong nhóm vị A xà lê có trưởng lão Mahādatta nói rằng:

"Thiện nghiệp vô trợ không cho quả hữu trợ và thiện nghiệp hữu trợ không cho quả vô trợ".

26 - *Tesaṃ dvādasa pākāni Dasāṭṭha ca yathākkamaṃ*

Yathāvuttānusārena Yathāsambhavamuddise

Trình bày số lượng dị thực quả của thiện nghiệp dục giới theo lời nói của một nhóm vị A xà lê cùng quan điểm như đã đề cập trên, tức 12 - 10 - 8 tâm dị thực quả.

*

Phân tích năm thiện nghiệp sắc giới cho quả sanh lên trong mười sáu cõi

27 - *Rūpāvacarakusalaṃ pana paṭhamajjhānaṃ parittaṃ bhāvetvā brahmapārisajjesu uppajjati...*

Còn thiện nghiệp sắc giới khi tu tiên sơ thiên bậc hạ thì cho quả sanh lên cõi Phạm Chúng Thiên.

28 - *Tadeva majjhimaṃ bhāvetvā brahmapurohitesu...*

Khi tu tiên sơ thiên bậc trung thì cho quả sanh lên cõi Phạm Phụ Thiên.

29 - *Paṇītaṃ bhāvetvā mahābrahmesu...*

Khi tu tiên sơ thiên bậc thượng thì cho quả sanh lên cõi Đại Phạm Thiên.

30 - *Tathā dutiyajjhānaṃ tatiyajjhānaṃ parittaṃ bhavavetvā parittābhesu...*

Khi tu tiên nhị thiên hay tam thiên bậc hạ thì cho quả sanh lên cõi Thiếu Quang Thiên.

31 - *Majjhimaṃ bhavetvā appamāṇābhesu...*

Khi tu tiên nhị thiên hay tam thiên bậc trung thì cho quả sanh lên cõi Vô Lượng Quang Thiên.

32 - *Paṇītaṃ bhāvetvā abhassaresu...*

Khi tu tiên nhị thiên hay tam thiên bậc thượng thì cho quả sanh lên cõi Biến Quang Thiên.

33 - *Catutthajjhānaṃ parittaṃ bhāvetvā parittasubhesu...*

Khi tu tiên tứ thiên bậc hạ thì cho quả sanh lên cõi Thiếu Tịnh Thiên.

34 - *Majjhimaṃ bhāvetvā appamāṇasubhesu...*

Khi tu tiên tứ thiên bậc trung thì cho quả sanh lên cõi Vô Lượng Tịnh Thiên.

35 - *Paṇītaṃ bhāvetvā subhakiṇhesu...*

Khi tu tiên tứ thiên bậc thượng thì cho quả sanh lên cõi Biến Tịnh Thiên.

36 - *Pañcamajjhānaṃ bhāvetvā vepphalesu...*

Khi tu tiên ngũ thiên thì cho quả sanh lên cõi Quảng Quả Thiên.

37 - *Tadeva saññāvirāgaṃ bhāvetvā asaññasattesu...*

Khi tu tiên ngũ thiên ly hỷ tưởng (danh pháp) thì cho quả sanh lên cõi Vô Tướng.

38 - *Anāgāmino pana suddhāvāsesu uppajjanti...*

Bậc A Na Hàm đã đắc ngũ thiên thường sanh lên cõi Ngũ Tịnh Cư.

*

Phân tích bốn thiện nghiệp vô sắc cho quả sanh lên Bốn cõi vô sắc39 - *Arūpāvacarakusalañca yathākkamaṃ bhāvetvā āruppesu uppajjanti...*

Khi tu tiến bốn thiện nghiệp vô sắc thì cho quả sanh lên trong bốn cõi vô sắc theo thứ lớp tương ứng.

*

Nigamagāthā (Kệ Ngôn Tóm Lược)40 - *Itthaṃ mahaggatampuññaṃ Yathābhūmivavattitaṃ Janeti sadisaṃ pākaṃ Paṭisandhipavattiyaṃ...*

*

Idamettha kammcatukkam

Như đã trình bày cho đến các trường hợp trên, chín thiện nghiệp đáo đại cho quả sanh lên theo tương ứng với thiện nghiệp của mình ấn định tùy theo cõi trong thời tái tục lần thời bình nhật.

Việc trình bày đã đề cập trên, thuộc nhóm bốn nghiệp trong *Tâm lộ chủ quan Tập Yếu (Vithīmuttasāṅgha)*.

Kết thúc Thắng Pháp Tập Yếu Luận Pāli và lời dịch

-ooOoo-

Thích giải rộng nhóm bốn nghiệp (Kammacatukka)

Từ:"Nghiệp" (*Kamma*) ám chỉ hành động liên quan đến thân, ngữ, ý cả thiện lẫn bất thiện. Hay pháp chúng làm cho thành tựu hành động gọi là nghiệp.

Có định nghĩa như sau: "*Karaṇaṃ: Kammaṃ*" hoặc "*Karonti etenāti: kammaṃ*" Hành động gọi là nghiệp hoặc tất cả chúng sanh hành động nương vào pháp chúng nào, pháp chúng làm nhân cho thành tựu hành động đó gọi là nghiệp. Tức sở hữu tư trong tâm bất thiện và tâm thiện hiệp thể.

Ngài giáo thọ sư *Anuruddha* trình bày nhóm bốn nghiệp này phân ra thành bốn:

- 1-*Kiccacatukka*: Nói về phận sự có bốn.
- 2- *Pākadānapariyāyacatukka*: Nói về sự tuần tự cho quả có bốn.
- 3- *Pākakālacatukka*: Nói về thời gian cho quả có bốn.
- 4- *Pākatthānacatukka*: Nói về lãnh vực cho quả có 4.

Trong cả bốn nhóm này thì *Pākatthānacatukka* được trình bày thuần nhất theo lý Thắng Pháp tức theo lý được trình bày chuẩn xác. Còn ba nhóm 4 còn lại được trình bày theo lý Kinh tức theo lý đề cập không chuẩn xác (trình bày theo quan điểm chung).

*

1- Nhóm bốn nghiệp theo phận sự (KAMMACATUKKA)

A- *Janakakamma* (sanh nghiệp) được định nghĩa như sau:

"*Vipākakkandha kammajarūpāni janatīti janakaṃ*".

Nghiệp nào làm cho danh - uẩn - quả - và sắc nghiệp sanh lên nghiệp đó gọi là sanh nghiệp. Tức mười hai bất thiện nghiệp và mười bảy thiện nghiệp hiệp thể.

Sanh nghiệp là nghiệp làm cho dị thực quả và sắc nghiệp cùng với sắc quý tiết do nghiệp sanh lên cả trong thời tái tục lẫn thời bình nhật. Nghĩa là khi tất cả chúng sanh chết rồi tái sanh làm bàng sanh, nhân loại, chư thiên, Phạm Thiên. Các chúng sanh này hiện hữu do mãnh lực của sanh nghiệp làm cho dị thực quả và sắc nghiệp sanh lên trong thời tái tục. Khi chúng sanh hiện khởi cũng phải có thân thể lớn nhỏ sanh lên theo thích ứng cùng với sự thấy, nghe, ngửi, nếm, đụng và sự giữ gìn kiếp sống (hộ kiếp) sanh lên. Nhóm này hiện hữu do mãnh lực của sanh nghiệp làm cho dị thực quả, sắc nghiệp và sắc quý tiết do nghiệp (*Kammapaccayautjarūpa*) sanh lên trong thời bình nhật.

Sanh nghiệp có thể làm cho dị thực quả và sắc nghiệp sanh lên trong thời tái tục. Như làm cho tái sanh thành loài bàng sanh, nhân loại... nhưng hầu hết phải là loại nghiệp tròn đủ nghiệp đạo. Còn sanh nghiệp làm cho dị thực quả, sắc nghiệp và sắc quý tiết do nghiệp sanh lên trong thời bình nhật. Như tạo ra thân thể lớn nhỏ cùng với sự thấy, nghe... (trừ tâm hộ kiếp) dù thuộc loại nghiệp tròn đủ nghiệp đạo hay không tròn đủ nghiệp đạo. Và thiện nghiệp, bất thiện nghiệp sanh lên trong lộ ngũ môn, hoặc khởi hiện trong lúc chiêm bao vẫn có mãnh lực cho quả dị thực, sắc nghiệp và sắc quý tiết do nghiệp sanh lên.

Thiên cung là nơi mà nhóm chư thiên, Phạm Thiên ngự, hoặc lửa, gông cùm, xiềng xích để giam cầm của nhóm chúng sanh địa ngục đều liệt vào sắc quý tiết do nghiệp sanh lên từ sanh nghiệp.

B- *Upatthambhakakamma* (trì nghiệp) được định nghĩa như sau: "*Kammantaram vā kammanibbattakhandhasantānam vā upatthambhetīti: Upatthambhakam*".

Nghiệp nào trợ giúp ủng hộ cho nghiệp khác và làm cho uẩn tiếp nối sanh lên từ nghiệp khác, nghiệp đó gọi là trì nghiệp. Tức mười hai nghiệp bất thiện và tám nghiệp đại thiện.

Trì nghiệp có ba trường hợp:

- Trợ giúp ủng hộ cho sanh nghiệp chưa có cơ hội cho quả, được có cơ hội cho quả.
- Trợ giúp ủng hộ cho sanh nghiệp đang có cơ hội cho quả, được có sức mạnh cho quả viên mãn thêm lên.
- Trợ giúp ủng hộ cho danh sắc dị thực quả của sanh nghiệp, được tăng trưởng và tồn tại lâu dài.

A- Trì nghiệp trợ giúp, ủng hộ cho sanh nghiệp chưa có cơ hội cho quả, được có cơ hội cho quả: Bao gồm thiện, bất thiện sanh lên trong thời cận tử và trong lúc bình thường. Chính nhóm thiện, bất thiện này là trì nghiệp trợ giúp ủng hộ cho sanh nghiệp chưa có cơ hội cho quả, được có cơ hội cho quả.

Sanh nghiệp chưa có cơ hội cho quả có hai loại:

Sanh nghiệp trong kiếp quá khứ.

Sanh nghiệp trong kiếp hiện tại.

Do đó, sự trợ giúp ủng hộ của trì nghiệp với sanh nghiệp chưa có cơ hội cho quả, được có cơ hội cho quả phân ra thành tám loại:

Thiện nghiệp trong thời cận tử trợ giúp ủng hộ cho thiện sanh nghiệp trong kiếp quá khứ.

Thiện nghiệp trong thời cận tử trợ giúp ủng hộ cho thiện sanh nghiệp trong kiếp hiện tại.

- Bất thiện nghiệp trong thời cận tử trợ giúp ủng hộ cho bất thiện sanh nghiệp trong kiếp quá khứ.
- Bất thiện nghiệp trong thời cận tử trợ giúp ủng hộ cho bất thiện sanh nghiệp trong kiếp hiện tại.
- Thiện nghiệp thường tạo trong kiếp hiện tại trợ giúp ủng hộ cho thiện sanh nghiệp trong kiếp quá khứ.

- Thiện nghiệp thường tạo trong kiếp hiện tại trợ giúp ủng hộ cho thiện sanh nghiệp trong kiếp hiện tại.

- Bất thiện nghiệp thường tạo trong kiếp hiện tại trợ giúp ủng hộ cho bất thiện sanh nghiệp trong kiếp quá khứ.

- Bất thiện nghiệp thường tạo trong kiếp hiện tại trợ giúp ủng hộ cho bất thiện sanh nghiệp trong kiếp hiện tại.

** 1 - Thiện nghiệp trong thời kỳ cận tử trợ giúp ủng hộ cho thiện sanh nghiệp trong kiếp quá khứ chưa có cơ hội cho quả, được có cơ hội cho quả:*

Ông A là phật tử nhưng trong kiếp hiện tại, hầu như ông thường tạo bất thiện. Do nhân này, khi ông A bị bệnh lúc cận tử cảnh tượng xấu hiện bày lên làm cho hành động của ông khác thường. Tuy nhiên ông vẫn còn chánh niệm tốt. Khi đó, có một người đứng bên cạnh thấy như vậy thì hiểu được rằng ông A đã có điềm báo không tốt sanh lên nên có tâm mê muội. Nếu mệnh chung trong lúc này chắc chắn sẽ rơi vào khổ cảnh. Thiện hậu báo nghiệp của ông A cũng không thể giúp ông thoát khỏi khổ cảnh được bởi vì tâm của ông không sáng suốt. Vì thế, người đó mới tìm cách hoán chuyển cảnh không tốt của ông A cho được sáng suốt lên. Bằng cách đến tụng kinh, cho thính pháp, đem kim thân Đức Phật đến đánh lễ gần ông A để ông hướng tâm đánh lễ Phật và nỗ lực tích cực đem kinh Pháp Cú đến đọc cho nghe. Khi đã được hoán chuyển cảnh, tâm của ông A cũng sáng suốt lên. Cảnh tượng xấu diệt mất điềm báo an lành hiển lộ. Do đó, khi mệnh chung ông A được cơ hội sanh lên nhân cảnh làm người hoặc chư thiên.

Đây cũng do thiện nghiệp sanh lên trong thời kỳ cận tử trợ giúp ủng hộ cho thiện sanh nghiệp trong kiếp quá khứ. Ngay cả nội dung Pāli trình bày trong Itivuttaka cũng đề cập rằng:

Imasmim cāyaṃ samaye Kālaṅkiriyātha puggalo

Saggamhi uppajjeyya Cittaṅhisa pasāditam...

Imasmim cāyaṃ samaye Kālaṅkiriyātha puggalo

Niraye uppajjeyya Cittaṅhisa padūsitam...

Người đó nếu mệnh chung trong lúc ấy chắc chắn sẽ sanh lên thiên giới, bởi vì tâm của người này sáng suốt.

Người đó nếu mệnh chung trong lúc ấy chắc chắn sẽ rơi vào địa ngục, bởi vì tâm của người này sàu muội.

** 2 - Thiện nghiệp trong thời cận tử trợ giúp ủng hộ cho thiện sanh nghiệp trong kiếp hiện tại chưa có cơ hội cho quả, được có cơ hội cho quả:*

Ông B là phật tử có đức tin trong sạch, tạo phước bố thí, trì giới thường xuyên. Nhưng ông không từng thực hành Chi Tịnh hay Minh Sát và cũng không từng học Thắng Pháp. Nên khi bị bệnh lúc gần lâm chung tâm ông B run sợ, suy tư lo âu về tài sản, con cháu. Do đó, tâm của ông B bấn loạn, có dấu hiệu không tốt hiện bày lên làm cho hành động của ông khác lạ bất thường. Người đứng bên cạnh thông hiểu pháp, quan sát thấy như vậy biết được rằng nếu ông B mệnh chung trong lúc này chắc chắn sẽ rơi vào khổ cảnh, cho dù những thiện nghiệp mà ông đã từng kiến tạo trong kiếp hiện tại cũng không thể giúp ông được. Cho nên, người ấy cố gắng tìm cách hoán chuyển cảnh cho ông B phát sanh thiện tâm, bằng cách sắp đặt tượng tự giống như ông A. Khi đã thực hiện như vậy, thì tâm ông B sáng suốt lên, cảnh tượng xấu cũng diệt mất, hiện tượng tốt sanh lên thay thế vào. Do đó, khi mệnh chung ông B được cơ hội sanh lên nhân cảnh làm người hay chư thiên.

Đây cũng do thiện nghiệp trong thời cận tử trợ giúp ủng hộ cho thiện sanh nghiệp trong kiếp hiện tại.

** 3 - Bất thiện nghiệp trong thời cận tử trợ giúp ủng hộ cho bất thiện sanh nghiệp trong kiếp quá khứ chưa có cơ hội cho quả, được có cơ hội cho quả:*

Ông C là người có tâm tạo phước bố thí, trì giới thường xuyên trong kiếp hiện tại. Nhưng chưa từng thực hành Chỉ Tịnh hay Minh Sát và cũng chưa từng học Thắng Pháp. Thời gian sau, khi ông C gần lâm chung phát sanh sợ hãi về sự chết, lo âu về tài sản, dính mắc đến con cháu làm cho tâm của ông C ủ dột. Lúc đó cảnh tượng xấu khởi lên làm cho vẻ mặt của ông C mất bình thường. Nhưng vì người đứng bên cạnh đó không thông hiểu pháp nên không có sự hoán chuyển nào. Do đó, khi qua đời ông C phải rơi vào cõi khổ. Vì thiện nghiệp mà ông C đã từng tạo trử trong kiếp này không có cơ hội cho quả giúp cho ông sanh lên nhân cảnh được.

Đây là do bất thiện nghiệp trong thời cận tử trợ giúp ủng hộ cho bất thiện mà ông C đã từng tạo trong kiếp trước, được có cơ hội cho quả.

** 4 - Bất thiện nghiệp trong thời cận tử trợ giúp ủng hộ cho bất thiện sanh nghiệp trong kiếp hiện tại chưa có cơ hội cho quả, được có cơ hội cho quả:*

Ông D khi còn là thanh niên phần nhiều tạo trử bất thiện như sát sanh, trộm cắp, rượu chè trác táng... Khi đã lớn tuổi nhìn thấy tội lỗi trong các việc ác xấu đó thì có sự kinh cảm bằng hoàng phát sanh lên, mới từ bỏ thế tục xuất gia trong Phật Giáo trở thành vị tỷ khuru D. Thời gian sau, khi bệnh trầm trọng thì hồi tưởng lại lúc mình còn thanh niên đã từng tạo quá nhiều bất thiện, thì tâm của vị tỷ khuru D bất an vì biết mình sẽ rơi vào khổ cảnh. Sự hối hận làm tâm nhiệt não cho đến khi tắt thở, vị tỷ khuru D rơi ngay vào địa ngục.

Đây cũng do bất thiện nghiệp trong thời cận tử trợ giúp ủng hộ cho bất thiện nghiệp mà mình đã từng tạo trong kiếp này, có cơ hội cho quả.

** 5 - Thiện nghiệp thường tạo trong kiếp hiện tại trợ giúp ủng hộ cho thiện sanh nghiệp trong kiếp quá khứ chưa có cơ hội cho quả, được có cơ hội cho quả:*

Ông E là người tà kiến không tin tội phước, có quan kiến là "Sát sanh không có tội làm người mới là có tội. Việc làm phước để bát cúng dường, đánh lễ Chư Tăng, tụng kinh đều không có phước. Sự sanh tồn của tất cả chúng sanh trên thế gian này đều do đáng thương để là vị sáng tạo chủ". Sau đó, ông E đến làm công trong nhà của người có tâm tịnh tín Tam Bảo, thường xuyên tạo phước cúng dường như đặt bát hằng ngày, thỉnh pháp, thọ trì bát quan trai giới nơi Chư Tăng... Ông E có bốn phận phải nấu cơm, sắp đặt vật thực để bát cho ông chủ mỗi ngày, đến ngày bát quan trai giới cũng phải đi theo ông chủ đến chùa. Chính việc làm đó làm cho tâm của ông E từ bỏ tà kiến và phát sanh tâm tịnh tín trong Phật Giáo. Khi ông E lâm bệnh gần sắp mệnh chung tâm của ông không có sự sầu muộn nào. Vả lại ông E độc thân không có tài sản, vì vậy nên cũng không có gì để nuôi tiết. Do nhân này tham, sân, si thô thiển không có sức mạnh mãnh liệt khởi lên. Khi mệnh chung ông E được sanh lên làm người hoặc chư thiên bậc cao do thiện nghiệp nấu cơm để bát, thỉnh pháp... mà ông thường làm. Cho dù việc làm thiện ấy không đủ sức mạnh trả quả cho ông E được sanh làm người hoặc chư thiên bậc cao. Nhưng chính nó làm điều kiện trợ giúp ủng hộ cho thiện hậu báo nghiệp mà ông E đã từng làm trong quá khứ có cơ hội trả quả cho ông được sanh về cõi an vui.

Đây cũng là do thiện nghiệp thường tạo trong kiếp hiện tại trợ giúp ủng hộ cho thiện sanh nghiệp trong quá khứ chưa có cơ hội cho quả, được có cơ hội cho quả.

** 6 - Thiện nghiệp thường tạo trong kiếp hiện tại trợ giúp ủng hộ cho thiện sanh nghiệp trong kiếp hiện tại chưa có cơ hội cho quả, được có cơ hội cho quả:*

Ông F từng thọ cụ túc giới, học pháp, hành Chỉ Tịnh và Minh Sát. Thời gian sau ông F từ bỏ điều học hoàn tục. Vì phải tạo dựng cuộc sống để nuôi mạng nhưng việc nuôi mạng của ông F liên quan đến bất thiện tức nghề chài lưới. Thế nhưng, ông F dốc tâm tạo phước thường xuyên là đặt bát mỗi ngày cho Chư Tăng không bỏ dở, còn những thiện nghiệp trước kia thì ông không còn có cơ hội để tạo nữa. Khi thẩm xét lại đời sống của mình ông nhận thức được rằng: "Việc nuôi mạng mà ta đang tạo đây là bất thiện, nhưng không thể chuyển đổi việc khác được vì ta không biết được nghề nào khác cả. Cho nên bắt buộc ta phải tầm cầu thiện nghiệp để làm chỗ nương cho ta". Từ đó, ông F cố tâm đặt bát mỗi ngày cho Chư Tăng cùng với sự hân hoan vui thích. Cho đến khi sắp lâm chung, tâm của ông F không sanh khởi sầu muộn. Do đó, khi mệnh chung ông F, được sanh làm người hay chư thiên bậc cao do mãnh lực của thiện giới hay thiện tu tiến mà ông từng tạo trong kiếp này.

Nếu nói đến sự nuôi mạng bất thiện thì cũng biết được rằng, đã không có cơ hội cho quả mà trở lại trả quả cho ông F được sanh về cõi an vui. Bởi nương vào mãnh lực của thiện thí mà ông đã nhiệt thành làm cùng với thiện tu tiên trong kiếp hiện tại, nên mới được có cơ hội cho quả.

** 7 - Bất thiện nghiệp thường tạo trong kiếp hiện tại trợ giúp ủng hộ cho bất thiện sanh nghiệp trong kiếp quá khứ chưa có cơ hội cho quả, được có cơ hội cho quả:*

Ông G từ nhỏ cho đến khi khôn lớn thành niên, là người có thiện tâm. Hằng ngày giúp cha mẹ để bát và cùng đi thính pháp mỗi ngày nơi Chư Tăng, lại thường xuyên xả thí làm tư lương với hy vọng đến khi mệnh chung thì mình sẽ chắc chắn không rơi vào địa ngục. Thời gian sau, khi lập gia đình thì việc làm thiện của ông G cũng dần dà cách biệt. Bởi phải lo tạo kế sanh nhai, nuôi sống gia đình, mưu tâm tài sản ông lại còn đam mê thoả thích hưởng thụ trong việc trụ lạc liên hệ đến ác hạnh. Thời gian trôi qua do trác táng quá độ do đó khi mệnh chung ông G bị rơi vào địa ngục.

Đó là do bất thiện tâm thường tạo trở về sau này trợ giúp ủng hộ cho bất thiện mà ông đã từng làm trong kiếp trước đó nữa, được có cơ hội cho quả.

** 8 - Bất thiện nghiệp thường tạo trong kiếp hiện tại trợ giúp ủng hộ cho bất thiện sanh nghiệp trong kiếp hiện tại chưa có cơ hội cho quả, được có cơ hội cho quả:*

Ông H kể từ nhỏ cho đến khi khôn lớn thành niên không từng làm việc thiện, chỉ giao du với bạn bè lêu lổng lang thang khắp đó đây. Đôi khi chơi bời, rượu chè, trộm cắp... cứ như vậy mãi cho đến khi đủ tuổi xuất gia. Người gia trưởng bắt buộc ông H phải xuất gia để sửa đổi tánh nết, ông H cũng đồng ý. Trong thời gian xuất gia, tỳ khuru H đã hành phận sự sa môn tốt đẹp và tận lực học pháp không bỏ dở. Trải qua thời gian ba hạ, thì đức tin cũng thối chuyển, việc hành sa môn hạnh cũng chùn bước mà chỉ thích rời chùa để bàn luận các vấn đề thế sự... thích nghe radio, xem tranh ảnh và sách báo thế tục, lại cố tìm thời gian học hỏi kiến thức đời để chuẩn bị cho việc hoàn tục của mình. Tỳ khuru H có tâm phóng túng không còn an tịnh như trước nữa, cứ mãi miết sa đà... cho đến đến suốt thời gian hai ba năm chưa kịp hoàn tục thì chết bất đắc kỳ tử. Khi tỳ khuru H qua đời, tức khắc sanh làm bàng sanh do mãnh lực của bất thiện nghiệp trở về sau này trợ giúp ủng hộ cho bất thiện nghiệp mà tỳ khuru H đã từng tạo trước khi xuất gia.

B- Trì nghiệp trợ giúp ủng hộ cho sanh nghiệp đang có cơ hội cho quả, được có sức mạnh cho quả viên mãn thêm lên.

Có mười loại:

Thiện nghiệp trong thời cận tử trợ giúp ủng hộ cho thiện sanh nghiệp trong kiếp quá khứ đang có cơ hội cho quả.

Thiện nghiệp trong thời cận tử trợ giúp ủng hộ cho thiện sanh nghiệp trong kiếp hiện tại đang có cơ hội cho quả.

Bất thiện nghiệp trong thời cận tử trợ giúp ủng hộ cho bất thiện sanh nghiệp trong kiếp quá khứ đang có cơ hội cho quả.

Bất thiện nghiệp trong thời cận tử trợ giúp ủng hộ cho bất thiện sanh nghiệp trong kiếp hiện tại đang có cơ hội cho quả.

Thiện nghiệp trong thời bình nhật trợ giúp ủng hộ cho thiện sanh nghiệp trong kiếp quá khứ đang có cơ hội cho quả.

Thiện nghiệp trong thời bình nhật trợ giúp ủng hộ cho thiện sanh nghiệp trong kiếp hiện tại đang có cơ hội cho quả.

Bất thiện nghiệp trong thời bình nhật trợ giúp ủng hộ cho bất thiện sanh nghiệp trong kiếp quá khứ đang có cơ hội cho quả.

Bất thiện nghiệp trong thời bình nhật trợ giúp ủng hộ cho bất thiện sanh nghiệp trong kiếp hiện tại đang có cơ hội cho quả.

Thiện nghiệp trong kiếp quá khứ trợ giúp ủng hộ cho thiện sanh nghiệp trong kiếp hiện tại đang có cơ hội cho quả.

Bất thiện nghiệp trong kiếp quá khứ trợ giúp ủng hộ cho bất thiện sanh nghiệp trong kiếp hiện tại đang có cơ hội cho quả.

1- Thiện nghiệp trong thời cận tử trợ giúp ủng hộ cho thiện sanh nghiệp trong kiếp quá khứ đang có cơ hội cho quả, được có sức mạnh cho quả viên mãn thêm lên:

Ông A là người có đức tánh trung dung, tâm mát mẻ, sợ hãi tội lỗi, không tạo ác hạnh. Làm việc thiện chỉ chút ít lại không có thực tâm do hoàn cảnh không thuận lợi; việc trau dồi tâm đối với thiện pháp cũng không có cơ hội bởi say mê trong việc tạo kế sanh nhai. Nhưng khi ông A gần sắp lâm chung lại có thiện tâm sáng suốt sanh lên. Do đó, khi qua đời ông A được sanh làm người hay chur thiên bậc cao.

Đây cũng do thiện nghiệp trong thời cận tử trợ giúp ủng hộ cho thiện sanh nghiệp mà ông A đã từng làm trong kiếp quá khứ đang có cơ hội cho quả, được có sức mạnh cho quả viên mãn thêm lên.

2- Thiện nghiệp trong thời cận tử trợ giúp ủng hộ cho thiện sanh nghiệp trong kiếp hiện tại đang có cơ hội cho quả, được có sức mạnh cho quả viên mãn thêm lên:

Ông B là người có tâm làm phước, tạo thiện nghiệp thường xuyên, không tạo trừ một ác hạnh nào do sợ hãi tội lỗi. Vào lúc cận tử thì ông B có thiện tâm sáng suốt sanh khởi. Do đó, khi mệnh chung được sanh làm người hay chur thiên có địa vị cao.

Đây cũng do thiện nghiệp trong thời cận tử trợ giúp ủng hộ cho thiện sanh nghiệp mà ông B đã tạo trước khi chết đang có cơ hội cho quả, được có sức mạnh cho quả viên mãn thêm lên.

3- Bất thiện nghiệp trong thời cận tử trợ giúp ủng hộ cho bất thiện sanh nghiệp trong kiếp quá khứ đang có cơ hội cho quả, được có sức cho quả viên mãn thêm lên:

Ông C có tánh nết bòn xén keo kiệt không quan tâm đến việc phước thiện. Chỉ nỗ lực tìm cầu tiền bạc nhưng không tạo trừ ác hạnh nào. Khi sắp lâm chung thì tâm hôn ám khởi hiện lên. Do đó, khi chấm dứt hơi thở thì ông C rơi ngay vào khổ cảnh cảm thọ nhiều đau khổ.

Đây cũng do bất thiện nghiệp trong thời cận tử trợ giúp ủng hộ cho bất thiện sanh nghiệp mà ông C từng làm trong kiếp quá khứ đang có cơ hội cho quả, được có sức mạnh cho quả viên mãn thêm lên.

4- Bất thiện nghiệp trong thời cận tử trợ giúp ủng hộ cho bất thiện sanh nghiệp trong kiếp hiện tại đang có cơ hội cho quả, được có sức mạnh cho quả viên mãn thêm lên:

Ông D có nhiều tâm bất thiện không tin tội, phước, thiện, ác, không tin rằng chết rồi phải tái sanh, không tin thiên đàng hay địa ngục. Do đó, ông D hành động thỏa thích theo tư kiến của mình. Khi sắp lâm chung thì tâm sâu muộn sanh lên. Vì vậy, khi ông D mệnh chung liền bị rơi vào địa ngục thọ lãnh quả khổ cho đến hết một thời gian dài.

Đây cũng do bất thiện nghiệp trong thời cận tử trợ giúp ủng hộ cho bất thiện sanh nghiệp mà ông D đang làm trong kiếp hiện tại có cơ hội cho quả, được có sức mạnh cho quả viên mãn thêm lên.

5- Thiện nghiệp trong thời bình nhật trợ giúp ủng hộ cho thiện sanh nghiệp trong kiếp quá khứ đang có cơ hội cho quả, được có sức mạnh cho quả viên mãn thêm lên:

Như E - F - G là con của người có tâm tạo phước, cha mẹ thường dạy cho hiểu biết việc đặt bát, tụng kinh, đánh lễ Chư Tăng. Nhưng E - F - G thọ mạng chỉ được năm tuổi thôi thì qua đời, được sanh lên thiên giới.

Đây cũng do thiện nghiệp mà E - F - G tạo trong thời bình nhật trợ giúp ủng hộ cho thiện sanh nghiệp mà E - F - G từng làm trong kiếp quá khứ đang có cơ hội cho quả, được có sức mạnh cho quả viên mãn thêm lên.

6- Thiện nghiệp trong thời bình nhật trợ giúp ủng hộ cho thiện sanh nghiệp trong kiếp hiện tại đang có cơ hội cho quả, được có sức mạnh cho quả viên mãn thêm lên:

Ông H là con của người có tâm tạo phước, cha mẹ đều là người thông hiểu pháp nên đã chỉ dạy cho ông hiểu biết về Phật Giáo; hiểu biết về tội, phước. Ông H tin tưởng và thực hành chín chắn theo lời chỉ bảo của cha mẹ; ông còn tinh cần tạo phước thí, trì giới, tu tiến thường xuyên, chỉ có rất ít bất thiện. Do nhân này, khi ông H qua đời ông được sanh lên thiên giới làm chư thiên tầng trời cao.

Đây cũng do thiện nghiệp mà ông H tạo thường xuyên trợ giúp, ủng hộ cho thiện sanh nghiệp của ông sanh lên trong kiếp hiện tại, được có sức mạnh cho quả viên mãn thêm lên. Còn đối với thiện sanh nghiệp có cơ hội cho quả là thiện nghiệp sanh lên trước cũng được, thiện nghiệp sanh lên về sau cũng được. Nếu thiện nghiệp sanh lên trước đó nữa có cơ hội cho quả, thì thiện nghiệp về sau trợ giúp ủng hộ cho có sức mạnh sanh lên. Và nếu thiện nghiệp sanh lên về sau nữa có cơ hội cho quả, thì thiện nghiệp sanh trước đó cũng trợ giúp ủng hộ cho có sức mạnh sanh lên.

7- Bất thiện nghiệp trong thời bình nhật trợ giúp ủng hộ cho bất thiện sanh nghiệp trong kiếp quá khứ đang có cơ hội cho quả, được có sức mạnh cho quả viên mãn thêm lên:

Ông J là con của người không có đức tin với Phật Giáo. Từ nhỏ cho đến lúc khôn lớn thành niên cũng không từng được chỉ dạy đến tội, phước không cung kính đối với bậc lão niên, nhiễm đắm trong việc vui thú... Những việc của ông J tuy không phạm vào ác hạnh nhưng khi mệnh chung thì vẫn bị rơi vào địa ngục.

Đây cũng do bất thiện nghiệp trong thời bình nhật trợ giúp ủng hộ cho bất thiện sanh nghiệp mà ông J từng làm trong kiếp quá khứ đang có cơ hội cho quả, được có sức mạnh cho quả viên mãn thêm lên.

8- Bất thiện nghiệp trong thời bình nhật trợ giúp ủng hộ cho bất thiện sanh nghiệp trong kiếp hiện tại có cơ hội cho quả, được có sức mạnh cho quả viên mãn thêm lên:

Ông I là người tà kiến, không tin tội, phước, cho rằng: "Việc tạo phước không có lợi ích gì, làm rồi cũng rỗng không, đánh lễ Chư Tăng tốt hơn trở về nhà dùng cơm; thọ trì bát quan trai giới nhịn đói khát cũng không được lợi ích gì; tu tập trau dồi tâm cũng chẳng được lợi ích mà còn mất thời gian và cực khổ, không cần tạo trử gì hết cũng được. Vì con người khi chết rồi cũng phải tái sanh lại làm người nữa, con chó chết rồi cũng sanh trở lại làm con chó nữa...". Vì vậy, hầu như ông I chỉ tạo toàn là bất thiện nghiệp. Khi qua đời thì ông I rơi ngay vào địa ngục thọ quả khổ mười tỷ năm.

Đây cũng là do bất thiện nghiệp trong thời bình nhật trợ giúp ủng hộ cho bất thiện sanh nghiệp mà ông I thường xuyên tạo trong kiếp này đang có cơ hội cho quả, được có sức mạnh cho quả viên mãn thêm lên.

9- Thiện nghiệp trong kiếp quá khứ trợ giúp ủng hộ cho thiện sanh nghiệp trong kiếp hiện tại đang có cơ hội cho quả, được có sức mạnh cho quả viên mãn thêm lên:

Ông K có đức tin mãnh liệt, nhằm chán đời sống thế tục. Vì rất khó có cơ hội tạo trử thiện pháp mà phần nhiều thì dễ đưa đến con đường sa đọa hơn. Không có tiền thì khổ vì phải chật vật trong cuộc sống, mà có tiền thì cũng khổ vì phải lo lắng giữ gìn. Nhìn thấy như vậy, ông K từ bỏ đời sống thế tục xuất gia vào trong Phật Giáo. Khi xuất gia rồi thì chuyên chú học pháp, trì luật nghiêm túc. Khi hết học pháp rồi thì cố tâm chỉ dạy cho tỳ khưu, sa di, cận sự nam, cận sự nữ. Lúc đã cao tuổi thì hành Minh Sát, hướng dẫn chỉ dạy và thực hành như vậy cho đến khi chấm dứt tuổi thọ. Lúc mệnh chung thì được sanh lên thiên giới làm chư thiên tầng trời cao.

Thiện nghiệp trước kia mà ông K từng tạo trử trong kiếp quá khứ là thiện hậu báo nghiệp cũng đang có, nhưng thiện nghiệp mà ông K mới kiến tạo trong kiếp hiện tại có sức mạnh mãnh liệt hơn. Do đó, thiện nghiệp trước kia không đủ sức mạnh cho quả tái tục được, nên chỉ làm phận sự trợ giúp ủng hộ

cho sanh nghiệp trong kiếp hiện tại đang có cơ hội cho quả, được có sức mạnh cho quả viên mãn thêm lên.

Chư Bồ Tát cũng như vậy, khi mệnh chung từ kiếp trước sanh lên trong kiếp sống này, thì pháp độ sai biệt đã tạo trử trong kiếp trước đó cũng thường trợ giúp ủng hộ cho sanh nghiệp trong kiếp hiện tại đang có cơ hội cho quả, được có sức mạnh tăng trưởng thêm lên. Như đưa tái sanh vào giòng tộc cao sang, có địa vị cao quý.

10- *Bất thiện trong kiếp quá khứ trợ giúp ủng hộ cho bất thiện sanh nghiệp kiếp hiện tại đang có cơ hội cho quả, được có sức mạnh cho quả viên mãn thêm lên:*

Ông L là người có tâm địa ác xấu, hạ liệt, không từng tạo thiện pháp mà chỉ tạo trử bất thiện pháp suốt như sát sanh, trộm cắp, lường gạt gian trá... Do đó, khi ông L qua đời, bất thiện mà ông tạo trử trong kiếp này có cơ hội trả quả cho ông rơi vào địa ngục. Còn bất thiện trước kia mà ông L từng làm trong kiếp quá khứ cũng trợ giúp ủng hộ cho bất thiện đang cho quả, được có sức mạnh viên mãn thêm lên. Ví như người từng phạm pháp nhiều lần, nhưng cho đến lần sau cùng bị bắt. Tòa án phải gom lấy những dữ kiện trước đó nhập chung lại phán xét, rồi mới đưa ra quyết định mức tội trạng của người này cho nặng thêm lên.

Nơi đây trình bày cho thấy rằng, việc làm sai trái khi trước cho dù có trót lọt khỏi bị bắt thật. Nhưng lúc nào mà bị sa lưới thì chính những sự sai trái ở các lần trước thường trợ lực cho sự sai trái lần sau bị tội nặng thêm lên.

C - Trì nghiệp trợ giúp ủng hộ cho danh sắc dị thực quả của sanh nghiệp cho tăng trưởng và tồn tại.

Có bảy trường hợp:

- Thiện nghiệp từng làm trong kiếp trước kia trợ giúp ủng hộ cho danh sắc sanh lên từ thiện sanh nghiệp.
- Thiện nghiệp từng làm trong kiếp này trợ giúp ủng hộ cho danh sắc sanh lên từ thiện sanh nghiệp.
- Bất thiện từng làm trong kiếp trước kia trợ giúp ủng hộ cho danh sắc sanh lên từ bất thiện sanh nghiệp.
- Bất thiện nghiệp từng làm trong kiếp này trợ giúp ủng hộ cho danh sắc sanh lên từ bất thiện sanh nghiệp.
- Thiện nghiệp từng làm trong kiếp trước kia trợ giúp ủng hộ cho danh sắc sanh lên từ bất thiện sanh nghiệp.
- Thiện nghiệp từng làm trong kiếp này trợ giúp ủng hộ cho danh sắc sanh lên từ bất thiện sanh nghiệp.
- Bất thiện nghiệp từng làm trong kiếp này trợ giúp ủng hộ cho danh sắc sanh lên từ thiện sanh nghiệp.

Kể từ điều 1 cho đến điều 4 trình bày theo ý nghĩa của *Atthakathā* và *Mūlaṭīkā*, điều 5 cho đến điều 7 trình bày theo ý nghĩa của *Paramatthadīpanīṭīkā* và *Bhāsāṭīkā*.

1- *Thiện nghiệp từng làm trong kiếp trước kia trợ giúp ủng*

hộ cho danh sắc sanh lên từ thiện sanh nghiệp được tăng trưởng và tồn tại:

Như kim thân, màu da, tiếng nói... cả nội phần lẫn ngoại phần cùng với sự thấy, nghe... của bậc Chánh Đẳng Giác thường được hoàn hảo đặc thù hơn tất cả nhân loại. Và cảnh sai biệt mà Ngài thọ nhận được hầu hết là cảnh thù thắng.

Đây cũng do pháp độ sai biệt mà Đức Phật từng kiến tạo trong chính những kiếp trước kia, trợ giúp ủng hộ cho danh sắc sanh lên từ thiện sanh nghiệp được tăng trưởng và tồn tại.

2- Thiện nghiệp từng làm trong kiếp này trợ giúp ủng hộ cho danh sắc sanh lên từ thiện sanh nghiệp được tăng trưởng và tồn tại:

Như có người thiện tâm giúp đỡ cho người nghèo khổ, phục vụ ủng hộ cho Phật Giáo phát triển hưng thịnh dài lâu, là người giữ mình trú trong Giới Luật. Do mãnh lực của các việc thiện này thường làm cho thân tâm người đó an lạc, màu da trong sáng, có danh tiếng, nhận được cảnh tốt... như thấy cảnh đẹp, nghe tiếng hay... không bệnh hoạn, sức mạnh vững chắc và trường thọ. Khi lâm bệnh gặp được thầy thuốc giỏi trị hết bệnh cấp kỳ, lại còn có người săn sóc giúp đỡ làm cho thuận lợi, thoải mái đủ mọi thứ .

Các việc này do thiện nghiệp đã tạo trong chính kiếp này, trợ giúp ủng hộ cho danh sắc sanh lên từ thiện sanh nghiệp được tăng trưởng và tồn tại.

3- Bất thiện nghiệp từng làm trong kiếp trước kia, trợ giúp ủng hộ cho danh sắc sanh lên từ bất thiện sanh nghiệp, được tăng trưởng và tồn tại:

Như đời sống của chúng sanh địa ngục và ngạ quỷ muôn vàn cực hình và tràn đầy đau khổ, nhưng nhóm chúng sanh đó vẫn duy trì mạng sống dài lâu hơn đời sống bình thường. Có những con chó đói khát đi kiếm ăn thân mình đầy lở loét, đi gần đến ai họ cũng đánh đập xô đuổi chịu nhiều khổ thọ. Mặc dù như vậy mạng sống của con chó đó vẫn tồn tại nhiều tháng nhiều năm. Có một số người đau ốm dây dưa, bệnh tật hành hạ thân thể mãi nhưng cũng không chết dễ dàng được mà phải chịu đựng đau khổ cả một thời gian dài. Sự việc này cũng do mãnh lực của bất thiện trì nghiệp trong kiếp trước kia, trợ giúp ủng hộ cho danh sắc sanh lên từ bất thiện sanh nghiệp được tăng trưởng và tồn tại.

4- Bất thiện từng làm trong kiếp này trợ giúp ủng hộ cho danh sắc sanh lên từ bất thiện sanh nghiệp, được tăng trưởng và tồn tại:

Như có người bệnh kinh niên như bệnh da liễu, bệnh thần kinh... có triệu chứng đau đớn thường xuyên. Các chứng bệnh này sanh lên từ mãnh lực của bất thiện sanh nghiệp do người này bất cẩn trong việc giữ gìn thân thể. Thường xuyên lại rượu chè trác táng nên bệnh càng tăng làm cho khổ thân trầm trọng. Lại nữa, loài bàng sanh như cọp, mèo, thằn lằn... các con thú này thường sanh lên từ bất thiện sanh nghiệp. Chúng có sự nhiễu hại giết chúng sanh khác làm vật thực để nuôi dưỡng thân thể được tăng trưởng và duy trì mạng sống.

Đây cũng do bất thiện sanh lên trong kiếp sống này trợ giúp ủng hộ cho danh sắc sanh lên từ bất thiện sanh nghiệp, được tăng trưởng và tồn tại.

5- Thiện nghiệp từng làm trong kiếp trước kia trợ giúp ủng hộ cho danh sắc sanh lên từ bất thiện sanh nghiệp, được tăng trưởng và tồn tại:

Như có một số chó được chủ chăm sóc, nâng niu, nuôi dưỡng, thương mến, được dùng vật thực cao cấp, sống an lạc thoải mái. Sự sung sướng, ấm no này cũng do mãnh lực của thiện nghiệp mà con chó đã từng làm trong kiếp trước kia, trợ giúp ủng hộ cho sắc pháp (thân thể con chó) và danh pháp (tâm hữu phần) sanh lên từ bất thiện sanh nghiệp, được tăng trưởng và tồn tại.

6- Thiện nghiệp từng làm trong kiếp này trợ giúp ủng hộ cho danh sắc sanh lên từ bất thiện sanh nghiệp được tăng trưởng và tồn tại:

Như có một số chó có sự khôn ngoan để dạy biểu lộ sự kính trọng đối với chủ và người khác, như ngồi lên, chấp tay xá lạy... làm cho mọi người nhìn thấy khởi lên thương mến, nên được nuôi dưỡng chăm sóc thật chu đáo, bảo dưỡng đặc biệt.

Như chim sáo, chim nhồng mà chủ dạy cho nói, đọc kinh và chào hỏi được làm cho người nghe phát sanh thương mến nên được cho ăn đầy đủ.

Đây cũng do mãnh lực của thiện nghiệp mà con chó và con chim đã làm trong kiếp này. Tức chính sự biểu lộ cung kính... đó trợ giúp ủng hộ cho danh sắc sanh lên từ bất thiện sanh nghiệp của chúng, được tăng trưởng và tồn tại.

Các loài nga qui mà nhận được phước từ thân quyến, bè bạn và tự mình cũng tùy hỷ phước của việc hồi hướng đó nên được thọ hưởng sự an lạc, thoát khỏi đau khổ cực hình. Bởi do mãnh lực của chính thiện nghiệp mà mình tạo trợ giúp ủng hộ cho danh sắc sanh lên từ bất thiện sanh nghiệp của nhóm nga qui đó, được tăng trưởng và tồn tại.

7- Bất thiện nghiệp từng làm trong kiếp này trợ giúp ủng hộ cho danh sắc sanh lên từ thiện sanh nghiệp, được tăng trưởng và tồn tại:

Như người nuôi sống bằng nghề chài, bán vũ khí, bán rượu rồi phát đạt giàu có, sung sướng an lạc trong việc chi tiêu; dôi dào trong các việc say đắm hưởng thú vui trên đời do nương vào các việc nuôi mạng đó. Hoặc đất nước phát triển thịnh vượng hùng cường có uy thế do nương vào việc sản xuất vũ khí đều là bất thiện cả. Nhưng các việc bất thiện này là pháp trợ giúp ủng hộ cho danh sắc sanh lên từ thiện sanh nghiệp được tăng trưởng tồn tại.

Loại trì nghiệp trong điều 7 này diễn tiến không chắc chắn, chỉ có được trong thời kỳ suy vong mà không thể có được trong thời kỳ hưng thịnh.

C- Upapīlakakamma (chướng nghiệp) có định nghĩa trình bày như sau: "Kammantaram và kammanibbattakhandhasantānam vā upapīletīti: Upapīlakam".

Nghiệp nào thường chen lấn nghiệp khác và tiếp nối ngũ uẩn sanh lên từ nghiệp khác, nghiệp đó gọi là chướng nghiệp. Tức mười hai bất thiện nghiệp và tám nghiệp đại thiện có hai nghĩa:

- Chướng nghiệp này là nghiệp lấn áp sanh nghiệp khác có thực tánh đối nghịch lại với mình (*Kammantara upapīlaka*).

- Lấn áp danh sắc sanh lên từ sanh nghiệp (*Kammanibbattakhandhasantāna upapīlaka*).

Chướng nghiệp lấn áp sanh nghiệp khác có thực tánh đối nghịch lại với mình, có hai loại nữa:

1- Lấn áp để có cơ hội cho quả.

2- Lấn áp sanh nghiệp đang có cơ hội cho quả được giảm bớt sức mạnh cho quả.

Do đó, sự lấn áp của chướng nghiệp mới có ba loại:

- Chướng nghiệp lấn áp sanh nghiệp khác không cho có cơ hội cho quả.

- Chướng nghiệp lấn áp sanh nghiệp khác đang có cơ hội cho quả được giảm sức mạnh xuống.

- Chướng nghiệp lấn áp danh sắc sanh lên từ sanh nghiệp trước đó.

- Chướng nghiệp lấn áp sanh nghiệp khác không cho có cơ hội cho quả. Có hai loại:

1- Thiện nghiệp tạo trong kiếp này lấn áp bất thiện sanh nghiệp không cho có cơ hội cho quả.

2- Bất thiện tạo trong kiếp này lấn áp bất thiện sanh nghiệp không cho có cơ hội cho quả.

Chướng nghiệp này cũng chính là trì nghiệp. Tức trong sát na làm phận sự trợ giúp ủng hộ cho nghiệp khác thì đồng lúc đó cũng làm phận sự lấn áp. Do đó, việc nêu ví dụ thiện chướng nghiệp:

Trong điều 1:

"Thiện nghiệp làm trong kiếp này lấn áp bất thiện sanh nghiệp không cho có cơ hội cho quả." Thì cũng tương tự như ví dụ của thiện trì nghiệp trong điều 1 là: "Thiện nghiệp trong thời cận tử trợ giúp ủng hộ cho thiện sanh nghiệp trong kiếp quá khứ chưa có cơ hội cho quả, được có cơ hội cho quả".

Trong điều 2:

"Bất thiện nghiệp tạo trong kiếp này lần áp thiện sanh nghiệp không cho có cơ hội cho quả". Ví dụ cũng tương tự như bất thiện trì nghiệp trong điều 3 là: "Bất thiện nghiệp trong thời cận tử trợ giúp ủng hộ cho bất thiện sanh nghiệp trong kiếp quá khứ chưa có cơ hội cho quả, được có cơ hội cho quả".

- Chương nghiệp lần áp sanh nghiệp khác đang có cơ hội cho quả được giảm sức mạnh xuống. Có hai loại:

1- Thiện nghiệp trong kiếp này lần áp bất thiện sanh nghiệp đang có cơ hội cho quả, được giảm sức mạnh xuống.

2- Bất thiện nghiệp làm trong kiếp này lần áp thiện sanh nghiệp đang có cơ hội cho quả, bị giảm sức mạnh xuống.

*

Minh chứng điều thứ nhất

Vua A Xà Thế tạo nghiệp vô gián giết cha, trọng nghiệp này phải gặt quả rơi vào vô gián đại địa ngục (*Avīcimahānaraka*). Nhưng vua A Xà Thế đã kiến tạo nhiều thiện pháp, là người ủng hộ phát triển Phật Giáo. Như việc kết tập Tam Tạng vua A Xà Thế ủng hộ một phần và trong tất cả phàm nhân vua A Xà Thế là người có đức tin, tinh tín bậc Chánh Đẳng Giác nhiều nhất. Do chính mãnh lực của thiện nghiệp này trợ giúp cho vua A Xà Thế không bị rơi vào vô gián đại địa ngục, mà chỉ rơi vào địa ngục đông sôi (*Lohakumbhūssadanaraka*) là địa ngục nhỏ phụ thuộc của đại địa ngục vô gián.

Minh chứng điều thứ hai

Việc làm thiện mà pha lẫn bất thiện, như trong lúc đang hoan hỷ vui thích thấy được lợi ích trong việc làm thiện. Nhưng khi đã làm xong thì bất thiện sanh lên liên quan đến sự không vừa lòng như tiết của. Vì thế việc làm cho quả thiện đó giảm sức mạnh xuống. Do đó, khi người này mệnh chung rồi thì thay vì được sanh làm người tam nhân trở lại làm người nhị nhân.

Đây cũng do chính mãnh lực của bất thiện nghiệp sanh lên lần áp thiện nghiệp cho giảm sức mạnh xuống.

Lại nữa, có một số người được sanh làm nhân loại nhưng vừa lọt lòng mẹ thì bị mù loà, tai điếc, khứu giác bị hỏng... Đây cũng do thiện sanh nghiệp dẫn dắt người đó sanh làm người như vậy. Bởi do bất thiện chương nghiệp lần áp làm giảm sức mạnh xuống nhằm vào thời gian mắt, tai, mũi... hiện bày lên thì trở lại không hiện bày cho nên mới trở thành người mù loà, điếc tai...

- Chương nghiệp lần áp danh sắc sanh lên từ sanh nghiệp.

Có hai loại:

1- Bất thiện chương nghiệp lần áp danh sắc sanh lên từ thiện sanh nghiệp.

2- Thiện chương nghiệp lần áp danh sắc sanh lên từ bất thiện sanh nghiệp.

Minh chứng điều thứ nhất

Người sanh ra có đầy đủ chi thể, là người lực lưỡng không có bệnh tật. Nhưng thời gian sau phát sanh bệnh như bệnh thần kinh, bệnh bại liệt làm cho không đi được hoặc trí nhớ giảm sút trở thành người bất bình thường. Hoặc nếu không có bệnh hoành hành thì cũng suy sụp về tài sản, địa vị, thuộc hạ tùy tùng, lãnh chịu các sự mất mát sai khác, việc nuôi sống cũng không phát đạt làm cho thân tâm nhiệt não... đều do quả bất thiện cả.

Đây cũng do mãnh lực bất thiện chương nghiệp mà mình từng tạo trong kiếp trước đó hoặc kiếp này, vào lần áp danh sắc sanh lên từ thiện sanh nghiệp.

Minh chứng điều thứ hai

Người sanh ra là người nghèo khổ, người hốt rác bị nhiều sự vất vả khổ cực, đây là quả sanh lên từ bất thiện sanh nghiệp. Nhưng người đó nỗ lực tinh cần tạo phước, trì giới thường xuyên thích hợp với khả năng của mình. Từ đó sự khổ cực vất vả cũng từ từ diệt mất, việc nuôi mạng được hạnh thông, bệnh tật đã từng hoành hành cũng được chấm dứt, cuộc sống trở nên an lạc thoải mái.

Đây cũng do mãnh lực của thiện chướng nghiệp mà mình đã kiến tạo lấn áp danh sắc sanh lên từ bất thiện sanh nghiệp, như làm cho sự khổ sở, vất vả thân tâm diệt mất.

D - *Upaghātakakamma* (đoạn nghiệp) có định nghĩa trình bày như sau: "*Kammantaram vā kammānibbattakhandhasantānam vā upaghāteṭṭi: upaghātakam*".

Nghiệp nào chen vào cắt đứt nghiệp khác và tiếp nối ngũ uẩn sanh lên từ nghiệp khác, nghiệp đó gọi là đoạn nghiệp.

Gồm mười hai bất thiện nghiệp, hai mươi một thiện nghiệp là nghiệp chen vào cắt đứt nghiệp khác, làm cho dị thực của nghiệp đó chấm dứt hoàn toàn. Đoạn nghiệp có thực tánh khác với chướng nghiệp, tức chướng nghiệp là nghiệp lấn áp nghiệp khác và dị thực quả như chi phần thân thể không cho sanh lên hoặc không cho tăng trưởng lên, chứ không có mãnh lực làm cho chấm dứt hoàn toàn. Còn đoạn nghiệp là loại nghiệp cắt đứt hoàn toàn, tức nếu cắt đứt nghiệp nào rồi thì nghiệp đó mãi mãi không có khả năng cho quả sanh lên được. Nếu cắt đứt quả của nghiệp ám chỉ đến thân thể hay một bộ phận cơ thể nào của người đó diệt mất cho đến suốt đời sống; hoặc nếu không như vậy thì nghiệp đó cũng cắt đứt lấy mạng sống của người đó.

Sự cắt đứt của đoạn nghiệp này có 2 loại:

1- Cắt đứt sanh nghiệp khác để mãi mãi không có cơ hội cho quả (*Kammantara upaghātaka*).

2- Cắt đứt danh sắc sanh lên từ sanh nghiệp cho diệt mất (*Kammanibbattakhandhasantāna upaghātaka*).

- Đoạn nghiệp cắt đứt sanh nghiệp khác để mãi mãi không có cơ hội cho quả. Có ba loại:

- Thiện đoạn nghiệp cắt đứt bất thiện sanh nghiệp.

- Thiện đoạn nghiệp cắt đứt thiện sanh nghiệp.

- Bất thiện đoạn nghiệp cắt đứt thiện sanh nghiệp.

1- *Thiện đoạn nghiệp cắt đứt bất thiện sanh nghiệp để mãi mãi không có cơ hội cho quả:*

Như trưởng lão *Āṅgulimāla* trước khi chứng đắc A La Hán đã từng là tướng cướp giết người vô số. Việc làm của trưởng lão *Āṅgulimāla* sẽ phải gặt quả rơi vào địa ngục chắc chắn. Nhưng sau đó trưởng lão *Āṅgulimāla* gặp được bậc Chánh Đẳng Giác điều ngự cho đến khi hồi tâm nhận thức được mới xuất gia thành vị tỳ khuru trong Phật Giáo, tu tiến Minh Sát nghiệp xứ cho đến khi chứng đắc A La Hán. Do mãnh lực của thiện Sơ Đạo mà Ngài *Āṅgulimāla* đã chứng đắc chính trong giai đoạn đầu, là thiện đoạn nghiệp cắt đứt bất thiện sanh nghiệp mà Ngài đã tạo ra trong kiếp này và từng tạo ra trong kiếp trước kia mãi mãi không có cơ hội cho quả.

2- *Thiện đoạn nghiệp cắt đứt thiện sanh nghiệp mãi mãi không có cơ hội cho quả:]*

Như người đã từng kiến tạo thiện dục giới và thiện đáo đại rồi sau đó tu tiến Minh Sát chứng đắc A La Hán. Vì vậy thiện dục giới, thiện đáo đại đều không có khả năng cho quả để người đó sanh làm người, chư thiên hay Phạm Thiên được.

Đây cũng do mãnh lực của A La Hán Đạo là thiện đoạn nghiệp cắt đứt thiện sanh nghiệp khác mãi mãi không có cơ hội cho quả tiếp tục nữa.

Hay người tu thiền chứng đắc ngũ thiền sắc giới, khi người đó mệnh chung thì phải sanh lên cõi Phạm Thiên tứ thiền. Vì thế thiện sơ thiền, thiện nhị thiền, thiện tam thiền không còn có khả năng cho quả sanh lên các cõi Phạm Thiên sơ thiền, Phạm Thiên nhị thiền hay Phạm Thiên tam thiền được.

Đây cũng do mãnh lực của thiện ngũ thiên là thiện đoạn nghiệp cắt đứt thiện nghiệp đáo đại thấp hơn không có cơ hội cho quả.

Người nào tu tiến Chỉ Tịnh cho đến khi chứng đắc thiên vô sắc, khi mệnh chung cũng phải sanh lên cõi Phạm Thiên vô sắc. Cho nên đối với các thiên sắc giới không có khả năng cho quả sanh lên cõi Phạm Thiên sắc giới được.

Đây cũng do mãnh lực của thiện vô sắc là thiện đoạn nghiệp cắt đứt thiện nghiệp sắc giới không có cơ hội cho quả.

Trong thiện vô sắc giới đó thì thiên vô sắc cao cắt đứt thiên vô sắc thấp theo tuần tự, như thiên thứ vô biên xứ cắt đứt thiên không vô biên xứ không cho có cơ hội cho quả... Trong điều này ám chỉ đến người đã đắc thiên bậc cao không có ái trước (Nikantitajhà) đối với thiên bậc thấp hoặc cõi thấp trong lúc cận tử. Bởi vì thông thường vào lúc cận tử cho dù người đã đắc chứng thiên bậc cao đi nữa, nhưng nếu có ái trước (Nikantitajhà). Tức vui thích hài lòng trong cõi hoặc thiên thấp thì thiên bậc cao mà mình đắc chứng cũng hoại đi.

3 - Bất thiện đoạn nghiệp cắt đứt thiện sanh nghiệp mãi mãi không cho có cơ hội cho quả:

Như người đã tu tiến Chỉ Tịnh nghiệp xứ cho đến khi đắc thiên. Sau đó người ấy tạo ngũ nghịch vô gián nghiệp. Bất thiện ngũ nghịch vô gián nghiệp này là bất thiện đoạn nghiệp cắt đứt thiện đáo đại sanh nghiệp không cho có cơ hội cho quả để người ấy sanh lên Phạm Thiên giới được. Như Đề Bà Đạt Đa là người chứng đắc Thắng Trí, sau đó ông tạo nghiệp làm động máu bầm Phật và chia rẽ Tăng bị liệt vào nghiệp vô gián. Vì vậy, nghiệp vô gián này mới là bất thiện đoạn nghiệp cắt đứt thiện nghiệp đáo đại của Đề Bà Đạt Đa không cho có cơ hội sanh lên Phạm Thiên giới mà ngược trở lại rơi vào địa ngục.

- Đoạn nghiệp cắt đứt danh sắc sanh lên từ sanh nghiệp cho diệt mất. Có bốn loại:

- Thiện đoạn nghiệp cắt đứt danh sắc là bất thiện dị thực quả.
- Thiện đoạn nghiệp cắt đứt danh sắc là thiện dị thực quả.
- Bất thiện đoạn nghiệp cắt đứt danh sắc là thiện dị thực quả.
- Bất thiện đoạn nghiệp cắt đứt danh sắc là bất thiện dị thực quả .

1- Thiện đoạn nghiệp cắt đứt danh sắc là bất thiện dị thực quả:

Như người chết rồi sanh làm chúng sanh cõi địa ngục thì thân xác và sự sinh hoạt như thấy, nghe... của nhóm chúng sanh này đều là dị thực quả bất thiện cả. Nhưng thời gian sau chúng sanh địa ngục đó do nương vào ngọn lửa địa ngục mà nhớ đến thiện nghiệp mà mình đã từng làm rằng "Ta đã từng xuất gia trong Tăng Chúng, đã từng cúng dường y bát cho chư tăng hoặc từng phết vàng kim thân Đức Phật...". Hoặc nhờ vào Diêm Vương nhắc nhở cho nhớ lại những thiện nghiệp sai biệt mà mình đã từng tạo trừ. Trong lúc nhớ lại được thiện nghiệp thì tâm đại thiện sanh lên, chúng sanh địa ngục đó chết đi sanh làm người hoặc chư thiên liền tức thì.

Đây cũng do tâm thiện sanh lên trong lúc nhớ lại được thiện nghiệp trước kia là thiện đoạn nghiệp cắt đứt danh sắc dị thực quả bất thiện. Hay người được sanh lên làm nhân loại nhưng là người nghèo khổ, bị bệnh tật hành hạ thường xuyên dù có chữa trị cũng không dứt, cảm giác sự khổ thân tâm, không từng được thấy, nghe, ngửi, nếm vị, xài vật dụng và nương ngụ trú xứ tốt đẹp, tất cả đều do dị thực quả bất thiện. Về sau có tâm tạo phước, có sự hiểu biết Phật Pháp, được khuyến nhủ và chỉ bảo rằng: "*Việc sanh làm người nghèo khổ, không được gặp thấy điều tốt lành cũng do ta không từng tạo thiện thí trong kiếp trước. Và là người đau ốm bệnh tật thường xuyên cũng do không từng trì giới. Vì vậy, nên tinh cần nỗ lực tạo trừ thiện thí, thiện giới tùy theo khả năng của mình*". Người đó vâng lời chỉ bảo chuyên cần nỗ lực tâm cầu tạo trừ thiện pháp cho phát sanh lên. Bằng cách vào chùa thường xuyên làm các công việc, phục vụ giúp đỡ cho tỳ khưu, sa di và nhất tâm phát nguyện thọ trì bát quan trai giới suốt đời. Người ấy còn sắp đặt các thùng nước bố thí cho người đi lại trên đường đến chùa...

Khi đã kiến tạo thiện pháp sai biệt thường xuyên, từ đó mọi người đến chùa phát tâm cảm mến nên nhận được sự giúp đỡ của những người này bằng các trường hợp sai khác. Hoàn cảnh trước kia được thay thế bằng sự an nhàn và bệnh tật đang có cũng diệt đi.

Đây cũng do thiện thí và thiện giới mà người đó đã làm trong chính kiếp này, là thiện đoạn nghiệp cắt đứt danh sắc dị thực quả bất thiện trong cõi vui được diệt mất.

2- *Thiện đoạn nghiệp cắt đứt danh sắc dị thực quả thiện:*

Như người thế tục đã chứng đắc A La Hán nhưng không xuất gia trong ngày ấy, thì mãnh lực của A La Hán Đạo sẽ là thiện đoạn nghiệp cắt đứt danh sắc dị thực quả thiện làm cho người đó chấm dứt mạng sống trong ngày ấy.

Đây cũng do ân đức của A La Hán Đạo, A La Hán Quả là pháp cao quý không thể so sánh với hình tướng thế tục được. Bởi hình tướng thế tục chỉ đứng vững trong phạm vi năm giới. Ví như mỡ của sư tử chúa chỉ bảo tồn được trong thùng bằng vàng, nếu chứa trong thùng loại khác thì sẽ bị khô cạn mất. Ví dụ trên như thế nào, thì ân đức đặc thù của A La Hán Đạo, A La Hán Quả cũng như thế đó. Người chứng A La Hán Đạo, A La Hán Quả trong hình tướng thế tục không thể nâng đỡ nổi phẩm vị A La Hán Đạo, A La Hán Quả được nên phải chấm dứt mạng sống ngay trong ngày ấy. Chỉ sau khi người đó xuất gia thành sa di hoặc tỳ khưu rồi thì mới bảo tồn đời sống tiếp tục được.

3- *Bất thiện đoạn nghiệp cắt đứt danh sắc dị thực quả thiện:*

Thông thường các bộ phận sai biệt trong thân thể con người thuộc dị thực quả thiện và chính các bộ phận sai biệt này khi được thấy, nghe, ngửi, nếm, xúc chạm trong cảnh tốt đều là dị thực quả thiện. Nhưng thời gian sau, người này bị tai nạn như xe đụng, bị người hãm hại rơi từ trên cao xuống... làm cho gãy tay, gãy chân, mù mắt, điếc tai cho đến suốt đời.

Đây cũng do bất thiện đoạn nghiệp cắt đứt danh sắc dị thực quả thiện. Nếu người đó chấm dứt mạng sống do tai nạn đã trình bày trên cũng gọi là bất thiện đoạn nghiệp cắt đứt danh sắc dị thực quả thiện; như cắt đứt sắc pháp (thân thể), danh pháp (tâm hữu phần) và nhãn thức dị thực quả thiện...

4- *Bất thiện đoạn nghiệp cắt đứt danh sắc dị thực quả bất thiện:*

Thông thường loài bàng sanh như con chó... thân thể và đời sống sinh hoạt của chúng được liệt vào dị thực quả bất thiện; ngoại trừ thân hình xinh đẹp và tâm nhãn thức dị thực quả thiện... sanh lên trong lúc thấy, nghe, ngửi, nếm, xúc chạm cảnh tốt. Sau đó con chó... này bị xe đụng, bị giết hoặc bị rơi xuống nước chết... Tất cả các việc này cũng do mãnh lực của bất thiện đoạn nghiệp từng sanh lên trong kiếp trước hoặc kiếp này nên bị cắt đứt mạng sống và thân thể, là dị thực quả bất thiện.

- Lại nữa, đoạn nghiệp cắt đứt danh sắc là dị thực quả của nghiệp khác nữa, có ba loại

- Cắt đứt dị thực quả của nghiệp khác rồi tự mình cũng không cho quả sanh lên và cũng không tạo cơ hội cho sanh nghiệp khác được cho quả.

- Cắt đứt dị thực quả của nghiệp khác rồi tự mình cho quả sanh lên.

- Cắt đứt dị thực quả của nghiệp khác rồi tạo cơ hội cho sanh nghiệp khác nữa được cho quả.

Minh chứng điều thứ nhất

Trưởng lão *Cakkhupāla* trong kiếp quá khứ từng làm thầy thuốc chữa trị mắt và đã làm hoại đôi mắt của người đến chữa trị. Do đó, bất thiện nghiệp mà trưởng lão *Cakkhupāla* đã làm nên quả trả lại cho đôi mắt của Ngài hoại đi. Nhưng bất thiện đoạn nghiệp không cho quả sanh lên tiếp tục nữa bởi trưởng lão *Cakkhupāla* đã chứng đắc A La Hán không còn tái sanh lại nữa. Chính vì thế bất thiện nghiệp này chỉ là dị thực quả của nghiệp khác mà thôi.

Trưởng lão *Moggallāna* bị năm trăm tên cướp đánh đập cho đến khi Níp Bàn là do mãnh lực bất thiện mà Ngài đã từng đánh đập cha mẹ với ý định cho chết. Tức bất thiện đoạn nghiệp này cắt đứt dị thực quả của nghiệp khác chớ tự mình không cho quả được.

Minh chứng điều thứ hai

Một vị chư thiên tên *Dussīmāra* là tùy tùng của Ma Vương đã lấy hòn đá ném vào phía bên phải đầu của vị Thượng Thủ Thịnh Văn vào thời kỳ bậc Chánh Đăng Giác *Kassapa*. Đức vua *Kalābu* đã hành hạ đạo sĩ *Khantivādī* tiền kiếp là Bồ Tát cho đến chết. Dạ xoa *Nanda* cầm chùy đánh vào đầu Ngài *Sārīputta* lúc đang nhập thiền diệt và *Devadatta* đã hãm hại bậc Chánh Đăng Giác. Cả bốn đối tượng này gặt quả ngay trong hiện tại, liền tức khắc bị đất rút chết rồi sanh vào vô gián địa ngục.

Đây cũng do mãnh lực của bất thiện đoạn nghiệp cắt đứt đi dị thực quả của nghiệp khác, như làm cho đất rút rồi chính mình cho quả sanh vào Vô Gián địa ngục.

Minh chứng điều thứ ba

Vua *Bimbisāra* mang giày dép vào trong khuôn viên bảo tháp Xá Lợi Phất, do mãnh lực bất thiện này khi sanh vào dòng Sát Đê Ly, lòng bàn chân vua *Bimbisāra* đã bị cứa rách cho đến khi băng hà. Nhưng khi băng hà rồi thì thiện sanh nghiệp khác được có cơ hội cho quả cho vua *Bimbisāra* sanh lên làm chư thiên cõi Tứ Đại Thiên Vương. Tức bất thiện nghiệp cắt đứt dị thực quả của nghiệp khác, rồi tạo cơ hội cho sanh nghiệp khác nữa cho quả.

2- Nhóm bốn nghiệp cho quả theo tuần tự (*Pākadānapariyayacatukka*)

A- *Garukamma* (trọng nghiệp) được định nghĩa như sau: "*Garu! Karotīti: Garukam*" Nghiệp nào cho quả sanh lên chắc chắn, nghiệp đó gọi là trọng nghiệp.

Một lý khác nữa:

"*Kammantarehi patibāhituṃ asakkuneyyuttā garukam kammanti: Garukakammam*".

Nghiệp cho quả chắc chắn bởi vì nghiệp khác không có khả năng ngăn chặn được mới gọi là trọng nghiệp. Tức là tà kiến tương ưng (*Diṭṭhisampayutta*) liên quan đến nghiệp tà kiến nhất định; sân căn liên quan đến nghiệp ngũ nghịch vô gián; chín nghiệp đáo đại. Gom lại thành mười lăm.

Ghi chú: Đối với nghiệp thiện siêu thế cũng là trọng nghiệp. Nhưng trong nơi đây muốn nói đến nghiệp cho quả sanh lên trong kiếp thứ hai. Còn thiện siêu thế không có phận sự làm cho quả sanh lên mà chỉ có phận sự triệt tiêu sanh hữu theo thích ứng với sức mạnh của mình.

Nghiệp được gọi là trọng nghiệp này, đề cập đến nghiệp cho quả chắc chắn có khả năng sanh liền trong kiếp thứ hai mà nghiệp khác không có khả năng ngăn chặn được. Nhưng không nhất định rằng trong tất cả trọng nghiệp với nhau sẽ không có khả năng ngăn chặn lại sự cho quả với nhau. Nghĩa là trọng nghiệp nào có sức mạnh mãnh liệt hơn trọng nghiệp khác thì trọng nghiệp đó sẽ là pháp cho quả. Còn các trọng nghiệp có sức mạnh yếu hơn thì không thành tựu việc cho quả mà chỉ hỗ trợ thôi. Nhưng dù không có cơ hội cho quả sanh lên riêng biệt nhưng nghiệp đó cũng được gọi là trọng nghiệp. Bởi vì nếu trọng nghiệp nặng hơn mình không có, thì trọng nghiệp đó cũng vẫn phải là pháp cho quả sanh lên trong kiếp thứ hai chắc chắn. Như người tạo nghiệp nhất định tà kiến nào đó, về sau tạo một loại nghiệp ngũ nghịch vô gián nữa. Khi thân hoại mệnh chung thì chính nghiệp tà kiến nhất định sẽ cho quả cho người đó sanh vào một trong những đại địa ngục. Bởi nghiệp nhất định tà kiến này nặng hơn nghiệp ngũ nghịch vô gián. Còn đối với năm nghiệp ngũ nghịch vô gián, thì nghiệp chia rẽ Tăng nặng nhất. Nếu định đặt rằng, người nào tạo cả năm nghiệp ngũ nghịch vô gián thì nghiệp chia rẽ Tăng sẽ cho quả với người đó, nghiệp còn lại sẽ là nghiệp hỗ trợ cho việc cho quả của nghiệp chia rẽ Tăng trở đi.

Nghiệp nặng kế tiếp nghiệp chia rẽ Tăng là nghiệp làm đong máu bầm Phất, kế tiếp nghiệp làm đong máu bầm Phất là nghiệp giết A La Hán. Còn hai nghiệp giết cha, giết mẹ thì phải căn cứ vào ân đức, nếu ai là người có giới hạnh hơn thì giết người đó bị tội nặng hơn. Cả hai đều có giới hạnh bằng nhau hoặc không có giới hạnh như nhau, thì giết mẹ nặng hơn. Do nhân này trong số giải Tăng Chi Bộ Kinh mới trình bày rằng:

"*Dvīsupi sīlena vā dussīlena vā samānesu mātughātakova paṭisandhivasena vipaccati, mātā hi dukkarakāriṇī bahupakārā ca puttānanti*".

Nghĩa là: "Cho dù cả mẹ và cha có đức hạnh ngang nhau, là người có giới hay không có giới thì chính nghiệp giết mẹ cho quả tái tục. Bởi mẹ là người nhận lãnh gánh nặng khó có thể làm được và là người nuôi dưỡng con nhiều hơn".

Chín nghiệp thiện đáo đại cũng như vậy, người đã đắc cả chín bậc thiên còn được gọi là thiên tám bậc hay thiên chín bậc. Trong thiên tám bậc hay thiên chín bậc này thì thiên phi tướng phi phi tướng xứ là thiên cao hơn các bậc thiên khác. Vì vậy người đắc thiên mệnh chung thì thiên phi tướng phi phi tướng xứ cho quả sanh lên cõi phi tướng phi phi tướng xứ. Thiên còn lại trở thành vô hiệu nghiệp, không thể ủng hộ trợ giúp trong việc cho quả của thiên phi tướng phi phi tướng xứ. Còn đối với năm thiên sắc giới thì chính ngũ thiên sắc giới cho quả sanh lên cõi tứ thiên. Các thiên sắc giới còn lại cũng trở thành vô hiệu nghiệp.

*

Sự khác biệt giữa việc cho quả của bất thiện trọng nghiệp - thiện trọng nghiệp

Bất thiện trọng nghiệp cho dù bản thân không có cơ hội cho quả nhưng cũng có chức năng trì nghiệp. Còn thiện trọng nghiệp khi bản thân không có cơ hội cho quả thì sẽ là vô hiệu nghiệp không có chức năng trì nghiệp. Do nguyên nhân đã đề cập trên, bất thiện trọng nghiệp mới có tên gọi riêng biệt là nghiệp ngũ nghịch vô gián và nghiệp tà kiến nhất định. Còn đối với thiện trọng nghiệp thì không có tên gọi riêng biệt. Nghiệp ngũ nghịch vô gián "*Pañcānantariyakamma*" khi phân từ được như sau: *Pañca* + *anantara* + *iya* + *kamma*, *pañca*: 5, *anantara*: Cõi mà không gián đoạn sự chết, *Iya*: Cho quả, *Kamma*: Hành động.

Nếu gom từ lại thành *Pañcānantariyakamma* 5 hành động cho quả không gián đoạn sự chết. Như Ngài giáo thọ sư *Īkā* đã trình bày định nghĩa như sau: "*Anantare niyuttaṃ kammaṃ: Anantariyakammaṃ*".

Nghiệp liên quan đến việc cho quả tái tục vào cõi không gián đoạn sự chết gọi là vô gián nghiệp.

Nghiệp nhất định tà kiến "*Niyatamicchāṭṭhikamma*" khi phân từ được như sau: "*Niyata* + *micchā* + *diṭṭhi* + *kamma*. *Niyata*: Nhất định chắc chắn, *Micchā*: Sai lệch sự thật. *Diṭṭhi*: Sự thấy, *Kamma*: Hành động.

Nếu gom từ lại thành *Niyatamicchādiṭṭhikamma* nghĩa là nghiệp thấy sai lệch sự thật cho quả nhất định không gián đoạn sự chết. Như Ngài giáo thọ sư *Ṭīka* đã trình bày định nghĩa như sau:

"*Micchā dassānaṃ: Micchādiṭṭhi*". Thấy sai sự thật gọi là tà kiến.

"*Anantarabhava vipākadānato niyatā ca te micchādiṭṭhi cāti: Niyatamicchādiṭṭhi*".

Nghiệp nào cho quả chắc chắn nối tiếp nhau không gián đoạn sự chết do thấy sai sự thật, nghiệp đó gọi là nhất định tà kiến.

*

Thích giải điều đặc biệt trong Ngũ nghịch vô gián nghiệp

Người giết cha mẹ cho dù không biết đó là cha mẹ, mà cứ ngỡ là người khác đi nữa; sự giết đó thành tựu thì cũng gọi là nghiệp giết cha, giết mẹ. Trong sơ giải *Tatīyapārājika* trình bày rằng:

"Người nào có tình giết người khác hoặc giết loài bàng sanh bằng súng hoặc bằng dao đi nữa. Nhưng trong sự giết đó vô tình bắn trúng cha hoặc mẹ chết. Như vậy cũng bị liệt vào nghiệp giết cha, giết mẹ".

Cha mẹ là bàng sanh mà con là người hoặc con là bàng sanh và cha mẹ là người; con giết cha mẹ trong hai trường hợp này không gọi là vô gián nghiệp. Nhưng loại nghiệp này cũng được liệt vào trọng nghiệp cho quả mãnh liệt như nhau.

Người giết bậc A La Hán cho dù người bị giết trong lúc đó chưa đắc A La Hán và chưa chết liền đi nữa. Nhưng chính trong lúc đó, người bị giết phát triển Minh Sát và chứng đắc A La Hán rời Níp Bàn; sự cố sát giết người này phạm vào nghiệp giết A La Hán.

Cho dù người chủ tâm giết bậc Chánh Đẳng Giác bằng cách nào đi nữa, thì bậc Chánh Đẳng Giác cũng không thể vong mạng được, chỉ đong máu bầm mà thôi. Bởi thường nhiên chư Phật Chánh Đẳng Giác không bao giờ bị vong mạng do hành động của người khác gây ra. Tương ứng với lời Đức Phật thuyết rằng: "*Buddhànaur jivitassa nasakkà kenaci antarayo katum*" "*Dù cho người hay chư thiên nào đi nữa, gây vong mạng cho chư Phật Chánh Đẳng Giác hằng không thành tựu bao giờ*"

Như trong sự việc mà bậc Chánh Đẳng Giác nhận lãnh tai nạn, như sự việc mà Devadatta đã gây ra cho Đức Phật cũng được gọi là phạm vào nghiệp làm chảy máu Phật. Nghiệp làm chảy máu Phật này không thành tựu nghiệp sát sanh đi nữa nhưng cũng thành tựu nghiệp sân ác. Tức ý ác hạnh vì người đó cố tâm làm cho chết.

Gọi là người xúi giục chia rẽ Tăng phải là tỳ khuru và người bị xúi giục cũng phải là tỳ khuru Tăng với nhau. Tỳ khuru Tăng sanh khởi sự chia rẽ nhau trong buổi lễ phát lồ (*Uposatha*) lúc hành Tăng Sự không hội họp lại cùng nhau, phân chia thành mỗi nhóm. Khi sự kiện rõ ràng như vậy rồi, thì ngay trong lúc đó vị tỳ khuru xúi giục dù ở trong nhóm nào hoặc không ở trong nhóm nào thì cũng bị gọi là người phạm nghiệp chia rẽ Tăng.

Điều này trình bày cho thấy sa di và cư sĩ đều không tạo nghiệp chia rẽ Tăng được. Nhưng nếu sa di hoặc cư sĩ nào xúi giục làm cho Chư Tăng chia rẽ nhau trong việc liên quan đến nghiệp chia rẽ Tăng hoặc trong việc khác đi nữa. Cho dù không gọi là nghiệp chia rẽ Tăng theo lý thực tánh nhưng cũng bị liệt vào trọng nghiệp cho quả mãnh liệt. Nếu gọi theo lý thông thường thì gọi là nghiệp chia rẽ Tăng cũng được. Riêng đối với nghiệp nhất định tà kiến sẽ được giải thích chi tiết liên quan đến tà kiến trong ý bất thiện nghiệp.

B- *Āsannakamma* (*cận tử nghiệp*) được định nghĩa như sau: "*Āsanne anussaritam: Āsannam*" và "*Āsanne kataṃ: Āsannam*".

Nhớ đến điều thiện hay bất thiện trong lúc cận tử gọi là cận tử nghiệp. Hoặc hành động thiện hay bất thiện trong lúc cận tử cũng gọi là cận tử nghiệp. Tức mười hai nghiệp bất thiện (trừ nghiệp nhất định tà kiến và nghiệp ngũ nghịch vô gián), tám nghiệp đại thiện (còn đối với nghiệp đáo đại chỉ thuần nhất là trọng nghiệp nên không được xếp vào nơi đây).

Thích giải: Một số bất thiện nghiệp hay thiện nghiệp từng tạo trong thời gian đã qua mà ta không quan tâm đến, thậm chí đã quên mất đi. Nhưng vào lúc cận tử thì nhớ lại được, nếu là bất thiện đã từng làm thì lúc đó bất thiện tâm sẽ sanh khởi, bất thiện này nương vào chính sự ghi nhớ, gọi là bất thiện cận tử nghiệp. Nếu nhớ đến việc thiện đã từng làm lúc đó thiện tâm sẽ khởi hiện, thiện tâm này nương vào chính sự ghi nhớ, gọi là thiện cận tử nghiệp. Đây là sự thích giải định nghĩa theo: "*Āsanne anussaritam: Āsannam*".

Hoặc có một số người chưa từng thực tâm tạo phước nay lại phát sanh đức tin muốn tạo trừ thiện pháp làm vốn liếng nương nhờ trong ngày vị lai. Liền kiến tạo thiện pháp như xuất gia, dâng y Kāṭhina, xây dựng giảng đường, tạo giếng nước, xây cất trường học, học pháp, thọ bát quan trai, tu tiên Chỉ Tịnh, Minh Sát... Nhưng trong lúc đang kiến tạo thiện pháp thì có sự cố sanh lên làm cho người đó mệnh chung, hoặc khi kiến tạo thiện pháp hoàn chỉnh rồi thì sau đó không bao lâu mệnh chung; loại thiện nghiệp này được gọi là thiện cận tử nghiệp. Hoặc một số người hưởng sung sướng an lạc không nghĩ đến việc tạo trừ thiện pháp, đến khi bệnh hoạn cảm giác sợ hãi sự chết nên tìm kiếm chỗ nương. Nhận thấy mình chưa có chỗ nào để nương nhờ thì kinh sợ vì biết mình sẽ rơi vào khổ cảnh. Vì vậy, người đó vội vàng kiến tạo thiện pháp như bố thí, thỉnh Chư Tăng đến thọ trì giới, thỉnh pháp, tu tiên Chỉ Tịnh, tu tiên Minh sát... Trong lúc đang tạo trừ thiện pháp đó thì mệnh chung hoặc đã tạo phước hoàn chỉnh rồi thì sau đó không bao lâu mệnh chung. Loại thiện nghiệp này cũng được gọi là thiện cận tử nghiệp.

Còn đối với bất thiện cận tử nghiệp, như người cãi vả, chửi rủa, đánh đập, chém giết lẫn nhau; người bị đánh, bị chém, bị bắn chết trong lúc đó hay sau đó không bao lâu thì chết. Hoặc người đang hành

động tà hạnh như sát sanh, trộm cắp... bất thành linh bị bắn chết hay do một nguyên nhân nào đi nữa. Tất cả những việc bất thiện này được gọi là bất thiện cận tử nghiệp.

Hoặc một số người đang đắm nhiễm thỏa thích chơi bời trác táng, rượu chè la ó ồn ào, đang xem phim, coi cải lương... Bởi các hành động này đều liệt vào bất thiện nên trong lúc đó khởi sanh nhân có làm cho thiệt mạng, thì các việc làm trên đều được gọi là bất thiện cận tử nghiệp.

Hoặc một vài nhóm tà kiến khi biết mình sẽ phải chết liền lập đàn tế lễ bằng cách giết các loài vật... đem cúng tế thần linh để khi chết mình được sanh về thiên đàng. Thực hiện xong việc làm mang tính cách bất thiện này thì người đó mệnh chung, hành động như thế cũng được gọi là bất thiện cận tử nghiệp.

Đây là thích giải định nghĩa theo: "*Āsanne kataṃ Āsannaṃ*".

C- *Āciṇṇakamma* (thường nghiệp) được định nghĩa như sau: "*Ācīyati punappanaṃ karīyatīti: Āciṇṇaṃ*"

Nghiệp nào mà người luôn tích trữ, nghiệp đó gọi là thường nghiệp. Tức mười hai bất thiện nghiệp, tám đại thiện nghiệp.

Người thường tạo các ác hạnh sai biệt liên quan đến thân, ngữ, ý, dù để nuôi mạng hay không nuôi mạng đi nữa thì các hành động này cũng được gọi là bất thiện thường nghiệp.

Người thường tạo phước như đặt bát hằng ngày, luôn thọ trì năm giới, tám giới, mười giới, hai trăm hai mươi bảy giới, thường được chỉ dạy và học tập trong Pháp Luật, tu tiên Chỉ Tịnh và Minh Sát. Các hành động này được gọi là thiện thường nghiệp.

Lại nữa, đã tạo một ác hạnh nào dù chỉ một lần nhưng người đó thường xuyên nghĩ đến rồi phát sanh cắn rứt lương tâm, buồn phiền bức bối, hối hận... Cũng những ác hạnh đó ngược lại thì phát sanh sự hoan hỷ thích thú... Sự bức bối khó chịu hay sự thích thú thường sanh lên do nương vào suy tư đến hành động ác hạnh của mình đây cũng được gọi là bất thiện thường nghiệp.

D- *Kaṭattākamma* (khinh tác nghiệp) được định nghĩa như sau: "*Kaṭattā eva kammanti: Kaṭattākamma*".

Hành động được gọi là nghiệp bởi do đã làm xong rồi, vì vậy mới được gọi là khinh tác nghiệp. Tức mười hai nghiệp bất thiện, tám nghiệp đại thiện; nghĩa là thiện nghiệp và bất thiện nghiệp đã từng tạo trong kiếp trước kia như một loại hậu báo nghiệp. Các nghiệp này không được tính vào trọng nghiệp, cận tử nghiệp và thường nghiệp mà chỉ là loại nghiệp phổ thông. Bởi người làm không có sự chú tâm không gắng sức hay không sẵn lòng làm. Sự kiện được đề cập như vậy cũng do từ "*Eva*" trong câu "*Kaṭattā eva kammaṃ*" là từ phủ nhận.

Lại nữa, vẫn có thể xếp trọng nghiệp, cận tử nghiệp, thường nghiệp vào khinh tác nghiệp được, vì hành động đã làm xong rồi. Nhưng không được gọi là khinh tác nghiệp bởi vì nhóm nghiệp này có tên gọi riêng biệt. Và từ "*Eva*" được cấu trúc đó, là từ ngăn lại không cho 3 nhóm nghiệp này được gọi là khinh tác nghiệp.

Cả bốn loại nghiệp đã đề cập trên Ngài giáo thọ sư Anuruddha trình bày đến sự cho quả tái tục như sanh làm chư thiên, bàng sanh... trong kiếp thứ hai theo tuần tự. Do đó mới gọi là "*Pākadānapariyāyatukka*". Từ Pāka: Quả tái tục, Dāna: Cho, Pariyāya: Thời điểm hoặc tuần tự, Catukka: Có bốn loại. Khi gom ý nghĩa lại: Nghiệp cho quả tái tục theo tuần tự có bốn loại.

Do đó, nếu người nào có bốn loại nghiệp thì trọng nghiệp sẽ là nghiệp sẽ cho quả tái tục. Nếu đắc thiên sẽ sanh làm Phạm Thiên còn tạo nghiệp ngũ nghịch vô gián hay nghiệp tà kiến nhất định thì sẽ sanh làm chúng sanh địa ngục, còn đối với các nghiệp còn lại không cho quả tái tục trong kiếp thứ hai mà chỉ cho quả trong thời bình nhật.

Nếu người không có một loại trọng nghiệp nào, nghĩa là người không tạo nghiệp ngũ nghịch vô gián, không thấy sai thuộc tà kiến nhất định và cũng không đắc thiên. Tức phạm nhân bình thường không

đắc Tu Đà Hườn, Tư Đà Hàm mà chỉ có ba nghiệp còn lại thì cận tử nghiệp sẽ là nghiệp cho quả tái tục sanh làm người, chư thiên, chúng sanh theo tương ứng với nghiệp và người trong kiếp thứ hai. Còn thường nghiệp và khinh tác nghiệp cả hai sẽ cho quả trong thời bình nhật.

Nếu người không có trọng nghiệp và cận tử nghiệp mà chỉ có hai nghiệp còn lại thì thường nghiệp sẽ cho quả tái tục sanh làm người, chư thiên, chúng sanh khổ cảnh theo tương ứng với nghiệp và người trong kiếp thứ hai. Còn khinh tác nghiệp sẽ cho quả trong thời bình nhật.

Nếu người nào không có cả ba: Trọng nghiệp, cận tử nghiệp, thường nghiệp. Nghĩa là loại người này chưa kịp tạo một loại ác hạnh hay thiện hạnh nào trong cuộc sống thì mệnh chung. Như vậy, chính khinh tác nghiệp sẽ cho quả tái tục sanh làm người, chư thiên, chúng sanh khổ cảnh theo tương ứng. Vì không có chúng sanh nào hiện hữu trong thế gian này mà không có khinh tác nghiệp.

Lại nữa, giữa cận tử nghiệp và thường nghiệp cả hai nghiệp này không cần phải đề cập về việc cho quả trong kiếp thứ hai. Khi nhận xét về khía cạnh diễn tiến thông thường thì thường nghiệp có sức mạnh nhiều hơn cận tử nghiệp vì là nghiệp thường xuyên hành động. Vì vậy, trong số giải Thanh Tịnh Đạo và số giải Tăng Chi Bộ Kinh mới trình bày đến nghiệp cho quả theo tuần tự rằng:

"*Aparampi catubbidham kammaṃ yaṃ garukam yaṃ bahulam yadāsannaṃ kaṭatā vā pana kammanti*". Một trường hợp khác nữa, nghiệp có bốn loại nói theo sự cho quả theo tuần tự:

- *Garukakamma*: Trọng nghiệp.
- *Bahulakamma*: Nghiệp hằng làm nhiều lần.
- *Āsannakamma*: Cận tử nghiệp.
- *Kaṭattākamma*: Nghiệp đã từng hành động trong kiếp trước.

Cho dù thường nghiệp có sức mạnh nhiều hơn cận tử nghiệp, nhưng trong việc cho quả tái tục trong kiếp thứ hai thì cận tử nghiệp là nghiệp sanh lên lúc gần lâm chung thường quan trọng hơn nhiều. Thông thường thì người sắp lâm chung thì nghiệp, nghiệp tướng, thú tướng một trong ba tướng cảnh sẽ hiện lộ trong đồng lực cận tử bằng mãnh lực của nghiệp cho quả tái tục trong kiếp thứ hai và là nghiệp có mãnh lực đem đến một trong ba tướng cảnh (Nimitta) cho hiện lộ lên được trong đồng lực cận tử. Chính cận tử nghiệp này sanh lên gần với đồng lực cận tử nên thường có cơ hội nhiều hơn thường nghiệp. Như người chăn bò lừa cả đàn bò có cả bò già lẫn bò non vào trong chuồng. Khi cả đàn bò vào chuồng rồi thì con bò già chậm chạp đi sau cùng lại đứng ngay sát cửa chuồng. Vừa rạng đông, người chăn bò mở cửa chuồng lừa bò ra thì con bò già ấy lại có cơ hội ra trước cả đàn mặc dù sức nó già yếu. Điều này như thế nào thì cận tử nghiệp nói về sức mạnh thì yếu hơn thường nghiệp thật, nhưng là nghiệp sanh lên gần với đồng lực cận tử và có khả năng làm cho một trong ba tướng cảnh (*Nimitta*) hiện lộ lên được. Từ đó, khẳng định được rằng, chính nghiệp này là nghiệp dẫn dắt chúng sanh tái tục trong cõi thứ hai. Do đó, trong Thắng Pháp Tập Yếu Luận (*Abhidhammatthasaṅgaha*) mới trình bày đến nghiệp cho quả theo tuần tự bằng cách nêu cận tử nghiệp lên trước thường nghiệp.

Điều dẫn chứng nêu lên: Con bò già đứng gần sát cửa chuồng thường ra khỏi chuồng trước các con bò non đang đứng phía sau. Nhưng nếu con bò già đó không đủ sức mạnh ra khỏi chuồng thì các con bò khác đứng phía sau cũng có cơ hội ra khỏi chuồng trước con bò già. Dẫn chứng trên cho ta thấy: Cận tử nghiệp yếu sức mạnh thì không có khả năng đem đến một trong ba tướng cảnh (*Nimitta*) cho hiện lộ lên trong đồng lực cận tử được. Cho nên nếu cận tử nghiệp yếu sức mạnh thì cơ hội cho quả tái tục trong kiếp thứ hai phải là thường nghiệp đảm nhận vai trò làm cho một trong ba tướng cảnh hiện lộ lên trong đồng lực cận tử cho quả tái tục trong kiếp thứ hai. Như vậy thì thường nghiệp phải đứng thứ hai theo thứ tự và cận tử nghiệp xuống đứng thứ ba đứng theo số giải Thanh Tịnh Đạo và số giải Tăng Chi Bộ Kinh đã trình bày.

Lại nữa, theo số giải Thanh Tịnh Đạo thì sự cho quả của nghiệp theo tuần tự bằng cách nêu thường nghiệp lên trước cận tử nghiệp để cho hiểu thêm được rằng: Cận tử nghiệp của người đó nếu yếu thì khinh tác nghiệp và thường nghiệp không có khả năng hỗ trợ cho cận tử nghiệp cho quả tái tục được.

Do nhân này mới xuống tới chức năng của thường nghiệp cho quả tái tục bởi nhận được sự trợ giúp ủng hộ từ khinh tác nghiệp, chính là hậu báo nghiệp.

-ooOoo-

3- Nhóm bốn nghiệp theo thời gian (*Pàkakàlacatukka*)

A- *Diṭṭhidhammavedanīyakamma* (hiện báo nghiệp) được định nghĩa như sau: "*Diṭṭho dhammo: Diṭṭhadhammo*"

Thực trạng chắc chắn đưa đến trong kiếp này gọi là hiện báo nghiệp (*Diṭṭhadhamma*) tức tự thể hiển lộ trong kiếp này "*Vediyati anubhūyatīti: Vedanīyaṃ*" quả nào phải nhận lãnh quả đó gọi là *Vedanīya* tức quả sanh lên từ nghiệp thiện dục giới.

"*Diṭṭhadhamme vedanīyanti: Diṭṭhadhammavedanīyaṃ*"

Nghiệp nào phải nhận lãnh nơi tự thể hiển lộ trong kiếp này, nghiệp đó gọi là hiện báo nghiệp, là tư bất thiện nghiệp và tư đại thiện nghiệp trong sát na thứ nhất. Định nghĩa này được trình bày theo cách diễn giải (*Phalūpacaranaya*).

Hoặc một lý khác nữa: "*Diṭṭhadhamme vadanīyaṃ phalaṃ etassāti: Diṭṭhadhammavedanīyaṃ*"

Quả phải nhận lãnh nơi tự thể được hiển lộ trong kiếp này bởi nghiệp nào nghiệp đó gọi là hiện báo nghiệp. Định nghĩa điều này trình bày theo cách trực tiếp (*Mukhayanaya*).

Thích giải: Các hành động sai biệt của con người cho dù bằng thân, ngữ, ý thuộc về thiện hay bất thiện đi nữa. Nhưng trong lúc hành động phần nhiều thường có bảy sát na đồng lực, mà lộ tâm có bảy sát na đồng lực thì có nhiều vô số không thể tính được hết trong một hành động. Trong cả bảy sát na đồng lực này thì tư câu sanh trong đồng lực thứ nhất gọi là hiện báo nghiệp. Nghĩa là loại nghiệp này trở quả hiển lộ trong kiếp hiện tại, như được thấy, nghe, ngửi, nếm, đụng cảnh tốt và xấu. Và làm cho sắc nghiệp, sắc quý tiết do nghiệp trợ như các bộ phận trong cơ thể, màu da đẹp xấu đều thuộc quả vô nhân sanh lên cả, chứ không thể cho quả trong thời tái tục và thời bình nhật kể từ kiếp thứ hai... Tức tư thiện, tư bất thiện câu sanh trong đồng lực thứ nhất này không thể sắp đặt quả tái tục cho người đó sanh làm người, chư thiên hoặc chúng sanh địa ngục... Và cũng không thể cho quả để người đó thọ nhận các cảnh tốt hay xấu trong thời bình nhật kể từ kiếp thứ hai trở đi.

Đây cũng do tư trong đồng lực thứ nhất này không có sức mạnh nhiều bằng đồng lực thứ hai đến đồng lực thứ bảy. Bởi vì đồng lực sanh lên lần đầu tiên không được sự trợ giúp ủng hộ của Tập Hành Duyên (*Asevanāpaccaya*), tức đồng lực cùng giống với nhau. Do đó, mới không cho quả trong kiếp thứ hai trở đi được và cả trong thời tái tục lẫn thời bình nhật như đã đề cập. Và sự kiện mà đồng lực thứ nhất này nhận được sự trợ giúp ủng hộ từ tâm khai ý môn bằng Vô Gian Duyên (*Anantarapaccaya*) và Đẳng Vô Gian Duyên (*Samanantarapaccaya*) cũng không phải là sự hỗ trợ về khía cạnh sức mạnh mà chỉ trợ giúp ủng hộ về khía cạnh trợ sanh mà thôi. Như Ngài giáo thọ sư số giải trình bày trong số giải bộ Pháp Tụ (*Atthasālinī*) và số giải Phân Tích Danh Sắc (*Nāmarūpapariccheda*) rằng:

Diṭṭhadhammavedanīyaṃ Paṭhamam javanam bhava Alāddhā sevanattā vā Asamattam bhavantare.

Nghĩa là: Hiện báo nghiệp tức sở hữu tư trong đồng lực thứ nhất, sở hữu tư này không thể cho quả trong kiếp thứ hai do không được sự trợ giúp ủng hộ từ Tập Hành Duyên.

Hiện báo nghiệp có hai loại

1- *Paripakkadiṭṭhadhammavedanīyakamma*: Nghiệp sẽ trở quả trong kiếp hiện tại vì được chín mùi.

2- *Aparipakkadiṭṭhadhammavedanīyakamma*: Nghiệp sẽ trở quả trong kiếp hiện tại nhưng chưa được chín mùi.

Minh chứng điều thứ nhất

Nghiệp sẽ trở quả trong kiếp hiện tại vì được chín mùi. Tức trở quả hiển lộ chắc chắn trong vòng bảy ngày. Như Ngài giáo thọ sư sơ giải đã trình bày trong kinh *Devadaha* của sơ giải *Uparapaññāsaka* rằng:

"Yaṃ pana sattadivasabbhantare vipākaṃ deti ta paripakkadevanīyaṃ nāma".

Nghiệp nào trở quả trong vòng bảy ngày, nghiệp đó gọi là:

- *Paripakkavedanīyakamma*. Như trong câu chuyện thanh niên nghèo khổ tên là *Mahāduggata* đã cúng dường vật thực cho bậc Chánh Đẳng Giác *Kassapa*, chuyện chàng *Puija* cùng vợ là người nghèo khổ đã cúng dường vật thực cho Ngài *Sariputta*, và chuyện chàng *Kakavaoiya* cùng vợ là người nghèo khổ đã được cơ hội cúng dường vật thực cho trưởng lão *Mahākassapa*. Tất cả đều được trở thành trưởng giả trong vòng bảy ngày. Những người này, khi đã trở thành trưởng giả thì thường nhận được cảnh tốt... như thấy cảnh đẹp, nghe tiếng hay, ngửi mùi thơm, nếm vị ngon ngọt, xúc chạm an lạc. Các việc này đều là nhân thức, nhĩ thức... dị thực quả thuộc về danh pháp. Riêng về sắc pháp thì có sắc mặt, làn da trong sáng, thân thể kiện toàn bởi do sắc nghiệp, sắc quý tiết do nghiệp trợ sanh khởi lên từ thiện nghiệp, nhân thức dị thực quả thiện... Các quả này đều thuộc pháp vô nhân cả, cho nên hiện báo nghiệp này mới là nghiệp cho quả hiển lộ thuộc về khía cạnh pháp vô nhân.

Paripakkadiṭṭhadhammavedanīyakamma. Về phần bất thiện thì có câu chuyện thanh niên *Nanda* bị đất rút do cưỡng hiếp trưởng lão ni *Upalavañṇā* là bậc A La Hán. Và người đồ tể *Nanda* do vật thực trong nhà thiếu hụt mới cầm dao đi đên chuồng bò cắt lấy lưỡi bò cho vợ đem đi nướng. Trong lúc *Nanda* dùng lưỡi bò thì lưỡi của *Nanda* tự đứt lìa ra rơi xuống nhận lãnh khổ thọ, kêu la rên siết cho đến chết ngay tại đó. Lúc *Nanda* cảm thọ sự đau đớn thì tâm thân thức câu hành khổ và nhân thức, nhĩ thức... thuộc dị thực quả bất thiện đồng sanh với sắc nghiệp, sắc quý tiết do bất thiện nghiệp trợ sanh tức thương tích từ lưỡi bị đứt lìa ra. *Devadatta* bị đất rút liên quan từ hành động làm chảy máu Phật và chia rẽ Tăng. Vua *Suppabuddha* là phụ vương của *Devadatta* và nàng *Cincā* cũng bị đất rút liên quan từ việc biểu lộ hành động bất cung kính đã đui bậc Chánh Đẳng Giác. Bà *La Môn Kokālika* bị đất rút liên quan từ việc mắng chửi hai vị Thượng Thủ *Thinh Văn*. Các việc này đều thuộc *Paripakkadiṭṭhadhammavedanīyakamma*.

Minh chứng điều thứ hai

Nghiệp sẽ trở quả trong kiếp hiện tại nhưng chưa được chín mùi. Tức hành động thiện hay bất thiện cho quả hiển lộ sau bảy ngày trở đi.

Tóm lại: Hiện báo nghiệp là nghiệp trở quả trong kiếp hiện tại mà không vượt qua kiếp khác hay đời sống khác được:

- Người nào tạo trử thiện, bất thiện vào thời thiếu niên thì nghiệp này trở quả trong thời thiếu niên, trung niên, lão niên.

- Người nào tạo trử thiện, bất thiện vào thời trung niên thì nghiệp này trở quả trong thời trung niên, lão niên.

- Người nào tạo trử thiện, bất thiện vào thời lão niên thì nghiệp này trở quả trong thời lão niên.

Các việc này đều là hiện báo nghiệp cả. Như Ngài A xà lê chú giải sư trình bày trong sơ giải *Uparipaññāsaka* rằng: *"Yaṃ paṭhamavaye kataṃ paṭhamavaye vā majjhimavaye vā pacchimavaye vā, majjhimavaye kataṃ majjhimavaye vā pacchimavaye vā, pacchimavaye kataṃ tatthevavipākandeti taṃ diṭṭhadhammavedaniyaṃ nāma"*.

- Nghiệp nào tạo trử trong thời thiếu niên, thường trở quả trong thời thiếu niên, thời trung niên, thời lão niên.

- Nghiệp nào tạo trử trong thời trung niên, thường trở quả trong thời trung niên hoặc thời lão niên.

- Nghiệp nào tạo trử trong thời lão niên, thường trở quả trong thời lão niên.

Tất cả các nghiệp đó gọi là hiện báo nghiệp.

*

Trình bày so sánh quả của hiện báo nghiệp - sanh báo nghiệp

Phần nhiều chúng ta thường hiểu với nhau là quả nhận lãnh từ hiện báo nghiệp là quả có sức mạnh nhiều hơn. Bởi sự kiện được trở thành trưởng giả trong vòng bảy ngày cũng như việc đất rút liền tức thì. Các việc này không phải là vấn đề sẽ nhận được quả dễ dàng và không phải bất cứ người nào cũng nhận được. Người nhận được loại quả này phải có trường hợp đặc biệt cả hai khía cạnh tốt lẫn xấu. Do nhân này, mọi người đều ước muốn nhận được quả từ hiện báo nghiệp thuộc khía cạnh tốt. Tức muốn nhận quả nhân tiền như trở thành trưởng giả và sợ hãi với việc gặt quả từ hiện báo nghiệp thuộc khía cạnh xấu tức sợ bị đất rút... Nhưng nếu so sánh việc cho quả của sanh báo nghiệp thường quan trọng hơn nhiều. Vì quả từ hiện báo nghiệp chỉ là quả liên quan đến suốt đời sống riêng biệt của người đó mà thôi; khi mệnh chung rồi thì quả đó cũng chấm dứt cùng lúc với mãnh lực của hiện báo nghiệp. Còn quả nhận được từ sanh báo nghiệp thì khi người đó mệnh chung mãnh lực của loại nghiệp này chuyển đổi suốt đời sống thực tại của người đó cho nhận được quả cao hơn cả trong thời tái tục lẫn thời bình nhật. Nếu thuộc lãnh vực bất thiện thì người đó phải sanh làm chúng sanh địa ngục hứng chịu khổ thọ cực hình suốt thời gian dài. Nếu thuộc lãnh vực thiện thì được sanh làm chư thiên và nhân loại bậc cao, hưởng thụ an lạc thân tâm suốt tuổi thọ của mình.

Khi so sánh ví dụ giữa hai nghiệp này thì cũng tương tựa như hai loại cây. Loại thứ nhất chỉ có bông nhưng không có trái; còn loại thứ hai có cả bông lẫn trái. Loại cây chỉ có bông khi đã cho hoa rồi thì không cách gì nhân giống để cây đó phổ biến ra được. Loại cây có cả bông lẫn trái khi đã cho hoa rồi thì tự mình biến đổi thành trái và trái đó có thể nhân giống cho phổ biến nhiều ra. Điều này như thế nào thì hiện báo nghiệp cũng giống như loại cây chỉ có bông, bởi chỉ trở quả trong kiếp này chứ không thể nào tự tạo sanh hữu cho mình hiển lộ lên được. Còn sanh báo nghiệp giống như loại cây có cả bông lẫn trái, bởi vì tự tạo sanh hữu cho mình hiển lộ lên được.

*

Hiện báo nghiệp trở thành Vô hiệu nghiệp

Đã được đề cập trong phần đầu rằng hiện báo nghiệp là nghiệp yếu sức mạnh không nhận được sự trợ giúp từ Tập Hành Duyên (*Asevanāpacaya*). Do đó, chỉ cho quả trong kiếp này nhưng sự cho quả cũng không chắc chắn lắm, có thể không trở quả mà trở thành vô hiệu nghiệp. Hiện báo nghiệp mà trở quả hiển lộ được thì phải không dính vào một loại nào trong bốn trường hợp:

1. *Paṭipakkhehi anabhibhūtatāya*: Không bị lấn áp từ nghiệp đối nghịch. Tức nếu thuộc thiện hiện báo nghiệp thì không bị lấn áp từ bất thiện nghiệp, còn thuộc bất thiện hiện báo nghiệp thì không bị lấn áp từ thiện nghiệp; thì nghiệp đó mới trở quả hiển lộ được. Còn nếu bị lấn áp bởi nghiệp đối nghịch thì nghiệp đó cũng không trở quả được mà trở thành vô hiệu nghiệp.
2. *Paccayavisesena paṭiladdhavisetasāya*: Có sức mạnh đặc biệt do nhận được sự trợ giúp ủng hộ từ điều kiện đặc biệt. Tức nếu: *Thuộc thiện hiện báo nghiệp* thì phải hội đủ bốn điều cụ túc:

- *Gatisampatti*: Sanh hữu cụ túc.
- *Kālasampatti*: Thời điểm cụ túc.
- *Upadhisampatti*: Tái sanh cụ túc.
- *Payogasampatti*: Sở hành cụ túc.

Thuộc bất thiện hiện báo nghiệp thì cũng phải hội đủ bốn điều suy vong:

- *Gativipatti*: Sanh hữu suy vong.
- *Kālavipatti*: Thời điểm suy vong.
- *Upadhivipatti*: Tái sanh suy vong.

- *Payogavipatti*: Sở hành suy vong.

Thì nghiệp đó mới trở quả hiển lộ được. Ngược lại nếu hội đủ nhân đối nghịch lại; tức nghiệp thiện hội đủ bốn điều suy vong hoặc nghiệp bất thiện thì hội đủ bốn điều cụ túc thì nghiệp đó cũng không trở quả mà trở lại thành vô hiệu nghiệp.

Ý nghĩa của bốn điều cụ túc và bốn điều suy vong như sau:

a. *Gatisampatti* (*sinh hữu cụ túc*): Âm chỉ người được sanh lên trong cõi vui như nhân loại, chư thiên hay Phạm Thiên.

Gativipatti (*sinh hữu suy vong*): Âm chỉ người sanh vào cõi khổ như bàng sanh, ...

b. *Kālasampatti* (*thời điểm cụ túc*): Âm chỉ đến thời điểm nào mà người được ở trong quốc độ có vua chúa chánh kiến cai trị và Phật Giáo vẫn còn tồn tại.

Kālavipatti (*thời điểm suy vong*): Âm chỉ đến thời điểm nào mà người ở trong quốc độ có vua chúa tà kiến cai trị và Phật Giáo đã bị tiêu hoại.

c. *Upadhisampatti* (*tái sinh cụ túc*): Âm chỉ người sau khi sanh ra có đầy đủ bộ phận thân thể không bị khiếm khuyết.

Upadhivipatti (*tái sinh suy vong*): Âm chỉ đến người sau khi sanh ra các bộ phận thân thể bị khiếm khuyết, không đầy đủ.

d. *Payogasampatti* (*sở hành cụ túc*): Âm chỉ đến người nương vào chánh tinh tấn và chánh tư duy rời kiến tạo thân nghiệp, ngữ nghiệp, ý nghiệp theo thiện hạnh không sai phạm pháp luật nhà nước và không phạm Giới Luật trong Phật Giáo.

Payogavipatti (*sở hành suy vong*): Âm chỉ đến người nương vào tà tinh tấn và tà tư duy rời hành động thân nghiệp, ngữ nghiệp, ý nghiệp theo ác hạnh, sai phạm vào pháp luật nhà nước và phạm vào Giới Luật trong Phật Giáo.

3. *Tādissasa pubbābhisāṅkhāra* *vasena sātisayā*: Có sức mạnh vững chắc bởi mãnh lực của tiền hành (*Pubbābhisāṅkhāra*) có đặc tánh tương ứng với đồng lực thứ nhất.

Người nào trước khi bắt tay vào làm việc thiện hay việc bất thiện mà đã chuẩn bị tâm của mình cho mạnh dạn và kiên trì đối với việc làm đó bằng cách suy tính rằng:

- Người mà thích thú vừa lòng làm công việc nào rồi, thì công việc đó sẽ không thể không thành tựu.
- Người mà có sự nỗ lực chuyên cần làm công việc nào rồi, thì công việc đó sẽ không thể không hoàn thành.
- Người mà quyết tâm không lay chuyển làm công việc nào rồi, thì công việc đó không thể không thành công.
- Người có trí tuệ tính làm công việc nào rồi, thì công việc đó không thể không thành đạt kết quả.

Người đã suy nghĩ như thế dù làm bất cứ công việc nào tâm người đó cũng hiện khởi mạnh mẽ. Cho nên đồng lực thứ nhất thuộc hiện báo nghiệp trở quả hiển lộ ngay trong kiếp này. *Nếu không hội đủ một trong bốn tiền hành* (*Pubbābhisāṅkhāra*) thì nghiệp đó cũng không đủ sức mạnh trở quả hiển lộ trong kiếp hiện tại được mà trở thành vô hiệu nghiệp.

4. *Guṇavisesayuttesu upakārāpakārasappavattiyā*:

Đồng lực sanh lên diễn tiến bởi mãnh lực của hành động thiện hạnh hoặc hành động ác hạnh đã tạo với bậc viên mãn ân đức đặc thù như bậc Chánh Đẳng Giác, bậc A La Hán, bậc A Na Hàm...

Tức nếu thuộc thiện nghiệp thì giống như thanh niên nghèo khổ *Mahāduggata* đã cúng dường cho bậc Chánh Đẳng Giác *Kassapa*. Còn thuộc bất thiện nghiệp thì giống như thanh niên *Nanda* đã cưỡng hiếp lão ni *Upalavannā*. Các nghiệp này trở quả nhãn tiền trong kiếp hiện tại.

Nếu các hành động nào không tạo tác đối với bậc viên mãn ân đức đặc thù như đã đề cập thì các nghiệp đó sẽ không trở quả hiển lộ trong kiếp hiện tại mà phần nhiều trở thành vô hiệu nghiệp. Còn đối với hành động thuộc về phần bất thiện, cho dù không tạo tác đối với bậc viên mãn ân đức đặc thù đi nữa, nhưng vẫn trở quả hiển lộ trong kiếp hiện tại được. Như chuyện người đồ tể *Nanda* đã cắt lưỡi bò làm vật thực để ăn. Bất thiện sát sanh mà mình đã từng quen làm trợ giúp ủng hộ cho hiện báo nghiệp, làm lưỡi của *Nanda* đứt lìa rơi xuống trước mặt trong lúc dùng vật thực.

Trình bày nhân làm cho quả của thiện thí được hiển lộ trong kiếp này

Đối với thiện thí cho quả hiện báo nghiệp phải hội đủ bốn chi phần:

1. *Vatthusampadā*: Người thọ thí là bậc A La Hán hoặc A Na Hàm.
2. *Paccayasampadā*: Vật thí đem đến dâng cúng là vật thí thanh tịnh
3. *Cetanāsampada*: Chủ thí có đầy đủ tác ý mạnh mẽ.
4. *Guṇātirekasampadā*: Bậc A La Hán hoặc A Na Hàm thọ thí có được ân đức đặc thù như vừa xả thiên diệt.

Khi đã đầy đủ bốn chi phần như đã đề cập trên thì việc bố thí của người đó sẽ thành tựu hiện báo nghiệp và trở quả trong kiếp hiện tại liền tức thì. Như lời trình bày trong số giải Pháp Cú Kinh:

*"Catassopi sampadānāma vatthusampadā paccayasampadā cetanāsampadā
guṇātirekasampadāti, tattha nirodhasamāpattito vuṭṭhito arahā vā ānāgāmi vā dakkhiṇeyyo
vatthusampadā nāma, paccayānaṃ dhammena samena uppatti paccayasampadā nāma, dānato
pubbe dānakāle pacchābhāgeti tīsukālesu cetanāya somanassahagatañānasampayuttabhāvo
cetanāsampadā nāma, dakkhiṇeyyassa samāpattito vuṭṭhitabhāvo guṇātirekasampadā nāmāti,
etāsaṃ anubhāvena diṭṭhadhamme mahāsampattiṃ pāpunāti"*

Nghĩa là: Gọi là *Sampadā* (thành tựu) có bốn loại:

- *Vatthusampadā*
- *Paccayasampadā*
- *Cetanāsampadā*
- *Guṇātirekasampadā*

Trong bốn loại *Sampadā*:

- Bậc A La Hán hoặc A Na Hàm có thiên diệt là bậc xứng đáng cúng dường gọi là *Vatthusampadā*.
- Sự phát sanh các vật dụng theo đúng pháp được gọi là *Paccayasampadā*.
- Sự tác ý trong ba thời tức trong lúc trước khi cho, đang khi cho, và sau khi cho cùng kết hợp với trí tuệ câu hành hỷ thì được gọi là *Cetanāsampadā*.
- Còn bậc xứng đáng cúng dường vừa xuất thiên diệt ra gọi là *Guṇātirekasampadā*.

Do mãnh lực của cả bốn loại *Sampadā* này thường đạt được đại tài sản nhãn tiền ngay tức khắc.

Theo như lời đã đề cập rằng: Hiện báo nghiệp không có khả năng trở quả hiển lộ trong hiện tại được thì thường trở thành vô hiệu nghiệp. Không phải là vô hiệu nghiệp khi đã làm xong, mà thường là vô hiệu nghiệp trong sát na đang làm. Vì vậy, vô hiệu nghiệp mới có ba tên gọi:

- *Nahosi kammavipāko*: Nghiệp chưa cho quả.
- *Nabhāvissati kammavipāko*: Nghiệp sẽ không cho quả.
- *Natthi kammavipāko*: Nghiệp không có quả.

Như Ngài A xà lê chú giải sự trình bày trong Tăng Chi Bộ Kinh của số giải *Majjhimaṇṇāsaka* rằng:

"Tathā asakkonto ahosikammaṃ nahosikammavipāko nabhāvissatikammavipāko natthikammavipāko ti imassa tikassavasena ahoṣi".

Hiện báo nghiệp không có khả năng trở quả theo trường hợp đã đề cập đó, thường trở thành vô hiệu nghiệp theo ba loại có tên gọi như sau:

- Nghiệp chưa cho quả.
- Nghiệp sẽ không cho quả.
- Nghiệp không có quả.

Hỏi: Quả nhận được từ hiện báo nghiệp trong kiếp hiện tại được hiển lộ rõ ràng có hay không?

Đáp: Có.

Như người đã làm thiện pháp rồi được danh tiếng, khen ngợi, địa vị, quyền tước, buôn bán phát đạt, được người vừa lòng thương mến... Còn người đã tạo bất thiện rồi thì nhận lãnh tai họa, bị chê trách, chỉ trích, buôn bán thất bại lỗ vốn, bị người thù ghét... Nhưng dù thế nào đi nữa, quả nhận lãnh từ hiện báo nghiệp này thường nhận lãnh riêng biệt lúc đang còn sống mà thôi, không có khả năng cho quả trong kiếp sống tiếp theo.

B- *Upapajjavedanīyakamma* (sinh báo nghiệp) *định nghĩa như sau*:

"Diṭṭhadhamassa samīpe anantare pajjitabbo gantabboti: Upapajjo".

Kiếp nào vào tiếp nối không gián đoạn vào lúc tận cùng của kiếp hiện tại, kiếp đó gọi là Upapajja tức kiếp thứ hai.

"Upapajjavedanīyaṃ phalaṃ etassāti: Upapajjavedanīyaṃ"

Quả nhận được trong kiếp thứ hai đang có với nghiệp nào, nghiệp đó gọi là sinh báo nghiệp.

Hoặc một lý khác nữa: *"Upapajja vedanīyaṃ: Upapajjavedanīyaṃ"* Nghiệp phải nhận được vào kiếp thứ hai gần kề kiếp hiện tại gọi là sinh báo nghiệp. Tức tư trong đồng lực bất thiện và đồng lực đại thiện thứ bảy.

Trong định nghĩa này trình bày như sau: *"Upa"* trong *"Upapajja"* ám chỉ ý nghĩa "gần".

Một khía cạnh khác *"Upapajja"* này là câu xuất xứ trình bày đến ý nghĩa kiếp thứ hai, giống như câu *"Pacca"* trong Pāli trình bày rằng: *"Idha modati pacca modati"*

Nghĩa là: Kiếp này thường có sự hân hoan, kiếp sau cũng có sự hân hoan.

Trình bày đến ý nghĩa kiếp thứ hai (*Anantarabhava*), vì vậy trong định nghĩa trình bày rằng: *"Upapajja vedanīyaṃ: Upapajjavedanīyaṃ"*

Nghĩa là: Nghiệp phải nhận trong kiếp thứ hai gọi là sinh báo nghiệp.

Thích giải: Các hành động sai biệt liên quan đến thân, ngữ, ý của tất cả chúng sanh đang làm được thành tựu do nương vào tư trong đồng lực thứ bảy; đồng lực thứ nhất đến đồng lực thứ sáu không thể

làm cho thành tựu được. Vì vậy, tư trong đồng lực thứ bảy này Ngài mới đề cập là:

Atthasādhikacetanā hoặc *Sanniṭṭhāpakacetanā* như trong *Paramatthadīpanīmahatīkā* trình bày rằng: "*Atthasādhikā pana sanniṭṭhāpakabhūtā sattamajavana cetanā upapajjavedaniyaṃ nāma*".

"Tư trong đồng lực thứ bảy có khả năng làm thành tựu phận sự cũng là nhân quyết định tuyệt đối gọi là sanh báo nghiệp".

Điều làm cho hiểu được tư trong đồng lực thứ bảy thường giữ vai trò trọng yếu trong các việc làm cho thành tựu phận sự và cho quả sanh lên kiếp kế tiếp cả thời tái tục lẫn thời bình nhật. Vì vậy, nên gọi là sanh báo nghiệp.

Nghiệp ngũ nghịch vô gián và nghiệp tà kiến nhất định, các nghiệp này cũng do tư trong đồng lực bất thiện thứ bảy.

*

Trình bày tư được coi như là sanh báo nghiệp trong đồng lực chỉ có 6 sát na sanh lên

Theo như trong đồng lực cố định của Tâm Lộ Tập Yếu (*Vithīsāṅgha*) trình bày rằng:

"Kāmāvacarajavanāni sattakkhattuṃ chakkattumeva

vā javanti" nghĩa là "*Đồng lực dục giới sanh lên hưởng cảnh trong mỗi lộ tâm có 7 sát na hoặc 6 sát na cũng có*". Vì vậy, nếu trong lộ tâm nào sanh lên 6 sát na thì coi như chính tư trong đồng lực thứ sáu đó là *sanh báo nghiệp*.

*

Trình bày lời nói của ngài A xà lê

Vibhāvinīṭkā

"Sā ca paṭisandhiṃ datvāva pavattivipākaṃ deti, paṭisandhiyā pana adinnāya pavatti vipākaṃ detīti natthi, cutianantaraṃ hi upapajjavedanīyassa okāso". "Tư trong đồng lực thứ bảy nếu đã cho quả trong thời tái tục trong kiếp thứ hai thì cũng cho quả trong thời bình nhật. Nếu không có cơ hội cho quả trong thời tái tục nối tiếp với thời tử trong kiếp hiện tại, thì không có cơ hội trở thành thời cho quả của sanh báo nghiệp".

Theo lời Ngài A xà lê *Vibhāvinīṭkā* đề cập như vậy là không đúng, bởi vì có câu chuyện liên quan đến tư trong đồng lực thứ bảy cho quả riêng biệt trong thời bình nhật ngay kiếp thứ hai cũng hiện hữu hiển lộ. Như trong bốn sanh *Bhūridatta* Bồ Tát của chúng ta trong kiếp sống trước khi làm Long Vương, đã nhìn thấy long sản của Long Vương rồi khởi lên thỏa thích mong ước được sanh làm Long Vương. Mới nỗ lực tinh cần tạo phước sai biệt rồi ước nguyện sanh làm Long Vương với đầy đủ long sản. Khi mệnh chung từ kiếp đó thì được sanh làm Long Vương đúng như sở nguyện. Nhưng sự kiện sanh làm Long Vương này là diễn tiến bởi mãnh lực bất thiện dẫn dắt tái tục chứ không phải diễn tiến bởi mãnh lực thiện sanh báo nghiệp mà Bồ Tát đã thường tạo trữ. Nhưng khi sanh làm Long Vương rồi thì trong thời bình nhật được thọ hưởng an lạc với các tài sản... bởi mãnh lực thiện sanh báo nghiệp. Nhân cơ này, mới khẳng định được rằng tư trong đồng lực thứ bảy gọi là sanh báo nghiệp cũng cho quả riêng biệt trong thời bình nhật. Vì vậy, lời nói của Ngài A xà lê *Vibhāvinīṭkā* là không đúng như đã đề cập.

Lại nữa, trong *Vibhāvinīṭkā* còn trình bày quan điểm của Ngài A xà lê rằng: "*Paṭisandhiyā pana dinnāya jātisate pi pavattivipākaṃ deti*" Nghĩa là: "*Tư trong đồng lực thứ 7 khi đã cho quả trong thời tái tục theo tuần tự của sự chết, thì cũng có thể cho quả trong thời bình nhật nối tiếp nhau đến 100 kiếp cũng được*". Lời nói của Ngài A xà lê như vậy chưa đúng, bởi vì khi đến kiếp thứ ba rồi thì sanh báo nghiệp sẽ không có chức năng quả, mà do chức năng của hậu báo nghiệp đảm nhận. Vì vậy đừng nói chi đến cho quả nối tiếp nhau đến 100 kiếp mà chỉ kiếp thứ ba cũng không diễn tiến được.

Trong số giải Tăng Chi Bộ Kinh trình bày rằng: Hiện báo nghiệp, sanh báo nghiệp và hậu báo nghiệp, các nghiệp này chỉ có chức năng cho quả riêng biệt theo lãnh vực của mình mà không thể hoán chuyển thành loại khác được. Nghĩa là hiện báo nghiệp cũng phải trở thành vô hiệu nghiệp mà không có sự hoán chuyển cho quả trong kiếp thứ hai. Sanh báo nghiệp cũng có chức năng cho quả trong kiếp thứ hai, nếu không có cơ hội cho quả trong kiếp thứ hai thì cũng trở thành vô hiệu nghiệp mà không có cơ hội cho quả trong kiếp thứ ba... Còn hậu báo nghiệp có chức năng cho quả kể từ kiếp thứ ba trở đi cho đến khi Níp Bàn. Nhưng nếu người đó Níp Bàn trước mà hậu báo nghiệp chưa có cơ hội cho quả thì nghiệp này cũng trở thành vô hiệu nghiệp. Như việc trình bày sau:

"Ditṭhadhammavedanīyaṃ upapajjavedanīyaṃ aparāpariyavedanīyanti tesam saṅkamaṇaṃ natthi yathāṭṭhāneyeva tiṭṭhanti".

Nghĩa là: "Sự hoán vị cho quả của cả ba nghiệp như hiện báo nghiệp, sanh báo nghiệp, hậu báo nghiệp hằng không có, mà chỉ định vị trong lãnh vực của mình mà thôi".

C- *Aparāpariyavedanīyakamma* (hậu báo nghiệp) câu *Aparāpariyavedanīya* này khi phân từ thì có ba từ tức: *Apara + apara + vedanīya*, *Apara*: kiếp khác, *apara*: kiếp khác, *vedanīya*: quả phải nhận. Nhưng trong nơi đây ám chỉ nghiệp cho quả là trình bày theo cách diễn giải (*Phalūpacāranaya*).

Khi gom lại với nhau thì thành *Aparrāpariyavedanīya* ám chỉ việc cho quả trong kiếp khác nữa, như trình bày định nghĩa sau: "*Aparo ca aparo ca = Aparāparo*, *Aparāparo yeva = Aparāpariyaṃ*, *Aparāpariye vedanīyaṃ = Aparāpariyavedanīyaṃ*". Kiếp khác nữa gọi là *Aparāpara*, Chính trong kiếp khác nữa gọi là *Aparāpariya* (trong nơi đây từ *Iya* không có trình bày ý nghĩa riêng biệt).

Nghiệp phải nhận trong kiếp khác nữa gọi là Aparāpariyavedanīya.

Việc trình bày định nghĩa như đã đề cập đây là trình bày theo Pāli trong Thắng Pháp Tập Yếu Luận dùng từ "*Aparāpariyavedanīyaṃ*". Nhưng trong Pāli Thắng Pháp, trong hậu số giải Thanh Tịnh Đạo và trong hậu số giải Tăng Chi Bộ Kinh dùng từ nghiệp này, gọi là *Aparāpariyavedanīya*.

Apara ám chỉ đến kiếp khác ngoài kiếp này. (*Ditṭhadhammabhava*) và kiếp sau. (*Upapajjabhava*) nghĩa là kiếp thứ ba... trở đi. *Pariyāya*: kiếp tiếp theo nữa. *Vedanīya*: quả phải nhận. Nhưng trong nơi đây ám chỉ nghiệp cho quả, khi gom lại với nhau thành *Aparapariyavedaniya* tức nghiệp cho quả trong kiếp thứ ba trở đi. Như định nghĩa trình bày sau: "*Pariyāyati punappunaṃ āgacchatīti = Pariyāyo*" Kiếp nào thường có thực tánh luân chuyển tức chết rồi lại tái sanh nữa kiếp đó gọi là *Pariyāya*.

"Aparo ca so pariyaṃ cāti = Aparapariyāyo".

Kiếp nào ngoài ra kiếp hiện tại và kiếp sau mà có thực tánh luân chuyển, có nghĩa là chết rồi tái sanh lại nữa. Kiếp đó gọi là *Aparapariyāya* tức kiếp khác nữa kể từ kiếp thứ ba trở đi ...

"Aparapariyāya vedanīyaṃ phalaṃ etassāti = Aparapariyāvedanīyaṃ".

Quả phải nhận được trong kiếp khác nữa kể từ kiếp thứ ba... đối với nghiệp nào, nghiệp đó gọi là hậu báo nghiệp

Việc trình bày định nghĩa như đã đề cập trên cho hiểu được rằng: Khi phân tích kiếp theo việc nhận quả của nghiệp đó thì hiện hữu ba loại:

- *Ditṭhadhammabhava*: Kiếp này.

- *Upapajjabhava*: Kiếp sau.

- *Aparapariyāyabhava*: Kiếp thứ ba... cho suốt đến kiếp sau cùng khi chứng đắc Níp Bàn.

Khi đã đề cập đến nghiệp cho quả trong kiếp sau sau thì nghiệp đó gọi là hậu báo nghiệp. Hậu báo nghiệp tức từ trong năm đồng lực giữa kể từ đồng lực thứ hai cho đến đồng lực thứ sáu. Và hậu báo nghiệp này khi đã có cơ hội cho quả thì thường cho quả được mãi mãi cho đến khi người đó Níp Bàn

mới trở thành vô hiệu nghiệp. Thích hợp như Ngài A xà lê chú giải đã trình bày trong số giải Tăng Chi Bộ Kinh và số giải Trung Bộ Kinh rằng:

"Ubhinnaṃ antare pañcājanacetanā aparāpariyāvedannīya kammaṃ nāma taṃ anāgate yadā sokāsaṃ labhati tadā vipākaṃ deti, sati saṃsāra pavattiyā ahosikammaṃ nāma nahoti".

Nghĩa là: 5 tư đồng lực định vị giữa đồng lực thứ nhất và đồng lực thứ bảy gọi là hậu báo nghiệp. Loại nghiệp này trong thời vị lai mà có cơ hội rồi thì lúc đó luôn cho quả; khi kiếp sống luân hồi của người nào vẫn còn xoay chuyển thì nghiệp này sẽ không là vô hiệu nghiệp. Việc cho quả của hậu báo nghiệp này thường cho quả trong thời tái tục lẫn thời bình nhật.

Hỏi: Tư gọi là hậu báo nghiệp này trong mỗi lộ tâm hiện diện 5 tư. Nếu như vậy, thì sự cho quả trong thời tái tục sẽ cho quả cho người đó sanh đến 5 lần được không? Đáp: Không được.

Thích giải: Nhóm tư trong 5 sát na đồng lực này nếu có cơ hội cho quả trong thời tái tục thì chỉ cho quả một lần duy nhất như chỉ làm phận sự tái tục một lần. Còn đối với sự cho quả trong thời bình nhật thì không giới hạn. Tức có khả năng cho quả được hằng nhiều kiếp sống nếu có cơ hội thích hợp.

Lại nữa, việc cho quả trong thời tái tục của hậu báo nghiệp được trình bày rằng: Nếu có cơ hội cho quả thì chỉ cho quả được một lần duy nhất, trong sự kiện dùng từ "*nếu có cơ hội*" đó.

Giải rằng: Việc làm được liệt vào thành tựu phước phải đầy đủ 7 sát na đồng lực thì gọi là 1 nghiệp hoặc 1 tư và có sức mạnh sẽ cho quả trong thời tái tục được 1 lần. Nếu tâm sanh lên 2 lộ thì cho quả được 2 lần, và nếu tâm sanh lên 3 lộ thì cho quả được 3 lần... Trong cả 7 sát na đồng lực của mỗi lộ tâm có năng lực cho quả trong thời tái tục chỉ được 6 lần. Tức tư trong đồng lực thứ 7 gọi là sanh báo nghiệp; 5 tư trong sát na đồng lực giữa gọi là hậu báo nghiệp; tư trong đồng lực thứ 1 không có năng lực cho quả trong thời tái tục. Do đó, nếu sanh báo nghiệp trong mỗi lộ tâm mà có cơ hội cho quả tái tục rồi thì hậu báo nghiệp trong cùng lộ tâm với nhau cũng không có cơ hội cho quả trong thời tái tục, mà chỉ cho quả trong thời bình nhật mà thôi. Và nếu sanh báo nghiệp trong lộ tâm đó không có cơ hội cho quả trong thời tái tục cho kiếp thứ hai thì hậu báo nghiệp trong kiếp trước nữa sẽ được cơ hội thay thế vào cho quả trong thời tái tục. Như vậy, hậu báo nghiệp trong kiếp hiện tại cùng trong lộ tâm với sanh báo nghiệp đó cũng sẽ được cơ hội cho quả trong thời tái tục trong kiếp sau kể từ kiếp thứ ba trở đi... Bởi vì, vẫn còn quyền hạn cho quả.

Do nhân này, mới dùng từ "*nếu có cơ hội*" thích hợp như Ngài A xà lê số giải trình bày trong số giải *Aṭṭhasālinī* rằng:

"Ekāya cetanāya kamme āyūhite ekā patisandhi hoti" "Khi đã tạo nghiệp bằng một tư (tư có trong bảy sát na đồng lực) thì có một lần tái tục sanh lên được".

Điều này trình bày cho biết rằng người sanh vào địa ngục vô gián do mãnh lực sanh báo nghiệp liên quan đến ngũ nghịch vô gián hoặc nhất định tà kiến. Khi đã thoát khỏi địa ngục vô gián rồi nhóm người này phải bị sanh vào địa ngục vô gián lần nữa do mãnh lực hậu báo nghiệp hiện hữu trong cùng lộ tâm với sanh báo nghiệp thường không thể xảy ra.

Nhưng dù sao đi nữa việc tạo một loại nghiệp nào thì có ba hoặc bốn loại tư: Pubbacetanā: Tư tiền; Muñcacetanā: Tư hiện; Aparacetanā: Tư hậu; Aparāparacetanā: Tư hậu hậu (tư sanh lên sau khi đã làm rồi thời gian lâu sau).

Trong cả 4 loại tư này mỗi một loại có năng lực cho quả trong thời tái tục được hai loại tức sanh báo nghiệp và hậu báo nghiệp. Nếu gom lại mỗi một loại trong việc làm đó thì nghiệp có năng lực cho quả trong thời tái tục được 8 loại. Tức tư tiền có 2, tư hiện có 2, tư hậu có 2, tư hậu hậu cũng có 2. Đây là tính theo thông thường không đề cập đến lộ tâm.

Trong cả 8 loại nghiệp này thì 4 thuộc sanh báo nghiệp, 4 thuộc hậu báo nghiệp. Riêng đối với sự cho quả nếu sanh báo nghiệp trong một loại tư nào có cơ hội cho quả tái tục rồi thì sanh báo nghiệp trong ba loại tư khác đó cũng không có năng lực cho quả trong thời tái tục mà chỉ cho quả trong thời bình nhật trong kiếp thứ hai mà thôi. Và hậu báo nghiệp ở trong cùng loại tư với sanh báo nghiệp cho quả

tái tục rồi thì cũng chấm dứt quyền hạn cho quả tái tục mà chỉ cho quả trong thời bình nhật khi có cơ hội kể từ kiếp thứ ba trở đi. Riêng đối với ba loại tư trong hậu báo nghiệp khác vẫn còn năng lực cho quả trong thời tái tục cũng kể từ kiếp thứ ba... cho đến khi người đó Níp Bàn.

Do đó, khi đã tạo một loại nghiệp nào rồi, nếu là nghiệp ác thì nghiệp này trả quả cho người đó rơi vào khổ cảnh như địa ngục... hàng nhiều kiếp; nếu là nghiệp thiện thì nghiệp này sẽ trả quả cho người đó sanh lên cõi vui làm nhân loại hay chư thiên cũng được hàng nhiều kiếp. Sự kiện như vậy cũng do mãnh lực của loại tư trong hậu báo nghiệp khác nữa như tư tiền... Thích hợp như Ngài A xà lê số giải trình bày trong số giải *Aṭṭhasālīnī* rằng:

"Nānā cetanā hi kamme āyūhite nānā hoti paṭisandhi" "Người đã tạo nghiệp bằng tư nào như tư tiền... thì sự tái tục của người đó cũng sanh lên được nhiều lần".

Việc trình bày như đã đề cập trên là trình bày theo cách luận giải trong kinh *Lakkhaṇasampayutta Pāli* và số giải *Catutthapārājikapālī* và số giải *Vimativinodanīṭikā* theo câu chuyện được trình bày như sau:

Có một người đàn ông sanh sống bằng nghề đồ tể. Khi mệnh chung người đàn ông đó sanh vào địa ngục thọ lãnh quả khổ cực hình suốt thời gian dài. Lúc thoát khỏi địa ngục thì sanh làm ngựa quý có thân hình bộ xương (Aihisaikhasikapetā) ngự trong núi Gijjhakūta. Câu chuyện này xác định rằng sự kiện người đàn ông đó sanh vào địa ngục cũng do mãnh lực của tư hiện trong sanh báo nghiệp. Còn việc sanh làm ngựa quý do mãnh lực của tư tiền hoặc tư hậu trong hậu báo nghiệp.

Như có *Pāli* trình bày trong *Vimativinodanīṭikā* rằng:

"Tena goghātaka kammakkaṇe pubbacetanā aparacetanā sannitṭhāpaka cetanāti ekasmimpi pāṇātipāte bahū cetanā honti, nānā pāṇātipātesu vattabbameva natthi. Tattha ekāya cetanāya narake pacitvā tadanñācetanāsu ekāya aparāpariya cetanāya imasmim patattabhāve nibbattoti dasseti".

Như câu chuyện đã trình bày trên cho biết rằng: Trong lúc giết bò thường có ba loại tư khởi lên như tư tiền, tư hiện, tư hậu cho dù chỉ một lần sát sanh duy nhất cũng có nhiều loại tư sanh lên.

Còn đối với việc sát sanh nhiều lần thì không cần thiết phải đề cập đến. Trong cả ba loại tư đó thì người đồ tể phải gặt quả rơi vào địa ngục bởi nương vào tư hiện trong sanh báo nghiệp. Rồi sanh làm ngựa quý cũng do nương vào tư khác nữa trong hậu báo nghiệp ngoài ra tư hiện.

Trình bày thời điểm hậu báo nghiệp hết mãnh lực

Hầu như tất cả chúng ta đều hiểu rằng: Bất cứ loại hậu báo nghiệp nào cũng có khả năng cho quả trùng lập được hàng nhiều lần. Hiểu như vậy cũng do nương vào lời nói rằng hậu báo nghiệp thường cho quả trong thời bình nhật kể từ kiếp thứ ba... cho đến khi Níp Bàn, nhưng sự thật không phải vậy. Bởi vì, hậu báo nghiệp nào cho quả trong thời bình nhật rồi, hậu báo nghiệp đó cũng chấm dứt năng lực không thể cho quả tiếp tục được nữa cho dù người đó chưa Níp Bàn. Còn hậu báo nghiệp nào chưa có cơ hội cho quả trong thời bình nhật, hậu báo nghiệp đó sẽ có cơ hội cho quả tiếp tục được suốt cho đến khi người đó Níp Bàn.

Trong *Nipātajātaka* đã trình bày nhiều câu chuyện liên quan đến việc sát sanh rằng: Người sát sanh nhất định khi chết thì phải rơi vào địa ngục; và khi thoát nghiệp khỏi địa ngục mà sanh vào trong một cõi nào cũng bị giết chết mãi trong mỗi kiếp sống bằng với lượng số lông của loài thú mà mình giết. Bởi mãnh lực của hậu báo nghiệp trong lộ tâm khác liên quan đến tư tiền và tư hậu. Vào kiếp cuối cùng mà chấm dứt nghiệp này, thì người đó được sanh làm người và nhớ được kiếp sống cho nên vào giai đoạn bị giết trong lần cuối cùng thì người này hoan hỷ chấp nhận nghiệp đó bằng cách nói lên rằng: "Ta đã bị họ giết chết hàng nhiều kiếp sống không thể đếm siết, cho đến lần này ta đã thoát khỏi nghiệp đó sẽ không còn bị giết tiếp tục nữa". Nơi đây, trình bày cho hiểu rằng mãnh lực của hậu báo nghiệp đó đã chấm dứt hoàn toàn, nên dừng lại việc cho quả mặc dù người đó chưa Níp Bàn. Nhưng nếu mãnh lực của nghiệp đó chưa chấm dứt thì vẫn tiếp tục cho quả khi có được cơ hội. Vì vậy, trong số giải *Bổn Sanh Nemirāja* mới trình bày rằng: "*Aparāparavedanīyaṃ pana vipākam adatvā na nassati*". Nghĩa là: "*Hậu báo nghiệp thường không tiêu hoại nếu chưa được cho quả*" (đây

là trình bày theo cách trực tiếp). Việc trình bày theo *Pāli* điều này cho biết rằng khi đã cho quả rồi thì thường hoại mất (đây là trình bày theo cách gián tiếp).

D- *Ahosikamma* (vô hiệu nghiệp) gọi là vô hiệu nghiệp do đề cập theo nội dung *Pāli* của Vô Ngại Giải Đạo mà trình bày rằng: "*Ahosi kammaṃ nāhosi kammavipāko, ahosi kammaṃ natthi kammavipāko, ahosi kammaṃ nabhavissati kammavipāko*".

Nghĩa là: "Có nghiệp đã tạo xong rồi nhưng quả của nghiệp đó chẳng phải không sanh lên, có nghiệp đã tạo hoàn thành nhưng quả của nghiệp đó không sanh lên, có nghiệp đã thành tựu nhưng quả của nghiệp đó sẽ không sanh lên". Như trình bày định nghĩa sau:

"*Ahosi ca taṃ kammañcāti = Ahosikammaṃ*"

"Nghiệp gọi là vô hiệu nghiệp cũng đúng gọi là nghiệp cũng đúng, cho nên nghiệp đó gọi chung là vô hiệu nghiệp".

Một lý khác nữa rằng: "Nghiệp nào đã làm xong rồi mà không có quả thì được gọi là nghiệp và cũng còn được gọi là vô hiệu nghiệp nữa".

Thích giải: Vô hiệu nghiệp không có chi pháp riêng biệt tức tư trong sát na đồng lực thứ nhất gọi là hiện báo nghiệp, tư trong sát na đồng lực thứ bảy gọi là sanh báo nghiệp, tư trong 5 sát na đồng lực giữa gọi là hậu báo nghiệp. Chính nhóm này khi vượt quá thời hạn mà chưa được trở quả thì được gọi là vô hiệu nghiệp. Như trình bày trong *Ājāvibhaṅga* của số giải *Sammohavinodanī* rằng: "*Diṭṭhadhammavedanīyādīsu pana bahūsu pi āyūhitesu ekaṃ diṭṭhadhammavedanīyaṃ vipākam deti, sesāni avipākāni, ekaṃ upapajjavedanīyaṃ paṭisandhiṃ ākaḍḍhati sesāni avipākāni, ekena anantariyena niraye uppaccati, sesāni avipākāni. Aṭṭhasu samāpattīsu ekāya brahmaloke nibbattati, sesā avipākā, idaṃ sandhāya nāhosi kammavipākoti vuttaṃ*".

"Trong tất cả nghiệp đã tạo tương ứng với nhiều loại, như hiện báo nghiệp... Nếu một loại hiện báo nghiệp nào cho quả thì hiện báo nghiệp ngoài ra đó sẽ không cho quả được nên trở thành vô hiệu nghiệp. Nếu một loại sanh báo nghiệp nào dẫn đi tái tục rồi thì sanh báo nghiệp ngoài ra đó sẽ không cho quả được nên trở thành vô hiệu nghiệp. Do nương vào một nghiệp vô gián ngũ nghịch nào cho quả rơi vào cõi địa ngục rồi thì nghiệp vô gián ngũ nghịch ra đó sẽ không cho quả nên trở thành vô hiệu nghiệp. Do nương vào một loại thiện chứng nào trong cả 8 thiện chứng cho quả sanh lên Phạm Thiên Giới rồi thì thiện chứng ngoài ra đó sẽ trở thành vô hiệu nghiệp".

Ngài *Sārīputta* ám chỉ lấy loại nghiệp này mới thuyết rằng: "*Nāhosi kammavipāko*" "Quả của nghiệp đó chẳng phải không sanh lên".

Thích giải: "Người nào trong lúc bình sanh đã tạo các nghiệp sai biệt có thể cho quả trong kiếp hiện tại được. Trong tất cả các nghiệp đó nếu một loại nghiệp nào cho quả hiển lộ rồi, thì hiện báo nghiệp còn lại sẽ không có cơ hội cho quả nên trở thành vô hiệu nghiệp".

Sanh báo nghiệp đã tạo trừ đó, nếu loại sanh báo nghiệp nào cho quả tái tục trong kiếp thứ hai rồi thì sanh báo nghiệp còn lại không có cơ hội cho quả tái tục trong kiếp thứ hai được nữa, mà chỉ cho quả trong thời bình nhật trong kiếp thứ hai thì trở thành vô hiệu nghiệp.

Người đã tạo cả ngũ nghịch vô gián nghiệp thì khi mệnh chung, thì nghiệp chia rẽ Tăng là nghiệp nặng nhất cho quả tái tục ngay trong kiếp thứ hai, còn vô gián nghiệp ngoài ra cũng sẽ trở thành vô hiệu nghiệp.

Người đắc 8 thiện chứng như các thiện hữu sắc, thiện vô sắc khi mệnh chung thì một loại thiện nào do ái trước (*Nikantitajhā*) của người đắc thiện sẽ cho quả tái tục sanh lên Phạm Thiên Giới, thiện còn lại ngoài ra đó sẽ trở thành vô hiệu nghiệp. Bất cứ tư sai biệt thuộc thiện nghiệp hoặc bất thiện nghiệp mà không có cơ hội cho quả thì trở thành vô hiệu nghiệp, cũng còn nhiều thứ nữa diễn tiến tương tự như đã trình bày ở đoạn trên rồi.

Ngoài ra còn tư thiện tư bất thiện thông thường tức không phạm vào nghiệp đạo như thiện hoặc bất thiện vì người làm không chủ tâm nhắm đến mà chỉ làm bằng cách hời hợt qua loa. Như thấy người

khác làm cũng làm theo, hoặc bị người khác xúi giục cũng làm theo mà không có sự chú ý. Các việc này hiện hữu rất nhiều trong mỗi con người. Nhóm tư thiện, tư bất thiện này cho dù có mãnh lực cho quả đôi chút trong thời gian bình nhật, nhưng mãnh lực của nhóm này không thật sự diễn tiến trong cơ tánh, cho nên hầu hết trở thành vô hiệu nghiệp.

Lại nữa, có câu *Pāli* rằng: "*Sesāni avipākāni*".

Nghĩa là: Sanh báo nghiệp, ngũ nghịch vô gián nghiệp và thiện chứng còn lại không có cơ hội cho quả thì trở thành vô hiệu nghiệp. Nội dung này ám chỉ việc cho quả trong thời tái tục, còn đối với việc cho quả trong thời bình nhật và việc trợ giúp ủng hộ cho nghiệp khác có cơ hội cho quả trong thời tái tục thì không trở ngại. Như người tạo phước bố thí, trì giới, tu tiến, khi mệnh chung nếu sanh báo nghiệp liên quan đến tu tiến có cơ hội cho quả trong thời tái tục, thì sanh báo nghiệp liên quan đến bố thí, trì giới sẽ không có cơ hội cho quả trong thời tái tục; mà chỉ trợ giúp ủng hộ cho tu tiến cho quả trong thời tái tục có sức mạnh nhiều thêm. Còn như không có cơ hội trợ giúp ủng hộ cho tu tiến, thì cũng có cơ hội cho quả trong thời bình nhật. Trong các nghiệp khác như sát sanh, trộm cắp, tà dâm... luôn cả năm nghiệp vô gián cũng diễn tiến như vậy. Đối với nhóm thiện chứng nếu một loại thiện chứng nào cho quả trong thời tái tục rồi thì thiện chứng còn lại cũng trở thành vô hiệu nghiệp.

Sự việc này các Ngài A xà lê *Tīkā* đã trình bày rằng: "*Itaresaṃ pavattivipākadāyitā anuññātā viya dissati*" (trong hậu số giải Tăng Chi Bộ Kinh và hậu số giải *Uparipannāsaka*) "Các bậc trí giả nên hiểu đến sự cho quả trong thời bình nhật của nghiệp còn lại ngoài ra đó giống như Ngài A xà lê *Buddhaghosa* đã chấp nhận như vậy".

"*Itarāni pana tassa anubala dāyikāni hoti*" *napatisandhi dāyikāni*" (trong hậu số giải *Mūlapannāsaka*).

"Nhóm sanh báo nghiệp còn lại thường trợ giúp ủng hộ cho sanh báo nghiệp mà có cơ hội cho quả".

"*Ekassa pana aññāni pi upatthambhakāni hoti*" (trong *Mūlatīkā*).

"Dù cho nhóm nghiệp còn lại (trừ thiện chứng) không có cơ hội cho quả trong thời tái tục, nhưng có cơ hội trợ giúp ủng hộ cho nghiệp ngũ nghịch vô gián khác và thiện sanh báo nghiệp khác nữa có sức mạnh nhiều hơn".

*

Việc hành thiện của nhóm người nào phần nhiều trở thành vô hiệu nghiệp và hoán chuyển tâm lộ

Người hành động bất thiện mà không chủ tâm nhắm đến, chỉ làm bằng cách ngẫu nhiên hoặc thấy người khác làm cũng làm theo đôi chút... Do đó loại bất thiện này mới không đủ sức mạnh thực sự diễn tiến trong cơ tánh, cuối cùng nếu không có cơ hội cho quả trong thời bình nhật thì trở thành vô hiệu nghiệp, cũng là điều không đáng quan tâm. Nhưng mà người làm việc thiện mà không chủ tâm nhắm đến mà chỉ làm bằng cách qua loa hời hợt, thì việc thiện này cũng không có sức mạnh như việc làm bất thiện thông thường. Do đó khi không có cơ hội cho quả trong thời bình nhật thì trở thành vô hiệu nghiệp, đó là điều đáng tiếc. Và nên thâm xét bởi nguyên do nào? Điều này khi thâm xét rồi, thì sẽ hiểu được rằng: Sự kiện diễn tiến như vậy cũng do nhân người đó có ngũ quyền yếu, lại có ái dục, ngã mạn, tà kiến dẫn đầu nương sanh từ nhân si mê. Vì vậy, thiện đó mới trở thành thiện thông thường sẽ đưa đến tình trạng vô hiệu nghiệp.

Thích giải: "Người có ngũ quyền yếu như không thông hiểu tỏ tường Giáo Pháp trong Phật Giáo cùng sự sanh tồn của tất cả chúng sanh. Do đó, nhóm người này mới không tin tưởng Tam Bảo, không tin vấn đề sanh, tử, tội, phước..."

Vì thiếu đức tin và có sự hiểu sai nên người đó không hoan hỷ, chịu khó, kiên trì đến phận sự trong Phật Giáo. Khi thiếu nhẫn nại và tinh cần thì người đó thường dễ duôi, khi đã dễ duôi thì tâm không định tĩnh trong việc bố thí, trì giới, tu tiến mà chỉ có sự mê muội ngự trị. Lúc này ái, mạn, kiến có cơ hội dẫn đầu, làm cho người đó thiếu quan tâm, và thiếu cung kính đối với việc làm phước của mình. Ngay cả trong lúc đang làm cũng không có sự chủ tâm thực sự, chỉ làm như để duy trì truyền thống, đừng cho mất phong tục hoặc chỉ để xã giao, còn có khi làm chỉ do hoàn cảnh bắt buộc mà thôi. Do

đó, việc làm phước của loại người này đi đến tình trạng vô hiệu nghiệp, nên không gọi là việc làm cao quý. Vì vậy, mới gọi là người có ngũ quyền yếu lại có ái, mạn, kiến dẫn đầu nương sanh từ nhân si mê. Nếu muốn hoán chuyển cho thiện của mình không trở thành vô hiệu nghiệp thì phải hoán chuyển tuệ quyền cho có sức mạnh mãnh liệt lên. Tức phải chuyên cần nỗ lực trau dồi học tập cho thông hiểu tỏ tường về Giáo Pháp trong Phật Giáo cho đến việc sanh tồn của tất cả chúng sanh. Khi đã hoán chuyển làm cho tuệ quyền già mạnh hoàn chỉnh rồi, thì 4 quyền còn lại như tín quyền... cũng già mạnh tháp tùng theo tuần tự. Khi cả bốn quyền già mạnh hoàn chỉnh rồi thì si mê cũng không thể che đậy làm cho hôn ám được. Lúc này ái, mạn, kiến là hiện thân trọng yếu cũng không có cơ hội dẫn đầu được. Nếu không có ái, mạn, kiến hiện diện trong việc làm thiện thì thiện pháp sai biệt mà ta tạo trữ cũng tránh khỏi sự kiện sẽ trở thành vô hiệu nghiệp.

*

Hoán chuyển tâm lộ bất thiện nghiệp không cho có cơ hội cho quả để trở thành vô hiệu nghiệp

Người có đức tin về nghiệp và quả của nghiệp, mặc dù người này không dám làm ác nhưng đôi khi cũng phạm vào sát sanh, trộm cắp... do nương vào các phiền não sai biệt như tham, sân, si... Khi đã phạm rồi thì biết thức tỉnh sợ hãi trong việc sẽ phải gặt quả về hành động bất thiện của mình làm cho phát sanh buồn rầu, chán nản. Trong hoàn cảnh ấy thì càng làm cho bất thiện tăng trưởng thêm lên, có khả năng cho quả chắc chắn cả kiếp này lẫn kiếp sau suốt cho đến kiếp tiếp theo nữa. Thế là hành động bất thiện của loại người này không có cơ hội trở hành vô hiệu nghiệp được. Khi đã nhận thức thực hư rồi, muốn hoán chuyển tâm lộ bất thiện nghiệp mà mình đã tạo cho trở thành vô hiệu nghiệp nên hạ quyết tâm rằng: "*Ta sẽ không tạo ác hạnh hoặc tà mạng tiếp tục như vậy nữa*". Rồi không hồi tưởng trở lại việc ấy nữa, mà tinh cần tạo trữ thiện thường nghiệp cho sanh lên hoài như học hỏi Phật Pháp và năng đọc kinh sách, tụng kinh, đánh lễ Chư Tăng, đặt bát tạo phước, rải tâm từ thường xuyên, thọ trì ngũ giới, bát quan trai giới, xuất gia thành tu sĩ, sa môn, Chư Tăng hoặc luôn tu tiến Chỉ Tịnh nghiệp xứ, Minh Sát nghiệp xứ. Nếu thực hành như thế cho đến suốt đời thì bất thiện hiện báo nghiệp, sanh báo nghiệp ngoài trọng nghiệp ra thường không có cơ hội cho quả mà trở thành vô hiệu nghiệp. Còn đối với bất thiện hậu báo nghiệp cho dù sẽ không trở thành vô hiệu nghiệp được nhưng cũng làm giảm nhẹ xuống. Việc cho quả của bất thiện nghiệp loại này bởi mãnh lực của chính thiện thường nghiệp.

Bất thiện hậu báo nghiệp sẽ trở thành vô hiệu nghiệp cũng phải liên quan đến chủ nhân của hành động đó và phải hội đủ viên mãn năm điều kiết tường (*Guṇasampatti*) trong mọi kiếp sống kể từ kiếp thứ nhất trở đi. Nghĩa là người đó phải là:

Người đã từng tạo thiện pháp trong kiếp trước (*Pubbe ca katapuññatā*).

Được ở trong nơi hội đủ Giới, Pháp (*Patirūpadesavāsa*).

Được gặp gỡ, thân cận các bậc chân nhân (*Sapparisūpanissaya*).

Được thính Pháp (*Saddhammasavana*).

Giữ mình theo lẽ chánh (*Attasammāpaṇidhi*).

Nếu tiến hành như đã đề cập trên, thì có thể làm cho bất thiện hậu báo nghiệp trở thành vô hiệu nghiệp.

1- Sự kiện làm cho mình trở thành người có hội đủ viên mãn 5 điều kiết tường trong mọi kiếp sống. Như nhận thức được việc làm trong kiếp này rồi cố tâm thực hành để trở thành người có giới hạnh như tạo trữ phước thí, trì giới, tu tiến thường xuyên rồi chú nguyện rằng: "Xin cho việc phước thiện này hãy nâng đỡ, trợ duyên cho tôi trong mọi kiếp sống".

2- Khi hoan hỷ thỏa thích trong trú xứ hội đủ Giới, Pháp rồi chú nguyện rằng: "Xin cho tôi được sanh vào trú xứ hội đủ Giới Pháp trong bất cứ kiếp nào".

3- Trong việc giao du không hòa nhập lẫn lộn với người ác, nỗ lực tìm cầu thân cận với người có kiến thức và giới hạnh rồi chú nguyện rằng: "Xin cho tôi được gặp gỡ, thân cận bậc chân nhân trong

mọi kiếp sống".

4- Phải chú tâm nghe và học Chánh Pháp, rồi chú nguyện rằng: "Do năng lực của sự nghe và học Pháp của tôi, xin hãy là mãnh lực trợ duyên cho tôi được cơ hội nghe và học Chánh Pháp trong mọi kiếp sống".

5- Việc giữ gìn thân, ngữ, ý của mình luôn tiến hành theo thiện hạnh, rồi chú nguyện rằng: "Do năng lực của việc hành trì giữ gìn thân, ngữ, ý theo thiện hạnh, xin hãy cho tôi có tâm vững mạnh trong giới luật và hành trì theo con đường thiện hạnh trong mọi kiếp sống".

Việc thực hành làm cho trở thành người hội đủ viên mãn năm điều kiết tường như đã đề cập. Nếu người nào tiến hành đầy đủ nương vào tín, tấn, niệm, định, tuệ già mạnh thì có thể làm cho người đó hội đủ viên mãn năm điều kiết tường trong những kiếp sống tiếp theo nữa cho đến khi Níp Bàn. Được như vậy, thì bất thiện hậu báo nghiệp sẽ không có cơ hội cho quả mà trở thành vô hiệu nghiệp.

Những phương pháp đã đề cập trên không phải chắc chắn tiến hành được và người thực hành cho viên mãn theo như trình bày trên cũng rất khó. Ngoại trừ người có pháp độ già mạnh mới có thể làm cho thành tựu mà thôi.

Tóm lược: Bốn loại nghiệp nói theo thời gian cho quả như hiện báo nghiệp,... thường hiển lộ trong một tâm lộ với nhau. Tức tư trong đồng lực thứ nhất gọi là hiện báo nghiệp, tư trong đồng lực thứ bảy gọi là sanh báo nghiệp, tư trong đồng lực thứ hai đến đồng lực thứ sáu gọi là hậu báo nghiệp. Riêng vô hiệu nghiệp, tức tư trong cả bảy đồng lực đã vượt quá thời hạn cho quả của mình.

Trình bày nguyên nhân cả ba nghiệp cho quả khác thời gian

Ngài đại trưởng lão A xà lê Ledi đã trình bày trong *Paramatthadīpanīmahāṭīkā* rằng: Trong số lượng 7 đồng lực đó, đồng lực thứ 1 đến thứ 3 gọi là đồng lực tiến lên, đồng lực thứ 5 đến đồng lực thứ 7 gọi là đồng lực lùi xuống, còn đồng lực thứ 4 gọi là đồng lực tột đỉnh (*Sikhāpattajavana*). Khi đề cập đến sức mạnh của 7 đồng lực, thì đồng lực thứ 1 có sức mạnh yếu bởi vì sanh lên lần đầu tiên chưa nhận được sự trợ giúp ủng hộ từ Tập Hành Duyên (*Asevanāpaccaya*). Đồng lực thứ 7 có sức mạnh yếu xuống vì đang ở sau cùng, do nhận được sự trợ giúp ủng hộ theo qui trình từ Tập hành Duyên của đồng lực thứ 6 nên có sức mạnh yếu xuống. Như vậy chỉ có đồng lực thứ 2 đến đồng lực thứ 6 có sức mạnh nhiều, bởi vì nhận được sự trợ giúp ủng hộ từ Tập Hành Duyên, không phải ở giai đoạn đang sanh lên lần đầu tiên và giai đoạn diệt cuối cùng. Do nhân này, việc cho quả của cả ba nghiệp mới không giống nhau. Ví như các loại cây... có một số loại cây tuổi thọ không dài, vừa trồng xuống trong vòng một năm đã ra hoa kết trái, khi ra hoa kết trái rồi thì chết như cây chuối, cây bắp, cây đậu... Bởi nhóm cây này không có lõi vì vậy mới không đủ sức mạnh tồn tại lâu dài. Một số cây có tuổi thọ lâu hơn một năm nhưng không quá bốn năm. Khi trồng xuống cho đến năm thứ hai mới ra hoa kết trái, nhưng khi ra hoa kết trái rồi thì cũng sống không được bao lâu, như cây đu đủ, trái thơm... Bởi vì nhóm cây này cho dù có tuổi thọ lâu hơn nhóm cây đầu nhưng cũng là loại cây được liệt vào loại cây không có lõi. Một số cây có tuổi thọ dài hơn khi trồng xuống nhiều năm mới ra hoa kết trái như cây me, cây xoài... Bởi nhóm cây này là cây có lõi. Do đó, cây cũng phát triển từ từ, việc ra hoa kết trái cũng phải đến năm, sáu năm trở đi mới có được. Từ đó về sau nếu thời tiết thuận hòa, mỗi năm cây lại ra hoa kết trái.

Điều này như thế nào thì tư trong đồng lực thứ 1 cũng giống như nhóm cây thứ nhất có sức mạnh non yếu không có khả năng cho quả trong thời tái tục. Tức không tạo lập kiếp sống mới được chỉ cho quả trong thời bình nhật vào khoảng giữa đời sống mà thôi. Vì vậy, tư này mới gọi là hiện báo nghiệp. Tư trong đồng lực thứ 7 giống như nhóm cây thứ hai, mặc dù có sức mạnh nhiều hơn tư trong đồng lực thứ 1 nhưng cũng chưa có sức mạnh đầy đủ. Do đó, chỉ có khả năng cho quả trong thời tái tục. Như tạo lập kiếp sống mới và cho quả trong thời bình nhật như làm cho các bộ phận thân thể sai biệt và sự thấy, sự nghe,... sanh lên được riêng biệt khi có cơ hội trong kiếp thứ hai mà thôi. Nếu không có cơ hội cho quả trong kiếp thứ hai thì coi như chấm dứt mãnh lực cho quả tức trở thành vô hiệu nghiệp. Vì vậy, Ngài trưởng lão Dhammapāla mới trình bày trong hậu số giải Thanh Tịnh Đạo rằng:

"Dubbalāpi antimajavanacetanā sannīṭṭhānakiccavisesayuttatāya phalavipaccanesattivisesayuttā hoṭṭi upapajavedanīyā antarikā ca sā hoti".

Tư trong đồng lực thứ 7 cho dù có sức mạnh giảm xuống nhưng hội đủ mãnh lực đặc biệt cho quả. Vì là tư hội đủ phận sự đặc biệt làm cho thành tựu công việc, cho nên tư trong đồng lực thứ 7 mới là sanh báo nghiệp và trở thành vô gián nghiệp. Còn tư trong đồng lực thứ 2 đến đồng lực thứ 6 giống như nhóm cây thứ ba có sức mạnh hơn cả nhóm tư trước. Vì vậy, mới có thể cho quả kể từ kiếp thứ ba... cho đến khi A La Hán Đạo sanh lên mới có khả năng triệt tiêu việc cho quả trong thời tái tục. Còn việc cho quả trong thời bình nhật cho dù người đó là A La Hán nghiệp này cũng vẫn cho quả được cho đến khi Ngài nhập diệt. Lúc đó việc cho quả của nhóm này mới chấm dứt cho nên nhóm nghiệp này mới gọi là hậu báo nghiệp.

*

Nghiệp đáo đại được xếp vào loại nghiệp nào và khác với nghiệp dục giới ra sao?

Người đắc thiên nếu thiên đó chưa hoại, khi mệnh chung thường sanh lên Phạm Thiên Giới tùy theo mãnh lực của thiên mà mình đã đắc, chắc chắn được sanh vào kiếp thứ hai không có sự đợi chờ cho quả trong kiếp thứ ba... giống như tư trong đồng lực dục giới thứ 7. Vì vậy, nghiệp đáo đại này mới được xếp vào trong sanh báo nghiệp. Còn đối với thiên thắng trí (*Abhiññā*) được xếp vào trong hiện báo nghiệp bởi vì việc thị hiện thân thông sai biệt... cũng nương từ thắng trí làm nhân. Nhưng cũng được xếp vào cách gián tiếp bởi vì dị thực quả và sắc nghiệp sanh lên từ thiên thắng trí không có riêng biệt. Đối với thiên nghiệp đáo đại còn lại không được xếp vào hiện báo nghiệp. Còn tổ thắng trí mặc dù làm cho quả hiện bày lên được, nhưng cũng không được xếp vào hiện báo nghiệp mà chỉ là hiện báo tố (*Ditthidhammavedanīyakiriya*) mà thôi. Nơi đây trình bày cho hiểu rằng đồng lực tố cũng cho quả hiện tiền được, bằng chính tố thắng trí (*Kīriyābhiññā*) đó.

Thiện nghiệp đáo đại khác với nghiệp dục giới như sau:

Thiện nghiệp đáo đại chỉ cho quả được riêng trong kiếp thứ hai mà thôi. Nếu không có cơ hội cho quả trong kiếp thứ hai được thì phải trở thành vô hiệu nghiệp, giống như cơm chín mà để lâu ngày nếu không ăn thì cơm đó cũng thiu. Còn nghiệp dục giới trừ tư trong đồng lực thứ 1 và tư trong đồng lực thứ 7 thường cho quả được hoại. Nếu không có cơ hội cho quả cũng không trở thành vô hiệu nghiệp cho đến khi người đó Níp Bàn, giống như lúa giữ lâu cũng không bị hư thúi.

Còn nghiệp siêu thế luôn có thực tánh là hiện báo nghiệp. Bởi vì tâm Đạo sanh lên rồi diệt đi thì tâm quả cũng sanh lên nối tiếp tức thì. Nhưng hiện báo nghiệp mà trình bày trong nhóm bốn nghiệp cho quả theo thời gian (*Pākakālacatukka*) này, không ám chỉ nghiệp siêu thế. Nghiệp trong nhóm bốn nghiệp (*Kammacatukka*) này, là nhóm nghiệp cho quả trong thời tái tục và thời bình nhật, tức cho quả sanh làm nhân loại, chư thiên ...

*

Trình bày nguyên nhân về việc vô hiệu nghiệp được xếp vào trong nhóm 4 nghiệp cho quả theo thời gian

Trong số lượng 4 loại nghiệp nói theo mãnh lực cho quả theo thời gian thì đối với hiện báo nghiệp, sanh báo nghiệp và hậu báo nghiệp, cả ba loại này có thời hạn cho quả theo riêng biệt của mình. Còn vô hiệu nghiệp thì không có hạn định thời gian cho quả, nhưng nhân cơ nào mà xếp vào trong nhóm này được?

Giải rằng: Trong việc trình bày phân tích lãnh vực liên quan đến ba ái, không phải chỉ trình bày đến ba lãnh vực diễn tiến theo mãnh lực của ba ái, mà phải trình bày đến lãnh vực không diễn tiến bởi mãnh lực của ba ái; tức lãnh vực siêu thế. Điều này như thế nào thì khi trình bày phân tích về nghiệp cho quả theo thời gian cũng diễn tiến tương tự như vậy. Tức khi trình bày đến nghiệp cho quả theo thời gian thì cũng có ba loại nghiệp không còn cho quả được nữa đó là vô hiệu nghiệp. Vì vậy, mới được xếp vào trong nhóm 4 nghiệp cho quả theo thời gian này (*Pākakālacatukka*).

-ooOoo-

4- Nhóm 4 nghiệp cho quả theo lãnh vực (Pàthànacatukka)

Nghiệp nói theo lãnh vực cho quả có 4 loại:

1. *Akusalakamma*: Tư trong 12 tâm bất thiện.
2. *Kāmāvacarakamma*: Tư trong 8 tâm đại thiện.
3. *Rūpāvacarakamma*: Tư trong 5 tâm thiện sắc giới.
4. *Arūpāvacarakamma*: Tư trong 4 tâm thiện vô sắc giới.

Giải rộng theo Pāli điều thứ 4 rằng: "*Tattha akusalam kāyakammaṃ*". Trong nhóm 4 nghiệp này thì có 3 nhóm 4 nghiệp:

- Nhóm 4 nghiệp làm phận sự (*Kiccacatuṅka*) như sanh nghiệp...
- Nhóm 4 nghiệp cho quả theo tuần tự (*Pākadānacatuṅka*) như trọng nghiệp.
- Nhóm 4 nghiệp cho quả theo thời gian (*Pākakālacatuṅka*) như hiện báo nghiệp.

Nhóm nghiệp này Ngài giáo thọ sư *Anuruddha* đã trình bày giải rộng mỗi loại trong Thăng Pháp Tập Yếu Luận bởi vì việc trình bày 3 nhóm 4 nghiệp như đã đề cập trên là trình bày theo lý Kinh Tạng.

Riêng đối với nhóm 4 nghiệp thứ 4. Tức nhóm 4 nghiệp nói theo lãnh vực cho quả (*Pakattihānacatuṅka*) như nghiệp bất thiện... là trình bày theo lý Thăng Pháp. Do đó, mới trình bày giải rộng kê từ:

"*Tattha akusalam kāyakammaṃ*"... cho đến sau cùng của nhóm 4 nghiệp là: "*Itthaṃ mahaggataṃ puññaṃ*"...

Bất thiện nghiệp nói theo nghiệp môn, tức nhân làm cho thành tựu hành động có 3 loại:

1. Thân bất thiện nghiệp.
2. Ngữ bất thiện nghiệp.
3. Ý bất thiện nghiệp.

Từ: Nghiệp môn (*Kammadvāra*) nếu phân tích từ thì được 2 từ: *Kamma* + *Dvāra*, *Kamma*: hành động, *Dvāra*: nhân làm cho phát sanh lên. Gom 2 từ lại thành *Kammadvāra* là nhân phát sanh hành động.

Kammadvāra (nghiệp môn) có 3 loại:

1. *Kāyadvāra* (thân môn) = Thân làm nhân phát sanh hành động tức thân biểu tri (*Kāyaviññattirūpa*).
2. *Vacīdvāra* (ngữ môn) = Ngữ làm nhân phát sanh hành động tức ngữ biểu tri (*Vāciviññattirūpa*).
3. (ý môn) = Tâm làm nhân phát sanh hành động tức tất cả tâm.

Như Ngài A xà lê số giải trình bày trong số giải *Aṭṭhasālinī* rằng: "*Sabbopi manodvāraṃ*" "*Ngay cả tất cả tâm cũng là ý môn*" nhưng ý môn liên quan đến bất thiện nghiệp tức 10 tâm bất thiện (trừ tâm si căn).

Bất thiện nghiệp sanh lên bằng đường thân gọi là thân nghiệp như trình bày định nghĩa như sau: "*Kāyadvāre pavattaṃ kammaṃ = Kāyakammaṃ*". Hành động bất thiện sanh lên bằng đường thân gọi là thân nghiệp.

Bất thiện nghiệp sanh lên bằng đường ngữ gọi là ngữ nghiệp như trình bày định nghĩa như sau: "*Vacīdvāre pavattaṃ kammaṃ = Vacīkammaṃ*". Hành động bất thiện sanh lên bằng đường ngữ gọi là ngữ nghiệp.

Bất thiện nghiệp sanh lên bằng đường tâm gọi là ý nghiệp như trình bày định nghĩa như sau: "*Manodvāre pavattaṃ kammaṃ = Manokammaṃ*". Hành động bất thiện sanh lên bằng đường tâm gọi là ý nghiệp.

*

Trình bày sự khác biệt giữa tư và nghiệp

Đức Thế Tôn Ngài thuyết trong Tăng Chi Bộ Kinh pháp 6 chi rằng: "*Cetanāhaṃ bhikkave kammaṃ vadāmi cetayitva kammaṃ karoti kāyena vācāya manasā*".

"*Này các tỳ kheo! sự cố ý làm duyên thúc đẩy cho hành động được thành tựu bằng thân, bằng ngữ, bằng ý cũng có. Do nhân này, Như Lai phán dạy rằng: "Sở hữu Tư chính là nghiệp"*.

Thích giải: "Tư chính là nghiệp thường cho quả tốt (*Itṭhaphala*) và quả xấu (*Aniṭṭhaphala*) sanh lên. Như Ngài A xà lê hậu sơ giải đã trình bày trong *Abhidhammāvatāraṭīka* rằng: "*Karoti abhinibbattati itṭhāniṭṭhaphalāni etenāti = Kammaṃ*".

"*Người tạo tác gặt được quả tốt, quả xấu sanh lên bằng tư nào, tư đó gọi là nghiệp*".

Thông thường tất cả mọi người khi hành động một điều nào phải có sự chủ tâm sanh lên trước như: "*Ta làm việc này, việc kia rồi mới hành động*" hoặc "*Ta sẽ nói việc này, việc kia rồi mới nói*" hay "*Ta sẽ suy nghĩ việc này, việc kia rồi mới suy nghĩ*". Khi hình thành như vậy thì việc hành động sai biệt của tất cả mọi người đều có sự chủ tâm do tư là pháp dắt dẫn. Bởi nhân này, Đức Thế Tôn mới phán dạy "Sở hữu Tư chính là nghiệp". Nhưng tư với nghiệp cả hai có sự khác biệt nhau. Tức tư là pháp phát sanh lên trước nghiệp (*Pubbabhāgadhamma*), nghiệp là pháp phát sanh ra sau tư (*Paccabhāgadhamma*). Đây là trình bày theo cách không phân loại (*Abhedakanaya*). Vì vậy, Ngài A xà lê *Mahābuddhaghosa* mới trình bày trong kinh Upāli của sơ giải *Majjhimaparṇāsaka* rằng: "*Kasmā cetanā kammanti vuttā ? Cetanā mūlakattā kamassa*". Do đó, Đức Thế Tôn mới phán thuyết rằng: "*Tư được gọi là nghiệp bởi vì hành động được thành tựu do có Tư làm gốc*".

*

Trình bày 276 loại tư cho quả trong kiếp thứ hai...

12 tư bất thiện, 8 tư đại thiện. Gồm 20 tư này lại sanh lên do nương vào đường thân có 80:

Sayaṃkatamūlikacetana: Tư sanh lên do hành động của chính mình, có 20.

Āṇattikamūlikacetanā: Tư sanh lên do sự sai biểu người khác làm, có 20.

Sampajānamūlikacetanā: Tư sanh lên từ việc nhận thức được phước và tội của hành động, có 20.

Asampajānamūlikacetanā: Tư sanh lên từ việc không nhận thức được phước và tội của hành động, có 20.

Gom lại:

Tư bất thiện và tư thiện sanh lên bằng đường thân có 80.

Tư bất thiện và tư thiện sanh lên bằng đường ngữ có 80.

Tư bất thiện và tư thiện sanh lên bằng đường tâm có 116. (12 tư bất thiện + 8 tư đại thiện + 9 tư thiện đáo đại = 29)

29 thuộc *Sayaṃkatamūlikacetanā*.

29 thuộc *Āṇattikamūlikacetanā*.

29 thuộc *Sampajānamūlikacetanā*.

29 thuộc *Asampajānamūlikacetanā*.

29 x 4 = 116

- Tư bất thiện và thiện sanh lên bằng đường thân có 80.
- Tư bất thiện và thiện sanh lên bằng đường ngữ có 80.
- Tư bất thiện và thiện sanh lên bằng đường tâm có 116.

Tổng cộng là 276 loại tư như Ngài A xà lê trình bày trong sơ giải Tăng Chi Bộ Kinh rằng: "*Iti sabbāpi tīsu dvāresu dvesatāni chasattati ca cetana*" "*Tư cho quả trong kiếp thứ hai trong cả 3 môn có số lượng 276 loại*".

Thích giải rộng điều Pāli thứ 6 - 7 - 8 trình bày đến thập bất thiện nghiệp Đạo như sát sanh... Đã trình bày giải thích bất thiện nghiệp theo cả 3 môn như có bất thiện loại nào và có số lượng bao nhiêu. Vì vậy, Ngài giáo thọ sư Anuruddha đã trình bày tiếp theo rằng: "Katham? Pānātipāto,.. như đã đề cập tiếp theo đây. Phần nhiều hành động bất thiện sanh lên bằng đường thân gọi là thân nghiệp, Kāya = Kāyakamma = Việc hành động bất thiện thân nghiệp có 3 loại:

- Sát sanh. - Trộm cắp. - Tà dâm.

Hầu hết hành động bất thiện sanh lên bằng đường ngữ gọi là ngữ nghiệp, Vacī = Vācākamma = Việc hành động bất thiện ngữ nghiệp có 4 loại:

- Nói dối. - Nói đâm thọc.
- Nói thô tục. - Nói lời vô ích.

Hầu hết hành động bất thiện sanh lên bằng đường tâm gọi là ý nghiệp, Mano = citta kamma = Việc hành động bất thiện ý nghiệp có 3 loại:

- Tham ác. - Sân ác. - Tà kiến ác.

Bất thiện nghiệp như đã đề cập trên đây gọi là thập ác hạnh.

*

Thích giải về ba thân nghiệp

1. Pānātipāta: SÁT SANH

Từ "*Pānātipāta*" khi phân tích được 2 từ: *Pānā* + *atipāta* "*Pānā*" nếu nói theo thế gian tức tất cả chúng sanh, nếu nói theo chơn đế tức sắc mạng quyền và danh mạng quyền.

Từ "Ati" trong câu "*Atipāta*" có được 2 nghĩa: Sighattha: là mau chóng, *Atikkamanattha*: xâm phạm, sát hại. Từ "*Pāta*": làm cho rơi ngã xuống. Khi gom từ lại thành *Pānātipāta* nghĩa là làm cho chúng sanh hoặc làm cho sanh mạng rơi xuống nhanh chóng. Một nghĩa khác nữa là xâm phạm, sát hại chúng sanh cho rơi ngã xuống. Làm cho chúng sanh rơi ngã xuống nhanh chóng có nghĩa là làm cho chúng sanh chết trước hạn định tuổi thọ của mình. Xâm phạm sát hại chúng sanh cho rơi ngã xuống tức dùng một loại vũ khí nào đó giết chúng sanh đó chết.

Như trình bày định nghĩa rằng: "*Pānaṃ atipāteṇi etenāti = Pānātipāto*" "*Người giết chúng sanh bằng pháp nào, pháp làm nhân cho sự giết chúng sanh đó gọi là sát sanh*", tức ác tâm (*Vadhakacetanā*).

Hoặc 1 lý khác nữa "*Pāṇassa atipāto = Pānātipāto*"

"*Làm cho chúng sanh hay sanh mạng đó rơi ngã xuống nhanh chóng gọi là sát sanh*" hoặc "*Tư mà hành động xâm phạm sát hại chúng sanh cho rơi ngã xuống bằng vũ khí gọi là sát sanh*".

Tức *Vadhakacetanā* (ác tâm) là tư làm nhân trong việc sát sanh. Ác tâm này được cả 2 loại hành động là:

Kāyapayoga (thân hành động): Tự mình sát sanh.

Vacīpayoga (ngữ hành động): Sai biểu người khác giết.

*

Luận giải về việc sát sanh

Trong việc sát sanh này thì ác tâm chính là sự cố ý giết, đó là nói theo quan điểm pháp nghĩa (*Dhammādhiṭṭhāna*), tức mạng quyền là người bị giết. Mạng quyền có 2 loại:

- Sắc mạng quyền.

- Danh mạng quyền.

Trong cả hai mạng quyền này thì người ta chỉ hủy diệt được sắc mạng quyền, còn danh mạng quyền thì không hủy diệt được vì là danh pháp. Nếu như vậy thì người giết có thành tựu sát sanh được không, khi danh mạng quyền không bị hủy diệt?

Thích giải: Cho dù danh mạng quyền không bị hủy diệt nhưng khi sắc mạng quyền bị hoại thì danh mạng quyền cũng hoại theo luôn; vì sự sanh lên tiếp nối nhau của danh mạng quyền luôn liên quan với sắc mạng quyền. Do đó, người giết được gọi là sát sanh, thích hợp với Ngài A xà lê hậu sơ giải trình bày trong *Sādhuvilāsinīṭikā vā Saratthadīpanīṭikā* rằng:

"Rūpajīvitindriyehi vikopite atirampi taṃ sambandhatāya vinassati" "Khi sắc mạng quyền bị hủy diệt rồi thì coi như danh mạng quyền cũng bị hủy diệt luôn, bởi vì có sự liên quan mật thiết dính liền nhau".

Lại nữa, sắc mạng quyền cũng có 3 loại:

- Sắc mạng quyền quá khứ.

- Sắc mạng quyền hiện tại.

- Sắc mạng quyền vị lai.

Cho nên, trong việc hủy diệt sắc mạng quyền này là hủy diệt sắc mạng quyền hiện tại, mà sắc mạng quyền hiện tại cũng có 3 loại:

1- *Khaṇapaccupannarūpajīvitindriya* (Sắc mạng quyền sát na hiện tại).

2- *Santatipaccupannarūpajīvitindriya* (Tương tục hiện tại sắc mạng quyền).

3- *Addhāpaccupannarūpajīvitindriya* (Sắc mạng quyền thời điểm hiện tại).

- Sát na hiện tại sắc mạng quyền thì không hủy diệt được, bởi khi tròn đủ 3 sát na sanh, trụ, diệt thì tự mình cũng diệt đi.

- Còn đối với tương tục hiện tại sắc mạng quyền và sắc mạng quyền thời điểm hiện tại thì hủy diệt được. Bởi tương tục hiện tại sắc mạng quyền tức sắc mạng quyền sanh lên tiếp nối nhau giữa tâm lộ có đồng lực thiện ít nhất 7 - 8 lộ cũng được.

Hoặc sắc mạng quyền sanh lên nối tiếp nhau trong lúc thân thể xúc chạm sự nóng và sự nóng đó chưa mất hẳn, như người đi đường bị nắng mới vào nơi có bóng mát nhưng lúc đó thân thể vẫn còn nóng. Hoặc sắc mạng quyền sanh lên tiếp nối nhau trong lúc thân thể xúc chạm sự mát mẻ và sự mát mẻ đó chưa mất hẳn, như người mới vừa tắm xong thì lúc đó thân thể vẫn còn mát.

Chính sắc mạng quyền sanh lên tiếp nối nhau trong lúc nóng hoặc lạnh vẫn còn này gọi là sắc mạng quyền tương tục hiện tại.

- Sắc mạng quyền thời điểm hiện tại là sắc mạng quyền sanh khởi tiếp nối nhau kể từ lúc tái tục cho đến khi tử.

Như Ngài A xà lê *Mahābuddhaghosa* đã trình bày trong sớ giải *Pārājikakanda* rằng: "*Tadubhayam pi voropetum sakkā*" Sắc mạng quyền tương tục hiện tại và sắc mạng quyền thời điểm hiện tại thường hủy diệt được.

*

Trình bày chi phần hành động của Sát sanh

Việc hành động bất thiện phạm vào nghiệp đạo hoặc không phạm vào nghiệp đạo cũng có. Nếu phạm vào nghiệp đạo, thì hành động đó sẽ thành tựu và trở thành sanh nghiệp có khả năng dắt dẫn cho tái sanh vào đọa xứ chắc chắn. Đôi khi cũng có hành động không phạm vào nghiệp đạo nhưng hành động ấy cũng có thể dắt dẫn cho tái sanh vào đọa xứ. Đôi khi có hành động không dắt dẫn cho tái sanh vào đọa xứ mà chỉ cho quả trong thời bình nhật là làm cho đời sống của người đó phải gặp những vất vả, khổ sở...

Từ: "Nghiệp đạo" từ chữ *Pāli*: "*Kamma*patha" khi phân tích từ thì được 2 từ, *kamma* + *patha*. *Kamma* = Sự hành động. *Patha* = Con đường. Khi gom từ lại với nhau thành *Kamma*patha là hành động tác thành con đường dẫn đến đọa xứ. Hành động bất thiện mà phạm vào nghiệp đạo hoặc không phạm vào nghiệp đạo cũng phải có chi phần kết hợp với hành động đó. Vì vậy, hành động bất thiện loại sát sanh mà phạm vào nghiệp đạo thì phải hội đủ 5 chi phần:

Pāṇo: Chúng sanh có mạng sống.

Pānasaññita: Biết chúng sanh có mạng sống.

Vadhakacitaṃ: Có tâm suy tính giết.

Payoga: Gắng sức giết cho chết.

Tenamaranaṃ: Chúng sanh chết do sự gắng sức ấy.

Khi hành động mà đủ cả 5 chi như đã đề cập trên thì coi như người đó đã phạm vào nghiệp đạo. Nhưng nếu hành động mà không đủ 5 chi thì không thành tựu nghiệp đạo như kệ ngôn trình bày sau:

Pāṇo ca pānasaññitā Ghātacittañcupakkamo

Teneva maraṇañcāti Pañcime vadhahetuyo

Có 5 chi làm nhân trong việc sát sanh như sau:

- Chúng sanh có mạng sống.
- Biết chúng sanh có mạng sống.
- Có tâm suy tính giết.
- Gắng sức giết cho chết.
- Chúng sanh chết do sự gắng sức ấy.

Nếu hành động của người đó chỉ có 4 chi phần đầu nhưng thiếu chi phần thứ 5 (chúng sanh chết do sự gắng sức), thì như vậy hành động của người ấy không thành tựu nghiệp đạo.

*

Trình bày việc phân tích nghiệp sát sanh theo mahāsāvajja & appasāvajja

Đối với tội phải nhận lãnh do việc sát sanh thì cũng dựa theo chúng sanh nào có thân thể lớn hoặc nhỏ và có giới hạnh hay không có giới hạnh.

Nếu chúng sanh bị giết là chúng sanh to lớn như voi, ngựa, bò... thì có tội nhiều; gọi là: *Mahāsāvajja*. Bởi vì bọn mạng quyền cửu sắc (*Jīvitānavakakalāpa*) của nhóm chúng sanh này đã bị hủy diệt số lượng nhiều. Nếu chúng sanh bị giết đó nhỏ như con kiến, muỗi... thì có tội ít; gọi là *Appasāvajja*.

Và giữa loài bàng sanh với người thì người giết có tội nhiều hơn bàng sanh bởi người cao quý hơn loài bàng sanh.

Riêng đối với người, nếu người có giới hạnh như tỳ kheo, sa di, cận sự nam, cận sự nữ... thì có tội nhiều; nếu người bị giết là người không có giới hạnh như bọn cướp, người ác... thì có tội ít.

Còn đối với người giết cha, giết mẹ, giết bậc A La Hán thì có tội nhiều bởi thuộc loại đặc biệt tức vô gián nghiệp. Nếu người bị giết có hình tướng bằng nhau, có giới hạnh bằng nhau thì phải phán xét theo hành động. Tức trong lúc giết đó có sự gắng sức nhiều hay ít, nếu gắng sức nhiều thì có tội nhiều, gắng sức ít thì có tội ít.

Lại nữa, hành động sát sanh mà một người biết rằng hành động như thế là bất thiện nhưng cũng làm bởi nguyên nhân nào đó; và cũng có một người khác không biết hành động như vậy là bất thiện rồi cũng hành động. Thì giữa hai người này, người sát sanh mà không biết là bất thiện thường có tội nặng hơn người biết là bất thiện. Bởi vì người không biết rõ là bất thiện thường là người hành động bằng tà kiến do đó mới bị tội nhiều hơn trở thành Mahāsāvajja. Như người thợ rèn thường tiếp xúc với hòn sắt nóng đỏ. Cho nên khi bị bắt buộc phải dùng tay cầm hòn sắt ấy, thì do kinh nghiệm nghề nghiệp ông ta ước lượng được sức nóng của hòn sắt nên không dùng cả bàn tay mà chỉ dùng các ngón tay chạm sơ. Do đó, ông ta chỉ bị nóng bỏng chút ít. Một người khác khi nhìn thấy hòn sắt ấy vì muốn tìm hiểu cho nên dùng cả bàn tay nắm trọn hòn sắt. Do đó, độ nóng của hòn sắt làm cho cả bàn tay của người này cháy nám đi. Điều này như thế nào, thì người biết và người không biết rằng hành động như vậy là bất thiện, thì thường bị tội khác nhau như thế đó.

*

Payoga (sự gắng sức) có 6 loại

Sāhatthiko āṇattiko Nissaggiyo ca thāvaro

Vijjāmayo iddhimayo Payogā chayime matā

Sự gắng sức có 6 cách

- 1- *Sāhatthika*: Tự mình gắng sức làm.
- 2- *Āṇattika*: Gắng sức bằng cách sai biểu người khác làm.
- 3- *Nissaggiya*: Gắng sức bằng cách phóng vũ khí như liệng, quăng...
- 4- *Thāvara*: Gắng sức bằng cách chế tạo dụng cụ loại dùng lâu dài để giết, như đào hầm, hố, làm dao, chế súng...
- 5- *Vijjāmaya*: Gắng sức bằng cách dùng chú thuật và phù phép.
- 6- *Iddhimaya*: Gắng sức bằng cách dùng thần lực, thuộc thông nghiệp (Kammajiddhi) của mình, như trừng mắt và nghiền răng...

1- *Sāhatthikapayoga*: Có định nghĩa trình bày như sau: "*Sassa hattho sahattho*" "*Sahatthena nibbatto = Sahatthiko*". Bàn tay của mình gọi là sahattha, gắng sức lên do bàn tay của chính mình gọi là *sahatthika* = ám chỉ đến đâm chém bằng dao, đánh đập bằng cây...

2 - *Āṇattikapayoga*: Có định nghĩa trình bày như sau "*Āṇāpanam = Āṇatti " Āṇattiyā nibatto = Āṇattiko "*"

Việc sai biểu người khác gọi là *ānatti*, sự gắng sức lên do sai biểu người khác gọi là *aṇattika* = ám chỉ đến dùng bằng lời nói, bằng cách dùng giấy viết, bằng cách ra hiệu sai biệt như gạt đầu, nháy mắt, chỉ tay...

3 - *Nissaggiyapayoga*: Có định nghĩa trình bày như sau: "*Nissajjanam = nissaggo " Nissaggena nibbato = Nissaggiyo "*". Sự quăng hoặc phóng gọi là *nissagga*, sự gắng sức lên do quăng hoặc phóng vũ khí gọi là *nissaggiya* ám chỉ đến phóng dao, ném lao, phóng thương, bắn cung, quăng mìn, liệng đá...

4 - *Thāvarapayoga*: Ám chỉ đến việc chế tạo các loại dụng cụ dùng để giết lâu dài, như đào hầm để cho người hoặc thú rơi xuống, chôn cọc nhọn, chế vũ khí sai biệt như dao, súng, cung tên, chất nổ ... để dùng trong việc hủy diệt.

Điều này trình bày cho thấy rằng, người chế tạo vũ khí sai biệt như trên bởi do ác tâm (*vadhakacetanā*).

Nếu có một người nào cầm lấy vũ khí đó dùng trong việc sát sanh, thì người chế tạo vũ khí đó cho dù không tự tay giết cũng phạm vào tội sát sanh, vì liên quan đến *thāvarapayoga*.

5 - *Vijjāmayapayoga*. Có định nghĩa trình bày như sau: "*Vijjāya nibbato = Vijjāmano "*". Sự gắng sức bằng cách dùng chú thuật gọi là *Vijjāmaya*.

Hành động sát sanh mà thành tựu do chú thuật bùa phép này có nhiều trường hợp:

Luyện bùa chú ghi tên ngày, tháng, năm sanh của kẻ thù rồi đem đốt, chôn.

Dùng roi đánh vào lá bùa làm cho kẻ thù đó lâm vào tình trạng bệnh hoạn cho đến chết.

Thổi vào lá bùa làm cho kẻ thù đó chết.

Tạc hình tượng của kẻ thù rồi đem chôn, đốt, dùng roi đánh vào hình nhân làm cho kẻ thù chết.

Lấy vải, y phục của kẻ thù vô bùa rồi đốt cháy làm cho kẻ thù đó chết.

Dùng phi nhân, chư thiên đến quấy phá kẻ thù cho đến khi già rồi chết...

6 - *Iddhamaya payoga*. Có định nghĩa trình bày như sau: "*Iddhiyā nibbato = Iddhimayo "*". "Sự gắng sức do dùng thần lực gọi là *Iddhimaya*".

Trong nơi đây ám chỉ thần lực sanh lên do nương vào nghiệp gọi là *Kammajiddhi*.

Như câu chuyện vị vua cha ngự ở đảo *Laṅka* có thần lực nơi rừng. Vào một ngày nọ có sự sân hận trưởng giả *Cūlasumana* rồi ông nghiên rừng làm cho trưởng giả già đi rồi chết liền tức khắc.

Câu chuyện Thiên Vương *Vessuṇa* khi chưa chứng đắc Thánh Nhân đã từng giết chết nhóm dạ xoa thuộc hạ bằng cách trùng mắt nhìn làm cho nhóm dạ xoa chết nhiều vô số...

*

Thích giải điều "làm cho sanh mạng của chúng sanh đó rơi ngã xuống nhanh chóng"

Thông thường mỗi sắc mạng quyền có tuổi thọ bằng với 17 sát na tâm. Trong lúc chưa đủ 17 sát na tâm thì không có một pháp nào có thể hủy hoại sắc này cho diệt mất được, mà chỉ khi tròn đủ 17 sát na tâm rồi thì tự nó diệt đi. Nếu như vậy mà đề cập rằng: "*Làm cho sanh mạng của chúng sanh đó rơi ngã xuống một cách nhanh chóng*" như thế có được chăng?

Điều này được lý giải rằng: Tư trong việc sát sanh này không phải ám chỉ lấy riêng biệt chừng đó làm cho sắc mạng quyền hủy diệt đi một cách nhanh chóng. Mà ám chỉ đến việc làm cho sắc mạng quyền sanh lên suốt tuổi thọ của người đó chấm dứt nhanh chóng không cho khởi sanh nối tiếp nhau được nữa.

Thích giải: Thông thường bọn mạng quyền cứu sắc (*Jīvitānavakakalāpa*) khi đã diệt thì không lẳng lẳng diệt đi mà luôn có mãnh lực trong việc trợ giúp ủng hộ cho bọn mạng quyền cứu sắc mới khác sanh lên nữa. Cũng như mỗi một sát na tâm mà diệt đi rồi thường làm duyên trợ giúp ủng hộ cho tâm mới khác sanh khởi bằng mãnh lực của Vô Giác Duyên, Đăng Vô Giác Duyên.

Vì vậy, khi thân thể bị hủy diệt bằng vũ khí như súng, dao, cây... thì bọn mạng quyền cứu sắc và bọn sắc tứ đại nghiệp mà hiện khởi ở khắp châu thân cũng bị hủy diệt làm cho yếu sức mạnh xuống.

Cho dù nói rằng sắc khi chưa đầy đủ 17 sát na tâm thường không có sự hoại diệt trước, nhưng bọn mạng quyền cứu sắc và bọn sắc tứ đại nghiệp mà bị hủy diệt thì làm cho yếu sức mạnh đi. Khi tự thân yếu sức mạnh thì sát na diệt (của tâm) cũng không thể ủng hộ trợ giúp cho bọn mạng quyền cứu sắc và bọn sắc tứ đại nghiệp sanh lên lần sau được đủ sức. Do đó việc sanh lên nối tiếp nhau của bọn mạng quyền cứu sắc và bọn sắc tứ đại nghiệp luôn có sức mạnh yếu xuống theo tuần tự cho đến khi không thể sanh khởi được nữa.

Chính trong khoảng thời gian cực ngắn này chúng sanh đó sẽ chết. Vì vậy, mới nói rằng sát sanh là làm cho sanh mạng của chúng sanh đó rơi ngã xuống nhanh chóng.

*

Luận giải về vấn đề sát sanh thuộc loại uddissa & anudissa

Trong cả 2 việc gắng sức tức gắng sức tự mình làm (*Sahatthikapayoga*) và gắng sức bằng cách quăng, liệng vũ khí (*Nissaggiyapayoga*) này được phân ra làm hai cách:

Uddissa: Giết bằng cách cá biệt.

Anuddissa: Giết bằng cách không cá biệt.

- Giết bằng cách cá biệt: Có một con cò đậu trên lưng con trâu, người thợ săn muốn bắn con cò đó rồi nổ súng, viên đạn trúng con cò chết. Như vậy người thợ săn phạm vào nghiệp đạo thành tựu viên mãn việc sát sanh. Nhưng nếu không trúng con cò mà lại trúng con trâu thì người đó không thành tựu sát sanh. Bởi vì chi phần của hành động đó thiếu điều có tâm suy tính giết (*Vadhakacittam*) và gắng sức giết cho chết (*Payoga*). Vì người đó không có chủ tâm giết và cũng không gắng sức để giết chết con trâu. Thích hợp như Ngài A xà lê *Mahābuddhaghosa* đã trình bày trong số giải *Pārājikakaṇḍa* và số giải *Khuddakapāṭha* rằng: "*Uddissake yaṃ uddisa paharati tasseva maraṇena kammabaddho*" "Sự sát sanh cá biệt mà người giết nhắm vào chúng sanh nào, nếu chúng sanh đó chết mới khẳng định được đã thành tựu sát sanh".

- Giết bằng cách không cá biệt: Khi người thợ săn nhìn thấy nhiều con thú chứ không chỉ nhắm riêng vào một con nào mới chủ tâm giết bằng cách không cá biệt. Rồi bắn, đập hoặc đâm trúng các con thú đó chết dù bao nhiêu con cũng được. Như vậy, người thợ săn được gọi là phạm vào nghiệp đạo thành tựu sát sanh.

Vì giận dữ một con chó nên ông A đã dùng hết sức bình sanh đánh cho nó chết, nhưng con chó không chết mà chỉ bị thương tích nặng rồi nhuốm bệnh. Thời gian sau ông lại giận dữ con chó đó nữa, nhưng lần này thì ông A chỉ muốn đánh để răn đe nó mà thôi. Thế là thương tích cũ là nhân làm cho thương tích mới trầm trọng thêm lên nên con chó đó mới chết. Trường hợp này được tính là ông A đã phạm vào sát sanh nghiệp đạo chăng, vì con chó đó chết do bị đánh trọng thương lần thứ hai? Trường hợp này không được tính ông A phạm vào nghiệp đạo bởi vì ông không có cố ý giết chết. Do đó, Ngài A xà lê số giải *Pārājikakaṇḍa* trình bày rằng: "*Kiñcā pi paṭhamahāro na sayameva sakkoti maretuṃ, dutiyaṃ pana labhitvā sakkonto jīvitavināsana hetu ahoṣi, paṭhamapahāreneva kammabaddho yutto, na dutiyena tassa aññcittena dinnatta*".

Nghĩa là: Cho dù bị đánh kịch liệt lần đầu nhưng không chết, khi bị đánh lần thứ hai thì thương tích bị đánh lần đầu làm nhân cho chết. Vì vậy, nên phán quyết rằng: "Phạm vào nghiệp đạo do bị đánh lần đầu, không nên phán quyết lấy sự đánh lần thứ hai. Bởi vì, sự đánh lần thứ hai này không có chủ tâm đánh chết".

Binh lính trên chiến trường nhìn thấy địch quân trốn chạy, một chiến binh lấy gươm chặt đứt đầu quân địch nhưng thân thể của quân địch đó vẫn còn chạy được do còn trốn. Một chiến binh khác nhìn thấy cầm gươm chém thêm lần nữa, lúc này thân thể của địch quân đó mới ngã xuống chết.

Hỏi: Người chiến binh nào là người phạm vào sát sanh nghiệp đạo?

Một số Ngài A xà lê phán quyết rằng: "Người chiến binh thứ hai phạm vào sát sanh ". Nhưng Ngài A xà lê trưởng lão *Gotta* có sự thông hiểu Thắng Pháp đã khẳng định rằng: "Chính người chiến binh chặt đầu địch quân lần đầu là người phạm vào sát sanh. Vì sự chặt đứt cả hai mạng quyền của địch quân đó liên quan đến chính sự bị giết lần đầu".

Sự khẳng định của Ngài A xà lê trưởng lão *Gotta* này được Chư Tăng hội họp lại nhận xét đồng loạt cùng nhau tuyên bố lời chấp thuận. Về sau vào thời kỳ Ngài A xà lê *Mahābuddhaghosa* khi đã thâm xét lại vấn đề này thì hoan hỷ với lời khẳng định của Ngài A xà lê trưởng lão *Gotta* mới đem ra trình bày trong số giải *Pārājikakanda* rằng:

"Eko saṅghāme vegena dhāvato purisassa sīlaṃ asinā chindati asīsakaṃ kāyabandhaṃ dhāvati tamañño paharivā pāṭeti, kassa kammaṃ patho hotīti vutte upadḍhattherā gamanupacchedakassāti mahamsu, ābhidhammikagottatthero sīsacchedakassāti".

Một chiến binh chặt đầu địch quân đang trốn chạy trên chiến trường bằng thanh gươm, mặc dầu thân thể mất đầu nhưng vẫn còn chạy được. Một chiến binh khác đã chém vào thân thể đang chạy đó cho ngã xuống. Hỏi rằng: "Ai là người phạm vào nghiệp đạo?". Khi đặt câu hỏi này thì có phân nữa số lượng hiểu sai nói rằng: "Chính người chém cho thân thể ngã xuống là người phạm vào nghiệp đạo". Ngài Thắng Pháp trưởng lão *Gotta* khẳng định: "Người chặt đầu địch quân là người phạm vào nghiệp đạo thành tựu nghiệp sát sanh".

*

Luận giải về vấn đề tự sát bị sa đọa

Attaghātana

Người hủy diệt sanh mạng của chính mình (tự sát) bằng bất cứ trường hợp nào đi nữa, người đó có phạm vào sát sanh nghiệp đạo hay không? Vấn đề này một số Ngài A xà lê nói rằng: "Người tự sát chết thì phạm vào sát sanh nghiệp đạo". Bằng cách dẫn chứng *Pāli* rằng:

"Kodhaṃ nissāya sattā satthaṃ ādāya attanāva attānaṃ paharanti, viṣaṃ khādanti, rajjuyā upabandhanti, papātaṃ patanti, evaṃ kodhavasena kālaṅkatā nirayādīsu upapajjanti". (trong số giải Bốn Sanh *Ekanipāta*).

Nghĩa là: "Chúng sanh nào tự sát bằng vũ khí, uống thuốc độc, thắt cổ hay nhảy xuống vực do buồn chán. Khi chúng sanh đó chết do mãnh lực sân hận như đã đề cập, thường sanh vào khổ cảnh như địa ngục...".

Nhưng trong việc luận giải của một số Ngài A xà lê đó không đúng do nhận xét thiếu thận trọng. Bởi vì điều *Pāli* được nêu lên dẫn chứng đó Đức Phật Ngài ám chỉ đến người giết người khác trước rồi sau đó tự sát cho nên mới sanh vào địa ngục; bởi do sân hận giết người khác. Do đó, Đức Thế Tôn mới thuyết trong Bốn Sanh *Ekanipāta* về vấn đề giống như vậy rằng:

"Vihedakajāikā pi diṭṭheva dhamme garaḥaṃ patvā kāyassa bhedaṃ nirayādīsu upapajjanti".

Nghĩa là: "Người có bản tánh sát hại hủy diệt chúng sanh khác sẽ phải bị nguyên rửa chê trách từ người khác lúc đang còn sanh tiền, và sau khi mệnh chung thì sanh vào khổ cảnh như địa ngục ...

Do nhân này, mới trình bày cho thấy rằng: "*Sự tự sát đơn thuần không được liệt vào phạm sát sanh nghiệp đạo*".

Lại nữa, trong 5 chi phần của sát sanh thì người tự sát thường không đủ 5 chi, vì thiếu điều biết chúng sanh có mạng sống (pāṇasaññitā) không ám chỉ lấy chính mình mà ám chỉ chúng sanh khác ngoài mình ra. Cho nên việc tự sát mới không phạm vào nghiệp đạo thành tự sát sanh. Ngài A xà lê hậu số giải đã trình bày trong *Saratthadīpanīṭkā vā Vimativinodanīṭkā* rằng: "*Attānaṃ muñcivā parapāṇimhi pāṇasaññitālakkaṇassa aṅgassa abhāvato nevatthi pāṇātipāto*". Nghĩa là: "Nghiệp sát sanh chắc chắn không có với người tự sát, bởi thiếu chi phần biết chúng sanh khác có sự sống (pāṇasaññitā) ngoài bản thân mình ra.

*

Luận giải nghiệp sát sanh đối với người chết do thời tử

Người chết do thời tử (*sarasamarāṇa*) là chết do hết nghiệp và hết tuổi thọ. Có giả thuyết rằng: Một người sẽ chết nội trong ngày vào thời điểm tuổi thọ khoảng 1700 năm do hết nghiệp và hết tuổi thọ, thỉnh linh vào thời điểm 1700 năm đó có kẻ thù đến lén giết chết người ấy. Như vậy, người giết này có phạm vào sát sanh nghiệp đạo hay không?

Giải rằng: Người giết không phạm vào sát sanh nghiệp đạo bởi vì không đủ 5 chi do thiếu điều chúng sanh đã chết do sự gắng sức (*tenamaranaṃ*). Vì vậy, Ngài trưởng lão *Ānanda* mới trình bày trong kệ ngôn *Vatthumūlaṭṭikā* rằng:

"Attano dhammatāya marantaṃ koṭṭentassa vā sīsaṃ vā chindantassa natthi pāṇātipātoti ācariyā vadanti".

Nghĩa là: "Các Ngài A xà lê đề cập rằng: Nghiệp sát sanh thường không có với người giết do sự ép buộc hoặc bằng cách chặt đầu của người đương nhiên phải chết. Vấn đề người chết do lương tận tử (hết nghiệp và hết tuổi thọ) này, là vấn đề khó biết được, vì người không có vị lai thông (*anāgatañsābhiññā*) thì không biết được chắc chắn mà chỉ phỏng đoán hoặc dùng phương pháp làm thầy bằng khoa chiêm tinh mà thôi. Do đó, việc nêu lên vấn đề này phải phán định theo điển tiền như đã đề cập trên".

*

Luận giải liên quan đến việc giết mẹ & giết cha

Con là người giết cha là người, nhưng người cha đó biến đổi giới tánh thành người nữ; hoặc con là người giết cha là bàng sanh; hoặc con là bàng sanh giết cha là người; hoặc con là bàng sanh giết cha cũng là bàng sanh. Thế thì cả 4 hành động của người con này, hành động nào là nghiệp giết cha?

Giải rằng: Hành động thứ nhất của người con giết cha là nhân loại với nhau, cho dù người cha đó có biến đổi giới tính thành người nữ đi nữa thì hành động đó cũng liệt vào nghiệp giết cha. Còn hành động của người con thứ 2 - 3 - 4 thì người cha hay mình không phải là người như nhau không được liệt vào nghiệp giết cha. Nhưng nghiệp này cũng được coi như là trọng nghiệp gần với nghiệp giết cha.

Đối với nghiệp giết mẹ cũng diễn tiến tương tự như vậy.

Do đó, Ngài A xà lê số giải đã trình bày trong số giải *Sammohavinodanī*, số giải trong Tăng Chi Bộ Kinh và số giải *Uparipannāsaka* rằng:

"Manussabhūtassevamanussabhūtaṃ mātaraṃ pitaraṃ vā api parivattaliṅgaṃ jīvitā voropentassa kammaṃ ānantariyaṃ hoti, yo pana sayamaṃ manussabhūto tiracchānabhūtaṃ mātaraṃ pitaraṃ vā, sayamaṃ vā tiracchānabhūto manussabhūtaṃ, tiracchānoyeva vā tiracchānabhūtaṃ jīvitā voropeti, tassa kammaṃ ānantariyaṃ nahoti, bhāriyaṃ pana hoti ānantariyaṃ āhacceva tiṭṭhati".

Nghĩa là: Người con này là nhân loại, nếu giết cha cho dù có đổi giới tánh đi nữa, thì hành động của người con này thuộc ngũ nghịch vô gián nghiệp do nghiệp giết mẹ, giết cha. Người nào bản thân là nhân loại mà giết mẹ, giết cha là bàng sanh; cũng như bản thân là bàng sanh giết mẹ, giết cha là nhân loại; hoặc bản thân là bàng sanh lại giết mẹ, giết cha cũng là bàng sanh. Cả 3 hành động của người này không thuộc ngũ nghịch vô gián nghiệp. Tức không thuộc nghiệp giết mẹ, giết cha, nhưng cũng liệt vào trọng nghiệp gần giống như tội ngũ nghịch vô gián nghiệp.

Trình bày theo *Sedamocanagātha* (kệ ngôn rất khó suy nghĩ cho đến nỗi tuông mồ hôi) liên quan đến vô gián nghiệp.

Atthim hane na mātaram purisañca na pitaram hane Haneyya anariyaṃ mando tena cānantaram phuse Pañhā mesā kusalehi cinditā...

Nghĩa là: "Người hành hạ sát hại nam nhân, nữ nhân mà không phải là cha, mẹ và cũng không phải là bậc Thánh, người đó vẫn phạm vào ngũ nghịch vô gián nghiệp. Người có trí tuệ nhạy bén nên thẩm đoán câu hỏi này".

Lời luận giải trong kệ ngôn này ám chỉ rằng, người con giết mẹ giết cha đã đổi giới tánh. Vì vậy, mới trở thành ngũ nghịch vô gián nghiệp. Tức mẹ biến đổi thành nam giới; cha biến đổi thành nữ giới, nên người nam đó không phải là cha và người nữ đó cũng không phải là mẹ.

Do đó, Ngài A xà lê số giải mới trình bày trong số giải *Samantapāsādikā* rằng:

"Ayaṃ pañhā liṅgaparivattena ithibhūtaṃ pitaram purisabhūtañca mātaram sandhāya vuttā".

Nghĩa là: "Câu hỏi này Đức Phật Ngài ám chỉ rằng cha biến đổi thành nữ giới và mẹ biến đổi thành nam giới".

Atthim hane ca mātaram purisañca pitaram hane.

Mātaram pitaram hantvā na tenānantaram phuse.

Pañhā masā kusalehi cinditā.

Nghĩa là: "Người con giết nữ nhân thực sự là mẹ và nam nhân thực sự là cha, cho dù giết cha mẹ nhưng người con đó cũng không phạm vào ngũ nghịch vô gián nghiệp. Người có trí tuệ tinh tường nên thẩm đoán câu hỏi này".

Lời luận giải trong kệ ngôn này, ám chỉ rằng mẹ cha là bàng sanh con là người. Vì vậy, mới không trở thành vô gián nghiệp như đạo sĩ *Migaliṅga* có mẹ là nai; cậu bé *Sīhabāhu* có cha là sư tử chúa đã giết cha là sư tử chúa chết đi. Do đó, Ngài A xà lê số giải trình bày trong số giải *Samantapāsādikā* rằng:

"Ayaṃ pañhā magaliṅgatāpasa sīhakumārādīnaṃ viya tiracchānamātāpitaro sandhāya vuttā".

Nghĩa là: Câu hỏi này Ngài ám chỉ mẹ cha là bàng sanh, giống như mẹ cha của đạo sĩ *Migaliṅga* và cậu bé *Sīhabāhu*.

*

Luận giải người giết cha do không biết là cha

Người con giết cha do không biết là cha và người cha bị giết đó cũng không biết rõ đó là con, như vậy có được liệt vào là ngũ nghịch vô gián nghiệp hay không?

Giải rằng: Cho dù không biết rõ là cha con với nhau, nhưng theo thực trạng thì người giết và người bị giết cũng là cha con. Do đó, mới được liệt vào ngũ nghịch vô gián nghiệp.

Như Ngài A xà lê số giải trình bày trong số giải Luật Tạng Bộ Đại Phẩm (*Vinayamahāvagga*) rằng:

"Sace pi hi vesiyā putto hoti, ayam ye pitāi najānāti, yassa sambhavana nibbatta pitā so ce anena ghātito pitughātakotveva saṅkhayaṃ gacchati antariyañca phusati".

Nghĩa là: "Cho dù người con trai của người kỹ nữ không biết rằng người đó là cha của mình, nhưng tình trùng của người nam nào cấu tạo cho sanh ra, thì chính người nam đó là cha của mình. Nếu người con trai giết người tạo tác sanh ra mình thì cũng được liệt vào là người giết cha, phạm ngay vào ngũ nghịch vô gián nghiệp".

Người con giết cha mẹ do tưởng lầm là thú hoặc là người xấu, cũng được liệt vào ngũ nghịch vô gián nghiệp. Như câu chuyện một người nam có tình giết con dê ban đêm thường tới ăn cây của mình trông. Vào một đêm, người nam đó ôm súng ngồi chờ con dê đến nhưng tình cờ trong lúc đó cha hoặc mẹ của mình lại đến ngồi ngay chỗ con dê thường đến. Vì trời quá tối không thấy rõ, nên người nam đó tưởng là con dê liền nhả đạn bắn trúng cha hoặc mẹ của mình chết.

Hoặc có một người nam có tình giết kẻ trộm ẩn nấp trong khuôn viên nhà. Đêm đã về khuya, vừa nhìn thấy bóng người đi vào khuôn viên nhà mình nên cầm súng bắn. Nhưng đột nhiên người bị bắn đó lại là cha hoặc mẹ của mình trúng đạn chết bởi do sự tưởng lầm của người con.

Như vậy, hành động của hai người nam đã đề cập trên gọi là phạm vào ngũ nghịch vô gián nghiệp.

Một người lính ngoài chiến trường nhìn thấy cha của mình bị địch quân bắt, cố tình bắn vào nhóm địch quân đó với suy tính: "Nếu nhóm địch quân đó trúng đạn thì cha ta sẽ thoát được". Nhưng khi nhả đạn thì trúng ngay vào người cha của mình chết. Như vậy, hành động của người lính đó được liệt vào ngũ nghịch vô gián nghiệp hay không?

Ngài A xà lê số giải đề cập rằng: "Không được liệt vào ngũ nghịch vô gián nghiệp mà chỉ gọi là người giết cha".

Cả 3 câu chuyện trên được trình bày trong số giải *Samantapāsādikā*, lại nữa Ngài A xà lê *Mahābuddhaghosa* trình bày trong số giải Luật Tạng Bộ Đại Phẩm (*Vinayamahāvagga*) rằng: "Người giết bậc A La Hán, nếu bậc A La Hán bị giết không phải là người thì người giết đó sẽ không phạm vào ngũ nghịch vô gián nghiệp".

Trong *Sammohavinodanī* số giải và hậu số giải trình bày rằng: "Vị đang tu tiến Minh Sát chưa chứng đắc thì có người đến hại vị ấy bằng cách hủy hoại thân thể hoặc lén bỏ thuốc độc vào vật thực cho dùng. Hành giả đó bị nhiều hại rồi thì thọ khổ hoàn hành nhưng tinh cần tu tiến Minh Sát mãi cho đến khi chứng đắc A La Hán rồi nhập diệt bởi do thương tích nhiễm trùng hoặc do ảnh hưởng của thuốc độc. Như vậy, người nhiều hại đó phạm vào ngũ nghịch vô gián nghiệp. Dù rằng tư sát sanh trong đồng lực sân thứ 7 lúc đó chưa có cảnh hiện tại, nhưng vì có chủ tâm làm cho chết. Tức làm cho sự tiếp nối nhau của hai mạng quyền của người bị giết đứt lìa.

*

Luận giải trong việc xin cho được chặt tay & chặt chân

Kẻ tử tội lãnh án tử bị đem đến pháp trường hành quyết, trong lúc vị quan giám sát pháp trường đem kẻ tử tội ra. Thì có một người khởi tâm thương xót thỉnh cầu giảm án tử xuống chỉ còn chặt tay chân thôi, lời thỉnh cầu đó được chấp thuận. Như vậy, người thỉnh cầu cho chặt tay chân của tên tử tội có thuộc bất thiện hay không?

Giải rằng: Không thuộc bất thiện mà ngược trở lại là thiện thí sanh mạng (*jīvitadānakasala*).

Do đó, Ngài *trưởng lão Nāgasena* mị đề cập trong *Milindapañhā* rằng: "*Na kiñci apuññaṃ āpajjeyya*"

"Người đó không phạm vào một loại bất thiện nghiệp nào cả".

*

Luận giải đuôi con thằn lằn bị đứt nhưng vẫn còn chuyển động được

Người đập con thần lằn đứt đuôi nhưng vẫn còn chuyển động được. Như vậy, có thể nói rằng khúc đuôi bị đứt đó còn tâm thức được hay không?

Giải rằng: Khúc đuôi bị cắt đứt đó không còn tâm thức, nhưng còn chuyển động được bởi do việc hiện khởi nối tiếp nhau của sắc quý tiết do tâm tạo. Tức sắc sanh lên từ hỏa đại trong bọn sắc tâm (*cittajakalāpa*) và trong sắc quý tiết do tâm tạo có phong đại (*samīraṇavāyodhātu*) làm cho chuyển động. Và phong đại làm cho chuyển động cũng nương vào phong đại trong sắc tâm (*cittajavāyodhātu*) hiện khởi trong thân con thần lằn.

Do đó, khi mãnh lực của gió vẫn còn có sức mạnh thì đuôi con thần lằn đã đứt ra cũng vẫn chuyển động được. Cái đuôi chỉ ngừng chuyển động khi mãnh lực của gió chấm dứt mà thôi.

*

Luận giải câu hỏi liên quan đến y học và khoa học

1- Việc dùng thuốc hủy diệt tinh trùng (*opermatasoa*) của người nam để không cho phối kết lại với âm dịch (*ova*) của người nữ có được liệt vào sát sanh hay không?

2- Theo y học các loại vi trùng như vi trùng bệnh thổ tả... thường có sự chuyển động giống như chúng sanh bên ngoài. Các loại vi trùng đó sanh sản phát triển phân thân ra nhanh chóng và không tự mình chết đơn độc mà chỉ bị hủy diệt do sức nóng hoặc do mãnh lực của thuốc tiêm chích. Do đó, sự kiện trong y học dùng thuốc tiêm chích để diệt các vi trùng này có được gọi là sát sanh hay không?

3- Người ăn trứng vịt hoặc trứng gà không có mầm trứng phối kết, thì có thể nói được chăng ngoại trừ việc dùng động vật có mầm sống mới liệt vào tội sát sanh?

Phân Tích

1- Việc hủy diệt tinh trùng của người nam để ngừa không cho sanh sản không phải là sát sanh. Bởi vì tinh trùng (*spermataśoa*) của người nam dù có sự chuyển động, nhưng không có thức tánh. Mà trong cõi dục thì không thể có chúng sanh sanh lên mà không có thức tánh. Vì vậy, trong Phật Giáo mới không tính vào là chúng sanh, cho dù có tinh trùng của người nam hoặc âm dịch của người nữ đi nữa đều chỉ là bọn sắc quý tiết sanh khởi từ tâm tham của đôi nam nữ liên quan đến nghiệp của chúng sanh tái sanh vào. Sự kiện chuyển động được do trong bọn sắc đó có phong đại (*samīraṇavāyodhātu*) mới làm cho chuyển động được. Giống như cái đuôi con thần lằn bị đứt lia khỏi thân cũng vẫn còn chuyển động được.

Nếu sự hủy diệt này ở vào giai đoạn tinh trùng của người nam và âm dịch của người nữ phối kết lại cho đến khi hình thành chúng sanh có thức tái tục, thì hành động đó chắc chắn được liệt vào sát sanh.

2- Sự kiện mà các bác sĩ tiêm chích hủy diệt các vi trùng bệnh không được liệt vào là sát sanh. Bởi vì nhóm vi trùng đó không có thức tánh mà chỉ là bọn sắc quý tiết liên quan đến nghiệp thiện, nghiệp bất thiện hay sanh từ quý tiết bên trong lẫn bên ngoài, liên quan đến vật thực cũng có.

Trong sự kiện các loại vi trùng chuyển động được như chúng sanh bên ngoài là do mãnh lực của phong đại hiện hữu trong bọn sắc. Như đã giải thích trong điều 1 Vi trùng phát triển nhiều lên được, bởi do mãnh lực của hỏa đại trong bọn sắc đó tạo cho bọn sắc sanh khởi tiếp nối nhau thành số lượng nhiều lên. Giống như cây cối hấp thụ thời tiết nóng lạnh rồi phát triển tươi tốt đâm chồi nảy lộc. Hoặc giống như cỏ chỉ trồng có một bụi thôi, thời gian sau thì phát triển lan rộng ra thành hàng trăm hàng ngàn cho đến vô số kể. Và trong sự kiện mà nhóm vi trùng đó không tự mình chết được cho thấy rằng nhóm vi trùng đó không phải là chúng sanh. Vì nếu là chúng sanh thì phải có sự chết theo hạn định thời gian. Vì vậy, nhóm vi trùng đó cũng có thực tánh giống như ri sét sanh từ kim loại sắt hoặc như rong rêu bám trên tường.

Nếu việc tiêm thuốc hoặc uống thuốc để tiêu diệt ký sinh trùng trong ruột ... thì sẽ được liệt vào sát sanh. Bởi vì ký sinh trùng sai biệt đó có tâm thức luôn cả sự sanh sản và sự chết cũng hiện bày. Nhưng sát sanh loại này có tội ít, vì chúng sanh bị giết không có lợi ích, ân đức nào cả mà chỉ làm

tổn hại. Nếu người tiêu diệt ký sinh trùng có tác ý giúp cho người khác được sống an lạc tiếp tục tồn tại, thì ngược lại sẽ trở thành loại thiện thí bảo tồn sanh mạng (*jīvitadānakusala*).

3- Cũng không thể nói được là ngoại trừ việc thọ thực loài vật có mạng sống mới liệt vào sát sanh. Bởi vì người ăn trứng vịt hoặc trứng gà dù trong trứng đó không có mầm trứng phôi kết đi nữa, nhưng cũng có chúng sanh tái tục lên mới hiện bày thành trứng được.

Bởi do nhân làm cho người mẹ thọ thai được có 8 cách:

Methunam colagahanam Samsaggo nābhyāmasanam

Pānam dassanam savanam Ghāyanam gabbhahetavo

Nghĩa là: "Nhân làm cho thọ thai được có 8 cách:

- 1- Do hành dâm.
- 2- Do lấy vải dính tinh trùng của người nam đặt vào âm hộ.
- 3- Do bắt người nam xúc chạm vào thân.
- 4- Do người nam sờ vào rún.
- 5- Do uống tinh trùng của người nam.
- 6- Do nhìn thấy hình tướng của người nam.
- 7- Do nghe tiếng của người nam.
- 8- Do ngửi mùi của người nam. (Trong số giải *samantapāsādikā*).

Việc đề cập này trình bày cho biết rằng sự khởi hiện của chúng sanh trong thai bào người mẹ cho đến khi hiển lộ. Ngoài sự phôi kết tinh trùng của người nam thì vẫn có nhân khác làm cho chúng sanh khởi hiện lên được.

Do nhân này, trứng gà hoặc trứng vịt cho dù không có mầm trứng thì vẫn có hiện hữu chúng sanh .

*

Trình bày vấn đề thụ thai nương vào 8 nhân theo thứ tự

1- *Methunam*: Do hành dâm, điều này hiện bày rõ ràng nên không cần phải giải thích chi tiết.

2- *Colagahanam*: Do lấy vải dính tinh trùng của người nam đặt vào âm hộ.

Điều này có câu chuyện trình bày rằng: Nữ nhân trước kia là vợ của Ngài *Udāyī* Đã lấy vải dính tinh trùng của Ngài đặt vào âm hộ của mình, thời gian sau nàng thọ thai.

3- *Samsaggo*: Do bắt người nam xúc chạm vào thân. Như có một số nữ nhân đang trong thời kỳ kinh nguyệt khởi lên tham ái nhiều. Vào thời điểm đó, nếu người nam xúc chạm vào các bộ phận thân thể của nữ nhân này, thì có thể làm cho nữ nhân này thọ thai được.

4- *Nābhyāmasanam*: Do người nam sờ vào rún. Như nàng *Pārikā* là mẹ của Bồ Tát *Suvaṇṇasāma* vào lúc đang có kinh nguyệt, thì đạo sĩ *Dukūla* là đức vua *Savāmī* đã lấy tay sờ vào rún của nàng. Sau đó, nàng thọ thai sinh ra Bồ Tát *Suvaṇṇasāma*.

5- *Pānam*: Do uống nước tinh trùng của người nam. Như chuyện đạo sĩ *Migalīṅga* là con của con nai cái. Trong lúc con nai cái có kinh nguyệt đã uống nước tiểu có tinh trùng của một vị đạo sĩ. Sau đó, con nai cái thọ thai và sinh ra người con trai là nhân loại tức đạo sĩ *Migalīṅga*.

6- *Dassanam*: Do nhìn thấy hình tướng của người nam. Như câu chuyện nàng cung phi của vị lãnh chúa cai trị một phần lãnh thổ trên đảo *Lankā*. Khi đứng nơi cửa sổ nhìn thấy một người nam là ngự lâm quân cận vệ cho lãnh chúa, nàng đã nhìn sai mê người nam đó. Bởi mãnh lực của tham ái nên thời gian sau nàng đã thọ thai.

7- *Savanam*: Do nghe tiếng của người nam. Thường nhiên thì chim hạc không có chim trống mà chỉ có chim mái. Vào thời điểm mà chim hạc muốn sanh con thì phải được nghe tiếng sấm sét, khi nghe được tiếng sấm sét vào lúc nào thì lúc đó chim hạc sẽ thụ thai.

Như có *Pāli* trình bày như sau:

Yathā balakayonimhi Nivijjati pumosadā

Meghesu gajjamānesuGa bbham gūṇahanti tā sadā.

Nghĩa là: "Trong việc sanh sản của nhóm chim hạc đó không có xuất hiện chim hạc trống. Vào lúc trời sấm sét thì lúc đó chim hạc mái sẽ thụ thai".

Gà mái hay bò cái đôi khi nghe tiếng của gà trống hay bò đực cũng thọ thai được.

8- *Ghāyanam*: Do ngửi mùi của người nam (giống đực). Như có một số bò cái khi ngửi mùi bò đực *Usabha* thì thọ thai hoặc một số ngựa cái, một số voi cái khi đã ngửi mùi của ngựa đực, voi đực cũng thọ thai được.

Các câu chuyện sai biệt đã trình bày trên được trích dẫn từ sớ giải: *Samantapāsādikakaṇḍa vā Saratthadīpanīṭikā*

Kết thúc phần thích giải về sát sanh

*

2- *Adinnādāna*: TRỘM CẤP

Từ "*Adinnādāna*" Khi phân tích được 3 từ: A + *dinna* + *ādāna*. A: Lờn từ chối, *Dinna*: Vật được chủ nhân cho phép, *Ādāna*: Chiếm đoạt. Khi gom từ lại với nhau thành *Adinnādāna* nghĩa là chiếm đoạt đồ vật mà chủ nhân không cho phép hoặc đồ vật mà chủ nhân gìn giữ quý trọng .

Từ "*Adinnā*" nghĩa là vật mà chủ nhân không cho phép do chủ nhân quý trọng gìn giữ. Ám chỉ đến việc không chấp nhận cho hay chia xẻ vật đó như viết giấy, đưa bằng tay hoặc biểu hiện bằng cử chỉ, hành động như dùng chân, tay khều hay biểu hiện sắc mặt, hoặc nói lên lời không chấp thuận cho đối với người khác.

Từ "*Ādāna*" là chiếm đoạt bao gồm trộm cắp, cướp bóc, giật

chạy, dọa nạt, lường gạt, tráo đổi...

Như định nghĩa trình bày sau: "*Adinnādāna*": "*Na dinnaṃ: Adinnaṃ*". Đồ vật mà chủ nhân không chấp thuận cho hoặc đồ vật mà chủ nhân gìn giữ, quý trọng gọi là *Adinna*.

"Adinnassa ādānaṃ: Adinnādānaṃ" Sự chiếm đoạt đồ vật của chủ nhân không chấp thuận cho gọi là trộm cắp.

"Adinnaṃ ādīyanti etenāti: Adinnādānaṃ". Người chiếm đoạt đồ vật mà chủ nhân gìn giữ, quý trọng bằng cách nào thì cách đó gọi là trộm cắp. Tức chủ tâm trộm cắp tài sản (*theyyacetanā*)

Chủ tâm trộm cắp có hai cách hành động:

1- *Kāyapayoga*: Trộm cắp bằng thân.

2- *Vacīpayoga*: Dùng lời nói lường gạt.

*

Chi phần của hành động trộm cắp

Việc hành động bất thiện trộm cắp phạm vào nghiệp đạo phải hội đủ 5 chi:

- 1- *Parapariggahitam*: Vật có chủ giữ gìn.
- 2- *Parapariggahita saññitā*: Biết rằng, vật có chủ giữ gìn.
- 3- *Theyyacittam*: Có tâm suy tính trộm cắp.
- 4- *Payoga*: Gắng sức trộm cắp.
- 5- *Avahāro*: Đã lấy được vật đó do sự gắng sức.

Khi hành động đủ 5 chi này coi như người đó phạm vào nghiệp đạo, nếu hành động không đủ 5 chi này thì không thành tội nghiệp đạo. Như kệ ngôn trình bày sau:

Parassa sam tathāsaññā Theyyacittañcupakkamo

Tena hāroti pañcaṅgā Theyyassa yatanā samā

Chi phần trộm cắp tài sản đồ vật có 5:

- 1- Vật của người khác .
- 2- Biết rằng, vật của người khác.
- 3- Có tâm suy tính trộm cắp.
- 4- Gắng sức trộm cắp.
- 5- Đã hoàn thành việc trộm cắp đó.

Payoga: Gắng sức trong việc trộm cắp tài sản có 6 cách (giống như hành động sát sanh):

- 1- *Sahatthika*: Tự mình trộm cắp.
- 2- *Ānattika*: Sai biểu người khác trộm cắp bằng lời nói hoặc bằng cách viết ra giấy.
- 3- *Nisaggiya*: Lén quăng đồ vật, như lén lút lấy đồ vật bị đóng thuê quăng ra khỏi khu vực thuê.
- 4- *Thāvara*: Ra lệnh cho phe đảng nếu có cơ hội lúc nào thì cố gắng trộm cho được vật đó. Việc ra lệnh như vậy cũng coi như thành tựu trộm cắp, dù mất thời gian đến bao nhiêu lâu đi nữa.

Gọi là *Athasādhaka* tức là làm cho thành tựu việc trộm cắp hoặc cố ý phá hoại tài sản, vật chất của người khác cho tiêu hao. Như lấy vải bỏ vào trong xô, thùng đựng dầu mỡ để cho vải đó rút bớt hay hết dầu mỡ của người khác.

5- *Vijjāmaya*: Dùng chú thuật phù phép làm cho chủ nhân của tài sản mê muội, ngớ ngẩn tự đem tài sản đó đến giao cho mình. Hoặc dùng chú thuật thôi miên làm cho chủ gia sản ngủ mê đi, rồi lấy cắp tài sản đó...

6- *Iddhimaya*: Dùng thần thông sai biệt không liên quan đến chú thuật phù phép. Người có thần thông này không hành động trộm cắp bằng hành vi có tội theo thế gian (*lokavajja*) mà chỉ lấy trong việc dùng làm lợi ích và chủ nhân đó cũng không bị tổn hại gì. Như câu chuyện vị sa di đã chứng đắc thắng trí cần dùng nước đã đi đến xin với Long Vương có phận sự trông nom hồ *Pokkaraṇī*. Long Vương không đồng ý cho, sa di đó mới dùng thần thông bay lên hư không lấy nước đem đi. Và câu chuyện Bà La Môn *Dona* trong lúc phân chia Xá Lợi Phất cho 8 vương quốc, đã đánh cắp răng ngọc

bên phải giấu trong búi tóc. Thiên Vương Đế Thích nhìn thấy, Ngài bèn giành lấy răng ngọc từ búi tóc của Bà La Môn đó lần nữa, rồi đem đi tôn trí nơi bảo tháp *Cūlāmanī* trên cung trời Đạo Lợi...

Việc trộm cắp này nếu vật trộm có giá trị nhiều thì có tội nhiều thuộc mahāsāvajja. Nếu vật có giá trị ít thì có tội ít thuộc appasāvajja. Còn vật trộm có giá trị bình thường thì phải phân định theo chủ nhân. Nếu chủ nhân là người có giới hạnh thì người trộm có tội nhiều, nếu chủ nhân là người không có giới hạnh thì người lấy trộm có tội ít.

*

Phân tích theo 4 loại đồ vật có chủ

1- *Gīhisantaka*: Đồ vật của cư sĩ.

2- *Puggalasantaka*: Đồ vật của một vị tỳ kheo hay sa di.

3- *Gaṇasantaka*: Đồ vật của tỳ kheo hay sa di từ 2-3 vị.

4- *Saṅghasantaka*: Đồ vật của tỳ kheo hay sa di từ 4 vị trở lên.

Trong bốn loại đồ vật này, người nào trộm cắp tài sản loại *puggalasantaka* thì có tội nhiều hơn loại *gīhisantaka*. Người nào trộm cắp tài sản loại ***gaṇasantaka*** thì có tội nhiều hơn loại *puggalasantaka*. Và nếu người nào trộm cắp tài sản loại *saṅghasantaka* thì có tội nhiều hơn loại *gaṇasantaka* theo tuần tự như vậy.

*

Một khía cạnh khác nữa đồ vật của chủ nhân có 5 loại

1- *Puthujjanasantaka*: Đồ vật của phàm nhân.

2- *Sotāpannantaka*: Đồ vật của bậc Tu Đà Huòn.

3- *Sakadāgāmīnantaka*: Đồ vật của bậc Tư Đà Hàm.

4- *Anāgāmīnantaka*: Đồ vật của bậc A Na Hàm.

5- *Arahantasantaka*: Đồ vật của bậc A La Hán.

Tội trộm cắp cũng có nhiều ít theo tuần tự thứ bậc. Đối với việc trộm cắp của bậc A La Hán thì có tội nhiều nhất. Như Ngài trưởng lão *Mahābuddhaghosa* trình bày trong số giải *Sammohavinodanī* rằng: "*Khīnāsavassa santake atimahāsavajjamyeva*" "Sự trộm cắp tài sản của bậc A La Hán thường bị trọng tội".

*

Luận giải việc trộm cắp đồ vật là tài sản của bàng sanh

Tiracchānapariggahādāna vinicchaya

1- Người nhìn thấy con chim diều hâu sà xuống gắp miếng thịt hoặc cá chết rồi bay đi, thì tìm cách làm cho con diều hâu hoảng sợ bỏ vật đó xuống rồi nhặt lấy. Như vậy người đó coi như thành tựu việc trộm cắp. Nhưng nếu con chim diều hâu đó vồ lấy con vật còn đang sống, có người nhìn thấy bèn tìm cách để con diều hâu thả con vật bị hại xuống. Thì hành động này không thành tựu việc trộm cắp mà trở thành hành động thiện vô úy thí (*abhayaḍānakusala*).

Loài bàng sanh khác cũng như vậy, nếu loài bàng sanh đó tha đi con vật không còn sống để thành đồng như cá, chim, gà, vịt... Người mà tìm cách ngăn cản giết lấy vật đó thì hành động của người này cũng liệt vào thành tựu việc trộm cắp. Nhưng nếu loài bàng sanh đó tha đi con vật còn đang sống như chuột, cá, chim, gà, vịt, thằn lằn, sâu bọ, côn trùng... Người nhìn thấy cố tình ngăn cản giết lấy

hầu để giải thoát cho con vật đó, thì hành động đó không được liệt vào trộm cắp mà trở thành thiện vô úy thí.

Do đó, Ngài A xà lê hậu số giải đã trình bày trong *Vimativinodanīṭkā* rằng: "*Tiracchānānaṃ āmisadāne kusalaṃ viya tesam amisacchindanepi akusalameva, sappāādīni gahitapāṇakānaṃ mocanathāya vaṭṭati*".

"Sự bỏ thí vật thực cho loài bàng sanh được thành tựu bởi thiện nào, thì sự giết lấy vật thực của loài bàng sanh cũng được thành tựu bởi bất thiện đó. Sự cố gắng giúp cho chim, chuột, sóc... đang sống thoát khỏi con rắn đang rượt bắt thì hành động đó không phạm tội".

Riêng trong Luật Tạng việc giết lấy tài sản của loài bàng sanh thường không có tội, như có *Pāli* trình bày trong *Pārājikakaṇḍa của dutiyasikkhāpa* rằng:

"Anāpatti bhikkhave tiracchānagatapariggahe"

"Này các tỳ kheo! việc giết lấy tài sản mà loài bàng sanh gìn giữ đó không phạm tội".

Và Ngài A xà lê số giải đã trình bày quan niệm trùng hợp đối với Phật ngôn rằng: "*Senādayo pi āmisam gahetvā gacchante patetvā gahetum vaṭṭati*". Đối với tỳ kheo làm cho những vật sai biệt như miếng thịt... mà con điều hâu... vô lấy tha đi mà làm cho buông thả xuống, rồi giết lấy vật đó thì hành động này không phạm tội. Cho dù hành động như vậy theo Luật Tạng không được xếp vào phạm tội, nhưng nếu nói theo lý Thắng Pháp thì thành tựu việc trộm cắp.

*

Luận giải việc trộm cắp tài sản là vật cúng dường

Cetiya avahāraṇa vinicchaya

Vật cúng dường như Kim Thân Phật, Xá Lợi Phật, Đại Thọ Bồ Đề... có hai loại:

- 1- Vật cúng dường có người trông nom gìn giữ (*gopitarakkhita*).
- 2- Vật cúng dường không có người trông nom gìn giữ (*agopitarakkhita*).

- Các vật cúng dường như Kim Thân Phật... là vật không có ai trực tiếp làm chủ, ngay cả Kim Thân Phật mà người kiến tạo lên để cúng dường trong nhà của mình. Người kiến tạo đó cũng không được gọi là chủ của Kim Thân Phật mà chỉ là người trông nom gìn giữ mà thôi (*gopitarakkhita*). Bởi vì người được gọi là chủ của một vật nào thì có quyền sử dụng vật sở hữu của mình tùy theo ý thích. Như phá hủy đi, sửa đổi hình tướng cho khác hoặc bán đi cũng được thường không có tội. Còn vật cúng dường thì không thể tùy tiện, nếu người nào có hành động như đã đề cập trên thì trở thành bất thiện. Nhưng sẽ là trọng bất thiện nghiệp hoặc khinh bất thiện nghiệp thì cũng còn tùy theo sự cố ý (*cetanā*).

- Đối với người trộm lấy vật cúng dường có người trông nom gìn giữ thì gọi là trộm cắp. Còn chiếm giữ vật cúng dường không có người trông nom gìn giữ thì không gọi là trộm cắp.

Như Ngài A xà lê hậu số giải đã trình bày luận giải trong *Sāratthadīpanīṭkā và Kaṅkhāvitaranīṭkā* rằng:

"Devatāya pana uddissa balikammaṃ karontehi rukkhādīsu lambitasātake vattabbameva natthi tañcakho ārakkhakehi apariggahiteyeva, pariggahitaṃ pana gahetum na vaṭṭati".

"Việc đoạt lấy vải treo trên cây... mà tất cả mọi người đã hiến cúng cho chư thiên thì không có vấn đề gì cả (không phạm tội). Điều này ám chỉ đến vải mà không có người gìn giữ trông nom thì có thể lấy đi được. Nhưng nếu vải đó, có người trông nom gìn giữ rồi không được lấy đi".

*

Luận giải việc trộm cắp vật cúng dường có người trông nom gìn giữ

Vật cúng dường như Kim Thân Phật, Xá Lợi Phật... mà có người trông nom gìn giữ, nhưng nơi tôn trí vật cúng dường đó không thích hợp. Nếu người có đức tin tịnh tín kiến tạo nơi thích hợp mới và cung nghinh Kim Thân Phật hoặc Xá Lợi Phật... đến nơi mình vừa kiến tạo mà không chú ý lấy đi làm tư lợi cho mình. Tức không cố tình chiếm hữu mà chỉ muốn cung nghinh để lễ bái cúng dường mà thôi. Việc làm đó dù không được người trông nom gìn giữ cho phép cũng không liệt vào nghiệp đạo và không phạm tội; nhưng nếu người làm như vậy là tỳ kheo thì phạm tội.

Như câu chuyện Đức Trời Đế Thích trộm lấy răng ngọc của bậc Chánh Đẳng Giác mà Bà La Môn Doja biển thủ riêng bỏ vào trong búi tóc để đem về Đạo Lợi Thiên giới. Đức Trời Đế Thích đoạt lấy răng ngọc từ Bà La Môn Doja, là bậc đã chứng Tu Đà Hườn trong thời kỳ Đức Phật hiện tại. Do hành động của Đức Trời Đế Thích không phải làm bằng tâm suy tính trộm cắp mà Ngài quán thấy rằng: "Bà La Môn Doja không thể lễ bái cúng dường đối với răng ngọc cho xứng đáng thích hợp được. Vì vậy Đức Trời Đế Thích mới đoạt lấy đi rồi kiến tạo bảo tháp để tôn thờ răng ngọc và đặt tên bảo tháp là Cūlāmaṇī. Việc làm của vua trời Đế Thích như đã đề cập trên không phạm vào trộm cắp nghiệp đạo và không có tội. Mà ngược lại tạo được công đức phước báu.

Thích hợp như Ngài A xà lê số giải trình bày trong số giải *Suttantamahāvagga* rằng:

"Brahmaṇopī dathāya anucchavikaṃ sakkāraṃ kātum nasakkhissati, gaṇhāmi nanti veṭhantarato gahetvā suvaṇṇasaṅkoṭate ṭhapetvā devalokaṃ netvā cūlāmaṇīcetiye patiṭṭhapesi".

Nghĩa là: "Thiên Vương Đế Thích quán thấy Bà La Môn *Doja* không có khả năng lễ bái cúng dường đối với răng ngọc cho xứng đáng thích hợp. Nên Ngài buộc phải đoạt lấy răng ngọc từ búi tóc của Bà La Môn, tôn trí trong tháp vàng rồi cung nghinh về Đạo Lợi Thiên giới kiến tạo bảo tháp Xá Lợi *Cūlāmaṇī*.

Trình bày 25 loại trộm cắp việc trộm cắp có 25 loại

- *Nānābhaṇḍa pañcaka*: Trộm cắp tài sản vật chất cả hữu mạng quyền lẫn vô mạng quyền, có 5 loại.
- *Ekabhaṇḍa pañcaka*: Trộm cắp riêng biệt vật hữu mạng quyền, có 5 loại.
- *Sāhatthika pañcaka*: Tự mình trộm cắp, có 5 loại.
- *Pubbapayoga pañcaka*: Hành động thành tựu trộm cắp trước, rồi mới bắt tay vào trộm, có 5 loại.
- *Theyyāvahāra pañcaka*: Lừa đảo tráo đổi đồ vật, làm đồ giả mạo phỉnh gạt để tìm cách che đậy việc trộm cắp bằng cách không cho chủ nhân biết, có 5 loại.

*

Nānābhaṇḍa pañcaka có 5 loại

- 1- *Ādiyana adinnādāna*.
- 2- *Haraṇa adinnādāna*.
- 3- *Avaharaṇa adinnādāna*.
- 4- *Iriyāpatha vikopana adinnādāna*.
- 5- *Ṭhānācāvana adinnādāna*.

1-* *Ādiyana adinnādāna*: Làm cho tài sản của người khác liên quan đến nhà cửa, ruộng rẫy, vườn tược trở thành tài sản của mình bằng cách kiện cáo với tòa án. Việc làm như vậy, gọi là *Ādiyana adinnādāna*. Nhưng trong điều này không ám chỉ đến nguyên cáo và bị cáo cả hai bên dính dấp nhau từ trường hợp nào trong vấn đề tiền bạc. Tức không dính líu nợ nần, cầm cố bất động sản với nhau mà chỉ tranh chấp quyền hạn quản lý trong nơi đó... Hành động theo cách này nên trở thành chủ

nhân hoặc chủ nhân ngôi nhà đó khởi lên chán nản thối chí nghĩ rằng: "Đất đai nhà cửa của ta chắc chắn phải trở thành tài sản của người khác". Chỉ bấy nhiêu đó thôi, người có ý định chiếm tài sản đó gọi là phạm vào nghiệp đạo liên quan đến *Ādiyana adinnādāna*.

2- *Harāṇa adinnādāna*: Người mang theo tài sản vật chất của kẻ khác để làm công việc. Trong lúc mang theo thì có tâm mưu tính sẽ trộm lấy tài sản đó cho trở thành của mình. Khi có tâm mưu tính khởi lên như vậy rồi di chuyển xe dịch tài sản đó khỏi vị trí ban đầu dù chỉ là chút ít. Như khiêng đồ vật đó để trên đầu nhưng khi mưu tính trộm cắp rồi thì di chuyển đồ vật đó từ đầu xuống vai. Hoặc ban đầu cầm đồ vật đó trong tay phải khi mưu tính trộm cắp thì di chuyển vật đó sang tay trái... Như vậy, thì người đó được gọi là đã phạm vào nghiệp đạo liên quan đến *Harāṇa adinnādāna*.

3- *Avaharāṇa adinnādāna*: Có người mang theo đồ đạc hoặc vàng bạc đến gởi cho mình, nhưng khi chủ nhân đi đến xin nhận lại thì người đó phủ nhận rằng mình không có nhận số tài sản ấy. Đây là được gọi là thành tựu *Avaharāṇa adinnādāna*. Và khi chủ nhân hết hy vọng nhận lại số tài sản mà suy nghĩ trong tâm rằng: "Tài sản mà ta đã gởi kẻ như tiêu mất cả". Như vậy, người nhận giữ số tài sản đó được gọi là đã phạm vào nghiệp đạo liên quan đến *Avaharāṇa adinnādāna*.

4- *Iriyāpatha vikopana adinnādāna*: Chủ nhân của tài sản đang trong tư thế ngủ, đứng, đi... người trộm cắp nhìn thấy rồi mưu tính trong tâm rằng: " Phải tìm cách dụ chủ nhân của tài sản rời khỏi nơi đó mới chiếm đoạt mang về làm của mình". Rồi bắt đầu hành động uy hiếp hoặc đánh lừa chủ nhân đó đi với mình. Dù bằng thủ đoạn nào đi nữa, nếu chủ nhân của tài sản chuyển động thân bước theo mệnh lệnh. Khi bước chân đi bước đầu thì người trộm cắp đó được gọi là thành tựu *Iriyāpatha vikopana adinnādāna*. Và khi chủ nhân của tài sản bước chân đi bước thứ hai thì người trộm cắp đó được gọi là phạm vào nghiệp đạo liên quan đến *Iriyāpatha vikopana adinnādāna*. Còn nếu người trộm cắp mang chủ nhân của tài sản đi thì phải phán xử người trộm cắp đó như vậy: Khi người trộm cắp mang chủ nhân của tài sản bước chân đi bước đầu thì gọi là thành tựu *Iriyāpatha vikopana adinnādāna*. Và khi người trộm cắp bước chân đi bước thứ hai thì người trộm cắp đó được gọi là phạm vào nghiệp đạo liên quan đến *Iriyāpatha vikopana adinnādāna*.

5- *Thānācāvana adinnādāna*: Các tài sản... mà chủ nhân cất giữ ở một nơi nào đó (ngoại trừ trong nước). Người có tâm mưu tính trộm cắp nhìn thấy tài sản này rồi bắt đầu cầm lấy tài sản lên di chuyển. Khi tài sản đó di chuyển khỏi lúc ban đầu chỉ chút ít thì người trộm cắp đó được gọi là thành tựu *Thānācāvana adinnādāna* cả phạm vào nghiệp đạo.

*

Ekabhaṅga pañcaka có 5 loại

1- *Ādiyana adinnādāna*.

2- *Harāṇa adinnādāna*.

3- *Avaharāṇa adinnādāna*.

4- *Iriyāpatha vikopana adinnādāna*.

5- *Thānācāvana adinnādāna*.

1- *Ādiyana adinnādāna*: Chiếm đoạt tài sản quyền sở hữu có thức tánh như người hoặc gia súc của kẻ khác về làm tài sản của mình bằng cách kiện cáo với tòa án được gọi là *Ādiyana adinnādāna*. Khi chủ nhân suy nghĩ rằng: "Người hoặc gia súc của ta chắc chắn sẽ trở thành tài sản của kẻ khác". Khi đó, người chiếm đoạt quyền sở hữu của chủ nhân gọi là đã phạm vào nghiệp đạo liên quan đến *Ādiyana adinnādāna*.

2- *Harāṇa adinnādāna*: Người có nhiệm vụ áp tải người và gia súc của chủ nhân đến những nơi khác. Trong lúc áp tải đi người đó có mưu tính trộm cắp đem về làm thành sở hữu của mình hoặc dẫn đi bán. Khi có mưu tính khởi lên như vậy thì được gọi là *Harāṇa adinnādāna*. Sau khi mưu tính rồi thì thay đổi phương cách, như thay đổi đường đi hoặc thay đổi người dẫn đường... Như vậy, người đó được gọi là phạm vào nghiệp đạo liên quan đến *Harāṇa adinnādāna*.

3- *Avaharaṇa adinnādāna*: Gia chủ đem người và gia súc tới giao gởi, nhưng khi chủ nhân đến nhận lại thì tìm nhiều cách nói tránh né... Như người nợ, người kia đến nhận rồi hoặc đã bỏ trốn rồi để mưu tính chiếm đoạt người và gia súc đó đem về làm sở hữu của mình thì được gọi là *Avaharaṇa adinnādāna*. Khi chủ nhân thất vọng suy nghĩ rằng: "Chắc chắn ta sẽ không nhận lại được người hoặc gia súc rồi". Như vậy, người nhận giữ đó được gọi là đã phạm vào nghiệp đạo liên quan đến *Avaharaṇa adinnādāna*.

4- *Iriyāpatha vikopana adinnādāna*: Người lừa đảo bắt cóc trẻ con, thiếu nữ hoặc gia súc. Trong lúc người hoặc gia súc đó đang đi, ngồi, nằm hay đứng đi nữa, do bị bắt mang đi để tìm lợi nhuận hoặc đem về làm sở hữu cho mình. Nếu người hoặc gia súc đó đã di chuyển thân thể khỏi oai nghi ban đầu, bước chân đi theo người này bước đầu, thì người ấy được gọi là thành tựu *Iriyāpatha vikopana adinnādāna*. Và khi bước chân đi bước thứ hai thì người ấy được gọi là phạm vào nghiệp đạo liên quan đến *Iriyāpatha vikopana adinnādāna*.

5- *Thānācāvana adinnādāna*: Trộm cắp gia súc mà chủ nhân cột lại hay nhốt trong chuồng cho dù gia súc đó đang nằm, ngồi, đứng... Nếu người đó mưu tính trộm cắp rồi đi vào bê hoặc lôi kéo gia súc đó đi. Khi gia súc đó chuyển động thân khỏi tư thế ban đầu cho dù chút ít thì người đó được gọi là thành tựu *Thānācāvana adinnādāna* cả phạm vào nghiệp đạo.

*

Sāhatthika pañcaka có 5 loại

1- *Sāhatthika adinnādāna*.

2- *Ānattika adinnādāna*.

3- *Nissaggiya adinnādāna*.

4- *Atthasādhaka adinnādāna*.

5- *Dhuranikkhepa adinnādāna*.

1- *Sāhatthika adinnādāna*: Tự mình trộm cắp tài sản, vàng bạc, đồ đạc và vật hữu mạng quyền.

2- *Ānattika adinnādāna*: Xúi biếu người khác trộm cắp.

3- *Nissaggiya adinnādāna*: Loại trộm cắp lén lút lấy đồ vật bị đóng thuế quặng ra khỏi khu vực thuế.

4- *Atthasādhaka adinnādāna*: Ra lệnh chỉ thị cho đồng bọn trộm cắp vật đó khi có cơ hội cho dù có mất thời gian là bao nhiêu lâu đi nữa. Dù người nhận lệnh chưa trộm cắp được, sau đó thời gian trôi qua nhiều năm mới có cơ hội trộm cắp thì người ra lệnh đó cũng thành tựu *Atthasādhaka adinnādāna*. Kể từ lúc thời gian ra lệnh, nếu người đó chết trước cơ hội trộm cắp thì người ra lệnh không thành tựu *Atthasādhaka adinnādāna*.

5- *Dhuranikkhepa adinnādāna*: Trong thời gian kiện cáo với toà án để chiếm đoạt quyền sở hữu tài sản thuộc hữu thức hoặc vô thức của người khác. Hoặc trong lúc chủ nhân đến xin nhận lại đồ đạc, vàng bạc mà họ đã gởi cho mình hay mình vay mượn của họ rồi phủ nhận tráo trở không thừa nhận. Khi chủ nhân của tài sản đó dứt khoát tư tưởng rằng: "Tài sản của mình chắc chắn phải tiêu mất trở thành tài sản của người khác rồi". Ngay lúc đó, người gây ra sự việc như đã đề cập trên được gọi là thành tựu trong việc trộm cắp *Dhuranikkhepa adinnādāna*.

Sự khác biệt giữa *ĀNATTIKA ADINNĀDĀNA* & *ATTHASĀDHAKA ADINNĀDĀNA*

Việc xúi biếu người khác trộm cắp loại *Ānattika adinnādāna* là xúi biếu trộm cắp trong lúc hiện tại. Còn xúi biếu người khác trộm cắp loại *Atthasādhaka adinnādāna* là xúi biếu trộm cắp khi có cơ hội về sau.

*

Pubbapayoga pañcaka có 5 loại

1- *Pubbapayoga adinnādāna*.

2- *Sahapayoga adinnādāna*.

3- *Samvidāvahāra adinnādāna*.

4- *Sañketakamma adinnādāna*.

5- *Nimittakamma adinnādāna*.

1- *Pubbapayoga adinnādāna*: Việc nỗ lực xúi biếu người khác trộm cắp. Ngay trong chính lúc nỗ lực xúi biếu đó xem như phạm vào nghiệp đạo, được gọi là *Pubbapayoga adinnādāna*.

2- *Sahapayoga adinnādāna*: Người nào có tâm mưu tính trộm cắp của người khác, rồi làm cho đồ đạc đó xê dịch khỏi vị trí ban đầu. Hoặc người nào mưu tính lừa đảo liên quan đến đất đai, nhà cửa, vườn tược đi nữa mà làm cho dời đổi cột phân ranh giới hoặc các dấu hiệu sai biệt liên quan đến ranh giới đất đai đó. Chính trong lúc đang nỗ lực dời đổi ranh giới này xem như phạm vào nghiệp đạo được gọi là *Sahapayoga adinnādāna*.

3- *Samvidāvahāra adinnādāna*: Một nhóm người, kể từ hai người trở lên cùng mưu tính trộm cắp tài sản của người khác rồi cùng nhau thực hiện. Nhóm người này, cho dù chỉ duy nhất một người bắt tay vào việc trộm cắp hoặc làm cho dời đổi tài sản đó khỏi chỗ ban đầu. Thì coi như tất cả người cùng tháp tùng theo phạm vào nghiệp đạo giống nhau, được gọi là *Samvidāvahāra adinnādāna*.

4- *Sañketakamma adinnādāna*: Người sai biếu người khác đi trộm cắp bằng cách xác định thời gian khởi sự hành động. Như khởi sự hành động vào lúc nửa đêm, hoặc xác định thời gian bằng cách trực tiếp cho khởi sự vào lúc 24 giờ chẳng hạn. Nếu người nhận lệnh đó bắt tay vào việc trộm cắp đúng theo thời gian ra lệnh, thì người xúi biếu phạm vào nghiệp đạo thuộc *Sañketakamma adinnādāna*.

Nếu người nhận lệnh hành động không đúng thời gian ra lệnh như chỉ thị rằng, trộm vào nửa đêm nhưng lại đi vào giữa trưa; hoặc chỉ thị cho trộm vào lúc 24 giờ nhưng lại đi trộm vào lúc 22 giờ hay lại quá 24 giờ mới hành sự. Như vậy người xúi biếu không phạm vào nghiệp đạo mà chỉ duy nhất người trộm cắp phạm vào nghiệp đạo.

5- *Nimittakamma adinnādāna*: Sai biếu người khác trộm cắp bằng cách dùng ám hiệu cho khởi sự hành động như phát tay, nheo mắt, gật đầu, huýt gió... Người nhận chỉ thị nhận ám hiệu rồi, thì bắt tay vào hành động tức thì. Như vậy, người sai biếu phạm vào nghiệp đạo thuộc *Nimittakamma adinnādāna*. Nếu người nhận chỉ thị đó hành động trộm cắp trước khi nhận ám hiệu, thì người sai biếu đó không phạm vào nghiệp đạo mà chỉ duy nhất người trộm cắp phạm vào nghiệp đạo.

Theyyāvahāra Adinnādāna có 5 loại

1- *Theyyāvahāra adinnādāna*.

2- *Pasayhāra adinnādāna*.

3- *Parikappāvahāra adinnādāna*.

4- *Pañicchannāvahāra adinnādāna*.

5- *Kusāvahāra adinnādāna*.

1- *Theyyāvahāra adinnādāna*: Người buôn bán bằng việc cân hoặc đong hàng hoá không đúng theo số lượng. Như khi bán thì cân hoặc đong thiếu số lượng, còn thu mua thì tự cân, đong cho dư số lượng ra. Hoặc người dùng tiền giả hay người thừa cơ hội trộm lén bằng cách không cho chủ nhân thấy. Các việc làm này được gọi là *Theyyāvahāra adinnādāna*.

2- *Pasayhāra adinnādāna*: Người lấy của cải, vàng bạc, của người khác bằng cách đe dọa, uy hiếp hoặc xâm phạm phá hại tài sản của chủ nhân, có thực trạng giống như đảng cướp phá hủy sự bình an của mọi người. Hành động như vậy được gọi là *Pasayhāra adinnādāna*.

3- *Parikappāvahāra adinnādāna*:

Có hai loại:

- *Bhaṇḍa parikappāvahāra adinnādāna*

- *Okāsa parikappāvahāra adinnādāna*

- Người cố tình nhắm vào vật trộm, rồi trộm lấy vật đó đúng y như ý muốn của mình, được gọi là *Bhaṇḍa parikappāvahāra adinnādāna*. Ví dụ như có một người cố tình trộm quần áo, khi đi vào nhà của gia chủ rồi khiêng lấy rương đồ... của gia chủ đó đem đi. Nếu như trong rương đồ đó có quần áo thì người khiêng rương đồ đi chuyên đi lúc đó được gọi là thành tựu hành động *Bhaṇḍa parikappāvahāra adinnādāna*. Nhưng nếu trong rương đồ đó không có quần áo mà chỉ có vật khác thì lúc khiêng rương đồ đó chưa phạm vào nghiệp đạo. Nhưng khi mở rương ra nhìn thấy không phải là quần áo mà là vật khác mà khởi tâm cố tình lấy cắp liền suy nghĩ rằng: "Cho dù không phải là quần áo mà là vật khác đi nữa thì cũng tốt cả". Khi đã quyết định như vậy rồi khiêng rương đó đi, ngay lúc đó người này gọi là phạm vào nghiệp đạo trong điều *Bhaṇḍa parikappāvahāra adinnādāna*.

- Người trộm cắp chủ tâm trừ định ranh giới nơi chốn. Ví dụ: như người trộm cắp đi vào khuôn viên nhà của gia chủ có tài sản. Nhìn thấy một thứ đồ vật nào thì khởi lên ham muốn rồi mưu tính trong tâm trừ định khu vực chỗ cất. Như khi lấy đồ vật đó rồi, thì chủ tâm rằng: "Ta sẽ đem đi đến ngay cổng hoặc dưới gốc cây hay ở mé rào để thủ tiêu trước. Nếu chủ nhân đó nhìn thấy ta sẽ bào chữa rằng ta chỉ muốn thử xem vật đó như thế nào rồi sẽ trả lại chỗ cũ. Nhưng nếu chủ nhân không nhìn thấy ta sẽ đem đi luôn". Vì vậy, người trộm cắp đem đồ vật mà mình đã trừ định đi thì lúc đó chưa phạm vào nghiệp đạo; nhưng khi đem ra khỏi khu vực mà mình trừ định thì phạm vào nghiệp đạo thành tựu *Okāsa parikappāvahāra adinnādāna*.

4- *Paticchannāvahāra adinnādāna*: Người nào đi vào nhà hay trong khuôn viên nhà hoặc phòng tắm, nhà bếp... của người khác. Nhìn thấy những vật có giá trị như nhẫn, dây chuyền, đồng hồ... mà chủ nhân cởi ra để đó hay đánh rơi trên đường. Khởi tâm muốn trộm lấy vật đó làm thành sở hữu của mình bèn lấy vật khác đến che khuất vật đó. Hoặc cầm lấy vật đó đem đi giấu cất, lấy chân giẫm lên hay xới đất lấp làm cho mất dấu trước rồi chờ cho chủ nhân đi khỏi nơi đó mới đem đi. Trong lúc che giấu thì chưa phạm vào nghiệp đạo, nhưng khi chủ nhân đến tìm mà không gặp được, sau đó lại cố đến tìm một lần nữa rồi rời khỏi. Khi chủ nhân đi chuyển khỏi nơi đó rồi thì coi như người ấy phạm vào nghiệp đạo thành tựu *Paticchannāvahāra adinnādāna*.

5- *Kusāvahāra adinnādāna*: Tráo đổi tên chủ nhân đồ vật không phải là của mình cho trở thành tên của mình, hoặc sửa đổi tên bất động sản không phải của mình thành của mình. Như trong việc bóc thăm các phẩm vật sai biệt, thăm của mình ghi tên phẩm vật là cây viết còn thăm của người khác ghi tên đồng hồ. Khi lên mở ra xem thấy rằng vật mình bắt được không có giá trị hơn phẩm vật của người khác, thì lên tráo đổi thăm của người bắt được đồng hồ trở thành thăm của mình.

Hoặc cha mẹ biết rằng mình sắp qua đời mới dặn dò người con trưởng viết tờ di chúc nêu rõ rằng: "Người con trưởng được hưởng ruộng và vườn, còn người con út đang du học ở hải ngoại được hưởng đất đai và dãy phố lầu". Khi viết xong rồi đọc lại cho nghe, thấy đúng rồi thì ký tên và bỏ vào bao thư dán kín lại. Thời gian sau khi có cơ hội người con trưởng mở thư ra lên sửa đổi tên người được thừa hưởng rằng: "Người con trưởng được hưởng đất đai và dãy phố lầu, người con út được hưởng ruộng và vườn", rồi dán kín bao thư lại như lúc ban đầu. Khi cha mẹ bệnh trầm trọng mới cho người tin cậy hoặc luật sư đến công nhận tờ di chúc, và cho ký tên làm bằng chứng với cha mẹ trước khi qua đời. Khi mở tờ di chúc ra trước mặt thân bằng quyến thuộc thì người con trưởng đương nhiên được hưởng đất đai và dãy phố lầu. Còn người con út được hưởng ruộng và vườn bởi do người con trưởng đã sửa đổi tên mới. Hành động như đã đề cập trên được gọi là *Kusāvahāra adinnādāna*.

*

Thích giải đặc biệt về Theyyāvāra Adinnādāna của nhóm

Theyyāvahāra Pañcaka

Trong nhóm *Theyyāvahāra pañcaka* này thì *Theyyāvahāra adinnādāna* liên quan đến việc gian lận được phân tích thành 4 loại:

1- *Mānakūta*: Gian lận liên quan đến việc đong hàng hoá bằng cách dùng dụng cụ đong như thùng, cân xé, thùng thiết...

2- *Tulakūta*: Gian lận liên quan đến cân.

3- *Kaṃsakūta*: Gian lận liên quan đến việc trao đổi phẩm vật như chén, thau, đĩa ...

4- *Kahāpanakūta*: Gian lận liên quan đến việc làm tiền giả, bạc giả...

*

Mānakūta phân thành 3 loại

1- *Hadayabhida*: Dùng thùng đong có lỗ chảy phía dưới để đong dầu hay mật ong. Nếu thuộc bên mua thì lấy thùng đong có lỗ nhỏ phía dưới đáy thùng để đong. Như vậy, khi đổ dầu vào thùng để đong thì dầu hoặc mật ong từ trong thùng đó sẽ chảy ra số lượng nhiều hơn. Nhưng nếu thuộc bên bán thì bịt lỗ khoan đó lại và lúc đong thì gắng sức đong cho nhanh lẹ để đong không đầy.

Cách gian lận này gọi là *Hadayabhida mānakūta*.

2- *Sīkhābheda*: Dùng mẹo trong cách đong gạo, đậu, mè... Khi ta thuộc bên mua thì đổ thực phẩm đó từ từ vào lon đong, bởi vì cách đổ từ từ này sẽ làm cho số lượng được nhiều hơn. Và khi gạt cho bằng với mặt lon thì lại gạt xốt qua ngay giữa chỗ phồng lên chút ít trong lon đong. Nhưng nếu thuộc bên bán thì đổ thật nhanh thực phẩm vào lon đong, cách đổ này sẽ làm cho số lượng thực phẩm ít hơn là đổ từ từ vào. Còn khi gạt cho bằng mặt lon thì gạt đè xuống làm cho ngay giữa lon đong lõm xuống chút ít.

Cách gian lận này gọi là *Sīkhābheda mānakūta*.

3- *Rajjubheda*: Dùng mẹo trong cách đo, như đo vải, đo đất đai... Nếu đo lấy về phần ta thì đo dư ra, nếu đo lấy về phần người khác thì đo thiếu hụt đi.

Cách gian lận này gọi là *Rajjubheda mānakūta*.

*

Tulakūta phân thành 4 loại

1- *Rūpakūta*: Đúc hai loại quả cân để cân trọng lượng hàng hoá; một quả có trọng lượng nặng và một quả có trọng lượng nhẹ. Nếu ta thuộc bên mua thì dùng quả cân có trọng lượng nặng làm trì bản cân xuống để được số lượng hàng hoá nhiều hơn. Nếu ta thuộc bên bán thì dùng quả cân có trọng lượng nhẹ hơn để cho số lượng hàng hoá ít xuống.

Cách gian lận này gọi là *Tularūpakūta*.

2- *Āṅgakūta*: Trong lúc cân hàng hoá (cân tay) mà ta thuộc bên mua, khi cân thì dùng tay đè lên trên cán cân để trì xuống theo đường quả cân làm cho số lượng hàng hoá được nhiều hơn. Nhưng nếu ta thuộc bên bán thì dùng tay nhấn xuống theo chỗ để hàng hoá vào cân cho số lượng hàng hoá được ít đi.

Cách gian lận này gọi là *Tulāṅgakūta*.

3- *Gahaṇakūṭa*: Trong lúc cân hàng hoá (cân dây) mà ta thuộc bên mua thì dùng tay cầm sợi dây kéo thấp xuống cho đến ngay đầu dây để cho số lượng hàng hoá được cân nhiều hơn. Nếu ta thuộc bên bán thì cầm sợi dây kéo lên cho đến ngay cuối dây để cho số lượng hàng hoá được cân ít xuống.

Cách gian lận này gọi là *Tulagahaṇakūṭa*.

4- *Paṭicchannakūṭa*: Chế tạo cân bằng cách khoan lỗ ngay cán cân rồi đục lỗ đổ cục thủy ngân hoặc cục chì nhỏ vào cán cân. Nếu ta thuộc bên mua thì nghiêng cán cân về phía quả cân để cho cục thủy ngân, cục chì đó trĩ xuống phía quả cân làm cho số lượng đồ vật được cân nhiều hơn. Nếu ta thuộc bên bán thì nghiêng cán cân về phía đồ vật để cho cục thủy ngân hay cục chì trĩ về phía cân đồ vật làm cho số lượng đồ vật được ít hơn.

Cách gian lận này gọi là *Tulapaṭicchannakūṭa*.

*

Cách gian lận Kaṃsakūṭa

Thợ kim hoàn làm thành phẩm vật sai biệt như cái âu, chén, đĩa, mâm... để bán. Phẩm vật này được làm bằng hai loại, một loại bằng bạc hoặc bằng vàng thật, một loại bằng thau hoặc bằng đồng mạ vàng hay mạ bạc. Cả hai loại này đều có kiểu dáng giống nhau. Khi có khách hàng đến mua thì lấy phẩm vật thật ra cho xem, lúc đã thỏa thuận giá cả với nhau rồi thì lấy phẩm vật giả trao đổi.

Cách gian lận này gọi là *Kaṃsakūṭa*.

*

Cách gian lận Kahāpaṇakūṭa

Đúc đồng bạc giả, giấy bạc giả hoặc pha các hoá chất sai biệt theo đúng phương pháp khoa học làm cho hàng hoá nhìn giống như bạc và vàng thật. Rồi nguy tạo trong cách mua bán, phỉnh gạt làm cho khách hàng tưởng lầm là hàng thật.

Cách gian lận này gọi là *Kahāpaṇakūṭa*.

Lại nữa, trong *Theyyāvahāra adinnādāna* này có loại trộm cắp gọi là *upāyakathā adinnādāna*, tức dùng mưu mẹo phỉnh lừa làm người khác lầm lẫn tin theo. Như câu chuyện trình bày trong số giải *Samantapāsādikā* rằng:

Có một người thợ săn bắt được một con hươu lớn và một con hươu nhỏ. Trong lúc khiêng hai con hươu trên đường, tay bọm rượu nhìn thấy hai con hươu nên thêm muốn mới hỏi người thợ săn rằng:

- Hai con hươu này giá bao nhiêu?

Người thợ săn đáp:

- Con nhỏ giá một đồng tiền vàng, con lớn giá hai đồng tiền vàng.

Tay bọm rượu mới lấy một đồng tiền vàng đưa cho người thợ săn để mua con hươu nhỏ mang đi. Đi được một đoạn đường ngắn thì hắn dừng lại suy nghĩ: "Ta muốn được con hươu lớn hơn là con hươu nhỏ, vậy ta phải trở lại tính kế lấy cho được con hươu lớn mà không phải trả thêm tiền". Suy nghĩ như vậy rồi quay trở lại tìm người thợ săn nói rằng:

- Tôi muốn mua con hươu lớn.

Người thợ săn bảo:

- Nếu bạn muốn mua con hươu lớn thì phải trả thêm một đồng tiền vàng nữa.

Tay bọm rượu nói:

- Tôi đã đưa cho bạn một đồng tiền vàng rồi phải không?

Người thợ săn đáp:

- Phải.

Tay bọm rượu mới nói:

- Nếu vậy bạn hãy lấy con hươu nhỏ này rồi đưa con hươu lớn cho tôi.

Thế rồi y trả con hươu nhỏ lại cho người thợ săn và lấy con hươu lớn đi mà không trả thêm một đồng tiền vàng.

Như vậy, hành động của tay bọm rượu gọi là *upāyakathā adinnādāna*.

*

Luận giải vấn đề người trộm ghe nhưng không phạm vào trộm cắp nghiệp đạo

Một người đàn ông nhìn thấy chiếc ghe đang đậu ở bên đò thì mưu tính trộm chiếc ghe đó. Bèn chui xuống ghe căng dù hoặc lấy miếng vải lớn làm thành buồm để chạy mà không dùng chèo hay sào chèo. Khi chiếc ghe chạy đến bên đò khác thì ghé vào ngã giá bán chiếc ghe đó. Như vậy, người đó có gọi là trộm cắp hay không?

Giải rằng: Người đó chưa phạm vào trộm cắp nghiệp đạo (*kammapathādinnādāna*). Nếu chủ nhân hay chiếc ghe bị trộm rồi đuổi theo kịp để lấy lại chiếc ghe mà người đó không chịu hoàn trả lại chiếc ghe hoặc bồi thường cho chủ nhân chiếc ghe đó thì trở thành trộm cắp nghiệp đạo. Còn nếu như chủ nhân chiếc ghe đó đến thấy rằng chiếc ghe đã bị mất từ lâu rồi khó mà tìm lại người trộm. Như vậy người đó vẫn không phạm vào tội trộm cắp. Đây là đề cập theo Luật Tạng, tức coi như hành động của người đó thiếu chi thứ tư, nhưng nói theo lý thế gian thì người đó gọi là trộm cắp.

Vấn đề này Ngài A xà lê *Mahābuddhaghosa* trình bày trong sớ giải *Samantapāsādikā* rằng:

"Yo pana titthe thitanāvaṃ ārūhitvā theyacitto arittena vā phiyena vā pājehi pārājikam, sace pana chattaṃ vā paṇāmetvā cīvaraṃ vā pādehi akkamitvā hatthehi ukhipitvā saṅkārasadisam katvā vā taṃ gaṇhāpeti, balavā ca vāto āgamma nāvaṃ harati, vāteneva āhaṭā hoti, puggalassa natthi avahāro, payogo atthi so pana thānācāvanapayogo na hoti, yadi pana taṃ nāvaṃ evaṃ gacchantiṃ pakatigamaṃ upacchitvā aññaṃ disābhāgaṃ neti, pārājikam, sayameva yaṃ kiñci gāmatitthaṃ sampattaṃ thānā acāvento vikiñitvā gacchati, nevatthi avahāro, bhaṇḍādeyyaṃ pana hoti".

Nghĩa là: "Người chủ tâm trộm cắp vào trong ghe của chủ nhân đậu nơi bên đò, lái ghe đi bằng sào hoặc chèo thì người đó phạm tội trộm cắp (*pārājika*). Nếu không dùng chèo hoặc sào mà căng dù hoặc vải làm thành buồm khi gió thổi đến đẩy ghe đó chạy đi. Như vậy, người đó chưa phạm vào trộm cắp bởi vì dù cho có cố gắng, nhưng sự cố gắng này chưa trở thành *Thānācāvanapayoga* tức cố gắng sức làm cho di chuyển khỏi chỗ. Thông thường chiếc ghe đang chạy do sức gió thổi đi, nếu người đó làm cho chiếc ghe chạy lệch hướng bình thường. Như cố gắng làm cho chiếc ghe đó chạy lệch hướng khác thì người đó phạm tội trộm cắp. Nếu chạy theo hướng thông thường rồi cập vào một nơi nào của bên đò và người đó rời khỏi ghe mà không làm cho chiếc ghe lệch sang hướng khác, rồi bán chiếc ghe đó. Như vậy, người ấy vẫn chưa phạm vào tội trộm cắp nhưng được liệt vào tội *Bhaṇḍādeyyapuggala* tức người phải hoàn trả lại cho chủ nhân. Nếu chủ nhân biết được sự việc theo đến đòi lại thì phải hoàn trả lại cho chủ chiếc ghe hoặc bồi thường tiền. Nếu không hoàn trả theo một trong hai cách như trên thì phạm tội trộm cắp, tức thành tựu nghiệp đạo trộm cắp .

Kết thúc phần thích giải về trộm cắp

*

3- Kāmesumicchācāra: Tà dām

Từ *Kāmesumicchācāra* khi phân ra thì được 3 từ: *Kāmesu* + *micchā* + *cāra*. *Kāmesu*: Sự giao hợp (*Kāmasuti methunasamācāresu*). *Micchā*: Bản thủ thấp hèn mà các bậc hiền trí chê bai. *Cāra*: Sự hành động (*ekanta nindito lāmakācāro*). Khi gom từ lại với nhau thành "*Kāmesumicchācāra*": Hành động bản thủ thấp hèn trong việc giao hợp.

Trình bày định nghĩa câu: *Kāmesumicchācāra "Micchā caraṇaṃ: Micchācaro"* Việc làm bản thủ thấp hèn mà các bậc hiền trí chê bai, gọi là tà dâm: "*Kāmesumicchācāro:Kāmesumicchācāro*" (*aluttasamāsa*) hành động bản thủ thấp hèn trong việc giao hợp mà các bậc hiền trí chê bai gọi là tà dâm. Hoặc một lý khác nữa: "*Kāmesu micchā cāronṭi etenāti: Kāmesumicchācāro*". Người mà hành động sai quấy trong việc giao hợp gọi là tà dâm, tức chủ tâm (tư) trong việc giao hợp (*methunasevanacetanā*) câu hành với đồng lực tham.

Giải rằng: Vợ chồng giao hợp với nhau không gọi là hành động bản thủ thấp hèn mà các bậc hiền trí chê bai, vì đó là hành vi thường tình của thế gian. Nếu người nam hoặc người nữ nào giao hợp vượt quá phạm vi nam nữ mà không phải là vợ chồng hay người nam hoặc người nữ đó có người bảo hộ. Thì hành động của người nam hoặc người nữ đó gọi là hành động bản thủ thấp hèn mà các bậc hiền trí chê bai vì trái với thuần phong mỹ tục.

Do đó, Ngài A xà lê *Tikā* mới giải thích câu tà dâm rằng:

"*Ekante nindito lāmakācāro*". "Hành động bản thủ thấp hèn mà các bậc hiền trí thật sự chê bai". Việc tà dâm thường chỉ thành tựu duy nhất được bằng hành động thân (*kāyapayoga*) không phải bằng ngữ hoặc bằng tâm.

*

Trình bày chi phần của hành động Tà dâm

Hành động bất thiện loại tà dâm mà phạm vào nghiệp đạo phải hội đủ 4 chi:

- 1- *Agamaniyavatthu*: Đối tượng không nên dính líu.
- 2- *Tasmiṃ sevanacittaṃ*: Có tâm suy tính giao hợp với đối tượng đó.
- 3- *Payoga*: Gắng sức giao hợp.
- 4- *Maggenamaggapaṭipatanti adhivasam*: Có sự thỏa thích trong việc giao hợp giới tính với nhau.

Khi hành động đủ 4 chi này được gọi là phạm vào nghiệp đạo, nếu không đủ 4 chi thì không thành tựu nghiệp đạo.

Như Ngài A xà lê *Tikā* trình bày rằng:

Vatthum agamanīyañca Tasmiṃ sevanacittatā

Payogo maggenamagga Patipatyādhivāsanaṃ

Iti kāmassa cattāro Payogeko sāhatthiko

"Đối tượng không nên dính líu, có tâm suy tính giao hợp với đối tượng, gắng sức giao hợp, thỏa thích giao hợp giới tính với nhau. Bốn chi tà dâm chỉ do tự mình hành động".

*

Trình bày quan kiến của các vị A xà lê trong vấn đề 4 chi

Các vị A xà lê khác nói rằng: Người đang có sự thỏa thích trong việc giao hợp nhưng không tự mình gắng sức trong việc giao hợp". Thì các Ngài nói rằng người đó không phạm vào nghiệp đạo vì thiếu chi thứ ba, tức gắng sức trong việc giao hợp (*payoga*).

Nhưng các vị A xà lê khác luận giải dứt khoát rằng: "Cho dù người đó không có sự gắng sức trong việc giao hợp nhưng nếu người đó có sự thỏa thích cũng gọi là phạm vào nghiệp đạo. Bởi dựa vào đa số đời sống sinh lý thông thường. Phụ nữ là người không có sự gắng sức chủ động trong việc giao hợp nhưng vẫn thành tựu trong việc giao hợp".

Còn các vị A xà lê khác nữa đề cập rằng: "Nếu người hoàn thành việc giao hợp mà không có sự gắng sức thì cũng không cần thiết phải trình bày đủ 4 chi. Mà chỉ trình bày 3 chi bỏ chi gắng sức trong việc giao hợp cũng được. Nhưng Ngài A xà lê sơ giải lại trình bày cả 4 chi". Do nhân này, mới trình bày cho thấy rằng chi gắng sức trong việc giao hợp (*payoga*) thứ 3 này cũng chỉ thuần nhất là một loại gắng sức tự mình làm (*sahatthipayoga*), mà không phải là gắng sức sai biểu người khác làm (*aṇattikapayoga*).

*

Trình bày tội của tà dâm thuộc Mahāsāvajja & Appasāvajja

Người xâm phạm đến các bậc có đức hạnh mà không đồng tình chấp thuận thì người đó có tội nặng. Nếu xâm phạm đến người không có đức hạnh mà không đồng tình chấp thuận thì người xâm phạm đó tội nhẹ. Nếu xâm phạm cưỡng ép làm tổn hại thân thể người không có đức hạnh nào đặc biệt đi nữa, thì người xâm phạm vẫn có tội nặng. Cả hai bên ưng thuận chấp nhận với nhau thì có tội nhẹ.

Giữa phàm nhân và thánh nhân thì việc xâm phạm phàm nhân có tội nhẹ hơn xâm phạm thánh nhân. Giữa thánh nhân với nhau thì xâm phạm bậc Tu Đà Hườn có tội nhẹ hơn xâm phạm bậc Tư Đà Hàm; xâm phạm bậc Tư Đà Hàm có tội nhẹ hơn bậc A Na Hàm; xâm phạm bậc A Na Hàm có tội nhẹ hơn bậc A La Hán.

Đối với việc xâm phạm cưỡng dâm bậc A La Hán thì có tội nặng tội cùng. Như chuyện thanh niên Nanda xâm phạm cưỡng dâm trưởng lão ni *Uppalavannā* là bậc A La Hán, đã nhận lãnh tác hại bị đày rút do mãnh lực của hiện báo nghiệp và đã tái sinh vào đại địa ngục vô gián thọ lãnh quả khổ cùng cực do mãnh lực của sanh báo nghiệp.

Lại nữa, trong 4 chi đó thì chi thứ nhất là: Đối tượng không nên dính líu (*agamaniyavatthu*).

Gồm có 20 hạng nữ nhân mà nam nhân không nên dính líu: *Ma - pi - māpi - bha & bhā - ñā, go - dham - sa - sā - dha - chan - bho - pa - o - o - dha - kamma - dā - muhā*

1- *Māta ārakkhitā*: Nữ nhân có mẹ bảo hộ vì cha mất hoặc ly dị với mẹ.

2- *Piturakkhitā*: Nữ nhân có cha bảo hộ.

3- *Mātāpiturakkhitā*: Nữ nhân có mẹ cha bảo hộ; nếu nữ nhân chỉ có một mình mẹ bảo hộ thì nữ nhân đó không được gọi là *piturakkhitā*, nếu nữ nhân đó chỉ có một mình cha bảo hộ thì nữ nhân đó không được gọi là *mātaārakkhitā*, và nếu có cả cha lẫn mẹ bảo hộ thì nữ nhân đó cũng không được gọi là *piturakkhitā* và *mātārakkhitā* (bởi vì nằm trong loại được cả cha lẫn mẹ bảo hộ).

4- *Bhaginīrakkhitā*: Nữ nhân có chị gái hoặc em gái bảo hộ.

5- *Bhāturakkhitā*: Nữ nhân có anh trai hoặc em trai bảo hộ.

6- *Ñātīrakkhitā*: Nữ nhân có quyến thuộc bảo hộ.

7- *Gottarakkhitā*: Nữ nhân có dòng giống hoặc chủng tộc với nhau bảo hộ (chủng tộc với nhau bảo hộ ám chỉ đến nữ nhân đang sống ở ngoại quốc được sự bảo hộ của nòi giống với mình, như tòa đại sứ...).

8- *Dhammarakkhitā*: Nữ nhân được người cùng thọ trì giới luật với nhau bảo hộ, như nữ nhân xuất gia tu nữ thì có ni trưởng là người bảo hộ...

Do đó, trong *Sāratthādīpanītikā* đề cập rằng: "*Ekam satthāram uddssa pabbajiehīti iminā paṇḍaraṅga paribbājikādayo dasseti*".

Nghĩa là: Ngài A xà lê số giải trình bày cho biết đến nữ tu sĩ (*paribbājaka*)... (đắp vải trắng xuất gia công hiến đời mình cho bậc Đạo Sư Chánh Đăng Giác).

9- *Saparidaṇḍā* (vợ do quyền lực quản thúc): Nữ nhân được vua chúa hoặc người có uy quyền đính ước.

10- *Sārakkhā* (hôn ước thê): Nữ nhân có hôn ước từ khi còn trong thai hoặc nữ nhân có vị hôn phu.

Cả hai hạng nữ nhân *saparidaṇḍā* và *sārakkhā* không được tự tiện vì đã có người làm chủ rồi. Nếu vui thích trao thân cho nam nhân thì cũng có nghĩa là tự mình trộm cắp thể xác của mình mà chủ nhân yêu quý gìn giữ lấy đi cho người khác. Vì vậy, nữ nhân này coi như phạm tội tà dâm.

Như Ngài A xà lê *Tikā* trình bày trong *Terasakaṇḍaṭṭkā* rằng: *Pacchimānaṃ dvinnaṃ ti sārakkhā saparidaṇḍānaṃ micchācāro hoti tāsamaṃ sassāmikabhāvato*".

"Cả hai hạng nữ nhân phía sau là: Sārakkhā và Saparidaṇḍā. Nếu ưng thuận trao thân cho nam nhân khác thì coi như phạm vào tà dâm, bởi nhóm nữ nhân này là người đã có chủ".

Riêng đối với nữ nhân bị nhà nước giam giữ thì không được gọi là nhóm nữ nhân sārakkhā hoặc *saparidaṇḍā*. Cho dù có người canh giữ và quản thúc thì cũng không giống như nhóm nữ nhân được mẹ, được cha bảo hộ. Do đó, nếu nhóm nữ nhân này trao thân cho nam nhân nào cũng không được liệt vào tà dâm.

11- *Dhanakkittā* (mãi đắc thê): Nữ nhân được nam nhân mua về. Như nữ nhân chưa có định giá, được đưa về từ ngoại quốc bằng thuyền bè. Khi đến nơi rồi thì chủ nhân chiếc thuyền mới sắp xếp bán đấu giá các nữ nhân đó. Nam nhân nào muốn thì bỏ tiền ra mua lấy nữ nhân đó mang về. Hoặc nữ nô lệ do cha mẹ đem bán lấy tiền, được nam nhân cứu giúp chuộc ra khỏi đời sống nô lệ đem về làm vợ... Nhóm nữ nhân này được gọi là mãi đắc thê.

12- *Chandavāsini* (lạc trụ thê): Nữ nhân tình nguyện đến sống với nam nhân. Như nữ nhân yêu thương một nam nhân nào nhưng cha mẹ không chấp thuận. Nữ nhân đó mới bỏ trốn đi sống cùng với nam nhân, thì nhóm nữ nhân này được gọi là lạc trụ thê. Đối với nam nhân mà nhận hạng nữ nhân này về làm vợ thì không được gọi là tà dâm.

13- *Bhogavāsini* (cố trụ thê): Nữ nhân ưng thuận làm vợ nam nhân do mong muốn được tài sản của cải.

14- *Paṭavāsini* (y vật đắc thê): Nữ nhân ưng thuận làm vợ nam nhân do mong muốn được trang phục.

15- *Odapattaginī* (thủy đắc thê): Nữ nhân làm vợ nam nhân do cưới hỏi bằng nghi lễ cầm tay chú rể và cô dâu nhúng vào trong thau nước. Việc cưới hỏi này thì người chủ hôn cầm tay cô dâu và chú rể nhúng vào trong thau nước. Rồi cầu chúc chú rể và cô dâu hãy yêu thương hòa thuận đừng chia cắt phân ly nhau như nước trong thau không có sự chia lìa. Riêng đối với hôn lễ của nữ nhân Thái Lan thì nghi lễ được tưới nước bằng vỏ ốc vào người. Nhóm nữ nhân này được gọi là thủy đắc thê.

16- *Obhataśumbattā* (triền đầu thê): Nữ nhân làm vợ nam nhân do được nam nhân đó giúp cho thoát khỏi công việc vất vả đội đồ đạc trên đầu. Ấm chỉ nhóm nữ nhân này là người nghèo khổ phải đội vác đồ đạc đi bán hằng ngày. Khi có nam nhân thương yêu nhận về bảo dưỡng làm vợ thì nữ nhân đó không còn phải vất vả nữa.

17- *Dhajāhatā* (tù binh thê): Nữ nhân bị bắt làm tù binh rồi trở thành vợ của nam nhân.

18- *Kammakārībhariyā* (công nhân thê): Nữ nhân làm công giúp việc trong nhà hoặc trong cửa tiệm của nam nhân, rồi nam nhân đó lấy làm vợ.

19- *Dasībhariyā* (nô bộc thê): Nữ nhân là nô lệ trong nhà của nam nhân, rồi nam nhân đó lấy làm vợ.

20- *Muhuttikā* (lâm thời thê): Nữ nhân làm vợ tạm thời của nam nhân.

Nữ nhân làm vợ của nam nhân có 9 hạng từ mãi đắc thê (*dhanakkītābhariyā*)... nô bộc thê (*dāsībhariyā*) khi đang chung sống với nam nhân thì được gọi là vợ thật thụ. Nhưng đối với lâm thời thê (*muhuttikābhariyā*) là loại vợ được thuê mượn tạm thời 3 ngày, 7 ngày hay một tháng...

Trong 20 hạng nữ nhân đó, thì 8 hạng nữ nhân từ được mẹ bảo hộ (*mātārakkhitā*)... nữ nhân được pháp luật bảo hộ (*dhammarakkhitā*). Hạng này chưa có chồng làm chủ thể xác, nên tự mình có quyền làm chủ thể xác mình. Khi vừa lòng với nam nhân nào mà trao thân cho nam nhân đó, thì hành động này không sai phạm vào điều tà dâm. Cho dù nhóm nữ nhân này có cha mẹ, quyền thuộc, anh em... bảo hộ nhưng cũng không phải là chủ thể xác mà chỉ là người bảo dưỡng chăm sóc không cho nam nhân đến xâm phạm cưỡng hiếp mà thôi. Nhưng dù thế nào đi nữa, nếu không có tội trong đạo thì cũng có tội theo đời. Tức thường bị người khác khinh thường chê bai đưa đến xấu hổ phiền muộn, làm cho bất thiện pháp sanh lên là nhân rơi vào khổ cảnh. Riêng đối với nam nhân đã dính líu đến 8 hạng nữ nhân như đã đề cập trên coi như phạm giới tà dâm.

Đối với 12 hạng nữ nhân còn lại kể từ vợ do quyền lực quản thúc (*saparidaṇḍā*)... lâm thời thê (*muhuttikā*) những hạng nữ nhân này thuộc loại đã có chồng. Cho dù hạng nữ nhân lâm thời thê (*muhuttikā*) thuộc loại vợ tạm thời đi nữa cũng vậy. Do đó, nhóm nữ nhân này nếu ngoại tình ưng thuận trao thân cho nam nhân khác xâm phạm thì được gọi là phạm giới tà dâm.

Đối với hạng kỹ nữ, nếu có một nam nhân đến thỏa thuận việc mua bán dâm bằng cách trả tiền trước. Nhưng việc mua bán dâm chưa tiến hành xong. Trong thời gian đó, nếu nữ nhân đồng ý nhận tiền của nam nhân khác thì coi như phạm giới tà dâm. Như Đức Phật đã thuyết trong Bốn Sanh Garudhamma đến câu chuyện nàng kỹ nữ trong thành Indapata của xứ Kuru. Nàng đã nhận 1000 đồng tiền vàng từ một nam nhân về việc mua bán dâm và hẹn rằng sẽ đến ân ái với nàng sau, rồi bỗng ra đi biệt. Từ lúc nhận tiền, coi như thể xác của nàng ta đã thuộc quyền sở hữu của nam nhân ấy. Vì vậy, trong lúc nam nhân đó chưa đến với nàng thì nàng vẫn không dám tiếp nam nhân khác cho dù nam nhân khác có trả tiền cho nàng nhiều hơn bao nhiêu đi nữa. Bởi vì nàng thường xuyên thọ trì ngũ giới nên sợ sẽ phạm vào điều học tà dâm. Nàng đã gắng sức chờ đợi nam nhân đó suốt ba năm. Mặc dù rất khổ cực vất vả trong việc nuôi sống bản thân, nàng cũng không dám phạm vào giới điều này.

Trong tất cả 12 hạng nữ nhân này, đừng nói chỉ chỉ phạm vào tà dâm với nam nhân khác, ngay cả phạm tội với loài bàng sanh cũng không được. Như câu chuyện nàng *Mallikā* là hoàng hậu của vua *Pasenadikosala* đã phạm giới tà dâm với con chó trong phòng tắm, sau khi thân hoại mệnh chung bà đã bị rơi vào đại địa ngục vô gián.

Còn về phần nam nhân nếu có một hạng vợ nào trong 10 hạng vợ từ mãi đắc thê (*dhanakkītābhariyā*) cho đến lâm thời thê (*muhuttikābhariyā*), hoặc một vị hôn thê thuộc hạng hôn ước thê (*sārakkhā*) thì không được ngoại tình. Tức không được hành dâm với vợ hoặc hôn thê của người khác, nếu hành dâm thì coi như phạm giới tà dâm.

Tóm lại: Nam nhân không được giao hợp với 20 hạng nữ nhân:

- 12 hạng hạng nữ nhân kể từ vợ do bị quyền lực quản thúc (*saparidaṇḍā*) cho đến lâm thời thê (*muhuttikā*), những hạng này không được trao thân cho nam nhân khác.
- 8 hạng nữ nhân kể từ *māturakkhitā* (được mẹ bảo hộ) ... *dhammarakkhitā* (được pháp luật bảo hộ), những hạng này nếu tự nguyện trao thân cho nam nhân thì không phạm giới tà dâm.

Như trong số giải *Mahāvaggasamyutta vā Terasakaṇḍaṭṭikā* trình bày rằng:

"Purisassa pana tāsū vīsatisu kāmesumicchācāro hoti, māturakkhitādīnaṃ aṭṭhannaṃ micchācāro natthi asāmikattā tāsū gatānaṃ purisānameva micchācāro hoti mātādīhi rakkhitattā, sesānaṃ pana purisantaragamane micchācāro hoti, kasmā sassāmikabhāvato "

Nghĩa là: " Đối với nam nhân giao hợp trong 20 hạng nữ nhân thì phạm vào nghiệp tà dâm".

Tà dâm không phạm đối với 8 hạng nữ nhân như được mẹ bảo hộ (*māturakkhitā*)... bởi vì chưa có chồng. Nhưng nếu nam nhân dính líu đến 8 hạng nữ nhân này thì phạm vào nghiệp tà dâm bởi vì những hạng nữ nhân này là người có cha mẹ... bảo hộ chăm nom.

Riêng 12 hạng nữ nhân còn lại nếu giao tình với nam nhân khác không phải là chồng của mình thì phạm vào nghiệp tà dâm, vì là người có chồng bảo hộ.

*

Câu hỏi đặc biệt về vấn đề tà dâm

1. Trong phòng tối, nam nhân giao hợp với người khác tưởng lầm là vợ của mình và nữ nhân cũng không cưỡng lại do tưởng lầm là chồng của mình.
2. Cha giao hợp với con gái của mình.
3. Nam nhân giao hợp với kỹ nữ.
4. Nam nhân giao hợp với thú cái.
5. Nam nhân giao hợp với nữ nhân lãng trí.
6. Nam nhân giao hợp với nữ nhân đã ly thân với chồng.
7. Nam nhân giao hợp bằng đường hậu môn của nữ nhân.
8. Nam nhân giao hợp với nam nhân.
9. Nữ nhân giao hợp với nữ nhân.
10. Nữ nhân giao hợp với thú đực.

Mười loại giao hợp này của nam nhân và nữ nhân có phạm vào nghiệp tà dâm hay không?

*

Phân Giải về câu hỏi theo tuần tự

Điều 1: Cả nam nhân lẫn nữ nhân coi như phạm vào nghiệp tà dâm bởi vì đủ cả 4 chi như đối tượng không nên dính líu (*agamaniyavatthu*)... nhưng không là tội nặng (*mahāsāvajja*) vì không chủ tâm hành động lén lút bởi do hiểu lầm mà thôi. Thật vậy, có một số loại hành động ác hạnh cho dù phạm vào nghiệp đạo đi nữa nhưng tội đó không nặng. Nếu nói theo thực chất là do chủ tâm mạnh, nếu chủ tâm ác độc thì có tội nặng, còn như không có chủ tâm ác độc thì tội nhẹ.

Điều 2: Nếu đưa con gái còn mẹ thì người cha phạm vào nghiệp đạo, nếu không có mẹ bảo hộ vì người mẹ chết hoặc ly dị thì người cha không phạm vào nghiệp đạo. Nhưng việc chủ tâm này thường thấp hèn tội bại nhiều nên có tội nặng. Nếu đưa con gái đó không được chung sống với cha mẹ mà sống với bà con quyến thuộc, sống trong trú xứ của thầy giáo thọ hoặc sống với tu nữ, thì hành động của người cha đó coi như phạm vào nghiệp đạo.

Điều 3: Nếu nàng kỹ nữ đó được chủ nhân trú xứ bảo hộ, mà chủ nhân đó không chấp thuận cho nam nhân đó giao hợp thì coi như phạm vào nghiệp đạo. Còn nếu như chủ nhân trú xứ chấp thuận thì không phạm vào nghiệp đạo.

Điều 4: Nếu thú cái sống thành cặp riêng rẽ với thú đực hoặc có thú cha thú mẹ bảo hộ thì nam nhân đó phạm vào nghiệp đạo. Nếu thú cái đó không có ai bảo hộ như đã đề cập thì không phạm vào nghiệp đạo.

Điều 5: Nữ nhân lãng trí có người chăm sóc bảo hộ thì nam nhân đó phạm vào nghiệp đạo. Nếu nữ nhân đó không có người chăm sóc bảo hộ thì nam nhân đó không phạm vào nghiệp đạo.

Điều 6: Nữ nhân đã ly thân với chồng, nếu bị chồng ruồng bỏ không có nguyên nhân thích đáng thì cả hai bên nam nhân và nữ nhân không phạm vào nghiệp đạo. Nếu người chồng còn tiếp tục liên hệ hoặc không tiếp tục liên hệ nhưng vẫn còn cấp dưỡng thì cả hai bên coi như phạm vào nghiệp đạo.

Điều 7: Nếu nữ nhân là vợ của mình thì không phạm vào nghiệp đạo. Nếu không phải là vợ của mình thì phạm vào nghiệp đạo.

Điều 8: Coi như không phạm vào trường hợp nào trong nghiệp tà dâm, bởi vì không phải là đối tượng không nên dính líu (*agamaniyavatthu*) mà chỉ được gọi là hành vi sai quấy thuộc tà pháp mà thôi.

Điều 9: Coi như không phạm vào nghiệp tà dâm (như điều 8).

Điều 10: Nếu nữ nhân đó có chồng hoặc có vị hôn phu thì coi như phạm vào nghiệp đạo. Nếu nữ nhân đó độc thân thì không phạm vào nghiệp đạo.

*

Uống rượu là động lực thúc đẩy đến tà dâm và thập bất thiện nghiệp đạo

Uống rượu gọi là *surāpāna*, tức sở hữu tư làm nhân cho sự uống rượu. *Surāpāna* này, Đức Phật Ngài chế định thành một điều học trong ngũ giới và Ngài thuyết về trọng tội của sự uống rượu trong Tăng Chi Bộ Kinh rằng: "*Surāmerayapānaṃ bhikkhave aseviṭaṃ bhāviṭaṃ bahusīkataṃ nirayasamvattanikaṃ tiracchānayanisamvattanikaṃ pettivisayasamvattanikaṃ. Yo ca sabbalahuko surāmerayapānassa vipāko so manussabhūtaṃ ummattakasamvattaniko hoti.*"

Nghĩa là: "Này các tỳ kheo! Thường xuyên uống rượu và các chất say thì càng ngày càng nghiện và dùng càng nhiều thêm. Khi đã như thế thì hằng có mãnh lực dẫn đến địa ngục, bàng sanh, ngã quỷ. Quả nhẹ nhất của sự uống rượu nếu có cơ hội sanh làm người nhờ vào các pháp thiện khác thì người đó thường là người điên loạn".

Nhưng tại sao sự uống rượu và các chất say không được liệt vào 10 bất thiện nghiệp đạo?

Giải rằng: Sự uống rượu này nếu người uống rượu không tạo ác hạnh nào bằng thân, ngữ, ý chỉ uống để vui thì cũng đồng nghĩa với sự thỏa thích cảnh vị trong ngũ dục. Giống như người tà dâm thường thỏa thích cảnh xúc trong ngũ dục. Cảnh vị và cảnh xúc liên quan đến uống rượu, tà dâm cũng là hiện thân của ngũ dục (*kāmaguṇa*). Người uống rượu mà chưa tạo ác hạnh thì cũng làm động lực thúc đẩy cho việc tà dâm được. Đó chính là nguyên nhân đưa đến hành vi sai quấy trong ngũ dục (*Kāmesu + micchācāro*).

Sự uống rượu làm nhân sanh khởi cho việc tạo mọi điều ác hạnh cho dù người đó biết hổ thẹn, biết ghê sợ đối với những hành động xấu. Nhưng khi đã uống rượu say sưa thì những hành vi xấu mà mình từng hổ thẹn và ghê sợ họ cũng chẳng ngần ngại thực hành. Tất cả sự thô tháo ấy đều từ mãnh lực của rượu mà ra. Do đó, người uống rượu tạo ác hạnh nào đi nữa thì cũng làm động lực thúc đẩy đi đến bất thiện nghiệp đạo thành tựu nơi tự thân được. Như uống rượu rồi giết người là động lực thúc đẩy đến sát sanh; nói sai sự thật là động lực thúc đẩy đến nói dối; mưu tính lấy đồ đạc của người khác làm thành của mình không đúng pháp thì thúc đẩy đến tham ác... Do nhân này mới không được Đức Phật thuyết riêng biệt vào trong bất thiện nghiệp đạo. Vì vậy, Ngài trưởng lão *Ānanda* mới trình bày trong *Mūlaikā* rằng:

"*Tassa sabhāgattena micchācāre, upakāraṅgattena dassu pi kammaṭṭhesu anuppaveso hoti.*"

Nghĩa là: Sự uống rượu làm động lực thúc đẩy đưa đến tà dâm, bởi do có tánh chất giống như tà dâm nên cũng làm động lực thúc đẩy đưa đến thập bất thiện nghiệp đạo; bởi có tính chất hỗ trợ tích cực làm cho thành tựu thập bất thiện nghiệp đạo.

Trong *Vibhāvinītikā vā Paṭisambhidāmaggaṭikā* cũng đề cập rằng: "*Surāpānaṃ pi ettheva saṅgyahatīti vadanti rassañkhātesu kāmesumicchācārabhāvato.*"

Nghĩa là: Các bậc A xà lê đề cập rằng: "Sự uống rượu làm động lực thúc đẩy đến tà dâm vì là hành động sai quấy trong cảnh vị của ngũ dục".

"*Surāpānam hi madassa paccayo, mado apuññapathassa hoti* " "Uống rượu là nhân làm cho say sưa, sự say sưa là nhân cho hành động thập bất thiện nghiệp đạo". Lại nữa, uống rượu làm cho thành tựu 2 phận sự:

1- *Paṭisandhijananakicca*: Phận sự làm cho tái sinh vào địa ngục.

2- *Kammajananakicca*: Phận sự làm cho thành tựu hành động ác hạnh.

Trong cả 2 loại phận sự này, thì phận sự làm cho thành tựu hành động ác hạnh có sức mạnh mãnh liệt hơn phận sự làm cho tái sinh vào địa ngục; và có động lực thúc đẩy cho hành động tà vạy ác hạnh khác. Do đó, trong *Pālicó* trình bày bốn sanh Kumbha là đề cập đến nhân làm cho tái sinh vào địa ngục do phận sự làm cho thành tựu ác hạnh *kammajananakicca* rằng:

Yaṃ ve pivitvā duccharitaṃ caranti

Kāyena vācāya ca cetasā ca

Nirayaṃ vajanti duccharitaṃ caritvā

Tassā puññaṃ kumbhamiṃ kiṇātha .

Nghĩa là: Thưa các ngài! Những người uống rượu thường tạo ác hạnh bằng thân, khẩu, ý. Khi đã tạo ác hạnh rồi, thì những người này thường tái sinh vào địa ngục không cần phải hoài nghi, xin các ngài hãy mua đầy bình rượu để biết tác hại sai biệt của rượu".

(Kệ ngôn này là lời nói của Thiên Vương Đế Thích hóa thành người bán rượu xuống cõi nhân loại để diễn tả tác hại của rượu).

Đối với phận sự làm cho tái sinh vào địa ngục (*paṭisandhijananakicca*) của sự uống rượu ám chỉ lấy Tư Tiền (*pubbacetanā*). Sự cố ý sanh lên trước khi tạo ác hạnh, bao gồm các động lực thúc đẩy tạo ác hạnh liên quan từ việc uống rượu nhưng bất định. Nếu người bị động lực thúc đẩy tạo ác hạnh nhưng người đó không tạo ác hạnh thì coi như Tư Tiền không có khả năng dẫn đến tái sinh vào địa ngục. Nếu người uống rượu rồi tạo ác hạnh theo động lực thúc đẩy của Tư Tiền, thì Tư Tiền có khả năng dẫn đi tái sinh vào địa ngục kể từ kiếp thứ ba... Nghĩa là sự uống rượu này nếu phận sự làm cho tái sinh vào địa ngục thành tựu thì được liệt vào bất thiện nghiệp đạo. Còn nếu phận sự làm cho tái sinh vào địa ngục không thành tựu thì không được liệt vào bất thiện nghiệp đạo.

Như trong số giải và hậu số giải Vô Ngại Giải Đạo trình bày rằng:

"Kusalākusalā pi ca paṭisandhijananakāyeva kammāpathāti vuttā, vuttāvasesā paṭisandhijanane anekantikattā kammāpathāti na navuttā". (số giải)

"Vuttāvasesāti surāpānādayo tabbirammanādayo ca". (hậu số giải).

Nghĩa là: "Thiện thuộc thân thiện hạnh ... và bất thiện thuộc thân ác hạnh ... dẫn đến tái tục mà thôi. Cần phải nói rằng thiện và bất thiện nghiệp đạo, thiện là tránh xa sự uống rượu..., và bất thiện là sự uống rượu... Ngoài các nghiệp đó ra không nói rằng thuộc thiện hay bất thiện nghiệp đạo, bởi vì các nghiệp này là nghiệp bất định trong việc cho quả tái tục".

Từ: "*Vuttāvasesā*" bao gồm sự uống rượu, hút thuốc phiện, cờ bạc, xem phim ảnh, ca kịch, đi chơi lễ hội... và sự tránh xa uống rượu, tránh xa việc hút thuốc phiện, tránh xa cờ bạc, tránh xa xem phim ảnh, ca kịch, tránh xa đi chơi lễ hội... Lại nữa, trong Pāli điều học ung đối trị và số giải trình bày rằng:

"Surāmerayapāne pācittiyam" Sự uống rượu và các chất say phạm ung đối trị.

"Acittakam lokavajjam akusalacittam, majjapānam sāmaṇerānam pārājikavatthu".

"Sự uống rượu của tỳ kheo dù biết hoặc không biết đi nữa, cũng phạm ung đối trị và có tội theo thế gian liên hệ đến bất thiện tâm. Sự uống rượu của sa di nếu biết là rượu thì có tội trực xuất (pārājika

triệt khai đứt lia khỏi phả hạnh sa di).

*

Sự uống rượu của tất cả mọi người có 4 loại

- 1- Uống rượu pha lẫn trong thuốc hoặc thức ăn.
- 2- Uống rượu nguyên chất do nghĩ là thuốc.
- 3- Uống rượu do vui thích.
- 4- Uống rượu để cho tâm bạo dạn tạo ác hạnh.

Việc uống rượu loại 1 và 2 có tội nhẹ bởi vì chủ ý để chữa bệnh. Nhưng loại thứ 2, nếu là tỳ kheo thì phạm ung đối trị, nếu là cư sĩ thì ngũ giới thuộc giới thường nhiên của cư sĩ bị đứt, còn thọ bát quan trai giới thì bát quan trai giới bị đứt, là sa di thì thập giới bị đứt. Do đó, người cố tâm tạo cho mình trú trong giới thì không nên uống rượu.

Việc uống rượu loại thứ 3 thì có tội nặng vì là người hành động sai quấy đối với cảnh vị thuộc ngũ dục. Việc uống rượu đó có tội nặng đến ngần nào thì không một ai có thể lường được ngoại trừ duy nhất bậc Chánh Đẳng Giác mới biết được mà thôi. Và người đã ưa thích uống rượu, thì chỉ uống một lần hoặc hai lần rồi ngưng không uống nữa thường không có xảy ra mà chỉ có sự tiếp tục muốn uống hoài mà không có sự chấm dứt. Thích hợp với lời phán quyết của Đức Phật trong Tăng Chi Bộ Kinh rằng:

"Tīṇaṃ bhikkhave paṭisevanāya natthi titti, katamesaṃ tīṇaṃ? Soppassa bhikkhave paṭisevanāya natthi titti, surāmerayapānassa bhikkhave paṭisevanāya natthi titti, methunadhammasamāpattiyā bhikkhave paṭisevanāya natthi titti, imesaṃ bhikkhave tīṇaṃ paṭisevanāya natthi tittī "

"Này các tỳ kheo! Có 3 loại thụ hưởng không bao giờ biết thỏa mãn, 3 loại đó là thế nào?"

- 1- Không biết thỏa mãn trong việc ngủ nghỉ.
- 2- Không biết thỏa mãn trong việc uống rượu.
- 3- Không biết thỏa mãn trong việc giao cấu.

Này các tỳ kheo! Không bao giờ có sự biết thỏa mãn hưởng thụ trong 3 loại đó".

Sự uống rượu thường suy đồi thời hoá, đừng nói chi người bình thường mà ngay cả bậc có ân đức pháp đặc thù khi đã uống rượu vào rồi cũng làm cho mất tư cách, đáng hổ thẹn cùng với ân đức pháp đang có cũng tiêu mất.

Như vào thời kỳ Đức Phật có trưởng lão *Sāgata* là phạm tăng tinh thông thắng trí. Một ngày nọ dân chúng trong thành đã loan tin rằng: "Trưởng lão *Sāgata* đã nhiếp phục Long Vương trong khi thi triển thần lực với nhau". Do đó, hầu như dân chúng rất tịnh tín và hoan hỷ nên khi trưởng lão đi khát thực họ mới thi nhau đem vật thực cúng dường. Có người còn đem cả rượu đến cúng dường, trưởng lão cũng thọ dụng luôn nên mới khởi lên say sưa. Khi khát thực trở về đến cửa thành thì ngã té nằm xuống trước cửa thành, thiên định thắng trí cũng tiêu mất.

Lúc đó, bậc Chánh Đẳng Giác cùng chư tỳ kheo khát thực trở về, Ngài đưa tầm mắt nhìn thấy trưởng lão *Sāgata* đang nằm ngủ liền truyền cho chư tỳ kheo dìu trưởng lão về chùa rồi cho dân trưởng lão đến trước mặt Ngài. Chư tỳ kheo dìu trưởng lão *Sāgata* nằm quay đầu lại trên đường mà Đức Phật ngự đến. Nhưng vì quá say rượu thất niệm, nên trưởng lão quay mình trở lại xoay chân trên đường mà Đức Phật ngự đến biểu lộ hành vi bất kính đối với bậc Chánh Đẳng Giác.

Do nhân này, Đức Phật Ngài mới chế định thêm một điều học nữa là cấm chế không cho chư tỳ kheo uống rượu nếu uống rượu phạm tội ung đối trị.

Việc uống rượu loại thứ 4 được liệt vào thành Tư Tiền (*pubbacetanā*) có tính chất thúc đẩy kích thích cho hành động ác hạnh thuộc Tư Hiện (*muñcacetanā*) sanh lên. Do sự uống rượu loại 4 này, có khả năng làm cho người đó tái sanh vào khổ cảnh.

Phân loại: Rượu và chất say. "*Suram janetīti = Surā*" "Pháp nào thường làm cho người bạo dạn, pháp đó gọi là rượu".

Rượu có 5 loại:

- 1- *Piṭṭhasurā*: Rượu làm bằng bột gạo.
- 2- *Pūpasura*: Rượu làm bằng nếp, như cơm rượu.
- 3- *Odanasurā*: Rượu làm bằng gạo tẻ.
- 4- *Kiṇṇapakkhittasūra*: Rượu làm bằng men.
- 5- *Sambhārasamyuttasūra*: Rượu làm bằng trái cây, như trái nho.

"*Medam janetīti: merayam*", "Pháp nào thường làm cho say sưa đó gọi là chất say".

Chất say có 5 loại

- 1- *Pupphāsava*: Chất say lấy từ bông đem ngâm.
- 2- *Phalāsava*: Chất say lấy từ trái cây đem ngâm.
- 3- *Madhavāsava*: Chất say lấy từ trái nho đem ngâm.
- 4- *Gulāsava*: Chất say lấy từ mật mía, đường đem ngâm.
- 5- *Sambhārasamyuttasava*: Chất say lấy từ trái chùm ruột, trái cà na rừng đem ngâm.

Cả hai loại rượu và chất say này gọi là chất kích thích độc hại (*majja*) bởi vì làm cho người uống vào say sưa. Một lý khác nữa, thuốc phiện, cần sa... cũng được gọi là chất kích thích độc hại vì các thứ đó làm cho người hút vào lân lân đê mê.

Như trong số giải *Khuddakapāṭha* và số giải *Mahāvaggasamyutta* trình bày rằng:

"*Majjanti tadeva ubhayaṃ, yaṃ vāpanaññampi surāsavavinimuttaṃ maddaniyam*".

"Gọi là chất kích thích độc hại là rượu và chất say. Hoặc một lý khác nữa, pháp nào ngoài rượu và chất say ra mà có khả năng làm cho người thường thức lân lân đê mê, pháp đó gọi là chất kích thích độc hại".

*

Chi phần của uống rượu có 4

- 1- *Surāmerayabhāvo*: Đối tượng là rượu và chất say.
- 2- *Pivītukāmatā*: Có sự muốn uống.
- 3- *Pivanam*: Đã uống.
- 4- *Maddavam*: Có trạng thái say sưa.

Lại nữa, trong số giải *Suttanipāta* trình bày đến tai hại của việc uống rượu rằng:

"*Yasmā pana majjapāyī atthaṃ na jānāti, dhammaṃ na jānāti, mātupi antarāyaṃ karoti, pitupi buddhapacceka buddhatathāgatāsāvakānampi antarāyaṃ karoti diṭṭhadhamme ca garahaṃ*

samparāye ca duggatiṃ aparāpariyāye ummādaṃ pāpuṇāti "

Nghĩa là: Người uống rượu thường không tri nhân tri quả thường làm tổn thất tài sản hoặc gây tổn hại đến sanh mạng thân thể của cha mẹ, Toàn Giác Phật, Độc giác Phật và Chư Thánh Văn. Lúc còn sanh tiền thường bị các bậc hiền trí và bậc chân nhân chê bai chỉ trích. Khi mệnh chung từ bỏ cõi này thường rơi vào khổ cảnh, riêng kể từ kiếp thứ ba trở đi thường trở thành người có tánh tình bất thường trí nhớ quên lãng.

Do nhân đã đề cập trên, Ngài A xà lê *Mahābuddhaghosa* mới phân tích tác hại của sự uống rượu rằng:

"Apicettha surāmerayamajjapamādatṭhānameva mahāsāvajjaṃ na tathāpāṇātipatādayo kasmā manussabhūtassapi ummattakabhāgasamvattanena ariyadhammantarāya karaṇato "

Nghĩa là: Nếu nói theo thực chất trong cả 5 giới thì việc uống rượu và các chất say làm nhân cho sự dễ dãi nên có tội nhiều. Còn 4 giới như sát sanh ... các giới này không có tội nhiều như uống rượu và các chất say. Vì uống rượu và các chất say thường làm cho người đờ đẫn loạn và trở ngại Đạo Quả.

Sự uống rượu này là điều đáng sợ, vì người tạo tác ác hạnh phạm pháp; cho dù không phạm pháp đi nữa, bất thiện pháp hằng ngày hiển lộ trong thế gian phần nhiều cũng do uống rượu làm nhân. Nhưng hầu như người thích uống rượu không nhìn thấy tác hại của việc uống rượu vì chính mình cũng thỏa thích trong sự uống rượu. Hoặc nếu tự mình không uống thì bà con quyến thuộc thích uống nên vị nể không thể nói được.

Do vậy, các bậc chân nhân mới so sánh rượu giống như tên thủ lĩnh bọn cướp sai khiến thuộc hạ đi cướp bóc. Còn tự thân chỉ là người chỉ huy và nếu thuộc hạ bị bắt được thì kết quả hiển nhiên là bọn thuộc hạ đó trở thành tội phạm thứ nhất, thủ lĩnh của bọn cướp trở thành tội phạm thứ hai.

Điều này như thế nào, thì người uống rượu rồi tạo ác hạnh phải gặt quả rơi vào khổ cảnh. Sự việc rơi vào khổ cảnh này thì chính sở hữu Tư liên quan đến việc tạo ác hạnh của người đó đứng vào vai trò tội phạm thứ nhất và sở hữu Tư liên quan đến sự uống rượu đứng vào vai trò tội phạm thứ hai.

Kết thúc phần thích giải về tà dâm

Thích giải điều *Pālī* thứ 6: "*Kāyaviññattisaṅkhāte kāyadvāre bāhullavuttito kāyakammaṃ nāma*".

- 1- Sát sanh.
- 2- Trộm cắp.
- 3- Tà dâm.

Cả ba điều này gọi là thân nghiệp vì sanh lên từ thân môn tức phần nhiều là thân biểu tri.

Thân môn trong nơi đây ám chỉ thân biểu tri không phải thân thanh triệt (*kāyapasāda*). Do đó, Ngài A xà lê *Anuruddha* mới trình bày riêng rẽ bằng câu đặc biệt rằng: "*Kāyaviññatti saṅkhāte*".

Thích giải: Sự chuyển động bằng tay hoặc chân... các chuyển động này do bọn sắc tâm có phong đại dẫn dắt sanh lên nối tiếp nhau thành nhiều bọn. Chính phong đại trong bọn sắc tâm này tạo cho bọn sắc tâm đồng sanh vững vàng không chao đảo. Như lúc nằm ngủ làm cho chuyển động theo ý muốn của tâm được. Sự vững vàng của bọn sắc tâm này gọi là nâng đỡ (*santhambhana*).

Sự di chuyển từ nơi này đến nơi khác được gọi là nối tiếp (*sandhāraṇa*). Sự chuyển động thân như hươ tay, hươ chân, khom lưng, ngẩng đầu, co duỗi... nhóm nhóm này được gọi là chuyển động (*sañcalana*). Nhưng sự chuyển động sai biệt như đã đề cập này không diễn tiến bởi năng lực duy nhất của phong đại mà phải có sắc kỳ dị (*vikàrarūpa*) kết hợp mới hành động trong việc chuyển động diễn biến theo ý muốn của tâm. Nếu không có sắc kỳ dị kết hợp thì chuyển động của thân chỉ diễn tiến theo phong đại thì chẳng khác gì chiếc lá bị gió thổi không thể làm thành tự theo ý muốn của tâm. Vì vậy, sát sanh, trộm cắp, tà dâm, các việc này phải có sự chuyển động theo ý muốn của tâm mới

thành tựu hành động được. Như trong trường hợp đưa súng lên và trường hợp bán thường diễn tiến bởi năng lực của phong đại kết hợp với sắc kỳ dị. Do đó, mới gọi là thân nghiệp.

Thân có 3 loại

1- *Sasambhārakāya*: Thân hội đủ 32 thể trước.

2- *Pasādakāya*: Thân thanh triệt, là nơi nương của thân thức.

3- *Copanākāya*: Sắc thân biểu tri câu hành với phong đại làm cho chuyển động được.

Việc biểu hiện là nhân làm cho thành tựu cả 3 thân nghiệp cũng chính là thân biểu tri câu hành với phong đại làm cho chuyển động được (*copanakāya*). Như định nghĩa sau:

"*Copetīti = copana, copano ca so kāyo cāti = copanakāyo*".

"Sắc nào làm cho bộ phận cơ thể lớn nhỏ được chuyển động, sắc đó gọi là sắc biểu tri (*copana*). Sắc nào làm cho bộ phận cơ thể chuyển động bằng thân, sắc đó gọi là sắc thân biểu tri (*copanakāya*)". Trong nơi đây từ Thân nằm trong thân môn là sắc thân biểu tri.

Sắc thân biểu tri này là cánh cửa khởi hiện lên ba nghiệp hoặc là nhân làm cho thành tựu cả 3 hành động như sát sanh... Vì vậy, sắc thân biểu tri mới được gọi là thân môn. Như định nghĩa được trình bày: "*Kāyoyeva dvāraṃ = Kāyadvāraṃ*".

"Chính là sắc thân biểu tri này là môn, nên được gọi là thân môn".

Từ Thân ở đây chỉ là sắc thân biểu tri, không có trong sắc khác nhưng tại sao được dùng từ Thân (*kāya*)?

Thích giải: Nói theo cách phiếm diện (*ekadesayūpacāranaya*) thân biểu tri là một phần sắc pháp của thân. Do đó, mới nêu từ Thân, là tên gọi của toàn thân, rồi xếp thân biểu tri vào thành một chi phần của thân thể, nên gọi là Thân.

"Gọi là thân nghiệp vì phần nhiều sanh lên từ thân môn, bởi do dùng từ "*Bāhullavuttito*". Điều này trình bày cho biết rằng thân nghiệp ác hạnh sanh lên từ môn khác cũng được. Nhưng cho dù sanh lên từ môn khác đi nữa cũng vẫn có thể gọi là thân nghiệp."

Thích giải: Thân ác hạnh có 3 loại như sát sanh, trộm cắp, tà dâm. Còn môn khác ngoài ra thân môn, có 2 là ngữ môn và ý môn. Nghĩa là thân ác hạnh sanh lên từ môn khác cũng được nhưng chỉ có 2 tức sát sanh, trộm cắp; còn tà dâm chỉ duy nhất sanh lên từ thân môn. Riêng đối với các môn khác thì chỉ duy nhất sanh lên từ ngữ môn. Trong nơi đây muốn ám chỉ hành động ác hạnh sanh lên từ môn đó mà thành tựu nghiệp đạo, chứ không phải chỉ gọi tên theo ác hạnh. Bởi vì ác hạnh có 10 loại thường có thể sanh lên biểu hiện được trong cả 3 môn và nếu giảng rộng ra theo chi tiết thì ác hạnh có đến 40. Do đó, mới nói rằng 2 thân ác hạnh tức sát sanh và trộm cắp sanh lên từ ngữ môn cũng được. Ám chỉ đến hành động phạm vào nghiệp đạo như sai biểu người khác sát sanh hoặc sai biểu người khác trộm cắp; khi sự việc hoàn tất rồi thì người sai biểu cũng phạm vào nghiệp đạo. Nhưng nghiệp sát sanh và trộm cắp sanh lên từ ngữ môn của người này vẫn có thể gọi là thân nghiệp mà không gọi là ngữ nghiệp. Bởi vì 2 nghiệp này ít sanh lên từ ngữ môn nên được gọi là thân nghiệp, cách gọi tên này là dựa theo quan điểm của đại chúng. Như người săn thú trong rừng thì được gọi là thợ săn cho dù người thợ săn này có cư ngụ trong xóm làng nào thì cũng không thể gọi xóm làng đó là xóm thợ săn hay làng thợ săn được; mà chỉ có thể nói là người thợ săn đó sống trong xóm đó hoặc làng đó. Do nhân này, Ngài A xà lê *Anuruddha* mới dùng từ "*Bahullavuttito*" tức theo đa số dư luận. Cho nên Ngài A xà lê *Ṭikā* mới trình bày định nghĩa của từ "*kāyakamma*" (thân nghiệp) rằng: "*Kāyadvāre yebhuyyena pavattaṃ kammanti: Kāyakammaṃ*" Phần nhiều sanh lên từ thân môn cho nên mới gọi là thân nghiệp.

Lại nữa, sự việc mà Ngài A xà lê *Anuruddha* trình bày cả 3 nghiệp như sát sanh... gọi là "*Kāyakamma*" Theo *Pāli* rằng: "*Kāyadvāre bāhullavuttito kāyakammaṃ nāma*" ám chỉ việc trình bày phân tích thập bất thiện nghiệp đạo theo 3 môn để cho không nhầm lẫn nhau. Nhưng nếu trong *Pāli*

không có từ "*Bāhulla*" mà chỉ có "*Kāyadvāre vuttito kāyakammaṃ nāma*" (gọi là thân nghiệp bởi vì sanh lên từ thân môn. Như vậy, tiêu điểm mà Ngài A xà lê *Anuruddha* phân tích thập bất thiện nghiệp đạo theo 3 nghiệp không chuẩn xác vì trình bày rằng: "Gọi là thân nghiệp bởi vì sanh lên từ thân môn". Như vậy, việc sai biểu người khác sát sanh, trộm cắp coi như sanh lên từ ngũ môn.

Nếu như gọi tên của nghiệp theo *Pāli* mà không có từ "*Bāhulla*" thì phải gọi thành hai cách, tức thân nghiệp hay ngũ nghiệp cũng được. Vì vậy, việc phân tích nghiệp thành từng phần theo môn không chuẩn xác. Do nhân này, Ngài *Anurudha* mới thêm vào từ "*Bāhulla*" cho rõ ràng như: "*Kāyadvāre bhullavuttito kāyakammaṃ nāma*". Có nghĩa là: Sát sanh và trộm cắp phần nhiều sanh lên từ thân môn. Nếu đem so sánh thì sanh lên từ thân môn hết 90% còn sanh lên từ ngũ môn chỉ có 10%. Vì vậy, dù cho có thay đổi tên gọi của thân nghiệp cũng không có gì trở ngại cả. Và việc phân tích thập bất thiện nghiệp đạo theo 3 môn cũng vẫn được chuẩn xác không lẫn lộn nhau.

(Các học viên nên hiểu mục đích mà Ngài A xà lê *Anurudha* dùng từ "*Bāhulla*" được biểu hiện trong câu "*Vacīviññattisaṅkhāte vacīdvāre bāhullavuttito vacīkammaṃ nāma*" và "*Manasmīyeva bāhullavuttito manokammaṃ nāma*" này nội dung cũng giống nhau như đã giải thích trên).

Kết thúc phân thích giải về 3 thân nghiệp

*

Thích giải về 4 ngữ nghiệp

1- *Musāvāda*: nói dối

Từ "*Musāvāda*" khi phân ra được hai từ *Musā* + *vāda*. "*Musā*" là bất biến từ thể hiện điều không thật.

Như có người đến hỏi ta rằng: "Có tiền không?". Ta có nhưng trả lời rằng: "Không có". Hoặc họ hỏi rằng: "Có vàng không?" Ta không có nhưng nói rằng: Có tiền hoặc có vàng.

Đây chính là hiện thân của điều không thật, hoặc ám chỉ đến đồ vật không thật.

Hay trong các sự việc mà ta biết, nhưng khi có người đến hỏi ta trả lời phủ nhận rằng: "Không biết". Hoặc ngược lại ta không biết nhưng lại nói rằng: "Biết vấn đề đó".

Đây chính là hiện thân của việc không thể hiện đúng theo lời nói (*Musā*).

"*Vāda*" ám chỉ lời nói. Khi gom lại với nhau thành "*Musāvāda*" ám chỉ lời nói không đúng sự thật. Như định nghĩa được trình bày sau:

"*Musā vadanti etenāti: Musāvādo*". Người nói điều không thật làm cho trở thành thật bằng chủ tâm nào, chủ tâm ấy làm nhân cho việc nói không thật đó gọi là nói dối. Tức "*visaṃvādana cetanā*"
Nghĩa là: Tư làm cho người khác hiểu lầm câu sanh với đồng lực Tham, Sân sanh lên từ thân môn và ngũ môn.

Sự nói dối phần nhiều dùng bằng lời nói. Do đó, mới gọi là *Musāvāda*. Nhưng nếu dùng một điệu bộ nào của thân mà không liên quan đến lời nói cũng được gọi là nói dối *musāvāda*.

Việc khẳng định cho biết được người này thành tựu nói dối hoặc không thành tựu nói dối thì phải khẳng định bằng cách hội đủ 4 chi. Nếu chưa hội đủ 4 chi thì chưa liệt vào thành tựu nói dối được.

*

Chi phần nói dối có 4

1- *Atthavatthu*: Sự việc hay vấn đề không thật.

2- *Visaṃvādanacittatā*: Chủ tâm nói dối.

3- *Poyoga*: Gắng sức nói dối bằng thân hoặc bằng ngữ theo ý muốn của mình.

4- *Tadattha vijānaṃ*: Người khác tin theo ý nghĩa không thật đó.

*

Điều nói dối này phân ra thành hai loại

1. Thành tựu nói dối nhưng không phạm vào nghiệp đạo.

2. Thành tựu nói dối phạm vào nghiệp đạo.

Sự nói dối hội đủ 4 chi nhưng không làm mất mát tổn hại cho người nghe hiểu lầm tin theo. Loại này chỉ là nói dối nhưng không phạm vào nghiệp đạo, không đưa đến khổ cảnh.

Sự nói dối hội đủ 4 chi mà làm mất mát tổn hại cho người nghe hiểu lầm tin theo. Loại này thành tựu nói dối phạm vào nghiệp đạo, có khả năng đưa đến khổ cảnh.

1- *Sāhatthika*: Tự mình gắng sức nói dối.

2- *Āṇattika*: Sai biểu người khác nói dối.

3- *Nissaggiya*: Ghi vào giấy sự việc không thật rồi quăng đi cho người khác hiểu lầm, như quăng thư hoặc tuyên truyền bằng máy phát thanh.

4- *Thāvara*: Tạo ra sự việc không thật rồi công bố như khắc chữ và in ấn thành sách hay thu tiếng nói.

Trong 4 loại gắng sức này thì tự mình gắng sức (*sahatthikapayoga*) là gắng sức trực tiếp phần nhiều hiển hiện. Riêng ba sự gắng sức còn lại thì ít hiển hiện, như kê ngôn được trình bày sau:

Musāvādassa atthaṃ Vasamvādanacittatā

Tajjo vāyāmo parassa Tadatthajānaṃ iti

Sambhārā caturo honti Payogeko sāhatthiko

Āṇattika nissaggiya Thāvarāpica yujjare

Nghĩa là: Bốn chi của nói dối: Sự việc hay vấn đề không thật; có tâm suy nghĩ làm người khác hiểu sai; gắng sức bằng thân hoặc bằng ngữ đúng như chủ tâm dối trá; người khác tin theo ý nghĩa không thật đó.

Gắng sức trong *Mahāatthakathā* đề cập chỉ duy nhất được một loại *sahatthikapayoga*. Nhưng trong số giải *Atthasālinī* đề cập rằng *Āṇattika*, *Nissaggiya* và *Thāvarapayoga* các loại này cũng vẫn được.

Tự mình gắng sức nói dối (*sahatthikathā*) hành động bằng thân hoặc bằng ngữ. Dối trá bằng thân như muốn chôi bỏ thì lắc đầu hay chấp thuận thì gật đầu. Nói dối bằng ngữ là lời nói không thật.

Sai biểu người khác nói dối (*āṇattikapayoga*) hành động bằng thân hoặc bằng ngữ. Sai biểu người khác dối trá bằng thân như ghi vào giấy gửi cho người đó để chỉ đạo dân cảnh lừa dối hoặc bằng ngữ như chỉ cho người khác cách nói dối.

Còn dối với cả hai *Nissaggiyapayoga* và *Thāvarapayoga* cũng hành động bằng thân hoặc bằng ngữ.

*

Trình bày nói dối trở thành hoại giới (*Silavipatti*) và nói dối thành tựu nghiệp đạo

Trong cả 4 chi đó nếu phạm 2 chi là chủ tâm dối trá và gắng sức dối trá bằng thân hoặc bằng ngữ thì dù cho cư sĩ hay xuất gia đi nữa cũng trở thành giới hoại mà không phạm vào nghiệp đạo. Nếu nói dối đủ 4 chi thì coi như thành tựu nghiệp đạo. Trong chi thứ 4 đề cập rằng:

"*Tadattha Vijānanam*", người khác hiểu sai tin theo ý nghĩa không thật đó, thì coi như phạm vào nghiệp đạo. Nếu người nghe không tin theo thì không phạm vào nghiệp đạo.

Kammapathamusāvāda là nói dối phạm vào nghiệp đạo được phân thành hai loại:

- 1- Loại đưa đến khổ cảnh.
- 2- Loại không đưa đến khổ cảnh.

Loại đưa đến khổ cảnh phải là nói dối làm cho người khác hiểu sai tin theo bị mất mát tổn hại. Nếu người tin theo không bị tổn thất điều gì thì nói dối loại này cũng không đưa đến khổ cảnh. Như việc nói dối của một vị quan cận thần với đức vua để gìn giữ đức tin cho đức vua và bảo tồn sanh mạng cho cho một người đàn ông câu chuyện như sau:

Có một đôi vợ chồng nghèo khổ nương ngụ ở một trạm dừng chân ngoài thành. Người vợ mang thai thêm muốn dùng vật thực mới nài nỉ chồng tìm kiếm cho nàng. Nếu không được dùng vật thực như ý muốn thì mạng sống của nàng không thể kéo dài được nữa. Vì quá thương vợ sợ nàng sẽ chết bèn giả dạng thành Chư Tăng mang bát đi đến hoàng cung để thọ nhận vật thực cúng dường bằng cử chỉ thu thúc. Lúc đó, gần đến giờ thọ thực của Chư Tăng, đức vua đang sắp ngự thiện thì nhìn thấy vị sa môn thu thúc đi khất thực bằng phẩm hạnh đáng tịnh tín, thì phát sanh đức tin nơi tâm rằng: "Vị này không phải là vị sa môn bình thường mà phải là vị sa môn có được một ân đức đặc thù nào đó". Bèn lấy vật thực sắp ngự thiện để bát cho người đàn ông này rồi truyền lệnh cho một vị quan cận thần bám sát theo để biết đích xác rằng: "Từ đâu đến và sẽ đi nơi nào". Vị quan cận thần đi theo người đàn ông mà không để cho người đàn ông ấy phát hiện ra mình. Khi đến trạm dừng chân, nghỉ ngơi rồi xả y ra trở thành người bình thường, đem vật thực ra cho vợ dùng. Quan cận thần nhìn thấy biết là người đàn ông này đã giả dạng sa môn mới suy nghĩ: "Nếu ta đem sự việc này trình lên đức vua thì hậu quả tai hại sẽ đưa đến cho cả hai bên; đức vua thì sẽ mất niềm tin mãnh liệt đang có còn về phần người phình gạt này cũng sẽ nguy hại đến tính mạng". Do để bảo tồn lợi ích của hai bên quan cận thần trở về tâu lại với đức vua rằng: "Tâu bệ hạ bậc giác ngộ đi theo con đường của ngài cho đến khi ra khỏi cửa thành thì y vàng đó cũng biến mất khỏi tầm mắt của hạ thần luôn".

Đức vua nghe rồi thì phát sanh hỷ lạc phán rằng: "Chắc chắn vị ấy là bậc A La Hán nên sự cúng dường của ta phải là sự cúng dường cao thượng".

Thích giải: Lời nói không đúng sự thật làm cho đức vua hiểu lầm, nhưng không làm mất mát tổn hại mà ngược lại phát sanh lợi ích như vậy. Cho dù là người nói dối nhưng cũng chỉ là sự nói dối không có tội, không có năng lực đưa đến khổ cảnh.

Trong Bản Sanh *pancāvudha*. Khi *Pancāvudhakumāra* bị dạ xoa *Silesasoma* bắt đi ăn thịt đã nghĩ ra mưu kế nói rằng: "Trong bụng ta có vũ khí nếu người ăn thịt ta thì vũ khí trong bụng ta sẽ cắt đứt ruột của người thành từng mảnh, người cũng sẽ phải chết". Dạ xoa nghe được như vậy thì nghĩ rằng: "Thanh niên này có thể nói thật". Do đó, dạ xoa không dám ăn thịt *Pancāvudhakumāra*.

Sự việc mà *Pancāvudhakumāra* nói: Trong bụng ta có vũ khí ám chỉ vũ khí trí tuệ, tức trí tuệ hiện có trong mình nhưng dạ xoa hiểu lầm là vũ khí thật. Câu chuyện này trình bày đến chuyện nói dối của *Pancāvudhakumāra* không làm mất mát tổn hại với người hiểu lầm tin theo từ một điều gì.

Trong Bản Sanh *Samsumāra* trình bày rằng: Có kiếp Bò Tát sanh làm khi bị một con cá sấu phình gạt cho đứng trên lưng để sang bờ bên kia. Khi vừa đến giữa dòng sông thì cá sấu lặn xuống.

Khỉ mới hỏi rằng:

- Mi muốn nhận chìm ta xuống với mục đích gì?

Cá sấu nói rằng:

- Ta lừa người đến để lấy trái tim của người thôi.

Khi nghĩ ra phương kế bèn nói:

- Trái tim của ta đã lấy treo trên cây sung đó.

Rồi chỉ cho con cá sấu nhìn thấy cây sung và nói:

- Nếu người muốn hãy chờ ta trở lại cây sung đó.

Cá sấu hiểu lầm mới đưa khi trở lại, khi ta nhảy ngay lên cây sung an toàn. Đây cũng là lời nói dối mà không làm mất mát, tổn hại điều chi cả.

Lại nữa, việc trình bày hành vi rượt đuổi loài thú như chim, quạ... bằng điệu bộ giống như ném hoặc bắn làm cho loài thú nghĩ rằng mình bị ném hoặc bắn rồi bay đi. Những việc này là dối trá bằng thân nhưng cũng không làm mất mát tổn hại gì.

*

Trình bày nói dối thuộc *Appasāvajja* & *Mahāsāvajja*

Nói dối làm cho mất mát tổn hại, nếu người tin theo bị mất mát tổn hại ít thì sự nói dối có tội ít (*appasāvajja*). Nếu người tin theo bị mất mát tổn hại nhiều thì sự nói dối đó có tội nhiều (*mahāsāvajja*).

Người làm nhân chứng gian làm cho bên khác bị mất mát tổn hại tài sản của cải hoặc phải bị tội hình, loại này được liệt vào có tội nhiều (*mahāsāvajja*).

Tỳ kheo, sa di nói chơi với nhau, như một vị đi khát thực đến một vị khác hỏi: "Thực phẩm đi khát thực nhiều hay ít thế nào?" Vị đó trả lời rằng: "Được nhiều lắm tràn cả bát". Nhưng thật sự chỉ được chút ít thôi.

Hoặc một người kế toán phân phát tiền, có người đến hỏi rằng: "Được bao nhiêu tiền?". Thì trả lời rằng: "Được cả trăm cả ngàn". Nhưng thật ra chỉ có 5 đồng, 10 đồng thôi.

Các loại này được xếp vào loại có tội ít (*appasāvajja*).

Người nói lời phi Thánh Ngôn (*anariyavohāra*) hoặc lời nói của kẻ ngu (*andgabāla*) thì 1 trong 8 loại này được liệt vào loại nói dối có tội nhiều (*mahāsāvajja*).

8 Loại Phi Thánh Ngôn

- 1- Điều không thấy nói rằng thấy.
- 2- Điều không nghe nói rằng nghe.
- 3- Điều không gặp nói rằng gặp.
- 4- Điều không biết nói rằng biết.
- 5- Điều thấy nói rằng không thấy.
- 6- Điều nghe nói rằng không nghe.
- 7- Điều gặp nói rằng không gặp.
- 8- Điều biết nói rằng không biết.

(Gặp trong nơi đây ám chỉ đến sự ngủi, nếm, đụng). Riêng đối với sự nói dối làm cho Chư Tăng chia rẽ nhau được liệt vào tội nhiều (*mahāsāvajja*) thuộc trọng nghiệp.

Trình bày sự nói dối mà chư Bồ Tát không nói

Sự nói dối làm người khác hiểu lầm rồi hành theo bị mất mát tổn hại chư Bồ Tát hằng không nói lời đó. Nhưng sự nói dối không bị mất mát tổn hại cho người nghe, chư Bồ Tát vẫn còn nói.

Như trong *Navanipāta* Bốn Sanh Harita trình bày:

"Bodhisattassa hi ekaccesu thānesu pāṇātipāto, adinnadānaṃ, kāmesumicchācāro, surāmerayamajjapānaṃpi hotiyeva atthabhedakavisamvādanaṃ purakkhitvā musāvādo nāma na hoti".

Nội dung ý nghĩa là: "Trong một số loại bất thiện nghiệp đạo như sát sanh, trộm cắp, tà dâm, uống rượu, các việc này sanh khởi được nơi Bồ Tát. Còn loại nói dối có chủ tâm làm cho người khác bị mất mát tổn hại hằng không có bao giờ".

Kết thúc phần thích giải về nói dối

*

2- Pisunavācā: Nói đâm thọc

Từ: "*Pisunavācā* khi phân ra thì được hai từ: *Pisuṇa* + *Vācā*. *Pisuṇa* sự chia rẽ tinh vi hoặc hành động làm cho phân chia ngăn cách. *Vācā* là lời nói. Khi gom lại thành "*Pisunavācā*" tức lời nói chia rẽ sự đoàn kết làm cho phân chia ngăn cách, được định nghĩa trình bày như sau:

"Pisati sāmaggim sañcuṇṇetīti = pisunā" lời nói nào thường chia rẽ sự đoàn kết làm cho phân chia ngăn cách, lời nói đó gọi là lời nói đâm thọc.

"Vadanti etāyāti: Vācā" Người hằng chủ tâm nói bằng lời nói nào, thì sự chủ tâm đó gọi là lời nói "*Pisunā ca sā vācā cati: Pisunavācā*". Lời nói chia rẽ sự đoàn kết làm cho phân chia ngăn cách... bằng sự chủ tâm nào, sự chủ tâm lời nói đó gọi là lời nói đâm thọc.

Như ông A và ông B là bạn thân giao với nhau. Sau đó có người thứ ba đến nói với ông A bằng cách vu khống ông B cho rằng ông B bêu xấu nhục mạ ông A. Cứ nhiều lần như vậy làm cho ông A hiểu lầm sanh tâm hờn giận rồi từ từ xa cách ông B. Lời nói như vậy gọi là lời nói đâm thọc (*pisunavāca*).

Một lý khác nữa, *pisuṇā* khi nói theo từ gốc tức là *piyasuññakaraṇā*, nhưng *pisunā* được trình bày bằng từ ngữ văn phạm bỏ bớt từ ra chỉ còn lại *pisunā*.

Như định nghĩa được trình bày sau:

"Piyam suññam karotīti = pisunā" "Lời nói nào luôn làm cho mình được thương mến làm cho người khác tiêu mất sự thương mến, lời nói đó gọi là lời nói đâm thọc (*pisunā*)".

Như ông Đen và ông Trắng đang thuận hòa thương mến nhau. Ông Đỏ không hài lòng muốn cho ông Đen thương mến mình mà ghét bỏ ông Trắng. Mới kiếm chuyện xúi giục ông Đen bằng cách phao vu cho ông Trắng có hằng hà điều xấu, cho đến khi ông Đen hiểu lầm tin theo nghĩ rằng: "Ông Đỏ có thể đem đến điều tốt cho mình" nên ghét bỏ ông Trắng trở lại thương mến ông Đỏ.

Như vậy lời nói của ông Đỏ là lời nói đâm thọc.

*

Chi phần của lời nói đâm thọc có 4

1- *Bhinditabbo*: Người bị làm cho chia rẽ.

2- *Bhedapurakkhāro*: Chủ tâm làm cho chia rẽ.

3- *Payoga*: Gắng sức làm cho chia rẽ.

4- *Tadattha jānanam*: Người nghe hiểu được ý nghĩa đó.

Như kệ ngôn trình bày sau:

Pisunāya bhinditabbo Tappurapiyakamyatā

Vāyāmo jānanam catu Bhinne kamma patho bhava

Nghĩa là: Chi của lời nói đâm thọc có 4:

- Người bị làm cho chia rẽ.
- Chủ tâm làm cho chia rẽ và có dụng ý làm cho người thương mến mình.
- Gắng sức làm cho chia rẽ.
- Người nghe hiểu biết được ý nghĩa đó.

Khi người bị đâm thọc bị phân ly nhau, như vậy là phạm vào nghiệp đạo. Trong kệ ngôn trình bày đến chi thứ hai rằng: "*Tappurapiyakamyatā*" tức chủ tâm làm cho chia rẽ và có dụng ý làm cho người thương mến mình. Sự chủ tâm làm cho chia rẽ là điều chánh yếu, còn dụng ý làm cho người thương mến mình là điều phụ mà trình bày cho thấy rằng: "Một số người nói đâm thọc cũng có và một số người dụng ý làm cho người thương mến mình cũng có".

Đối với sự gắng sức có hai loại: - Gắng sức bằng thân.

- Gắng sức bằng ngữ.

- *Gắng sức bằng thân* tức đâm thọc bằng thân như biểu lộ hành vi điệu bộ cho người đối diện hiểu ý mình: Như có một cặp vợ chồng, lúc người chồng đi làm thì người vợ lên đi cờ bạc nơi nhà hàng xóm. Khi người chồng đi làm về không thấy vợ thì hỏi họ hàng ở chung nhà với mình. Do không thích người vợ bèn dùng cử chỉ điệu bộ cho biết người vợ đi cờ bạc bên nhà hàng xóm để người chồng biết được không hài lòng với vợ. Khi người vợ trở về thì nảy sanh cãi vả rạn nứt với nhau. Sự biểu lộ điệu bộ đâm thọc như vậy gọi là đâm thọc bằng thân.

- *Gắng sức bằng ngữ* tức đâm thọc bằng lời nói làm cho hai bên nảy sanh rạn nứt với nhau: Như trong một ngôi làng có cặp vợ chồng rất mực yêu thương nhau. Người chồng là dân miền Đông Bắc; người vợ là dân miền Nam. Nhóm nữ nhân trong làng khởi lên sự ganh tỵ hạnh phúc của hai người mới cùng nhau mưu tính làm cho đôi vợ chồng đó phải rời xa nhau. Họ bèn dựng chuyện nói với người chồng rằng: "Vợ của anh là ma lai, vào lúc nửa đêm khi anh ngon giấc thì vợ của anh thức dậy đi kiếm vật thực. Trước khi đi thì cô ta nhẹ nhàng bước qua mình anh để anh khỏi phát hiện hăng đêm nàng đều làm như thế". Khi nhóm nữ nhân gặp vợ người đàn ông đó cũng bịa đặt nói rằng: "Chồng của chị không phải là người bình thường, người dân ở miền Đông Bắc đã thuật rằng chồng của chị là ma lai. Nếu không tin chị hãy lên sờ vào mông của chồng chị thì sẽ thấy một cái đuôi ngắn nhô lên". Khi cả hai nghe như vậy rồi mỗi người đều tìm cách xác minh sự thật. Vào một đêm, cả hai vợ chồng đều giả vờ ngủ. Tưởng chồng đã ngủ say liền đứng dậy với ra tay sau mông chồng, còn người chồng hoảng hốt tưởng vợ mình là ma lai đang bước qua mình thì đưa chân đạp nàng văng ra. Người vợ nổi giận đứng dậy mắng chửi chồng là ma lai. Người chồng cũng rửa vợ là ma lai. Hậu quả cuối cùng là hai người phải chia tay bởi tin vào lời nói đâm thọc của nhóm nữ nhân trong làng.

Người nói đâm thọc không dụng ý làm cho người chồng yêu thương mình và nội dung lời nói đó cũng không thật. Vì vậy, nhóm nữ nhân đó coi như phạm vào nghiệp đạo vì người bị nói đâm thọc chia lìa nhau. Sự nói đâm thọc này cho dù đầy đủ 4 chi nhưng nếu người bị đâm thọc không chia rẽ nhau mà vẫn còn có thể hài hòa thân tâm thì người đó không phạm vào nghiệp đạo.

Như Ngài A xà lê *Mahābuddhaghosa* đã trình bày trong số giải *Aṭṭhasālinī* rằng: "*Pare pana abhinne kamma pathabhedo natthi bhinnēva*" "Cho dù hội đủ 4 chi đi nữa nhưng nếu người khác chưa bị chia rẽ nhau thì không phạm vào nghiệp đạo".

*

Phân tích nói đâm thọc thuộc Appasāvajja & Mahāsāvajja

Nếu người bị đâm thọc chia ly nhau là người không có giới đức thì người nói đâm thọc có tội ít (*appasāvajja*). Nếu người bị đâm thọc là người có giới đức thì người nói đâm thọc có tội nhiều (*mahāsāvajja*).

Kết thúc phần thích giải về nói đâm thọc

*

3- Pharusavācā: nói thô tục

Từ: "*Pharusavācā*" khi phân ra được hai từ: *Pharusa* + *Vācā*. *Pharusa*: thô tục, *Vācā*: lời nói. Khi gom lại thành *Pharusavācā* là lời nói thô tục như chửi mắng nguyên rủa như được trình bày định nghĩa sau:

"Pharusam karotīti: pharusā" Lời nói nào thường làm cho thô tục, lời nói đó gọi là nói thô tục (bao gồm sự chửi mắng và nguyên rủa ...). Nói theo chi pháp: Tư câu sanh trong sân làm việc cho sự chửi mắng và nguyên rủa.

Từ: "*Pharusā*" nói theo định nghĩa đã trình bày là: "*Pharusam karotīti: pharusakaraṇā*" nhưng bỏ từ "*karaṇā*" ra theo phương pháp từ ngữ văn phạm, nên còn lại "*Pharusā*".

Một lý khác nữa: Từ "*Pharusavācā*" phân ra được 3 từ là: *Phara* + *Usa* + *Vācā*. *Phara*: Lan rộng, *Usa*: Nhiệt não, *Vācā*: Lời nói. Khi gom lại thành "*Pharusavācā*" tức lời nói làm cho nhiệt não lan rộng. Như định nghĩa được trình bày: "*Hadayaṃ pharamānā usati dahātīti: Pharusā*". *Lời nói nào làm cho tâm lan rộng nhiệt não, lời nói đó gọi là lời nói thô tục.*

"Pharusā ca sāvācā cāti: Pharusavācā". "Dùng lời nói có tính chất thô tục - vì vậy gọi là nói thô tục". Hoặc một lý khác theo định nghĩa thứ hai: "Luôn làm cho tâm nhiệt não lan rộng bởi lời nói, do đó gọi là lời nói thô tục".

Lời nói có tính chất thô tục khi người nghe rồi không lặng thinh chịu đựng được. Âm chỉ làm cho tâm người khác bất an giống như người bị cưa tay cưa chân. Vì vậy lời mắng chửi hoặc nguyên rủa mới gọi là lời nói thô tục. Đây là đề cập theo cách trực tiếp (*mukhanaya*). Nếu đề cập theo cách gián tiếp (*phalūpacāranaya*) thì chủ tâm (sở hữu tư) sân hận gọi là lời nói thô tục. Vì chủ tâm sân hận này là nguyên nhân của sự mắng chửi còn nguyên rủa là quả. Và lấy từ "*Pharusā*" là tên của lời nói thô tục vào kết hợp chúng với chủ tâm sân hận thì gọi chủ tâm sân hận là lời nói thô tục.

*

Chi của lời nói thô tục có 3

1. *Kopo*: Có sự nóng giận.
2. *Upakuṭṭho*: Có người bị mắng chửi.
3. *Akkosānā*: Thốt ra lời mắng chửi.

Như kệ ngôn được trình bày sau:

Pharusāya tayo kopo Upakuṭṭho akkosānā

Mammachedakarā taggha Pharusā pharusā matā

Nghĩa là: Chi của nói thô tục có 3:

- 1- Có sự nóng giận.
- 2- Có người bị mắng chửi.

3- Thốt ra lời mắng chửi.

Bậc hiền trí nên hiểu chủ tâm nói thô tục làm cho người nghe đau lòng. Giống như mụn nhọt đang cương mủ bị va chạm vỡ bể ra như thế nào, thì lời nói thô tục cũng như thế đó.

Từ: "*Mammachedakarā*" là "Từ" trình bày ý nghĩa cho biết rằng loại Từ này là loại Từ thô tục. Cho dù lời nói đó là lời nói nhẹ nhàng đi nữa, nhưng đã có chủ ý thô tục rồi thì lời nói đó cũng được liệt vào là lời nói thô tục. Ví dụ như viên chánh án kết án tử hình phạm nhân dù trong lúc nói có dùng lời nói lịch thiệp, và vẻ mặt thân thương. Nhưng chủ yếu nhắm đến sự tử hình nên được liệt vào Từ loại thô tục. Vì vậy lời tuyên bố đó thành tựu nghiệp đạo thuộc lời nói thô tục.

Trong số giải *Atthasālinī* Ngài đề cập rằng: Cha mẹ chửi rửa con hay thầy tổ rầy la học trò với hy vọng cho được hoàn thiện mà không có chủ tâm độc ác; thì lời nói đó không được liệt vào lời nói thô tục.

Ví dụ như bà mẹ ngăn cấm đứa con trai không được đi dạo chơi trong rừng, nhưng đứa con không vâng lời mà còn cưỡng lại đi cho bằng được. Bà mẹ mới rửa rằng: "Nếu người cãi lời mà đi, thì xin cho người bị trâu rừng húc chết đi!". Lời nguyện rửa của người mẹ chỉ là lời nói do ảnh hưởng của sự không hài lòng.

Do đó, không được liệt vào lời nói thô tục.

Ngài A xà lê Ikā đề cập rằng lời chửi rửa của cha mẹ, thầy tổ nếu thốt ra bằng sự sân hận thật sự thì cũng được liệt vào lời nói thô tục, vì đủ 3 chi nhưng có tội ít.

Một số Ngài A xà lê đề cập rằng: Sự nói thô tục này phải nói ngay trước mặt người bị chửi rửa mới thành tựu nghiệp đạo. Nhưng trong hậu số giải Trường Bộ Kinh và hậu số giải Trung Bộ Kinh đề cập rằng: Sự nói thô tục cho dù người bị chửi rửa không có ngay trước mặt hoặc đã chết thì sự nói đó cũng thành tựu nghiệp đạo. Bằng cách dẫn chứng rằng: Người nhỏ mà nói xúc phạm đến người lớn như cha, mẹ, thầy tổ... Sau đó, người ấy nhận thức được sai phạm của mình mới xin sám hối. Cho dù các vị đó không có ngay trước mặt hoặc đã chết đi nữa thì sự sám hối của người đó cũng được kết quả lợi ích. Tức tội đó được diệt đi và trở thành vô hiệu nghiệp. Chính sự sám hối mà không có người bị chửi rửa ngay trước mặt có được kết quả lợi ích như thế. Nên sự nói nói thô tục mà không có người bị chửi rửa ngay trước mặt cũng vẫn thành tựu nghiệp đạo được.

*

Trình bày 10 akkosavatthu

Trong chi thứ 3 thốt ra lời chửi rửa (*akkosanā*). Học viên nên hiểu rằng cứ điểm của sự chửi rửa (*vattthu*) gọi là căn nguyên của sự chửi rửa (*akkosavatthu*) có 10 loại:

Jāti nāma gotta kammaṃ Sippaṃ ābādha liṅikaṃ

Kilesāpatti akkoso Dasamomasavādakā

*

Lời chửi rửa có 10 loại:

- 1- Sanh chủng: Thượng lưu, hạ cấp.
- 2- Danh giá: Tôn (danh), tiện (danh).
- 3- Dòng dõi: Cao quý, thấp hèn.
- 4- Hành vi: Tiểu nhân, quân tử.
- 5- Nghề nghiệp: Cao cấp, thấp hèn.

6- Bệnh tật: Thiếu bệnh, trọng bệnh.

7- Hình tướng: Thô tướng, hảo tướng.

8- Phiền não: Hạ liệt.

9- Phạm tội: Khinh, trọng.

10- Lời chửi rủa: Nhẹ nhàng, nặng nề.

1- *Jati* (sinh chủng): Lời chửi rủa liên quan đến sinh chủng hạ cấp. Như chửi rủa thứ quân đen, đầy tớ, ăn mày, du thủ...

Lời chửi rủa liên quan đến sinh chủng thượng lưu. Như nói khích bác rằng: "Bạc nguy quân tử, bạc đại phú..."

2- *Nāma* (danh): Lời chửi rủa liên quan đến tiện danh. Như thằng ngốc, thằng trâu bò, thằng chết tiệt...

Lời chửi rủa liên quan đến tôn danh. Như làm bộ gọi là mệnh phụ phu nhân, ông quan nhỏ...

3- *Gotta* (dòng giống): Lời chửi rủa liên quan đến dòng giống thấp hèn. Như dòng giống đầu trộm đuôi cướp, dòng giống lường gạt, dòng giống ti tiện....

Lời chửi rủa liên quan đến dòng giống cao quý. Như nói móc rằng: "Dòng giống gia chủ, dòng giống trưởng giả..."

4- *Kammaṃ* (hành vi): Lời chửi rủa liên quan đến hành vi tiểu nhân. Như tên trộm cắp, thằng lường gạt, kẻ cướp quịt...

Lời chửi rủa liên quan đến hành vi giả danh quân tử. Như đạo đức giả, trí thức dỏm, đội lớp hiền triết ...

5- *Sippam* (nghề nghiệp): Lời chửi rủa liên quan đến nghề nghiệp thấp kém. Như nghề lái xe, nghề hót tóc, nghề làm lu...

Lời chửi rủa liên quan đến nghề nghiệp cao cấp. Như nghề tướng số, nghề thầy thuốc, nghề thầy giáo...

6- *Ābādha* (bệnh tật): Lời chửi rủa liên quan đến bệnh nhẹ. Như bệnh ghẻ, bệnh lác, bệnh lan ben...

Lời chửi rủa liên quan đến bệnh nặng. Như bệnh thần kinh, bệnh lao, bệnh tim, bệnh bao tử...

7- *Lingikaṃ* (hình tướng): Lời chửi rủa liên quan đến thô tướng. Như mập, ốm, cao, gù lưng...

Lời chửi rủa liên quan đến hảo tướng. Như xinh đẹp, kiêu diễm, duyên dáng, oai vệ, hùng dũng...

8- *Kilesa* (phiền não): Lời chửi rủa liên quan đến phiền não chỉ duy nhất loại hạ liệt. Như chửi rằng: "Đồ sân hận, đồ ganh tị bốn xén, đồ tham dục có nhiều tà kiến ngã mạn..."

9- *Āpatti* (phạm tội): Lời chửi rủa liên quan đến trọng tội. Như chửi rằng: "Đồ bất cộng trụ, đồ tăng tàng..."

Lời chửi rủa liên quan đến khinh tội. Như đồ phạm ứng đối trị, đồ phạm tác ác...

10- *Akkosa* (thô ngữ): Lời chửi rủa nặng nề tức dùng lời thô tục sai khác. Như chửi cha, mắng mẹ...

Lời chửi rủa nhẹ nhàng. Như đồ xấu xa, đồ hạ tiện, đồ súc sinh...

Gắng sức nói thô tục có 2 loại

1. *Kāyapayoga*: Nói lời thô tục bằng thân.

2. *Vacīpayoga*: Nói lời thô tục bằng ngữ.

- Nói lời thô tục bằng ngữ thường hiển lộ rõ ràng.

- Còn nói lời thô tục bằng thân như viết vào giấy để chửi rửa hoặc biểu lộ hành vi thô thiển như làm cho người thấy sanh khởi sân hận, hổ thẹn, bất an.

*

Phân tích lời nói thô tục thuộc Appasāvajja & mahāsa

- Sự chửi rửa bậc có ân đức nuôi dưỡng cha, mẹ, thầy tổ hoặc người có giới đức thì có tội nhiều.

- Nếu người bị chửi rửa là người không có giới đức có tội ít.

Kết thúc phần thích giải về nói thô tục

*

4- Samphappalāpa: Nói vô ích

Từ: "*Samphappalāpa*" này phân ra hành 2 từ: *Sampha* + *palāpa* *Sampha*: Hủy diệt lợi ích và an lạc, *Palāpa*: Sự thốt ra. Khi gom lại thành "*Samphappalāpa*" Nghĩa là sự thốt ra lời nói hủy diệt lợi ích và an lạc.

Được trình bày định nghĩa như sau: "*Samhitasukham phalati vināsetīti: Samphaṃ*". "*Lời nói nào thường hủy diệt đi lợi ích và an lạc, lời nói đó gọi là lời nói vô ích*".

"*Sam pubba phala dhātu kavi paccaya*". *Sam* (tiền vị ngữ). *Phala* (ngữ căn). *Kavi* (biến cách), xoá từ "la" và "kavi" thì trở thành *Samphaṃ*.

Samphaṃ panapanta etenāti: Samphappalāpo "Thốt ra lời nói hủy diệt đi lợi ích và an lạc. Do đó, gọi là lời nói vô ích".

Sự thốt ra lời nói vô ích ám chỉ đến nói chuyện tào lao vớ vẩn không thực tế. Như kể chuyện phim ảnh, ca kịch, cải lương hoặc kể về tài tử đóng phim, nghệ sĩ diễn kịch và ca cải lương hoặc kể chuyện khôi hài, tác giả viết truyện giải trí. Những việc này được liệt vào lời nói vô ích bởi vì không đem đến lợi ích cho người nghe, người đọc. Chỉ làm cho mê say thích thú tạm thời thôi; kể cả việc lợi ích cũng không làm được nêu như được thì cũng làm cho tiêu mất.

Chi pháp của nói vô ích là Tư bất thiện làm nhân cho thốt ra lời nói vô ích, khi đã thốt ra lời thì trở thành quả.

Nhưng nêu lên từ *Samphappalāpa* là tên gọi của sở hữu tư để gọi tên theo duyên sự (*kāranupacāranaya*).

Chi của lời nói vô ích có 2

1. *Nirathakathāpurakkhāro*: Chủ tâm thốt ra lời nói vô ích.

2. *Kathanam*: Đã thốt ra lời nói vô ích.

Như kệ ngôn trình bày sau:

Samphassa niratthakathā Puratā kathanam duse

Parena gahiteyeva Hoti kamma patho na no

Cả hai chi của lời nói vô ích:

1. Chủ tâm thốt ra lời nói vô ích.
2. Đã thốt ra lời nói vô ích.

Khi người nghe hoặc người đọc tin theo lời nói đó thì thành tựu nghiệp đạo. Nếu người nghe và người đọc không tin theo thì lời nói đó không thành tựu nghiệp đạo, mà chỉ là lời nói vô ích.

Thích giải: Trong kệ ngôn đề cập rằng "*Niratthakathāpurakkharo*" Âm chỉ sự việc không thật. Như người nói hoặc người sáng tác (tác giả) chủ tâm dàn dựng sự việc lên để người nghe, người đọc lầm tưởng say mê tin theo chủ ý của mình, đưa đến sự mất lợi ích. Như vậy, lời nói của người này được liệt vào lời nói vô ích. Cho dù sự việc không thật đi nữa mà người nói hoặc sáng tác nêu lên để dẫn chứng trong việc học tập giảng dạy hay cho người nghe dễ hiểu; thì lời nói này không được liệt vào lời nói vô ích. Nếu vấn đề được nói ra là sự thật nhưng người nghe hoặc người đọc không nhận được lợi ích nào, thì chẳng khác gì người nói ra đó đọc tin tức cho nghe, hoặc viết phóng sự cho đọc. Nên lời nói của người đó không liệt vào lời nói vô ích.

Hỏi: Người nói chuyện khôi hài, tiêu lâm, kể chuyện tào lao vớ vẩn không có sự thật, như vậy lời nói này có được liệt vào nói dối hay không?

Đáp: Không được liệt vào lời nói dối vì người đó không chủ tâm nói dối mà chỉ là nói nhằm nhí. Nhưng nếu có sự chủ tâm nói dối và người nghe hiểu lầm tin theo thì được liệt vào nói dối.

Lời nói được liệt vào trong "*Nirathakathā*" tức lời nói không lợi ích cốt lõi có 32. Gọi là 32 câu chuyện phiếm luận (*tiracchānakathā*) mà Đức Phật đã thuyết trong kinh Sa Môn Quả (*samaññaphala*) của phẩm giới uẩn.

1. *Rājakathaṃ*: Nói về các câu chuyện liên quan đến Sát Đế Ly cho đến hoàng tộc.
2. *Corakathaṃ*: Nói các câu chuyện về trộm cướp.
3. *Mahāmatthakathaṃ*: Nói chuyện về quân sự của đức vua là vị nhiếp chánh.
4. *Senākathaṃ*: Nói chuyện về binh đội cảnh vệ.
5. *Bhayakathaṃ*: Nói chuyện về các sự kinh hãi.
6. *Yuddhakathaṃ*: Nói chuyện về chiến lược.
7. *Anankathaṃ*: Nói chuyện về các thứ vật thực như cơm và thức ăn...
8. *Pānakathaṃ*: Nói chuyện về các thức uống.
9. *Vatthakathaṃ*: Nói chuyện về các thứ vải vóc, y phục.
10. *Sayanakathaṃ*: Nói chuyện về chỗ ngủ.
11. *Mālākathaṃ*: Nói chuyện về các thứ bông hoa.
12. *Gandhakathaṃ*: Nói chuyện về các mùi thơm.
13. *Ñāṭikathaṃ*: Nói chuyện về dòng họ quyền thuộc.
14. *Yānakathaṃ*: Nói chuyện về các thứ xe cộ chuyên chở...
15. *Gāmakathaṃ*: Nói chuyện về thôn xóm.
16. *Nigāmakathaṃ*: Nói chuyện về làng mạc.

17. *Nagarakatham*: Nói chuyện về các tỉnh lỵ.
18. *Janapadakatham*: Nói các chuyện về thôn quê.
19. *Itthikatham*: Nói chuyện về nữ nhân.
20. *Purisakatham*: Nói chuyện về nam nhân.
21. *Kumarakatham*: Nói chuyện về thanh niên.
22. *Kumarīkatham*: Nói chuyện về thiếu nữ.
23. *Surakatham*: Nói chuyện về sự dũng cảm.
24. *Visikhākatham*: Nói chuyện về các con đường lộ.
25. *Kumbhatṭhānakatham*: Nói chuyện về các bến cảng.
26. *Pubbapetakatham*: Nói chuyện về quyền thuộc đã qua đời.
27. *Nānattakatham*: Nói về trăm thể loại chuyện.
28. *Lokakkhāyikam*: Nói chuyện về thế gian và người sáng tạo thế gian.
29. *Samuddakkhāyikam*: Nói chuyện về đại dương và người sáng tạo đại dương.
30. *Itivabhābhāvakatham*: Nói chuyện về sự phát triển và lạc hậu.
31. *Araññakatham*: Nói các chuyện về rừng.
32. *Pubbatakatham*: Nói các chuyện về núi.

Lời nói không cốt lời, không lợi ích gọi là lời nói vô ích (*samphappalāpa*). Phần nhiều hiển lộ nơi nhóm người vui chơi giải trí như xem phim, xem ca kịch... và tác giả viết các truyện đọc khôi hài mà không có đạo đức nào cả. Nếu nói theo Phật Giáo trong kinh Tương Ưng Bộ phẩm Tương Ưng Xứ (*Salāyatanaṣamyutta*). Thì nhóm người này khi mệnh chung thường sanh vào địa ngục Hý Tiếu (*pahāsaniraya*) là một phần của đại địa ngục vô gián. Do đó, Đức Thế Tôn hằng phán dạy cho chư Thánh Văn rằng: "*Dvinnam vo bhikkhave sannipatitānam dvāyaṃ karaṇīyaṃ dhammī vā kathā tuṅhībhāvo*" và ". "Này các tỳ kheo! Khi các người giữa hai người gặp nhau thì nên thực hành hai cách, tức chỉ nói đến những lời liên hệ đến pháp hoặc bằng không như vậy thì hãy im lặng".

Trong chi thứ hai đề cập rằng: "Kathanau" Là trình bày đến hành động ám chỉ duy nhất đến ngữ hành; nhưng nếu dùng viết ghi các lời nói đó thì thuộc thân hành. Nhưng phần nhiều sự nói vô ích này đều sanh lên bằng đường ngữ môn. Do đó, Ngài A xà lê sơ giải mới trình bày chi thứ hai là: "*Kathanam*" Tức thốt ra lời, và nếu tóm tắt hành động nói vô ích thì có hai là ngữ hành và thân hành.

*

Trình bày nói vô ích thuộc Appasāvajja & mahāsāvajja

Người thường xuyên nói lời vô ích thì được liệt vào tội nhiều (*mahāsāvajja*) còn người thỉnh thoảng nói lời vô ích thì được liệt vào tội ít (*appasāvajja*).

Thích giải điều thứ 7 trong *Pāli* rằng: *Vacī viññatthisaṅkhāte vacīdvādvāre bahullavuttito vacīkammaṃ nāma*".

1. Nói dối.
2. Nói đâm thọc.

3. Nói thô tục.

4. Nói vô ích.

Cả 4 loại này gọi là ngữ nghiệp vì sanh lên từ ngữ môn. Tức phần nhiều là ngữ biểu tri.

Từ "ngữ môn" trong nơi đây ám chỉ ngữ biểu tri. Do đó, Ngài A xà lê *Anuruddha* mới trình bày thành câu đặc biệt "*Vacīviññatisaṅkhāte*". Từ "ngữ" trong ngữ nghiệp là cử chỉ biểu lộ của miệng tức "sự nói" hay thường gọi chung là "lời nói".

*

Ngữ có 4 loại

1. *Saddavācā*: Âm thanh nói ra.

2. *Virativācā*: Tránh xa ngữ ác hạnh.

3. *Cetanāvācā*: Tư làm cho sắc ngữ biểu tri sanh lên.

4. *Copanavācā*: Cử chỉ biểu lộ riêng biệt trong lời nói có thể làm cho người nghe biết được ý muốn của mình.

Cả 4 lời nói này thì "*copanavācā*" là ngữ biểu tri. Sắc biểu tri này là cánh cửa sanh lên của 4 ngữ nghiệp còn là nhân làm cho thành tựu 4 ngữ nghiệp như nói đối... Do đó, ngữ biểu tri này mới được gọi là ngữ môn.

Như định nghĩa được trình bày sau:

"*Vācāeva dvāraṃ: Vacīdvāraṃ*". Chính ngữ biểu tri này là môn nên gọi là ngữ môn; và phần nhiều sanh lên bằng ngữ môn nên gọi là ngữ nghiệp.

Như định nghĩa được trình bày sau:

"*Vācīdvāre yebhuyyeṇa pavattaṃ kammanti = Vacīkammaṃ*". Hầu như nghiệp sanh lên từ ngữ môn mới gọi là ngữ nghiệp.

Trong cả 4 ngữ ác hạnh đều sanh lên từ thân môn. Như viết thành sách hoặc biểu lộ hành vi, đáng điệu theo hàm ý đó. Nhưng cho dù sanh lên từ thân môn đi nữa cũng không gọi là thân nghiệp. Vì hầu hết sanh lên bằng đường ngữ môn bởi gọi tên theo quan điểm đại chúng "*Tabbāhullanaya*".

Do đó, Ngài A xà lê *Anuruddha* mới dùng từ "*Bahullavuttito*" tức gọi là ngữ nghiệp vì hầu như sanh lên từ ngữ môn.

Kết thúc phần thích giải về ngữ ác hạnh

*

Thích giải 3 ý nghiệp

1- *abhijjhā*: tham úc

Từ: "*Abhijjhā*" này là: *Abhi*: Tiếp đầu ngữ. *Jhe*: Ngữ căn. *Abhi*: Nhắm vào. *Jhe*: Suy tính đến. Khi gom lại thành "*Abhijjhā*" Tức suy tính nhắm vào, ám chỉ suy tính nhắm vào tài sản của người khác.

Như định nghĩa được trình bày sau:

"*Parasampatta abhimukhaṃ jhāyatīti = abhijjhā*" *Pháp* chúng nào suy tính nhắm vào tài sản của người khác, *pháp* chúng đó gọi là Tham Ác. Có chi pháp là sở hữu Tham.

*

Tham có 2 loại

1. *Dhammiyalobha*: Sự thỏa thích muốn được bằng cách đúng pháp.
2. *Adhammiyalobha*: Sự thỏa thích muốn được bằng cách phi pháp.

Riêng đối với Tham thuộc Tham Ác (*abhijjhā*) thì ở trong nhóm Tham Phi Pháp (*adhammiyalobha*).

Thông thường con người khi gặp cảnh tốt như sắc, thanh, hương, vị, xúc... thì thường có sự thỏa thích muốn được cảnh đó. Nhưng sự thỏa thích của nhóm người đó phân ra thành 2 loại:

- Một loại người khi đã muốn được vật đó thì gắng sức tìm kiếm cho được bằng thiện hạnh. Như mua, trao đổi hai chiều hay xin. Sự thỏa thích tham muốn của loại người này được liệt vào Tham Đúng Pháp (*dhammiyalobha*) không phải là Tham Ác (*abhijjhā*).

- Một loại người khác, khi đã muốn một vật nào thì nhắm vào vật mình muốn đó cũng cố làm cho trở thành sở hữu của mình, nhưng bằng cách phi pháp. Như không mua, không xin cũng không trao đổi mà chỉ suy tính lấy cho được vật đó mà không phải tốn kém dù chỉ là chút ít, bằng cách trộm, lừa, gạt... Sự thỏa thích tham muốn của loại người này được liệt vào Tham Phi Pháp (*adhammiyalobha*) tức hiện thân của Tham Ác.

Nếu nhận xét sẽ thấy khi hiện thân của Tham Ác vào thống trị người nào rồi. Thì thường làm cho tâm của người đó khởi sanh tham muốn tài sản của người khác mà họ đã kiếm được bằng sự cần cù làm việc, cơ cực tích góp; đem về làm nhu cầu cho mình mà không phải mất chi cả. Bởi do không nghĩ đến nỗi đau lòng của người bị mất mát. Người có tâm suy tính như vậy dù chưa khởi sự cướp đoạt, lừa gạt, uy hiếp, cưỡng ép chủ tài sản đó đi nữa; thì cũng liệt sự suy tính này vào thành pháp đáng ghê sợ, đáng hổ thẹn. Người bị tham ác thống trị cũng có thể suy nghĩ, phân biệt đúng sai, nhưng không biết ghê sợ và hổ thẹn mà thôi.

Vì thế, Ngài A xà lê *Paramatthadīpanītikā* mới trình bày định nghĩa của tham ác (*Abhijjā*) rằng:

"Abhijjhāyanti assādamatte athatvā parabhaṇḍassa attano pariṇāmanavasena etāyāti: abhijjhā". Người không biết dừng lại chỉ luôn tìm cách nhắm vào tài sản của người khác về làm thành sở hữu của mình bằng pháp nào, pháp làm nhân cho việc suy tính đó gọi là Tham Ác.

*

Chi của tham ác có 2 loại

1. *Parabhaṇḍa*: Tài sản của người khác.
2. *Atthanopariṇāmanam*: Có tâm suy tính làm cho trở thành sở hữu của mình.

Trong chi thứ nhất đề cập rằng: "*Parabhaṇḍa*", tài sản của người khác. Trong nơi đây ám chỉ đến tài sản vô thức và tài sản hữu thức. Như gia súc hoặc người nam nô lệ, nữ nô lệ, nữ nhân có chồng, có vị hôn phu mà thôi, điều ngoài ra không được liệt vào "*Parabhaṇḍa*". Do đó, 8 hạng nữ nhân như có mẹ bảo hộ... pháp luật bảo hộ. Nhóm này khi được nam nhân nào vừa ý suy tính muốn cưới về làm vợ của mình thì sự suy tính này không liệt vào tham ác hạnh...

Lại nữa, thanh niên *Soreyya* có tư duy bất thiện đối với Ngài *Mahākaccāyana*, bằng tư duy rằng: "Nếu Ngài biến thành vợ của ta hoặc vợ của ta có dáng vóc giống như Ngài thì hạnh phúc biết bao!". Khi thanh niên *Soreyya* có tư duy bất thiện như vậy bất thần sắc tướng nam của chàng cũng biến mất, chuyển đổi thành sắc nữ tướng. Điều tư duy bất thiện của thanh niên *Soreyya* này được liệt vào tham ác, nhưng không phạm vào nghiệp đạo. Vì đối tượng mà chàng nhắm đến không thuộc nhóm "*Parabhaṇḍa*" nên chỉ gặt quả xấu bằng cách bị biến đổi giới tính do ảnh hưởng của việc tư duy xúc phạm bất kính đối với bậc Vô Lậu mà thôi.

Kết thúc phần thích giải về tham ác

*

2- *Byāpāda*: *sân ác*

Từ: "*Byāpāda*" này là Vi. À là tiền vị ngữ. Pada là ngữ căn. Như định nghĩa được trình bày sau:

"Byāpajjati hitasukham etenāti: Byāpādo" "*Sự lợi ích và an lạc bị tổn thất do sân nào thì sân đó được gọi là sân ác*".

Thích giải: Sự nóng giận không vừa lòng hiện hữu thông thường chưa được liệt vào ý ác hạnh chỉ là sân độc thân phược (*byāpādakāyagandha*). Còn sân thuộc sân ý ác hạnh (*byāpādamanoducarita*) là sân loại thô bạo như mưu hại người khác, muốn hủy diệt lợi ích và an lạc của người khác. Như một khi giận người nào rồi thì mưu tính trong tâm làm cách nào cho người đó điêu đứng tan nát hoặc suy tính cách trừ dập cho người đó bị tổn hại... sân loại này được liệt vào sân ý ác hạnh.

Chi của sân ác có 2

1. *Parasatto*: Có người khác.
2. *Vināsacinta*: Suy tính làm cho tổn hại.

Nếu đủ 2 chi trên thì sân phát khởi đó coi như phạm vào nghiệp đạo thuộc ý ác hạnh. Nếu suy tính tự hủy diệt mình thì không phạm vào nghiệp đạo vì thiếu chi thứ nhất "*Parasatto*". Như có kệ ngôn trình bày về chi của tham ác và sân ác rằng:

Dvebhijjhāya parabhaṇḍaṃ Attano pariṇāmanam

Byāpādassa parasatto Tassa vināsacintanam

Nghĩa là:

Chi của tham ác có 2:

1. Tài sản của người khác.
2. Có tâm mưu tính muốn đoạt làm thành sở hữu của mình bằng cách phi pháp.

Chi của sân ác có 2:

1. Có người khác.
2. Suy tính làm cho tổn hại.

Sự khác biệt giữa ác tâm liên quan đến sát sanh và sân ác

- Ác tâm (*vadhakacetanā*) thuộc sát sanh là chủ tâm bằng thân được liệt vào phiền não thô.
- Ác tâm thuộc sân ác là chủ tâm bằng ý được liệt vào phiền não tế.

Trình bày tác hại của sân ác thuộc

Mahāsāvajja & Appasāvajja

Nếu sân ác mưu hại người có giới đức, định đức, tuệ đức thì có tội nhiều (*mahāsāvajja*). Nếu sân ác mưu tính hại người không có giới đức, định đức, tuệ đức hoặc thỉnh thoảng có chút ít thì có tội ít (*appasāvajja*).

Kết thúc phần thích giải về sân ác

*

3- *Micchādiṭṭhi*: Tà kiến

Từ: "*Micchādiṭṭhi*". Khi phân ra thì được 2 từ *Micchā* + *Diṭṭhi*. *Micchā*: Trái ngược *diṭṭhi*: Thấy. Khi gom lại thành *Micchādiṭṭhi* tức sự thấy trái ngược, ám chỉ sự thấy sai lệch với sự thật. Như định nghĩa được trình bày sau:

"*Micchā passatīti = Micchādiṭṭhi*" "*Pháp chủng nào thường thấy trái ngược sai lệch sự thật, pháp chủng đó gọi là tà kiến (sở hữu tà kiến).*

Thường nhiên sở hữu tà kiến này, có thực tánh thấy sai lệch sự thật. Người có tà kiến thường không có đức tin, không tin tưởng lời chỉ dạy của các bậc chân nhân và các bậc hiền trí hay thực hành trái ngược lại những lời chỉ dạy đó.

Nếu đề cập rộng về tà kiến thì có nhiều loại như: 20 thân kiến tức chấp thủ 1 trong 5 uẩn là ta...; 62 tà kiến trình bày trong Kinh Phạm Võng phẩm giới uẩn; 3 tà kiến nhất định trình bày trong kinh Sa Môn Quả của phẩm giới uẩn. Nhưng tà kiến đề cập trong ý ác hạnh này ám chỉ 3 tà kiến nhất định làm cho thành tựu nghiệp đạo, còn tà kiến khác chỉ là tà kiến thông thường mà thôi.

*

Chi của tà kiến có 2 loại

1. *Atthaviparītātā*: Chấp thủ điều sai lệch sự thật.
2. *Tathābhāvupaṭṭhānam*: Có quan kiến cho là thật.

Nếu đủ 2 chi thì tà kiến coi như phạm vào nghiệp đạo thuộc ý ác hạnh. Như kệ ngôn được trình bày sau:

Diṭṭhiyā duve sambhārā Vatthuto viparītātā

Tathābhāvenupaṭṭhānam Kammaṭṭho tiheva ca

Nghĩa là: Chi của tà kiến có 2:

1. Chấp thủ điều sai lệch sự thật.
2. Có quan kiến cho là thật.

Tà kiến phạm vào nghiệp đạo là tà kiến của 3 loại tà kiến nhất định mà thôi.

*

Tà kiến nhất định có 3

1. Vô hữu kiến (*natthikadiṭṭhi*): Có quan kiến rằng: "Làm thế nào đi nữa cũng không nhận được quả".
2. Vô nhân kiến (*ahetukadiṭṭhi*): Có quan kiến rằng: "Tất cả chúng sanh đang hiện hữu không liên quan từ nhân nào cả".
3. Vô hành kiến (*akiriyadiṭṭhi*): Có quan kiến rằng: "Các việc làm sai biệt của tất cả chúng sanh không làm cho thành tựu phước tội chi cả".

1*- Trong 3 tà kiến nhất định này thì người có tà kiến thuộc loại vô hữu kiến (*natthikadiṭṭhi*) thường có đoạn kiến như thấy rằng tất cả các chúng sanh chết rồi thì tiêu mất không sanh trở lại nữa. Như trong Kinh Sa Môn Quả phẩm giới uẩn trình bày đến tà kiến thuộc loại vô hữu kiến rằng:

1- *Natthi dinnam*: Thấy rằng làm phước không nhận được quả báo chi cả.

2- *Natthi yiṭṭham*: Thấy rằng các việc cúng dường không nhận được quả báo chi cả.

3- *Natthi hutam*: Thấy rằng các việc thỉnh mời tiếp rước không nhận được lợi ích chi cả.

4- *Natthi sukata dukkaṭānaṃ kammanāṃ phalaṃ vipāko*: Thấy rằng các việc thiện lẫn bất thiện dù trực tiếp hay gián tiếp cũng không nhận được quả báo chi cả.

5- *Natthi ayam loko*: Thấy rằng không có đời này, tức người đang sống trong hiện tại với nhau cho rằng: "Đời này đời sau không có vì không có tái sinh tiếp tục nữa".

6- *Natthi paro loko*: Thấy rằng không có đời sau, tức không có đời vị lai kế tiếp đời hiện tại này bởi vì khi chết rồi không tái sinh lại nữa.

7- *Natthi mātā*: Thấy rằng đối xử tốt hoặc xấu đối với mẹ cũng không nhận được quả báo chi cả.

8- *Natthi pitā*: Thấy rằng đối xử tốt hoặc xấu với cha cũng không nhận được quả báo chi cả.

9- *Natthi sattā opapātikā*: Thấy rằng không có chúng sanh sanh ra khôn lớn tức thì, nghĩa là không có chúng sanh địa ngục, ngạ quỷ, chư thiên, phạm thiên.

10- *Natthi loke samaṇabrahmanā sammaggatā samāpaṭipannā, ye imaṅca lokam paraṅca lokam sayam abhiññ saccikatvā pavedenti*: Thấy rằng không có sa môn, bà la môn tự mình biết rõ đời này đời sau, rồi có thể giải thích chỉ dạy cho biết được. Không có sa môn, bà la môn đầy đủ sự hợp nhất hành trì giác ngộ chơn chánh.

Nghĩa là: Không có người tu tiến chỉ, quán đã đắc Thiền Định, Đạo Quả và không có người xuất gia thực hành chơn chánh giác ngộ mà chỉ là lời hoàn toàn bịa đặt vớ vẩn. Sự thật thì thực hành chỉ để tìm kế sinh nhai mà thôi.

Người có vô hữu kiến là có tà kiến phủ nhận quả, cũng đồng như phản bác năng lực của Tư Thiện, Tư Bất Thiện là nhân cho quả sai biệt. Do đó, Ngài A xà lê *Mahābuddhaghosa* mới trình bày trong sơ giải Kinh Sa Môn Quả rằng:

"Vipākaṃ paṭibāhantenāpi kammaṃ paṭibāhitam hotam".

Nghĩa là: "Khi phủ nhận quả thì cũng như là phản bác nghiệp là nhân cho quả dị thực".

Hàng thiện tín khi nhận xét về tà kiến như đã trình bày thì có thể khởi lên kinh cảm bàng hoàng và cảm thấy đáng sợ hãi, đáng tội nghiệp cho người có quan kiến như vậy. Nhưng người có quan kiến loại này cũng có vô số không chỉ riêng biệt trong đạo giáo khác mà ngay cả trong Phật Giáo cũng có số lượng không ít. Do đó, quả phải nhận được thường không chọn lựa người cho dù bất cứ là người trong tôn giáo nào. Nếu có tà kiến loại này thì khi mệnh chung phải gặt quả khổ trong cõi địa ngục. Mắc vào tà kiến loại này thường là việc vô cùng đáng tiếc, không xứng đáng được gọi là thiện tín. Điều này cho thấy rằng họ chỉ có danh xưng là thiện tín chứ trong nội tâm hăng không có sự cung kính tin tưởng đối với lời dạy của bậc Chánh Đẳng Giác. Do đó, khẳng định nhóm người đó dù ở hình thức tại gia hay xuất gia đi nữa, khi mệnh chung cũng phải rơi vào địa ngục.

Cho nên phương pháp hoán cải để diệt mất tà kiến đang có, thì người đó phải tu tập cho phát sanh trí tuệ thiên về Phật Giáo bằng cách hành minh sát cho đến khi tác thành Thánh Nhân. Hoặc học tập Thắng Pháp (*Abhidhamma*) cho tường tận thực tánh hiện hữu theo sự thật... cả về phần vật chất lẫn tinh thần. Hoặc tự mình phải là người có cơ tánh tín (*saddhācariya*) tin theo lời chỉ bảo của cha mẹ, thầy tổ thông hiểu về Phật Giáo mới thoát khỏi tà kiến này được. Nếu không như vậy, thì cho dù người đó có thông hiểu kiến thức thế gian hay bản thân là giáo sư đại học đi nữa cũng không thoát khỏi tà kiến. Bởi vì sự thông hiểu kiến thức thế gian chỉ để hoạt động phục vụ cho xã hội và để sinh kế mà thôi.

2*- Vô nhân kiến (*ahetukaditṭhi*): Người có loại tà kiến thuộc vô nhân kiến thì cho rằng: "Tất cả chúng sanh bị cực khổ hoặc sung sướng cũng không nương vào nhân nào làm cho hiện khởi cả mà do tự hiện hữu". Như *Pāli* trình bày trong Kinh Sa Môn Quả của phẩm giới uẩn rằng:

"Natthi mahārāja hetu natthi paccayo sattānaṃ saṃkilesāya, ahetu apaccayā sattā saṃkilissanti natthi hetu natthi paccayo sattānaṃ visuddhiyā, ahētū apaccayā sattā visujjhanti".

Nghĩa là: Không có nhân trợ sanh (*janakahetu*) và ủng hộ (*upatthambhakahetu*) cho tất cả chúng sanh sầu muộn, đau khổ thân tâm. Tất cả các chúng sanh đang có sự sầu muộn và đau khổ cũng không do một nhân nào trợ sanh và ủng hộ cho hiện khởi.

Cũng không có nhân trợ sanh và ủng hộ làm cho tất cả chúng sanh được thanh tịnh thoát khỏi đau khổ thân tâm. Tất cả chúng sanh hiện đang thanh tịnh thoát khỏi đau khổ thân tâm cũng không liên quan đến một nhân trợ sanh và ủng hộ nào cả.

Quan điểm vô nhân kiến này là tà kiến phản bác "nhân". Tức hành động tốt, xấu của tất cả chúng sanh thường tạo tác không gọi là nhân khởi sự làm cho quả sanh lên. Do đó, việc phản bác nhân cũng bằng như phủ nhận quả. Vì tất cả chúng sanh hằng ngày đang hưởng được sự an lạc và bị đau khổ cũng không gọi là quả liên quan đến nhân của hành động tốt hoặc xấu của mình.

Vì vậy, Ngài A xà lê *Mahābuddhaghosa* mới trình bày trong sơ giải Kinh Sa Môn Quả rằng:

"Natthi hetūti vadanto ubhayaṃ paṭibāhati"

"Người nói hoặc hiểu rằng an lạc hay đau khổ của tất cả chúng sanh không liên quan đến nhân, cho nên cũng bằng như phản bác cả nhân lẫn quả".

3*- Vô hành kiến (*akiriyaditṭhi*): Người có tà kiến loại vô hành kiến thì có quan kiến rằng: "Tất cả chúng sanh hành động tốt hay xấu cũng không có tội, không có phước vì hành động chỉ là hành động mà thôi. Như *Pāli* Kinh Sa Môn Quả trình bày trong phạm giới uẩn rằng:

"Karoto kho mahārāja kārayato, chindato chedāpayato, pacato pācāpayato, socayato socāpayato, kilamato kilamāpayato, phandato phandāpayato, pāṇamatipātāpayato, adinnaṃ ādiyato sanadhiṃ chindato, nillopaṃ harato, ekāgārikaṃ karoto, paripanthe tiṭṭhato, paradāraṃ gacchato, musā bhanato, karoto na kariyati pāpaṃ".

Người có tà kiến loại vô hành kiến cho rằng: "Hành động tốt hay xấu của tất cả chúng sanh tự mình làm hoặc xúi kẻ khác làm không được gọi là tội phước. Việc làm ác như hủy hoại cơ thể của người khác, tự mình hủy hoại hay xúi kẻ khác hủy hoại cũng không gọi là tội. Sự buột tội vu khống người khác bằng cách đoạt lấy tiền hoặc đánh đập cho họ đau khổ, do tự mình làm hoặc xúi biếu người khác làm cũng không gọi là tội. Sự trộm cắp tài sản vật chất của người khác làm cho họ buồn khổ ưu sầu, do tự mình làm hay xúi kẻ khác làm cũng không gọi là tội. Tự hành hạ mình cho khổ sở, như nhịn ăn chịu vào chôn lao tù hoặc dẫn dắt cho người khác tin tưởng mình, rồi tự hành hạ khổ sở giống như mình cũng không gọi là tội. Tự mình làm cho tâm lo âu héo hắt hoặc làm cho người khác lo lắng bồn chồn cũng không gọi là tội. Tự mình sát sanh hay xúi biếu người khác sát sanh cũng không gọi là sát sanh vì không có tội. Tự mình lén tìm cơ hội trộm cắp hay xúi biếu người khác lén tìm cơ hội trộm cắp cũng không có tội. Tự mình chiếm đoạt tài sản hay xúi kẻ khác chiếm đoạt tài sản cũng không có tội. Tự mình xâm nhập nhà họ để chiếm đoạt của cải hay xúi biếu người khác xâm nhập vào nhà họ để chiếm đoạt của cải cũng không có tội. Tự mình chực chờ đón đường cướp lấy tài sản của họ hay xúi biếu người khác chực chờ đón đường cướp lấy tài sản cũng không có tội. Tà dâm với vợ người cũng không có tội. Nói dối không có tội. Tạo những việc suy đồi bất thiện... cũng không có tội. Như đã trình bày trên, tự mình làm cũng như xúi biếu người khác làm, các việc này không gọi là tội.

Tà kiến loại vô hành kiến là tà kiến phản bác nghiệp là hiện thân của "nhân". Vì vậy, cũng bằng như phủ nhận "quả" của nghiệp do ta tác thành.

Do đó, Ngài A xà lê *Mahābuddhaghosa* mới trình bày trong sơ giải Kinh Sa Môn Quả rằng:

"Kammaṃ paṭibāhantenāpi vipāko paṭibāhito hoti". "Khi phản bác hành động tội, phước là hiện thân của "nhân" cũng bằng như phủ nhận "quả" của hành động tội, phước đó".

*

Trình bày tà kiến nhất định của 3 ngoại đạo sư

Trong cả 3 tà kiến của ba vị ngoại đạo sư:

- * Ngoại đạo sư *Ajitatesakambala* có tà kiến loại vô hữu kiến.
- * Ngoại đạo sư *Makkhaligosāla* có tà kiến loại vô nhân kiến.
- * Ngoại đạo sư *Puraṇakassapa* có tà kiến loại vô hành kiến.

Tà kiến của 3 nhóm ngoại đạo sư này là tà kiến nhất định, tức tà kiến có thực chất chắc chắn cho quả rơi vào địa ngục vô gián. Bởi vì cả 3 tà kiến chấp thủ kiên cố, cho dù Đức Phật Ngài đã điều ngự bằng nhiều phương pháp để nhỏ bỏ tà kiến đó cũng vô hiệu quả. Còn đối với nhóm đệ tử của 3 vị ngoại đạo sư này thì trong giai đoạn đầu tà kiến sanh khởi mãnh lực vẫn còn yếu cho nên chưa thành tựu tà kiến nhất định. Thời gian sau đó, khi đã thường xuyên nghiệm suy nếm lòng ý nghĩa về lời chỉ giáo của vị thầy; giống như người tu tiến nghiệp xử được thỏa mãn trong lời chỉ dạy về phương pháp tu tiến nghiệp xử. Trong lúc nghiệm suy được thỏa mãn thì đồng lực tương ưng kiến sanh lên nhiều vô số cho đến khi tâm đó trở thành tà định (*micchāsamādhī*) khởi hiện cuối cùng trong lộ đồng lực tương ưng kiến để khẳng định chắc về ý nghĩa đó là đúng đắn; giống như lộ tâm của hành giả tu tiến minh sát đang đạt đến lộ đắc Đạo. Do đó, đồng lực thứ 7 trong lộ tâm cuối cùng này được gọi là tà kiến nhất định. Loại tà kiến này có khả năng cho quả chắc chắn rơi vào địa ngục sau khi mệnh chung, dù cho Đức Phật có cứu vớt như thế nào đi nữa cũng không thể đạt được hiệu quả.

*

Trình bày 3 tà kiến nhất định được gọi là pháp tà cho quả nhất định

Sự hiện hữu của Kiến và Tuệ có thực tánh diễn tiến đối nghịch nhau không đồng sanh với nhau được; giống như bóng tối và ánh sáng hoặc giống như hai người giận hờn nhau rồi quay mặt mỗi người đi một ngã càng lúc càng xa dần. Về phân trí tuệ, nếu tu tiến cho đến khi liễu tri Tứ Thánh Đế do sự hỗ trợ từ Tín, Tấn, Niệm, Định thì không có một pháp nào chen vào hủy diệt được trí tuệ của người đó.

Người đó hằng có đức tin bất động nơi Tam Bảo, tin nghiệp và quả của nghiệp, tin rằng chết rồi phải tái sanh nếu còn dục ái. Thì trí tuệ của người này thể nhập được pháp chánh cho quả nhất định (*sammattaniyata*), được gọi là bậc Tu Đà Huần không còn rơi vào khổ cảnh nữa.

Tương tự như vậy, về phần tà kiến khi được tăng trưởng do sự hỗ trợ từ tà tư duy, tà tinh tấn, tà định, cho đến khi bậc Chánh Đẳng Giác không cứu vớt chuyển hoá được vì chấp thủ tà kiến của mình quá kiên cố. Lúc đó kiến của người ấy đạt đến pháp tà cho quả nhất định (*micchattaniyata*). Người có tà kiến cho quả nhất định này thường không hy vọng chứng đắc Đạo Quả tác thành Thánh Nhân được. Ngược lại khi mệnh chung từ cõi đời này thì phải rơi vào địa ngục vô gián thọ khổ nhất định trong thời gian lâu cho đến 10 ngàn trung gián kiếp (*antarakappa*).

Tà kiến đạt đến pháp tà cho quả nhất định này trầm trọng hơn tội chia rẽ Tăng. Do đó, Ngài A xà lê *Mahābuddhaghosa* mới trình bày trong số giải Tăng Chi Bộ Kinh rằng: "*Kappavināse mahājane brahmaloke nibbattepi niyatamicchādīṭṭhiko tattha anibbattitvāpiṭṭhi cakkavaḷe nibattati, kim pana piṭṭhicakkavālam na jhāyatīti ? Jhāyati, tasmim jhāyamānēpi esa ākāse ekasmin okāse paccatiyevāti vadanti*".

Ngài A xà lê thông tam Tạng và số giải đề cập rằng:

"Khi thế gian bị thiêu hủy cho dù đại chúng được sanh lên cõi Phạm Thiên đi nữa, riêng người có tà kiến nhất định thì không có cơ hội sanh lên Phạm Thiên giới mà vẫn còn sanh vào đại địa ngục vô gián trong luân vi cuối cùng, tức luân vi thứ 1000 tỷ".

Hỏi: Luân vi cuối cùng đó không bị lửa hủy diệt hay sao?

Đáp: Bị lửa hủy diệt giống như vậy nhưng khi luân vi cuối cùng này bị lửa hủy diệt thì người có tà kiến nhất định sẽ phải thọ khổ ở một nơi nào đó trong lòng hư không.

Sớ giải này trình bày cho thấy rằng, trong tất cả tội của bất thiện sai biệt thì tội liên quan đến tà kiến nhất định là tội cực trọng. Thích hợp như Đức Thế Tôn Ngài thuyết giảng trong Tăng Chi Bộ Kinh rằng: "*Paramāni bhikkhave vajjāni*". "Này các tỳ kheo! Tà kiến nhất định này có tội cực trọng cùng tội".

- Người chấp thủ tà kiến nhất định có cơ hội tác thành Thánh Nhân được hay không?

- Người chấp thủ tà kiến nhất định nếu không từ bỏ tà kiến của mình cho diệt mất, đừng nói chi sẽ được đắc chứng Thánh Nhân ngay khi mệnh chung từ cõi đời này cũng vẫn không hy vọng được sanh làm người. Nhưng nếu người đó nhỏ bỏ tà kiến của mình cho diệt mất, rồi hướng về tu tiến Minh Sát thì có hy vọng sẽ tác thành Thánh Nhân. Đến khi mệnh chung từ cõi này, cũng có hy vọng được sanh làm người và chư thiên do sở hành của mình. Thích hợp như Đức Phật Ngài thuyết trong bộ *Paṭṭhāna* rằng: "*Ariyā micchattaniyate pahīme kilese paccavekkhanti, pubbe samudācinne kilese jānanti, micchattaniyate khandhe aniccato vipassanti*".

"Các bậc Thánh trong quá khứ đã từng có tà kiến nhất định này, hằng tu tiến Minh Sát phiền não (tà kiến nhất định) từng sanh lên trong cơ tánh của mình bằng vô thường và phản khán lại phiền não (tà kiến nhất định) mà mình đã sát tủy".

*

Tà kiến là nhân trọng yếu làm cho cả mười ác hạnh sanh lên

Lẽ thường nhiên người có tà kiến thường là người không biết hổ thẹn và ghê sợ đối với các hành động ác hạnh. Chỉ có một số ác hạnh không dám làm bởi vì sợ hãi luật pháp nhà nước. Nhưng cho dù như vậy, việc làm đó cũng không thường xuyên chắc chắn, vì nếu có cơ hội trốn tránh được thì họ cũng bạo dạn hành động. Riêng đối với các ác hạnh không trái với luật pháp mà có thể làm được thì họ không e dè sợ hãi chi cả. Cho nên hành động người này mới đưa ngay đến ác hạnh như thân ác hạnh, ngữ ác hạnh và ý ác hạnh.

Hầu như người có tà kiến dù có kiến tạo thiện nghiệp nào đi nữa thì cũng dính mắc vào việc tham danh, xã giao và liên quan đến quyền lợi nghiêng về phần mình. Như giúp đỡ trong việc xóa đói giảm nghèo do chánh quyền tổ chức, xây dựng cầu đường, trường học. Nhưng dù thế nào đi nữa, thiện pháp của nhóm người này không phải là thiện pháp cao thượng mà chỉ là thiện pháp tầm thường. Bởi vì việc kiến tạo thiện pháp không do động lực của đức tin nghiệp báo (*kammasakatañāna*) chỉ do động lực của Ái, Mạn, Kiến. Do đó, việc được sanh làm người của nhóm người này coi như rỗng không vô ích.

*

Trình bày các ác hạnh sanh lên do nương vào ý ác hạnh làm nhân

Tham ác là nhân làm cho trộm cắp, tà dâm, nói dối, nói đâm thọc, nói lời vô ích và tà kiến sanh lên.

Sân ác là nhân làm cho sát sanh, trộm cắp, nói dối, nói đâm thọc, nói thô tục và nói lời vô ích hiện khởi.

Tà kiến ác là nhân làm cho cả 10 ác hạnh sanh khởi.

Thích giải điều Pāli thứ 8 rằng: "*Aññatrāpi viññattiyā manasmim yeva bāhullavuttito manokammaṃ nāma*".

Tham ác, Sân ác, Tà Kiến ác gọi gọi là ý nghiệp, vì ngoài thân biểu tri ra thì phần nhiều sanh lên trong ý môn mà thôi.

Thích giải: Hành động sanh lên nơi tâm được gọi là ý nghiệp, như định nghĩa trình bày sau: "*Manasmim pavattaṃ kammaṃ: manokammaṃ*". Nghiệp sanh lên bằng đường tâm gọi là ý nghiệp. Đường tâm gọi là ý môn có nhiều loại:

1- Trong các lộ tâm, tâm hộ kiếp được gọi là ý môn vì làm nhân cho tâm lộ sanh lên.

2- Tất cả tâm gọi là ý môn vì tâm sanh lên trước làm nhân cho tâm sau sanh lên.

3- Đồng lực thiện và bất thiện gọi là ý môn vì các tâm đồng lực này làm nhân cho ý nghiệp thành trụ.

Như Ngài A xà lê trình bày định nghĩa sau: "*Mano eva dvāraṅti: Manodvāraṃ*". "Chính tâm đồng lực này là nhân sanh lên ý nghiệp, do đó gọi là ý môn".

Đối với ý ác hạnh này thì đồng lực tham căn, sân căn, đồng sanh với tham ác, sân ác, tà kiến ác gọi là ý môn. Còn đồng lực si căn trong nơi đây không gọi là ý môn vì không có khả năng làm nhân cho cả 3 ý ác hạnh sanh lên được.

Đồng lực tham và đồng lực sân gọi là ý môn làm nhân cho ý ác hạnh sanh lên. Bởi vì trong lúc tham ác và tà kiến ác sanh lên thì đồng lực tham làm duyên hỗ trợ cho tham là hiện thân của tham ác và kiến là hiện thân của tà kiến ác bằng mãnh lực câu sanh duyên, hỗ trợ duyên, y duyên, hiện hữu duyên, bất ly duyên. Trong lúc sân ác sanh lên thì đồng lực sân làm duyên hỗ trợ cho sân là hiện thân của sân ác bằng mãnh lực của câu sanh duyên, hỗ trợ duyên, y duyên, hiện hữu duyên, bất ly duyên.

Sự trợ giúp ủng hộ của đồng lực bất thiện gọi là ý môn này, ngay cả trong thân nghiệp và ngữ nghiệp sanh lên cũng thường hỗ trợ. Như trong hành động sát sanh thì trong lúc đó nhận được sự hỗ trợ từ đồng lực sân là hiện thân của ý môn. Nhưng trong việc thành tựu sát sanh phải câu hành với thân biểu tri là hiện thân của thân môn. Vì nếu chỉ duy nhất đồng lực sân thuộc ý môn hỗ trợ thì không thành tựu sát sanh được. Nói dối cũng diễn tiến như vậy, tức phải có ngữ biểu tri là hiện thân của ngữ môn câu hành vào mới thành tựu nói dối được bởi nếu chỉ đơn thuần đồng lực tham hoặc đồng lực sân thuộc ý môn hỗ trợ thì không thành tựu nói dối được. Có nghĩa là đồng lực bất thiện thuộc ý môn này thường phổ biến với tất cả bất thiện nghiệp cả thân nghiệp, ngữ nghiệp, ý nghiệp. Nhưng đối với thân biểu tri thuộc thân môn và ngữ biểu tri thuộc ngữ môn thì không phổ biến đối với tất cả nghiệp mà chỉ liên quan riêng biệt với một số nghiệp như thân nghiệp, ngữ nghiệp mà thôi.

Thông thường việc đặt tên cho một pháp nào thì cũng phải nương vào đặt tánh của pháp đó thì việc đặc tên mới không bị nhầm lẫn. Do đó, cả 3 nghiệp như sát sanh... được đặc tên là thân nghiệp cũng do nương vào thân môn là nơi khởi sanh riêng biệt; và cả 4 nghiệp như nói dối ... được đặt tên là ngữ nghiệp do nương vào ngữ môn là nơi sanh lên riêng biệt mà đặt tên .

Riêng về 3 nghiệp như tham ác... các pháp này sanh lên không liên quan đến thân môn và ngữ môn, chỉ sanh lên riêng biệt trong ý môn mà thôi. Do đó, Ngài A xà lê *Anuruddha* trình bày rằng: "*Aññatrāpi viññattiyā manasmim yeva bahullavuttito*". "Ngoại trừ thân biểu tri và ngữ biểu tri ra phần nhiều thường sanh lên trong ý môn".

Trong điều này khi nhận xét câu: "*Manasmim yeva bahullavuttito*" chỉ bấy nhiêu cũng đáng là câu phải giải thích cho hoàn chỉnh rồi, tức tham ác... các pháp này phần nhiều sanh lên từ ý môn. Nhưng nếu viết trên giấy hoặc nói thành lời rằng: " Tài sản của người này nếu trở thành tài sản của ta thì tốt quá!". Như vậy, cũng liệt tham ác này vào đường thân môn và ngữ môn nhưng chỉ phần ít thôi. Cho nên, tham ác... được gọi là ý nghiệp đó là đặt tên theo quan điểm đại chúng (*tabbāhullanaya*) bởi hầu như sanh lên từ ý môn. Nhưng dù thế nào đi nữa mà chỉ dùng lời nói rằng: "*Manasmim yeva bahullavuttito*" bấy nhiêu cũng chưa hoàn chỉnh do lời nói đoạn đầu và đoạn cuối chưa khế hợp với nhau. Vì trong 3 thân nghiệp đề cập rằng: "*Kāyaviññattisaṅkhāte kāyadvāre bahullavuttito*" "Do sanh lên từ thân môn bởi phần nhiều là thân biểu tri".

Trong 4 ngữ nghiệp cũng trình bày rằng: "*Vacīviññattisaṅkhāte vacīdvāre bahullavuttito*" "Do sanh lên từ ngữ môn bởi phần nhiều là ngữ biểu tri".

Trình bày cho thấy rằng thân nghiệp và ngữ nghiệp, nhóm này có được từ sắc biểu tri (*viññatti*) câu hành.

Còn 3 ý nghiệp trình bày cho thấy rằng có thể không liên quan đến sắc biểu tri nào cả. Vì vậy, Ngài A xà lê *Anuruddha* mới dùng câu "*Aññatra viññattiyā*". "Ngoại trừ sắc biểu tri ra". Nhưng trong cả 3 ý nghiệp không được thường xuyên trừ ra sắc biểu tri, vì đôi khi cũng câu hành với sắc biểu tri cho nên

để trình bày cho hiểu việc diễn tiến như vậy. Ngài A xà lê *Anuruddha* mới dùng từ "*Api*" kết hợp với từ *aññatra*" thành "*Aññatrāpi*". Âm chỉ ngoài sắc biểu tri ra thì sanh lên từ ý môn hoặc không ngoài trừ sắc biểu tri ra tức tạo tác bằng sắc biểu tri sanh lên từ ý môn cũng có.

*

Trình bày 3 ý nghiệp đôi khi cũng tháp tùng vào chủ tâm sai biệt như ác tâm và gian manh tâm

Trong lúc đang sát sanh, trộm cắp thì tham ác, sân ác, tà kiến ác thường câu hành, riêng tà kiến ác thì câu hành bất định. Như trong lúc đang trộm cắp tài sản của người khác thì tham là hiện thân của tham ác cũng đang câu hành. Nhưng nếu người đó có quan kiến rằng: "Trộm cắp không có tội" như vậy thì kiến là hiện thân của tà kiến ác đang câu hành. Trong lúc trộm cắp đó phạm vào nghiệp đạo, còn tham ác và tà kiến ác không được liệt vào phạm nghiệp đạo mà chỉ tháp tùng theo tâm gian manh (*theyyacetanā*).

Trong lúc sát sanh thì sân là hiện thân của sân ác đang câu hành nhưng nếu người đó có quan kiến rằng: "Sát sanh không có tội". Như vậy, thì kiến là hiện thân của tà kiến ác đang câu hành. Trong lúc đó sát sanh phạm vào nghiệp đạo, còn sân ác và tà kiến ác không được liệt vào phạm nghiệp đạo chỉ tháp tùng vào ác tâm (*vadhakacetana*) mà thôi. Trong lúc tà dâm, nói dối... thì 3 ý nghiệp cũng thường câu hành cùng lúc theo tương ứng, nhưng chỉ tháp tùng theo việc chủ tâm (*cetanā*) hành động mà không phạm vào nghiệp đạo.

*

Trình bày tên của các ác hạnh do không đủ chi

Việc tạo bất thiện sai biệt nếu không phạm vào nghiệp đạo bởi một nhân nào, thì bất thiện nghiệp đó cũng phải gọi tên dựa theo môn sanh lên; nhưng không bắt buộc phải gọi tên theo quan điểm đại chúng (*tabbāhullanaya*). Nghĩa là bất thiện nghiệp sai biệt hiển lộ từ đường thân, ngữ hoặc ý mà không phạm vào nghiệp đạo do không đủ chi; thì nhóm bất thiện nghiệp này cũng phải hỗ trợ cho tùy theo môn sanh lên mà không cần phải gọi theo quan điểm đại chúng. Như việc cưa tay chặt chân của một chúng sanh nào khác hay việc thiến súc vật như bò, chó... không cho phủ giống hoặc việc dùng roi vọt để dạy dỗ trẻ con, sa di... Các hành động này không phải chỉ gọi tên thuần nhất là thân ác hạnh theo quan điểm đại chúng mà vẫn gọi là ngữ ác hạnh hoặc ý ác hạnh cũng được. Tức nếu tự mình làm thì gọi là thân ác hạnh (hành động bất thiện); xúi biếu người khác làm thì gọi là ngữ ác hạnh (nói bất thiện); suy tính sẽ làm thì gọi là ý ác hạnh (suy tính bất thiện).

Hoặc trong việc nói dối cũng không chỉ gọi là ngữ ác hạnh thôi mà gọi là thân ác hạnh hoặc ý ác hạnh cũng được. Như nếu nói thành lời thì gọi là ngữ ác hạnh; nếu dùng giấy viết soạn thành sách thì gọi là thân ác hạnh; nếu suy tính thì gọi là ý ác hạnh.

Hoặc trong việc muốn chiếm đoạt của cải tài sản của người khác bằng cách phi pháp không gọi là ý ác hạnh mà gọi là thân ác hạnh hay ngữ ác hạnh cũng được. Như nếu tham muốn mà bình thân không suy tính làm cho tài sản đó trở thành sở hữu của mình thì gọi là ý ác hạnh; nếu dính mắc rồi thốt ra lời rằng: "Vật đó tốt lắm! Đẹp lắm!" thì gọi là ngữ ác hạnh; nếu nhiễm đắm rồi cầm lấy vật đó lên ngắm nhìn thì gọi là thân ác hạnh.

Do đó, Ngài A xà lê *Mahābuddhaghosa* mới trình bày trong số giải *Aṭṭhasālinī* rằng:

"Kāyavacīdvāresu hi copanaṃ patvā kammaṃ appattampi atthi, manodvāre ca samudācāraṃ patvā kammaṃ apattampi atthi, taṃ gahetvā taṃtaṃdvārapakkhikameva akāṃsu".

"Bất thiện nghiệp đưa đến chuyển động thân môn và ngữ môn nhưng không phạm vào nghiệp đạo cũng có. Bất thiện nghiệp đưa đến sanh khởi trong ý môn nhưng không phạm vào nghiệp đạo cũng có. Các Ngài A xà lê số giải ám chỉ bất thiện nghiệp mà không phạm vào nghiệp đạo. Nhóm bất thiện nghiệp này được xếp vào trợ giúp cho môn sanh lên".

*

Trình bày cách tính số lượng ác hạnh theo chi tiết

Thập ác hạnh nếu tính theo chi tiết có 30 hoặc 40

* Mỗi 1 loại ác hạnh phải câu hành với 3 Tư như sau:

1- *Pubbaccetanā*: Chủ tâm trước khi làm (tư tiền).

2- *Muñcacetanā*: Chủ tâm trong khi làm (tư hiện).

3- *Aparacetanā*: Chủ tâm sau khi làm (tư hậu).

Do đó, thập ác hạnh nhân với 3 tư thành 30 ác hạnh.

* Mỗi 1 loại ác hạnh phân thành 4 cách như sau:

1- *Sāhatthakaducarita*: Tự mình làm.

2- *Āṇattikaducarita*: Xúi biếu người khác làm.

3- *Vaṇṇabhāsanaducarita*: Biểu thị lợi ích của hành động đó.

4- *Samanuññāducarita*: Thỏa thích trong việc làm đó.

Do đó, thập ác hạnh nhân cho 4 cách thành 40 ác hạnh.

Trong số lượng 30 hặc 40 ác hạnh như đã đề cập đây thì có một số loại phạm vào nghiệp đạo có thể đưa đến khổ cảnh; một số loại không phạm vào nghiệp đạo nên không đưa đến khổ cảnh. Như trong việc sát sanh nếu chúng sanh đó chết thì coi như cả 3 tư liên quan đến sát sanh thành tựu nghiệp đạo. Còn như chúng sanh đó không chết thì không liệt vào phạm nghiệp đạo. Trộm cắp thuộc 3 ác hạnh ... Cũng diễn tiến tương tự như vậy.

Trong 40 ác hạnh như 4 người cùng nhau hợp tác hành động sát sanh. Một người biểu thị lợi ích trong việc sát sanh; một người xúi biếu người khác giết; một người khởi động giết; một người không biểu lộ ra bằng thân hoặc ngữ nhưng trong tâm hoan hỷ thỏa thích trong việc giết chúng sanh đó. Nếu chúng sanh đó chết thì người biểu thị lợi ích, người xúi biếu giết cũng như tự mình giết cả 3 người này được liệt vào phạm nghiệp đạo vì đủ 5 chi. Riêng người hoan hỷ trong tâm không phạm vào nghiệp đạo vì không đủ chi, thiếu chi gắng sức (*payoga*). Trộm cắp thuộc 4 ác hạnh... cũng diễn tiến như vậy.

Thích giải điều *Pāli* thứ 9 - 10 - 11 rằng: "*Tesu pāṇātipāto pharusavācā byāpādo ca dosamūlena jāyanti*"... "*Sesāni cattāripi dvīhi mūlehi sambhavanti*".

Các câu *Pāli* này trình bày đến pháp làm nhân cho bất thiện nghiệp như trong lời dịch *Pāli* thứ 9 trình bày rằng: Sát sanh, nói thô tục, sân ác, sanh lên đều do tâm sân làm nhân. Bởi vì lời dịch đề cập gom chung chung. Nhưng nếu phân ra theo riêng biệt thì phải dịch là sát sanh, nói thô tục sanh lên do nương vào sở hữu sân làm gốc, sân ác sanh lên do nương vào tâm có sở hữu sân. Sự việc như vậy, bởi vì chi pháp của sát sanh và nói thô tục là sở hữu tư câu sanh với sở hữu sân, cho nên cả 2 bất thiện nghiệp này câu sanh với sân căn (sở hữu sân). Nghĩa là cả 2 bất thiện nghiệp sanh lên bởi nhận được sự hỗ trợ từ sở hữu sân hiện diện trong vai trò câu sanh duyên, hỗ tương duyên, y duyên cho tư sát sanh và tư nói thô tục hiện tại. Còn sân ác chi pháp là sở hữu sân cho nên mới không có sở hữu sân câu sanh với sân ác nữa.

Do nhân này, việc sanh lên được của sân ác cũng do nhận được sự hỗ trợ từ tâm sân câu sanh với sở hữu sân luôn hiện diện trong vai trò câu sanh duyên, hỗ tương duyên, y duyên cho sở hữu sân là hiện thân của sân ác hiện tại. Vì vậy, khi trình bày định nghĩa của câu "*Dosamūlam*" thì phải trình bày 2 cách như sau:

1- "*Doso ca mūlañcāti: Dosamūlam*". "Pháp nào có sân làm căn gốc, pháp đó gọi là sân căn". Tức sở hữu sân, định nghĩa này ám chỉ đến khía cạnh sở sanh của sát sanh và nói thô tục.

2- "*Doso mūlaṃ yassāti: Dosamūlaṃ*". "Căn sân đang hiện hữu với tâm nào, tâm đó gọi là tâm sân căn". Định nghĩa này ám chỉ đến khía cạnh sở sanh của sân ác. Trong lời dịch *Pāli* điều thứ 10 đề cập rằng tà dâm, tham ác, tà kiến ác thường sanh lên do tham căn là nhân. Theo lời dịch trình bày gom lại chung chung như vậy. Nhưng nếu phân ra theo riêng biệt thì phải dịch là tà dâm và tà kiến ác sanh lên nương vào sở hữu tham làm căn gốc, tham ác sanh lên do nương vào tâm có sở hữu tham. Sự việc như vậy do chi pháp của tà dâm là tư câu sanh với sở hữu tham, chi pháp của tà kiến ác là tà kiến câu sanh với sở hữu tham làm căn gốc. Do đó, cả 2 bất thiện nghiệp này luôn câu sanh với tham căn (sở hữu tham), nghĩa là cả 2 bất thiện nghiệp sanh lên được hỗ trợ từ sở hữu tham hiện diện trong vai trò câu sanh duyên, hỗ tương duyên, y duyên cho tư tà dâm và tà kiến hiện tại. Còn tham ác chi pháp là sở hữu tham cho nên mới không có sở hữu tham câu sanh với tham ác nữa. Do nhân này, việc sanh lên của tham ác được hỗ trợ từ tâm tham câu sanh với sở hữu tham. Do đó, tâm tham luôn hiện diện trong vai trò câu sanh duyên, hỗ tương duyên, y duyên cho sở hữu tham là hiện thân của tham ác hiện tại. Vì vậy, khi trình bày định nghĩa câu "*Lobhamūlaṃ*" thì phải trình bày thành hai cách như sau:

"*Lobho ca so mūlañcāti: Lobhamūlaṃ*"- "Pháp nào có tham làm căn gốc, pháp đó gọi là căn tham", tức sở hữu tham.

Định nghĩa này ám chỉ đến khía cạnh sở sanh của tà dâm và tà kiến ác.

"*Lobho mūlaṃ yassāti: Lobhamūlaṃ*"- "Căn tham đang hiện hữu với tâm nào, tâm đó gọi là tâm tham".

Định nghĩa này ám chỉ đến khía cạnh sở sanh của của tham ác. Việc diễn giải ý nghĩa theo *Pāli* điều thứ 9 - 10 như đã trình bày là diễn giải theo *Paramatthadīpanīṭikā*. Nhưng khi nhận xét câu "*Dosamūlena jāyanti lobhamūlena jāyanti*" thì chỉ dịch là thường sanh lên do nương vào sân căn hay thường sanh lên do nương vào tham căn cũng được. Vì trước khi sân ác sanh lên thường có tư tiền sanh lên trước mà trong tư tiền có sở hữu sân đang câu sanh. Nếu nói theo khía cạnh sở hữu sân trong tư tiền thì có thể nói sân ác sanh lên do nương vào sân căn giống như việc sanh lên của sát sanh và nói thô tục. Trong nơi đây sân trong tư tiền là thường cận y duyên năng duyên (*pakatūpanissayapaccaya*), sân ác là hiện thân của sân sanh lên về sau là thường cận y duyên sở duyên (*pakatūpanissayapaccayupanna*). Đối với năng duyên và sở duyên giữa sở hữu sân với sát sanh và nói thô tục thì nên hiểu theo như đã trình bày trên.

Hoặc trước khi tham ác sanh lên thường có tư tiền câu sanh với sở hữu tham sanh lên trước. Nếu nói theo khía cạnh sở hữu tham trong tư tiền thì có thể nói được rằng tham ác sanh lên do nương vào tham căn giống như việc sanh lên của tà dâm và tà kiến ác. Trong nơi đây thì tham trong tư tiền là thường cận y duyên năng duyên; tham ác là hiện thân của tham sanh lên về sau là thường cận y duyên sở duyên. Đối với năng duyên và sở duyên giữa sở hữu tham với tà dâm và tà kiến ác thì nên hiểu theo như đã đề cập trên.

Việc diễn giải ý nghĩa sở sanh của tham ác và sân ác như đã trình bày là diễn giải theo *Īkà*.

Trong lời dịch *Pāli* điều thứ 11 trình bày rằng 4 bất thiện nghiệp đạo còn lại như trộm cắp, nói dối, nói đâm thọc, nói lời vô ích. Các nhóm này đôi khi sanh lên nương vào tham làm sở sanh, đôi khi sanh lên nương vào sân làm sở sanh cho nên mới trình bày rằng sanh lên nương vào cả hai căn tham và sân.

Thích giải về việc sanh lên của 4 bất thiện nghiệp đạo nương vào tham và sân làm sở sanh theo từng phần như sau:

1. Trộm cắp do tham làm sở sanh. Như người trộm cắp tài sản của người khác do tham muốn làm thành sở hữu cho mình hoặc để làm tài sản cho quyến thuộc, bạn bè, con cháu, vợ chồng... Do đó, có thể nói rằng trộm cắp do tham làm sở sanh.

2. Trộm cắp do sân làm sở sanh. Như người trộm cắp tài sản của người khác không phải do tham muốn mà chỉ để cho họ phải buồn khổ hoặc tạo nên sự hiểu lầm đưa đến xích mích cãi vả lẫn nhau để trả thù. Như vậy, cũng có thể nói rằng trộm cắp do sân làm sở sanh.

3. Nói dối do tham làm sở sanh. Như người nhận mượn làm nhân chứng theo yêu cầu tiền thuê để cáo gian trước tòa án... Vì vậy, cũng có thể nói rằng nói dối do tham làm sở sanh.

4. Nói dối do sân làm sở sanh. Như người nói không thật để vu khống đối phương làm cho họ bị tổn hại hoặc sầu khổ. Cho nên cũng có thể nói rằng nói dối do sân làm sở sanh.

5. Nói đâm thọc do tham làm sở sanh. Như người xúi giục đâm thọc do muốn người khác thương mến mình. Do đó, có thể nói rằng nói đâm thọc do tham làm sở sanh.

6. Nói đâm thọc do sân làm sở sanh. Như người kích động đâm thọc do muốn nói cho người khác phải phân ly chia lìa nhau. Vì vậy, cũng có thể nói rằng nói đâm thọc do sân làm sở sanh.

7. Nói vô ích do tham làm sở sanh. Như người nói hoặc viết truyện hoang đường, tiểu lâm, vợ vẫn không thực tế để được tiền thưởng. Hoặc người có bản tánh láo khoét nói hoặc viết truyện khôi hài không thật để vui đùa tán dóc. Do đó, có thể nói rằng nói vô ích do tham làm sở sanh.

8. Nói vô ích do sân làm sở sanh. Như người nói hoặc viết lên thành chuyện nhằm vào việc triệt hạ đối phương làm cho họ bị tổn thương mà nội dung câu chuyện đó không thực tế, bịa đặt, vợ vẫn... Như vậy, có thể nói rằng nói vô ích do sân làm sở sanh.

Còn đối với việc sanh khởi của bất thiện nghiệp đạo mà không nêu si lên làm sở sanh để trình bày theo riêng biệt, bởi vì si là bất thiện biến hành trong các hành động bất thiện.

Do đó, cho dù bất cứ 1 loại bất thiện nghiệp nào sanh lên cũng đều có si làm cho thành tựu trong nghiệp đạo đó.

Phân tích bất thiện nghiệp đạo theo chi pháp ra thành 5 loại

Dhammato ceva koṭṭhāsa Ārammaṇā ca vedanā

Mūlato pañcākālehi Veditabbo vinicchayo.

"Nên hiểu việc phân tích thập bất thiện nghiệp đạo theo 5 loại: chi pháp, nhóm, cảnh, thọ, căn" như giải thích rộng sau đây:

1. *Dhamma*: Nói theo chi pháp thì 3 thân ác hạnh, 4 ngữ ác hạnh gom 7 pháp này lại chi pháp là sở hữu tư. 3 ý ác hạnh chi pháp là sở hữu câu sanh với sở hữu tư.

2. *Koṭṭhāsa*: Nói theo nhóm thì 3 thân ác hạnh, 4 ngữ ác hạnh và tà kiến cả 8 pháp này gọi là nghiệp đạo mà không gọi là căn. Còn tham ác và sân ác vừa là nghiệp đạo cũng vừa là căn.

3. *Ārammaṇa*: Nói theo cảnh thì sát sanh, tà dâm, tà kiến sanh lên do có pháp hành làm cảnh (1 số vị A xà lê cho rằng tà dâm sanh lên do chúng sanh chế định làm cảnh). Nói thô tục và sân ác sanh lên có chúng sanh chế định làm cảnh. 5 bất thiện nghiệp đạo còn lại như trộm cắp, nói dối, nói đâm thọc, nói vô ích, tham ác nhóm này sanh lên do có pháp hành và chúng sanh chế định làm cảnh.

4. *Vedanā*: Nói theo thọ thì sát sanh, nói thô tục, sân ác đều câu sanh với khổ thọ. Tà dâm, tham ác, tà kiến ác thì câu sanh với lạc thọ. 4 bất thiện nghiệp đạo còn lại như trộm cắp, nói dối, nói đâm thọc, nói vô ích nhóm này câu sanh với lạc thọ, khô thọ hay xả thọ cũng có.

5. *Mūla*: Nói theo căn thì sát sanh, nói thô tục có sân và si căn. Tà dâm, tà kiến có tham và si căn. Trộm cắp, nói dối, nói đâm thọc, nói vô ích đôi khi có tham và si căn, đôi khi có sân và si căn. Tham ác và sân ác thì duy nhất chỉ có si căn.

Việc trình bày phân tích theo căn như đã đề cập đây, là trình bày theo cách bao quát trong số giải *Aiḥasālini*.

Còn đối với việc trình bày căn của bất thiện nghiệp đạo trong Thắng Pháp Tập Yêu Luận rằng: "*Tesu pañātipāto pharusavācā byāpado ca dosamūlena jāyanti...*" là trình bày theo cách riêng biệt không phổ biến để không nhầm lẫn nhau.

Thích giải *Pāli* điều thứ 12 rằng: "*Cittuppādasena panetaṃ akusalaṃ sabbathāpi dvādasavidhaṃ hoti*". "Bất thiện nghiệp nói theo mãnh lực tâm sanh lên thì cho dù bằng cách nào đi nữa cũng chỉ có 12".

Thích giải: Trong điều *Pāli* này đã trình bày cho đến sự sanh lên liên quan đến thập bất thiện nghiệp đạo. Trong hành động ác hạnh sai biệt của tất cả mọi người nếu phân ra hành động của mỗi một người thì có 3 loại. Đôi khi hành động bằng thân gọi là hành động bất thiện làm cho người khác và tự mình nhận lấy khổ đốn. Đôi khi nói ra lời gọi là ngữ bất thiện làm cho người khác và mình bị tổn hại, ưu buồn. Đôi khi suy tính bằng tâm gọi là tư duy bất thiện làm cho tự mình tổn hại và nhiệt não.

Nếu phân tích theo loại của hành động đó nữa thì có 10 loại như: Hành động bất thiện có 3 loại, nói bất thiện có 4 loại, suy nghĩ bất thiện có 3 loại.

Còn nếu tính theo chi tiết thì có 30 hoặc 40 như đã trình bày ở phần đầu. Các nhóm này là trình bày số lượng ác hạnh theo ngôn từ hiện hữu trong thế gian. Nhưng các ác hạnh này nếu nói theo thực tánh chơn đế thì pháp làm nhân sanh khởi chỉ có 12 tâm mà thôi. Tức 8 tâm tham gọi là tâm tham căn; 2 tâm sân gọi là tâm sân căn; 2 tâm si gọi là tâm si căn gom lại thành 12 tâm bất thiện. Tâm bất thiện cấu sanh với 27 sở hữu là chi pháp các hành động bất thiện của tất cả chúng sanh, dù cho bất cứ loại bất thiện nào đi nữa cũng không vượt khỏi 12 tâm bất thiện như đã trình bày trên.

Kết thúc phần thích giải về bất thiện nghiệp.

(xem tiếp: [Phần 2](#))

-ooOoo-

[Đầu trang](#) | [01](#) | [02](#)

Chân thành cảm ơn đạo hữu Huyền Thanh đã gửi tặng bản vi tính (Bình Anson, 2008).

[[Trở về trang Thư Mục](#)]

last updated: 20-04-2009